

TRÁI TIM TRÊN NHỮNG CON ĐƯỜNG

- { Tập văn } -

Mai Thanh Nga



TRÁI TIM TRÊN NHỮNG CON ĐƯỜNG

Tác giả: **Mai Thanh Nga**

Nhà xuất bản: **Văn Học**

Ebook: **nguyenthanh-cuibap**

Thể loại: **Văn học, Tự truyện**

Nguồn text: **Waka**

Đi bằng đâu

Đời vẽ tôi tên mục đồng, rồi vẽ thêm con ngựa hồng

*Từ đó tôi nguyện suốt đời rong chơi.**

**Câu gốc: “Đời vẽ tôi tên mục đồng, rồi vẽ thêm con ngựa hồng. Từ đó lên đường phiêu linh” trong bài “Chỉ có ta trong cuộc đời” của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.*

Bạn nói ôi trời, hát sai lời rồi kìa, tôi nói tôi có hát nhạc Trịnh đâu, tôi đang nói về kim chỉ nam cuộc sống của mình lúc này. Tôi không biết liệu cách sống ấy sẽ còn đúng tới bao giờ, khi tôi qua tuổi 20? Khi tôi đầu bốn? Khi tôi tóc bạc, chầu quẩn chân? Hay khi tôi không còn tự ngời dậy mỗi sáng được nữa? Tôi nghĩ nó sẽ thực sự chấm dứt khi tôi đủ lười, đủ lười để trái tim hết cảm giác với những bước chân. Khi căn bệnh nan y và đáng sợ ấy tới, tôi sẽ bước đi chỉ là bước, không nghĩ suy, không hoài bão, không tò mò, không xao động, và không trăn trở trong những giấc ngủ đêm.

Dĩ nhiên tôi vẫn sống tốt khi không di chuyển, chỉ là cuộc sống sẽ hơi thiếu thiếu, thiếu một cái gì đó như là chính bản thân mình. Giờ thì tôi vẫn thích đi, thích điên lên được, bởi đi làm tôi hết đau lưng. Cái ghế đang làm tôi biến dạng cột sống, lại còn cài thêm mấy cái gai tinh tụy vào, dĩ nhiên giết dần cơ thể và tâm hồn. Thật đấy!

Người ta bảo “Con người hình thành khi khi đi hai chân”, đạo diễn Lê Hoàng phản pháo theo đúng kiểu đánh đá của ông: “Con người hình thành khi họ bắt đầu di chuyển”. Di chuyển ở đây chắc không chỉ

nói về tình trạng địa lý mà còn trong tư duy. Nếu ta đi, không nghĩ suy, chỉ rong chơi, đơn giản đó là kẻ hành khất, giống người Gipsy một đời không nơi nương náu. Nếu ta đi, mang theo suy nghĩ khám phá vùng đất mới, say mê phiêu lưu thì sẽ thành như Cristoforo Colombo tìm thấy châu Mỹ hay James Cook cập bến châu Úc. Nếu ta đi, lòng chất đầy ham muốn chiếm đoạt thì sẽ thành thực dân Anh, Pháp, Bồ. Còn nếu ta đi, vì không có nơi nào để sống, khát khao tìm vùng đất của mình, xã hội của mình, thì sẽ thành những người Do Thái khôn ngoan. Thực chất, khi họ đến với châu Âu, ngày đó người ta coi giao thương là nhơ nhớp, dân Do Thái làm việc đó và thành công xuất sắc, có tiền nhưng không địa vị. “Tiền nước Mỹ nằm trong túi người Do Thái”. Họ là những người sáng lập nên mô hình ngân hàng, mà sau này cả thế giới phải đi theo. Vậy mới là đi, thực sự là đi bằng chân và bằng đầu.

Chủ nghĩa xê dịch đang “làm loạn” thế giới này, trong cộng đồng những người trẻ có nhiệt huyết, đam mê, và hơn cả là dũng cảm. Cuộc sống của con người có sinh, lão, bệnh, tử, trong đó quá trình “lão” kéo dài nhất: trẻ nhỏ, niên thiếu, trưởng thành, người già. Nhưng ở thế kỷ XXI, có thêm giai đoạn nữa gọi là hậu niên thiếu, tiền trưởng thành - quá độ Peter Pan*. Về cơ bản, giai đoạn này nằm trong quá trình “lão” bất di bất dịch, nhưng già thể xác mà trẻ tâm hồn. Bạn có thể gặp họ ở hình thái ông cụ Benjamin Button* tập nhảy, chơi đu quay, khóc oe oe gọi mẹ. Tôi nằm trong thế hệ này, thích rong chơi, vô lo vô nghĩ, không gò bó bản thân trong gia đình, nhà cửa, xe cộ, coi mình là trẻ con. Mà thế hệ này ngày càng nhiều người sống với khẩu hiệu “Forever Young”. Thật sự không biết đó là tốt hay xấu nữa? Sống theo bản năng, tự do với xã hội, bứt mình ra mọi khuôn khổ, nâng cao nhân quyền, sống thế thật tuyệt, nhưng có phần ích kỉ với gia đình. Hòa hợp giữa sống vì mình và vì gia đình khó như xã hội hiện đại cố gắng giữ bản sắc truyền thống.

* *Peter Pan* - nhân vật hư cấu của nhà văn J.M.Barrie - mang hình hài của một thiếu niên 15-16 tuổi biết bay, luôn muốn vui chơi và hưởng thụ cuộc sống, luôn chối bỏ “sự trưởng thành”.

* Nhân vật trong phim “*Dị nhân Benjamin Button*” (tên gốc “*The Curious Case of Benjamin Button*”) - một cậu bé có chu trình sinh học ngược với bình thường, sinh ra đã già, dần dần trẻ ra. Phim do David Fincher đạo diễn, dựa trên một truyện ngắn cùng tên của nhà văn Mỹ F. Scott Fitzgerald xuất bản năm 1992.

Dù thế nào tôi và vô số người vẫn đang xê dịch, đi chỉ vì muốn đi, hoặc đi vì chán ngồi một chỗ. Đi thì cứ đi, làm thì cứ làm, vui cứ vui, miễn sao thoải mái, chỉ đừng hô khẩu hiệu: “Người ta chỉ sống khi xê dịch”. Ông bà tôi, bố mẹ tôi nghìn đời vẫn sống, sống đẹp là đẳng khác. Nhiều người lại thích câu “Đừng nói với tôi bạn giỏi thế nào, hãy nói với tôi bạn đi những đâu”. Thomas Edison cả ngày chỉ ngồi trong phòng và ông ấy mang văn minh cho toàn nhân loại. Ông Mạc Ngôn chỉ ngồi yên ở huyện Cao Mật để vẽ lên toàn bộ hiện thực Trung Quốc, giật về giải Nobel. Ngày xưa có bài báo nói vui rằng nếu nhà văn Tô Hoài lên Tây Bắc trước khi viết truyện thì “Truyện Tây Bắc” đã không hay như thế.

Mỗi người một cách sống, hãy để mình tự do trong suy nghĩ về người khác. Chúng ta về cơ bản chỉ khác nhau ở đam mê. Chỉ hy vọng rằng mỗi vùng đất mình tới, mỗi trải nghiệm mình có, mỗi bước chân mình đi sẽ làm con người lớn lên. Người ta khổng lồ trong tư duy, còn tư duy khổng lồ lại nằm trong hình hài đơn giản. Đi cho sự ngu xuẩn giảm bớt, can đảm tăng lên, trí tuệ rèn giũa để đương đầu với một cuộc sống ổn định trong xã hội bất ổn phía trước.

Tôi đi không hẳn đã nhiều, chỉ đủ để viết cho mình một cuốn cẩm nang nho nhỏ, có những bức ảnh, những tranh vẽ về ngày tháng tuổi trẻ ít biếng lười. Thông thường những chuyến đi sẽ bắt đầu từ các

thành phố lớn: Paris, London, Prague, Venice... lâu dần con đường hẹp về những thành phố nhỏ hơn như Torino, Strasbourg, Heidenberg... rồi lại dẫn tới những thành phố kém tiếng hơn như Echallens, Founteinbleau, Biella... cứ thế đi về phía những cánh rừng, những bãi biển, những ngọn núi, về với thiên nhiên.

Thành thị đôi khi làm người ta ngột ngạt dù ở châu Âu, cuộc sống rất thanh thoi, có sự thanh bình, chậm rãi ngay cả ở những thành phố lớn. Nếu không phải chen lấn nhiều tại tàu điện ngầm thì người ta sẽ thấy cuộc sống ở nơi hỗn độn như Paris cũng còn yên lành lắm. Thế nhưng sau tất cả, thiên nhiên vẫn nhiều sức vẫy gọi nhất, về với những cánh đồng, những con đường, những ngôi làng, hoặc những thành phố nhỏ bé. Có rất nhiều vẻ đẹp tiềm tàng ở đó, không chỉ trong cảnh sắc dân dã mà còn trong bầu không khí thật tươi mới, trong những con người hiền lành - những con người thật sự Pháp, Ý hay Đức.

Tôi sẽ kể một chút về những hành trình ấy - những hành trình sẽ đưa bạn đi giữa bát ngát hoa cỏ, núi rừng, mặt trời, chạy theo những vòng quay, những nỗi nhớ, biển, những câu chuyện không thể lãng quên, và tình yêu chưa bao giờ lụi tàn trên con đường tít tắp.

CHUYỆN CỦA CON ĐƯỜNG

“**C**huyện của con đường” là những dòng ghi vội trên những con đường dọc ngang tôi đã qua. Các chuyến đi thường là dài ngày, qua những núi đồi, đồng quê, tận hưởng cuộc sống ở những ngôi làng nhỏ. Đôi khi tôi đi ô tô, đôi khi đi bộ, hoặc đạp xe dài ngày.

Đi ô tô hay đi tàu thì giống như bạn xem phim qua màn ảnh rộng, còn đạp xe hay đi bộ là bạn tham gia vào nó, đắm chìm và tận hưởng.

Bắt đầu từ Echallens

Xưa nay tôi rất lười thể dục và đạp xe. Tính tới thời điểm năm 2009.

Từ hồi đại học, bắt đầu gắn liền với con xe máy Mio, tôi gần như bỏ xó chiếc xe đạp cào cào. Sang Tây thì khá hơn chút vì ở đây có những nơi nhỏ xíu như Louvain la neuve, nơi không một phương tiện giao thông công cộng nào được lưu thông trong thành phố thì bắt buộc bạn phải đi bộ. Tôi đi bộ ròng rã một năm thì được nhảy lên bus ở Torino, rồi lên tàu điện ngầm ở Paris. Sự lười nhác âm thầm trở lại. Ngoại trừ những lúc đi du lịch ở các thành phố khác tôi mới đi bộ, chứ ở nơi tôi sống thì việc đó thật hiếm khi xảy ra. Sự kiện đầu tiên đánh dấu việc tôi biết đi trở lại, còn biết đạp xe nữa là khi qua Thụy Sĩ. Tôi có hẹn với vài người bạn cũ.

Mùa xuân Thụy Sĩ rất đẹp. Có lẽ các mùa khác cũng đẹp không kém, bởi ở đất nước này, thiên nhiên chiếm diện tích chủ đạo. Năng vàng, nhiệt độ không khí hơi lành lạnh, hoa nở, cỏ xanh, những ngọn núi phủ tuyết trắng giống như trong truyện, và đường tàu chạy thoăn thoắt qua con sông mượt mà. Như mọi người, mọi hành trình, tôi lập cho mình điểm đến ở những thành phố lớn: Lausanne với hồ Léman mênh mông, Bern của Albert Einstein với ngôi nhà nhỏ đang hư do nước tràn và Lucern với con sư tử khóc buồn Thế chiến, nơi cứ mười hai giờ trưa tiếng chuông đồng hồ lại vang đều từ mọi góc ngách. Chỉ có Echallens là tôi không lên kế hoạch từ trước. Đó là một sự tình cờ dễ chịu.

Tôi gặp lại Đạt và Thu sau vài năm gì đó, tính từ hồi cả lũ háo hức nhận tin được học bổng châu Âu. Ba đứa hơn hở với những dự định sẽ

đi chơi chỗ này chỗ kia cùng nhau thì đột nhiên Đạt bận việc, thêm cả chuyện Đạt vừa khâu mấy mũi ở mắt do đâm nhầm cửa kính. Tôi, Thu và cậu bạn Taka đành phải đi chơi mà không có chủ nhà. Tôi cũng chẳng nhớ nổi vì sao tự nhiên lại chán ghét thành phố, muốn đi tìm một cánh đồng hoa cải vàng, muốn tìm một nông trại thật Thụy Sĩ để ngắm thỏa thích bò sữa, và đạp xe. Echallens đến với tất cả sự ngẫu nhiên đó.

Echallens là thị trấn nhỏ xíu gần như không có gì. Ngay cả Đạt sống ở Laussane hơn một năm cũng chưa từng nghe nói đến. Nhưng sau một một hồi tìm kiếm các nông trại trên mạng thì tôi khám phá ra đây là nơi cho mượn xe đạp miễn phí ở nhà ga. Chỉ cần mang theo hộ chiếu và 20 euros* để đặt cọc là có thể đạp xe cả ngày (thật hiếm có nơi nào tốt bụng như thế). Vậy là ba đứa hớn hờ lên đường, bắt chuyến tàu vùng con con, rất ít toa, nhưng sạch đẹp, hiện đại, tên La ligne verte với giá vé khứ hồi 10 euros từ ga Laussane Flon. Loại tàu này được gọi là con tàu màu xanh và cũng được sơn xanh luôn vì dùng để đi khám phá thiên nhiên vùng Vaudoise. Tàu đi 30 phút thì tới Echallens, kèm theo bao ngấn ngờ vì bạt ngàn hoa cải dọc hai bên đường tàu. Đường tàu sớm mùa xuân ấy sao mà đẹp, sao mà dễ chịu đến thế! Hoa cải vàng ươm làm sáng cả bầu trời hơi xám, nhiều mây, nửa lạnh nửa ấm tháng Năm.

* 1 euro \approx 25.000VNĐ.

Sau khi lao ra khỏi tàu là ba người chúng tôi lập tức đi mượn xe, háo hức đạp từ trung tâm ra các cánh đồng hoa cải và lúa mì. Hơn nữa, chúng tôi có thêm ước mơ nhỏ nhoi được vào thăm các nông trang trồng táo và sản xuất sữa để chụp ảnh cùng đàn bò. Đi kiểu picnic luôn tạo những hứng khởi kỳ lạ, thậm chí đạp xe lên dốc còn không cảm thấy mỏi chân. Thật tiếc, nếu như đến đây vào tầm tháng Bảy, sẽ có các lễ hội và có tour du lịch Chemin de blé cho mọi người đạp xe đi

đọc các vùng trồng lúa và sản xuất bánh mì. Lúc lúa mì chín, cả cánh đồng sẽ nhuộm mùa vàng sẫm hơi nâu, xen lẫn màu đỏ mong manh của hoa Coquelicot* . Loại hoa có họ hàng với hoa thuốc phiện này vẫn được mọi người thích gọi là Kenzo, vì nó được xem là biểu tượng của loại nước hoa này. Nông trại mở cửa vào tháng Tám, khách tới có thể thưởng thức các đặc sản gia đình như: phô mai, sữa, rau củ, hoa quả tươi rói với giá cả phải chăng. Còn tháng Năm này, lúa mì còn xanh, hoa cải chưa làm đầu, đan xen vào nhau tạo nên những thảm màu rực rỡ.

** Còn gọi là hoa Poppy, một loại hoa thuộc họ anh túc nhưng không có chất gây nghiện.*

Sau này khi thấy những cánh đồng hoa cải trên đường từ Rennes về Paris tôi vẫn nao lòng, nhớ Echallens hôm ấy. Hoa cải sáng rực lên, như một vùng ánh sáng hắt ngược lên trời vậy. Hoa cải cao hơn mét, gần bằng đầu người, chen vào giữa đám hoa cải thấy gương mặt mình cũng bừng sáng, tươi vui. Màu vàng ấm áp dễ làm người ta lãng quên tình cảnh mũi đang chảy nước ròng ròng hay bụng ọc ạch kêu đói. Màu hoa cải vàng, xen lẫn đám cỏ xanh ngắt, những bãi đất nâu âm ẩm màu mỡ tạo nên một bức tranh hài hòa của cuộc sống mùa xuân sống động.

Có một sự trù phú đang sinh sôi từ đó, hoặc từ những gốc táo hơi cần. Thân cây nâu, có chút lấm lem thời gian, có chút xác xơ cằn nhừng lá vẫn non mơn mớn, còn hoa thì trắng xóa trời. Hoa táo, hoa mơ, hoa mạn đẹp hiền lành, dịu dàng, không phô trương, nhưng tràn trề sức sống. Lũ bò khoang trắng khoang đen gặm cỏ, đeo lục lạc to đùng, thản nhiên để ruồi bu quanh. Tôi trèo rào vào một nông trại, ông già mặc quần yếm vui vẻ bảo: “Cứ vào mà ngắm lũ bò, nhưng chúng hôi lắm đấy!”. Cái nháy mắt của ông làm tôi cảnh giác với đồng phân bò đang nằm im lìm giữa lớp cỏ dày kia. Bà vợ của ông mặc một chiếc

tạp dề cũ chạy ra ngõ, hỏi vài chuyện về Việt Nam, rồi kể chuyện lũ bò, chuyện mùa lúa chín và hoa Coquelicot. Đôi vợ chồng già ấy cứ đứng cười, thấy ngạc nhiên với đám thanh niên lần đầu thấy đàn bò sữa và vườn táo. Chắc họ sẽ còn cười nhiều hơn khi biết giấc mơ bé nhỏ của chúng tôi lúc đó cũng chỉ xoay quanh vườn táo và những con bò.

Mọi người hay kể người Thụy Sĩ tính cách cũng “cứng” như đồng hồ vậy. Nhưng người dân ở vùng quê thì đáng yêu hết biết, giống dân cư ở Echallens. Không chỉ đôi vợ chồng già ở nông trại ấy, còn một ông già khác khi thấy tôi loay hoay tìm cách vào cánh đồng hoa cải thì lao ngay từ tầng hai xuống, mở cửa cho cả lũ đi ngang qua vườn. Lúc khác, tôi đang ngắm nghía cây hoa đào trước cửa một ngôi nhà, một quý bà chạy ra:

“Mày làm gì trong đất nhà tao?”.

“Dạ cháu chụp ảnh ạ”.

“Ờ thế thì được”, bà già cúi bản đi vào nhà. Năm phút sau lại chạy ra:

“Mày người Nhật à?”.

“Dạ cháu là người Việt Nam, có cậu bạn đây người Nhật”, nói đoạn tôi chỉ sang Taka. Bà già có vẻ hài lòng, chạy vào nhà tiếp. Năm phút sau lại chạy ra, mang theo chiếc Ipad: *“Ra đây tao cho coi”*. 30 phút tiếp theo bà dành cho việc chỉ cho chúng tôi xem 1.200 tấm ảnh đã chụp ở Nhật, này thì cháu gái, cháu trai, bố mẹ vợ của cháu trai, này thì chị gái, à kia là chồng. Này thì bà mặc kimono, rồi bà đang ăn sushi nhé, Tokyo này, Kyoto nữa. Tôi chẹp miệng: *“Cháu chưa đi Nhật mà bà”*, bà vẫn thao thao bất tuyệt. Kết thúc màn giới thiệu, bà bảo: *“Chắc mày nhìn thấy cây đào thì nhớ nhà hả, thôi đi chụp ảnh*

đi”. Tôi chút nữa hét lên: “*Cháu là người Việt Nam mà*”, nhưng vẫn ngoan ngoãn nghe lời bà đi chụp hoa. Bà già đến là dễ thương.

Echallens, ngôi làng dân dã ấy, từ con người đến hoa cỏ đều thật hiền hậu, đáng yêu. Chính nó đã làm tôi thay đổi quan niệm du lịch của mình, sau ba năm chỉ quanh quẩn ở những thành phố lớn. Sự dễ chịu của đồng quê đưa tôi về những con đường đất nhỏ, tôi đi bộ hoặc đạp xe hòa vào trong sự ngọt ngào, thơm mát của thiên nhiên và cuộc sống bình dị.

Cuộc sống này đẹp đẽ lắm, yêu sao cho hết!

Hai giờ từ Paris

Tôi sống ở Paris đã ba năm. Có là kỳ quặc không khi tôi nói: Đến Paris đừng dừng lại ở Paris.

Paris dưới sự sắp xếp thần kỳ của Haussman* luôn là điểm đến hút khách nhất thế giới. Hằng năm bao nhiêu con người đã mơ ước được một lần được tới nơi lãng mạn này, kể cả dân Mỹ. Alex - cậu bạn người, Mexico của tôi còn nói: “Mày biết không? Tao vẫn không tin là tao có đứa bạn đang sống ở Paris”. Với nhiều người, Paris có vẻ là giấc mơ xa vời, kỳ diệu lắm. Đương nhiên điều đó không vô lý tí nào, bởi Paris quá đẹp với sông Seine, bảy cây cầu bắc trong thành phố, dòng nước ôm trọn Notre Dame kiêu kỳ trên đảo. Chỉ cần đi dọc sông Seine là có thể qua Louvre, khu Marais, khu Latin, và chòm tháp Eiffel từ xa nữa. Thích lãng mạn thì chiều lên đồi Montmatre nghe nhạc, vậy là đủ.

** Georges Eugène Haussmann (1809-1891), hay còn gọi Nam tước Haussmann, là tỉnh trưởng tỉnh Seine - tỉnh cũ bao gồm cả thành phố Paris - từ 23 tháng 6 năm 1853 đến 5 tháng 1 năm 1870. Trên cương vị này, Haussmann đã chỉ huy việc cải tạo lại Paris dưới thời Đế chế, biến một thành phố Trung cổ thành một thành phố hiện đại. Bộ mặt Paris ngày nay phụ thuộc rất nhiều vào những quy hoạch của Haussmann.*

Thế nhưng nhiều người lại ghét sự xô bồ của thành phố ít dân của nước Pháp này. Thành phố ấy nhiều trò lừa đảo, móc túi, cướp giật, nhiều dân da đen hay Ả Rập láng vàng ở góc phố. Thành phố ấy có quá nhiều quá khứ và hiện tại. Mấy hôm nay cả Paris xôn xao, mức ô

nhiệm của thành phố đã đạt tới đỉnh điểm. Mọi phương tiện giao thông công cộng đều miễn phí, kể cả xe đạp thuê velib và ô tô điện thuê autolib*. Chính phủ khuyến khích người dân hạn chế loại xe bốn bánh thở phì phì, thay vào đó hãy chui vào tàu điện ngầm, RER* hoặc xe bus. Tàu điện ngầm sẽ nhiều hơn bình thường, đủ để tải cả thành phố đông dân nhất châu Âu. Người dân, lẫn khách du lịch, họ cần phải thở, phải thoát ra khỏi cái bí bách của xe cộ, hàng hiệu, tiệm ăn xa xỉ, và đồ lưu niệm. Tôi cũng thế, mỗi lần chen lấn trong tàu, ngửi thấy mùi mồ hôi bốc lên nồng nặc là lại ngán ngẫm. “Cần phải rời khỏi đây”, chỉ cần lên tàu, đi một giờ hoặc hai giờ từ Paris, cuộc sống sẽ khác rất nhiều, sẽ đẹp, sẽ vui, sẽ dễ thở.

** Velib là dịch vụ thuê xe đạp công cộng của Paris, bạn chỉ mất 1,6 euros cho một lần thuê xe 30 phút. Autolib là dịch vụ thuê xe ô tô điện của Paris, bạn chỉ mất 9 euros cho một lần thuê xe 30 phút. Trạm velib và trạm autolib có thể tìm thấy ở nhiều nơi trong thành phố.*

** RER (viết tắt của Réseau express régional) là hệ thống giao thông công cộng đường sắt nối Paris với vùng ngoại ô.*

Tất nhiên, Paris cũng như mọi đô thị khác, đó là một thực thể sống, có những mạch máu quốc lộ dọc ngang, có những lá phổi thở phập phồng, cũng ngốn hàng loạt các phương tiện giao thông, đôi khi lại mở rộng, đôi khi thu hẹp như lòng người. Ở Paris, mật độ cây xanh trên đầu người chỉ khoảng 5.8m²/người, quá xa với tiêu chuẩn, thậm chí người ta bắt đầu phải trồng cây trên mái nhà, hoặc ộp lên tường như ở bảo tàng Musee du Quai Brandly. Nếu tính cả Bois de Vincennes hay Bois de Boulogne vào thì tỉ lệ đó tăng lên khoảng 14m²/người, chưa bằng một nửa ở Amsterdam, hay chỉ bằng 1/20 ở Rome. Cuối tuần người ta thường thích lang thang tới các khu rừng này để đạp xe, đi dạo, dựng lều hoặc chèo thuyền dưới nắng hơi lạnh mùa xuân. Mỗi độ tháng Tư về, hoa anh đào che rợp cả khung trời xanh ít mây. Hoa đào

nhạt, hoa lê trắng, hoa cherry sáng bừng mọi góc phố con đường. Trong Parc de Sceaux, người ta ồn ào picnic trên những bãi cỏ phơn phớt hồng.

Cũng vào tháng Tư, trời đã ấm và nắng nhiều, người ta bắt đầu đạp xe trên những con đường quê giữa hai bên đồng cỏ. Họ tìm nhau ở những nơi gần Orsay, Plaisir Grignon hay trên đường tới ngôi làng của Claude Debussy của Clair de la lune. Hoa cải vàng rực ở khắp nơi, như hàng rào bao quanh thành phố, thấp sáng những ngày trời nhiều mây.

Còn tháng Năm, Paris có gì? Tháng Năm là mùa của hoa hồng, như ở L'hay des roses rực sắc 400 loại hồng khác nhau. Hoa hồng mọc khắp lối đi, trong những mảnh đất nhỏ, mọc dọc những cửa vòm, rú gai kiêu hãnh và hương thơm khắp khu vườn. Mùi thơm ấy vừa quyến rũ vừa ám ảnh. Những bông hồng nhiều lớp cánh, mong manh, to như cái bát, đa sắc, làm người ta tiếc thương cho một cuộc đời đẹp. Có câu thơ về một người con gái yếu mệnh, đáng lẽ là “Nàng đẹp như loài hoa hồng” thì bị viết nhầm thành “Nàng sống cuộc đời của loài hoa hồng” đã làm cho bài thơ ấy nổi tiếng hơn. Có lẽ cái đẹp làm người ta buồn chỉ có thể là hoa hồng.

Cứ thế, thật giản đơn, chỉ chục phút đi tàu hoặc đạp xe trong Ile de France, người Paris đã tìm thấy một cuộc sống hoàn toàn khác. Thêm vài chục phút nữa để tới những làng nhỏ như Melun. Nếu tàn tích của lâu đài cổ, nhà thờ, hay những con đường dốc nhỏ, đá lát bé, xoáy vòng không làm người ta đủ thích thú thì sông Seine với những thảm cỏ xanh cũng đủ cho một cuộc dạo chơi hay giấc ngủ hè. Sông ở đây rộng, đầy ăm ắp, ôm cái xanh của nước và trời. Melun mang cảm giác như một Paris thu nhỏ, có sông Seine, có cầu bán sách cũ, cũng có cái đảo giữa sông với nhà thờ Gothic lừng lững. Tôi thích Melun chỉ vì có ông già bán mật ong khi thấy tôi loay hoay chụp ảnh chợ trời, đã gọi

lại, cho tôi một cái kẹo mút vị mật ong pha caramel với hình dáng như quả vả. Nếu dừng lại Melun, bắt một chuyến bus ngắn chừng 7km, Château Vaux le Vicomte - kể truyền cảm hứng cho Versailles đang đứng đợi tôi.

Château Vaux le Vicomte vốn là lâu đài của Nicolas Fouquet - bộ trưởng tài chính của vua Louis XIV. Thời đó Nicolas Fouquet bằng sự giàu có của mình đã mua nhiều ngôi làng, xây dựng nên tòa lâu đài Baroque tráng lệ - Vaux le Vicomte với phong cách xa hoa và tổ chức những bữa tiệc hoàng gia đầy quyền lực. Thật buồn khi chính những bữa tiệc ấy đã hãm hại ông, đơn giản vì người ta quá đố kỵ với những gì Nicolas Fouquet đang bày ra trước mắt. Voltaire từng nói về bữa tiệc cuối cùng của Fouquet: *“Vào ngày 17/8, lúc sáu giờ tối Fouquet là vua của nước Pháp, lúc hai giờ sáng ông chẳng còn lại ai cả”*. Khi Fouquet bị bắt, vua Louis XIV đã mang kiến trúc sư, những người thợ, cùng sự rục rờ của Vaux le Vicomte tới nơi khác. Ở đó sau này hiện diện một thứ giống thế, nhưng to hơn, đẹp hơn, chói lòa hơn, đó là lâu đài Versailles. Giờ đây hào quang dành hết cho Versailles, còn kẻ được ví như người mở đầu kiến trúc phong cách Louis XIV lại trở nên tiêu điều, ảm đạm.

Tòa lâu đài tư nhân này nằm im ắng, sâu trong khu rừng nhỏ. Chúng tôi đạp xe tới đó phải len qua những cánh đồng hoa cải, những con đường nhỏ trải dài hai hàng cây xanh mướt, cả những chú hươu ngơ ngác chạy trên thảm hoa của rừng Sénart. Con đường tới Vaux le Vicomte tuyệt đẹp trong ngày xuân ấy. Người ta nói thật đấy: hạnh phúc nằm trên hành trình. Nếu như tới Vaux le Vicomte bằng xe bus có lẽ tôi sẽ thất vọng lắm, bởi đúng là lâu đài này có quá khứ, có câu chuyện, nhưng không còn vẻ quyến rũ ngày nào. Cái đẹp trải dài trên những con đường quê, những cuộc chạy xe xuyên rừng, hay những gốc cây phẳng tấm mình dưới nắng. Tôi đã đạp 50km mà không thấy

mệt mỏi, thậm chí quãng được hết cả những lo lắng, bức bối trên đường quốc lộ.

Giá như chỗ nào cũng gần gần hoặc tôi có sức mạnh dũng mãnh từ doping như Lance Armstrong, thì chỉ việc chạy xe dọc theo tuyến tàu khởi hành từ Paris gare de Lyon, chỉ thêm một quãng đường hơi dài nữa là tới Provins - ngôi làng trung cổ lâu đời nhất ở Pháp.

Nếu như Melun hiền hòa, thân thiện, không có khách du lịch thì Provins lại đông đúc nhộn nhịp với sự hiện diện của những người không sống nơi đây. Provins vẫn còn nguyên thành cổ đá, vẫn còn lâu đài với những chóp nhọn cao mà có thể nhìn thấy từ xa. Bất kỳ cuối tuần nào, thành cổ được UNESCO xếp hạng này cũng có những show diễn đánh kiếm hay điều khiển chim ưng, còn riêng ngày hội tháng Năm thì cả thành phố đi ngược thời gian, trở lại thế kỷ XIV. Ai tới đây cũng ăn mặc như thời kỳ Trung cổ: những phù thủy mũi khoằm, những cô gái cổ áo trễ nải, áo chên bó chặt eo, những chàng trai quần rộng, bó túm cổ chân, và những cô bé cậu bé dễ thương mặc đồ bằng vải nâu mềm mại. Họ cùng nhau ca hát, uống bia rượu, ăn uống tại những quầy quay heo giữa trời.

Những đám rước lớn kéo dài cả ngày, đi khắp thành phố. Và dĩ nhiên không thể thiếu những cô gái đánh đàn, đánh trống, thổi kèn trong trang phục như Esmeralda, những chàng trai phun lửa trên cây đuốc đầy mùi dầu hỏa, những ông già đội mũ quái vật đáng sợ, khiến trẻ con khóc ré lên. Những cái lều được dựng bên ngoài thành, người ta dựng vạc nấu món súp hồ lốn, dựng những bia cói bản tên, hay những cái đe đỏ rực rèn vũ khí. Không khí phiên chợ Trung cổ khiến bất cứ ai đã từng dán mắt vào Harry Potter hay mê những bộ phim như Goya's Ghost phải trầm trồ thích thú.

Provins những ngày tháng Năm còn ngập tràn hoa hồng trong những khu vườn, hoa cải ngoài thành, và những loài hoa dại trên bãi

cỏ.

Nếu không thích chỗ đông người như Provins, thì bạn có thể bắt tàu C hướng Pontoise rồi chuyển loại tàu vùng tới Auvers sur Oise là có thể thăm ngôi làng của Van Gogh. Ngôi làng này là bảo tàng sống của trường phái hội họa Ấn tượng (Impressionism) khi những họa sĩ như Daubigny, Cézanne hay Van Gogh đều gắn kết cuộc đời mình ở nơi đây. Ở đây có ngôi nhà mà Van Gogh đã sống 77 ngày cuối đời, kết thân với bác sĩ Gachet, làm bạn với các họa sĩ trường phái Ấn tượng khác. Thời gian đó mỗi ngày Van Gogh vẽ một bức tranh, từ sáng sớm tới tối muộn, chỉ để vẽ được muôn màu của ánh sáng mặt trời. Bức tranh cánh đồng lúa mì với đàn quạ buồn xơ xác trên bầu trời, bức bác sĩ Gachet hay ngôi nhà thờ Auvers sur Oise nổi tiếng đều được vẽ ở đây. Những bức tranh và sự sáng tạo không ngừng nghỉ đã giúp Van Gogh thoát khỏi nỗi đau thể xác và tâm hồn. Tranh Van Gogh được dựng khắp ngôi làng, để người xem có thể so sánh giữa tranh và cảnh sắc thực tế. Ngôi nhà giản đơn, một giường một ghế ấy đã chứng kiến vụ tự tử không chống lại ai của Van Gogh. Ông ra đi trong thanh thản khi nhiệm vụ vẽ mặt trời đã hoàn thành và còn hạnh phúc hơn khi nằm cạnh em trai Theodore, ở nghĩa trang ngay bên ngoài Auver sur Oise.

Cuộc đời bi thảm, nghèo khó của Van Gogh thật sự đối lập với những gì người ta thấy ở căn nhà của Monet tại Giverny. Cũng chỉ gần hai tiếng đi tàu từ Paris, Giverny thực sự là nàng thơ đẹp, vì ngôi làng xinh xắn nhiều hoa ấy ôm đồm cả một cơ ngơi, một khu vườn đầy diên vĩ xanh, một ao hoa súng, một cây cầu xinh xinh. Ngôi vườn trong nhà của Monet quả thực đẹp như một giấc mơ, giống hệt như những gì ông vẽ trong Les iris hay Le jardin. Còn ao hoa súng, cầu cong, những hàng liễu rủ thì đã quá nổi tiếng trong loạt tranh Nymphéas, tạo nét nhấn, để người ta phải nhớ tới ông nhiều như thế, nhớ tới Giverny nhiều như thế. Monet là của Giverny và Giverny là của Monet.

Chạy qua Giverny chút nữa có thể tới lâu đài La Roche Guyon. Lâu đài với khuôn viên cắt tỉa này có thể gọi là đẹp nếu như bạn chưa nhìn thấy Château Chantilly.

Có vài người rủ tôi đạp xe tới Chantilly. Tôi biết họ chẳng rủ tôi tới đó chỉ để ăn kem, dù kem Chantilly nhẹ xốp, mềm mượt, ăn béo ngậy là phần không thể thiếu của người Pháp khi ăn với dâu Tây hoặc cho lên kèm kem lạnh. Kem Chantilly dĩ nhiên là từ Chantilly, giống như mù tạt Dijon hay vang Bordeaux là những đặc sản biến tên thành phố thành tên riêng của món ăn. Tuy nhiên Chantilly có nhiều hơn thế, ở đó có trường đua ngựa lớn, có bảo tàng ngựa sống và lâu đài tuyệt đẹp Chantilly. Lâu đài với những tháp nhọn, được hào nước bao quanh, soi bóng lung linh trên mặt nước đây, luôn là niềm kiêu hãnh của bao đời quý tộc nơi đây. Dù không dát vàng hay bạc, chỉ thuần túy xây bằng đá, với phần mái lợp ngói xanh, nhưng hiếm có lâu đài nào đẹp kiên cố, rực rỡ, kiêu kỳ như thế, kể cả Versailles hay Vaux le Vicomte.

Lâu đài Fontainebleau lại càng không bằng, dù mang phong cách Phục hưng, cổ điển được xây dựng từ thế kỷ XII tới thế kỷ XIX, là nơi ăn chơi mùa hè của các đời vua từ Francois I tới Napoléon III. Đây là nơi các ông vua, bà hoàng tới để săn bắt, rồi gọi bạn bè tới tụ tập, ăn chơi, nhảy múa cho họ thử cuộc sống hoàng gia. Bây giờ vua chúa không còn, nên khi tới lâu đài Fontainebleau, người ta cũng thích nán lại khu rừng ở đó hơn.

Một ngày tháng Tám nóng nực, chúng tôi gồm hơn chục người, đi tìm sự mát mẻ trong rừng. Khu rừng này rất đặc biệt, không chỉ có những cây cổ thụ cao rợp bóng, không chỉ đầy những quả mâm xôi dọc lối đi, mà còn có một khoảng đầy dương xỉ, mập mập, cao quá đầu người, như thời Đại cổ sinh. Nó có gì đó giống như rừng nhiệt đới, hoặc đâu đó giống như trong tranh của Rousseau, chỉ không có hổ báo, hay người đi săn. Rừng dương xỉ này thường bao quanh những bãi đá

lớn, cao đủ để leo trèo, to đủ để nhiều người mệt ngồi nghỉ, chứa đầy hoa bụi màu tím như hoa khô. Đi bộ 10km đường rừng là tới ngôi làng Barbizon xinh xắn. Làng nhỏ, ít người, cây và hoa mọc leo ngoài tường rào. Ngôi làng còn có những tác phẩm tranh mosaic* màu sắc thật đẹp. Sau một ngày nóng nực, ngồi uống bia tại Barbizon khi bóng chiều chập choạng, tôi bắt đầu nghĩ ngợi về cuộc sống định cư.

Người ta đi hoang nhiều rồi sẽ muốn ngồi lại, dừng chân, xây cất một cái chòi, dựng lên cái bếp, bắc cái nồi, và làng mạc ra đời. Người châu Phi mất mấy chục nghìn năm đi khỏi lãnh thổ để đưa giống nòi tới phần lục địa Âu Á, còn giờ đây chúng ta chỉ mất vài chục giờ bay. Bởi họ vừa đi, vừa ở, rồi lại đi, lại ở bao nhiêu đời. Tôi cũng vừa đi, vừa ở, rồi lại đi như họ. Tôi sống ở Paris, nghĩ về Hà Nội, đi khỏi Paris, nghĩ về nó. Nhiều lúc chỉ thấy thế giới có hai địa điểm: Paris và phần khác. Vẫn biết có những nơi êm đềm, thoải mái hơn, như dưới mái nhà của bố mẹ, nhưng vẫn thấy có sự gắn kết lạ lùng với nơi này. Có lẽ phần tuổi trẻ hiểu nhiều, làm nhiều, sống nhiều, cô đơn nhiều nhất là ở đây.

Khi đã mỏi mệt với Paris, tôi chỉ đi xa nó một chút, rồi đêm về nằm lại trên chiếc giường thân quen.

** Mosaic là một hình thức nghệ thuật trang trí, tạo ra hình ảnh từ tập hợp gồm những mảnh nhỏ.*

Mùa hè Ardèche

Chuyện bắt đầu từ trang groupon.fr.

Đây là chỗ bạn có thể mua được tour du lịch hoặc phiếu ăn ở khách sạn nhà hàng với giá rẻ. Tôi có nhiều người bạn nghiện mua sắm online, một trong số đó trong một lúc hứng chí thì đã mua ngay một phiếu giảm giá thuê lều trong một camping cực kỳ rùng rú với cái tên thật lãng mạn Camping Nghìn Sao (Mille étoiles). Hiểu theo đúng kiểu Việt Nam thì đó là sự màn trời chiếu đất, vậy mà bạn ấy vẫn mua và còn rủ anh em theo cùng. Tôi nằm trong số “lơ ngơ giảm ống bơ” như thế. Tự mình đồng ý chui đầu vào rọ rồi giờ phải tìm cách đi đến cái rọ nữa. Camping Mille étoiles ở miền Trung Nam nước Pháp, muốn tới dĩ nhiên phải đi tàu. Sau hồi săn lùng vé rẻ thì cũng kiếm được vé tàu tới một thành phố gần đó. Vậy là kế hoạch ăn chơi nguyên vùng Ardèche ra đời, đầy niềm vui, máu và nước mắt (hoàn toàn đúng nghĩa đen).

Trước khi rơi vào hành trình này, tôi cũng có lên Couchsurfing⁺ hy vọng tiết kiệm được chút tiền cởn con, nhưng không hiểu trời xui đất khiến thế nào mà các bạn trả lời đều bảo: “Cuối tuần ấy tao bận đi chơi, tuần sau thì được”. Tuy nhiên có chị Céline dễ thương còn cho vài lời khuyên: “Này này, Montelimar nhà tao không có gì đâu, mà y nên đi Balazuc đẹp lắm, có bãi tắm thú vị nữa, rồi đi chèo kayak⁺ ở Vallons nữa”. Thế nên điểm đến đầu tiên của tôi sẽ là Balazuc, một trong những ngôi làng đẹp nhất nước Pháp (theo website về những ngôi làng đẹp), điểm kết thúc có thể là Vallons pont d’arc, Montelimar, Dieulefi, Aubenas hoặc Valence.

** Couchsuring là một mạng xã hội dành cho dân du lịch trải nghiệm thực tế bằng cách giao lưu với các thành viên đang sinh sống tại nơi mình đến.*

** Kayak là một chiếc thuyền tương đối nhỏ hẹp, được điều khiển hoàn toàn bằng sức người, thiết kế chủ yếu để được tự đẩy bằng mái chèo tay.*

Vùng Ardèche cổ xưa nằm giữa lòng nước Pháp với địa hình nhiều núi, có sông này có quá nhiều điều thú vị.

Balazuc - Âm ảnh mặt trời

Cuối tháng Sáu, Paris như bánh baguette* mới nhào còn ẩm ướt, còn “bánh” miền Nam đã ra lò. Không quá nóng mà chỉ âm ẩm, dễ chịu, thơm ngon ngào ngạt. Đi tàu Ouigo khá rẻ, xuống Valence chỉ mất ba tiếng đồng hồ mà bao nhiêu cảm xúc đổi thay theo đúng thời tiết. Tới Valence, tôi còn chưa kịp thở đã lại leo lên bus địa phương đi dọc vùng trù phú này. Đặc sản địa phương là những cánh đồng nho xanh tít tắp, nắng lên cao chói với, những cây táo, mơ, mận thấp thoáng, cherry ửng đỏ, vài ruộng lavender tím tím, đám núi mờ xa, mây từng đám to bụi hoặc mỏng lơ thơ, gió bạt ngàn, và cơn buồn ngủ miên man.

* *Baguette: một loại bánh mì Pháp.*

Sau khoảng hai giờ bơi trong những giấc mơ, xe bus vút những con người khốn khổ xuống vệ đường. Lúc này trời tự nhiên nắng chói, nóng đỉnh điểm, chỉ cần đường nhựa bốc khói nữa là giống hệt trên hoang mạc. Ngáp ngủ, mệt mỏi, nóng thiêu đốt, bụng cồn cào, tôi lết chân như thể đang có cả tảng đá đè trên vai, trong khi chỉ có một cái ba lô chứa vài cái áo thun mỏng. Balazuc nằm tít trên núi cao, và đường đi tới đó lăn lóc giữa những ruộng nho xanh mơn mớn.

Vùng này chuyên sản xuất vang đỏ, còn vang trắng người ta chuộng sản phẩm của vùng Alsace hơn, trong khi vang hồng lại là đặc sản của Provence. Riêng Bordeaux và Bourgoin thì vang gì cũng ngon hết, một bác gái lái taxi đã kể thế với chúng tôi. Nhưng trong lúc đói khát ấy tôi chỉ thèm Cidre - một loại đồ uống lên men từ táo, ngon và thanh mát, một thứ đặc sản nổi tiếng của Normandy. Nếu có Cidre kèm ít

phô mai tươi và dưa vàng nữa thì tuyệt. Hoặc một thúng cherry đỏ rực và dưa hấu sọc xanh. Giấc mơ chỉ nhỏ bé thế thôi.

Cầu được ước thấy, bên cạnh con đường dài ngoằn ngoèo, tôi tia thấy biển báo “Có bán cherry, 2e/kg”. Tôi sáng rực mắt lao ngay vào ngôi nhà kỳ quặc ấy. Két két, cánh cửa mở dẫn vào một khoảng sân với cầu thang lên trên nhà, xa xa có một chiếc máy cày và một thúng cherry đỏ mọng. “Bác ơi”, một ông già chậm chậm đi xuống. Ông già có khuôn mặt rúm rỏ, đôi mắt mờ đục mở hé hé, cùng cái miệng giống con mèo, tay chân đầy những vết thâm chạy dọc, đôi chỗ rỉ máu ra. Tôi sợ hãi: “Bác cho cháu mua 2kg” rồi ào ào bốc vì sợ đôi tay trầy xước ấy đụng vào những quả cherry căng mọng, đã ngả màu đen rực. Tôi cứ nghĩ khuôn mặt mèo ấy sẽ ám ảnh mình mãi, nhưng hóa ra khi ăn những quả cherry ngọt lừ, mềm mát, đã miệng thì nỗi sợ hãi đã bay biến mất. Suy cho cùng ấn tượng của tôi về ngôi làng nhỏ bé đó, rõ nét nhất vẫn là quả cherry.

Balazuc cũng như phần lớn các ngôi làng khác ở miền Nam, có đặc điểm kiến trúc hao hao Gordes hoặc Saignon, tức là nhà bằng đá tổ ong, mái ngói, những bụi hoa hồng hoặc giàn hoa lan tiêu buông lơi, nho xanh leo tường bên khung cửa sổ rèm trắng. Trong cái nắng chói chang của ngày hè, Balazuc hơn những nơi khác ở chỗ có con sông chảy dưới chân mình. Từ trên núi đá, Balazuc kiêu kỳ nhìn xuống sông Ardèche và buông cái nhìn khắc nghiệt qua rặng núi bên kia. Núi ở đây chia từng lớp, xếp chồng nhau như chiếc bánh chín tầng mây màu nâu nhạt. Trên núi không có tán thông hay rừng, chỉ những lùm cây bụi khô khốc. Dòng Ardèche cũng vậy, nông cạn, khô nước hiện rõ từng lớp sỏi lớn trong lòng. Lãnh chúa Guillem* đã từng tự hào biết bao về thành trì xinh đẹp này.

* *Guillem hay còn gọi là Guillem de Balaun, là con trai của Pón de Balazuc - một trong những lãnh chúa đầu tiên của Balazuc, tham gia*

và hy sinh trong cuộc Thập tự chinh đầu tiên vào thành Jesuralem. Guillem là người ngâm thơ nổi tiếng của thế kỷ XIII.

Gió thốc tháo đẩy tôi lăn dài trên con đường mòn quay trở lại quốc lộ. Tôi ngồi bệt bên vệ đường trong nắng và gió phương Nam để chờ một chuyến xe bus cuối ngày đưa về Vallons pont d'arc. Dù mới sáu giờ chiều, dù chưa vào đợt nghỉ hè nhưng xe bus ở đây đã thưa thớt. Ba mươi phút sau tôi tới thị trấn nhỏ, mua một chai vang Ardèche, ít phô mai dê, món saucisson* địa phương, ít thịt hun khói, salad, bánh mì cho bữa tối.

* *Saucisson*: còn gọi là xúc xích khô, là một đặc sản cực nổi tiếng của Pháp.

Ngôi nhà của những con mèo dễ thương (Gite des chats) hiện ra sau một con đường ngập nắng chiều giữa cánh đồng nho và những người khoan khoái đạp xe. Chủ nhà là một cặp vợ chồng dễ thương, tíu tít mời chúng tôi uống rượu uống nước. Lũ nhóc tóc xoăn chạy chơi dưới giàn hoa tử đằng. Ban công nhà nhìn ra ruộng đồng bát ngát, nhìn thẳng vào mặt trời chói lóa bên ngoài. Những nếp nhà ngói đã yên ắng sau chín giờ, dù mặt trời còn chưa tắt. Gió bạt ngàn. Có người ngồi vẽ tranh. Căn phòng kiểu Ấn Độ gió thổi lồng lộng, tôi khoan khoái bước vào bồn tắm, để nước và gió rửa bỏ hết mệt mỏi ban chiều.

Ngày dài nhất còn chưa bắt đầu.

Vallons pont d'arc - Sóng ở đáy sông

Dù tối hôm trước ba giờ sáng mới đi ngủ, nhưng tám giờ sáng tôi đã bò dậy vì nắng rọi vào trong phòng; ngoài sảnh, chim chóc hoan ca. Từ sân thượng nhỏ phía trước phòng nhìn vào bên trong sân nhà, dưới giàn cây xanh sẫm như cây gấc xòa bóng, trên một chiếc bàn nhỏ xanh nhạt, chị chủ nhà bày la liệt mít, bánh mì, sữa nóng, nước cam, bánh viennoisire*, cà phê và ít bột cacao. Ở đây rất kỳ lạ, họ uống cacao bằng một cái bát tô to thay vì cốc, như để bày tỏ sự hiếu khách. Bữa sáng hoàn hảo. Tôi chạy ngay vào bàn, rót một cốc cà phê, bỏ chút sữa nóng, hăm hờ lấy bánh sừng bò và bánh nho bé tẹo ra đĩa, rồi ngồi nhâm nhi thành thói, đợi bạn bè dậy.

* Bánh viennoisire: một loại bánh mì Pháp, nhiều bơ, thơm, giòn rụm, vỏ hơi dính dính.

Ngôi nhà yên ắng vô cùng, lũ nhóc đã được mẹ đưa đến trường mẫu giáo. Cậu con lớn thì chốc chốc lại hỏi cần thêm gì nữa không. Ông chủ nhà rằng thỏ nhớn miệng cười đáng yêu khi kể chuyện về mấy bà châu Á ầm ĩ đến đây lần trước. Trong một phút thanh bình, ấm áp, tôi đã nghĩ mình hợp với sự hưởng thụ này hơn là việc công ba lô trên lưng.

Khi ba lô đã an vị trên lưng tôi thì ông chủ nhà lại mời ở lại uống thêm cốc cà phê, thưởng cho tính chuyên cần ăn xong là hăm hờ mang đĩa xuống rửa của tôi. Tôi từ chối cà phê, ông mời thêm một cuộc xe tới chỗ thuê kayak. Cái làng này nhỏ xíu, ai cũng biết nhau, chúng tôi chỉ cần bảo “Tôi cần tới chỗ A, chỗ B” là họ đưa tới liền. Trên đường đi, chúng tôi gặp chị vợ đi về liền rủ đi cùng cho vui, kèm cả cậu con

lớn, đông như là đi trẩy hội vậy. Thế là cả nhà họ áp tải chúng tôi ra bến. Ở miền quê, người ta chỉ mong có sự kiện là tụ tập vui vẻ. Khi chia tay họ còn dăn dò, chiều nếu cần tao đưa ra bến xe bắt bus thì cứ gọi. Cũng lưu luyến lắm.

Ba mươi phút sau, tôi đã yên vị trong một chiếc thuyền kayak giữa sông Ardèche. Kayak chỉ khác thuyền thường là nó bằng nhựa khá nhẹ, đảm bảo không thể chìm, chỉ có thể vỡ khi va đập phải đá. Dĩ nhiên tôi không biết bơi, không biết tự nổi, nhưng với một chiếc áo phao cứu sinh thì tôi hy vọng mình sẽ làm nên chuyện. Chèo kayak nói riêng và chèo thuyền nói chung là khó, không biết phải làm sao cho nó đi thẳng, khi nó giống con mèo thích đuối bắt cái đuôi lòng vòng.

Sau nửa giờ vật lộn với con mèo chết tiệt ấy thì nó cũng chịu tiến lên, từng centimet. Nhưng chỉ cần sếnh ra là nó lao bờ lao bụi, chịu không biết cách nào mà lặn.

Bao nhiêu lần thuyền nhào lên bãi đá kẹt lại, hoặc đâm thẳng vào hòn đá giữa dòng thì tôi vẫn không thể hiểu được quy luật hoạt động của nó. Nhìn thì hiền lành mà khó đoán khó chiều như hà mã vậy. Vật lộn qua được đoạn ghềnh đá thì tự nhiên thấy thuyền trôi thật nhanh, thật mau, nhẹ tâng theo dòng. Nước ấm ắp, sâu không thấy đáy, những tưởng ra sông thực sự rồi, tôi sướng rơn muốn reo hò thì “Á á”. Phía trước là con thác bé, sự thật là thuyền đang lao thẳng ra cái thác nước ấy. Tôi tỏ ra thông thạo nói với trưởng đoàn: “Này, mình đi vào cái chỗ thác kia đi, tránh xa gờ bê tông ra”. Vì tôi là hoa tiêu ngồi đầu thuyền nên dĩ nhiên được tin tưởng.

Nước ào ào xối xả, đi tới gần nhìn xuống dưới là bãi đá ngổn ngang, rơi xuống chắc nát thuyền, dù con thác nhỏ này chỉ cao gần hai mét. Lúc này lời chỉ dẫn của anh chàng cho thuê thuyền mới vọng về: “Đến đoạn thác phải nhớ đi vào cái dốc giữa hai gờ bê tông thì trượt mới

êm, nếu không ngã xuống đá thì vỡ đầu”. Ôi trời cái đầu đất của tôi lúc đó mới sực tỉnh, chúng tôi lúi húi lái thuyền lại vào giữa hai gờ bê tông. Thuyền trôi ào ào xuống, trượt vèo vèo như trong công viên nước. Nước bắn lên tung tóe, tràn cả vào lòng thuyền, ướt cả người lẫn tóc. “Ôi tuyệt, mình có một cái bồn tắm”. Hạ cánh an toàn, lúc đó ngó lại mới thấy nếu lao xuống thác nước thì sẽ vỡ cả thuyền lẫn người. Hú hồn nhưng giờ thì cả lũ đang kẹt giữa ngồn ngang bãi đá. Loay hoay một hồi, ra giữa dòng rồi mới ngẩng đầu dám hít thở và ngắm cảnh. Khung cảnh kỳ vĩ quá!

Rừng cây hai bên bờ xanh ngắt, thỉnh thoảng lấp ló những ngôi nhà hoặc những camping. Những bãi đá lổn nhổn gần bờ nằm chờ nắng. Trời cứ lất phất mưa, mây âm u, một lát sau nắng mới chiếu xuống. Người ta đang lục đục dậy. Dưới sông một đàn cá vừa bơi ngang qua hông thuyền. Tôi bỏ tay chèo, ngồi ăn mochi với chocolate, khoan khoái tận hưởng cuộc sống thả trôi. Nhưng tôi cũng chỉ được nghỉ ngơi vài phút rồi lại lao vào trận chiến, chỉ có bốn giờ đồng hồ để vượt 13km nên phải cật lực chèo. Con sông đầy những bãi đá này dường như không có điểm dừng, chèo mãi chèo mãi vẫn thấy mình loay hoay giữa dòng.

Tới tận khi Pont d’arc hiện ra trong tầm mắt tôi mới có thể thở phào. Điểm đích cách Pont d’arc khoảng 4km nên có thể thư thả. Đoạn này nước chảy êm đềm, thuyền trôi nhẹ nhàng. Tôi chạy lên bờ thay váy cho khỏi run cầm cập vì qua hai con dốc, nước đã ướt nhẹp tận chân răng. Khá nhiều người cũng dừng lại ở quãng này nên chúng tôi muốn tấp vào bờ cũng phải va đập tứ tung, hết một cặp người Pháp lại tới mấy cô gái người Ý. Có đoàn Tây Ban Nha đi tới náo loạn cả khúc sông. Toàn là dân ham chơi vượt đường xa vạn dặm tới chỉ để chèo mấy cái rồi về. Tôi cũng thế.

Ngồi ở chân Pont d'arc, gió thổi mát rượi, nhìn mọi người chạy qua chạy lại cũng vui. Nếu biết bơi thì bạn có thể xuống bơi vài vòng quanh hẻm núi này. Giống như một cây cầu của thiên nhiên, Pont d'arc là khối núi cong cong, nối bờ này sang bờ kia, mang tiền tỉ về cho Ardèche. Trên postcard luôn là hình ảnh cảnh sắc hùng vĩ của con sông lượn dọc theo hẻm núi, và đảo lớn ở giữa cùng cây cầu đá thiên nhiên này. Ai ngắm cũng mê.

Lần đầu tiên chèo kayak, lại chèo được hẳn 13km, cảm giác thật là sung sướng. Sức trẻ bốc lên ngùn ngụt, tôi tính đạp xe 8km nữa để về khách sạn Ngàn Sao, nhưng lại không biết chỗ thuê xe đạp. Gọi điện lại cho ông chủ Gite con mèo, bảo ông có làm dịch vụ taxi, đưa đến làng được không, thì ông gật đầu ngay. Nhoảng cái đã thấy ông cùng hai thằng nhóc trong xe, chắc ông cho chúng đi chơi luôn. Ông hồ hởi: “Lên xe đi, tao không biết đường nhưng sẽ tìm ra thôi”. Ông tìm ra thật sau hai lần hỏi thăm dân vỉ hè và đi theo bảng chỉ dẫn. Cái camping Ngàn Sao ấy thật đáng sợ, ở mãi tít trên đỉnh núi, cao, xa và sâu, tìm mãi mới thấy. Ông chủ đưa vào tận nơi, dỡ đồ cho rồi bảo: “Tao không lấy tiền đâu, quý tụi mày nên đưa đi”. Tôi xin xỏ kiểu gì cũng không được trả tiền. Nhưng ở đời ai đọc được chữ ngờ.

Hôm nay không mất tiền cái này thì mai sẽ mất. Lần này không chỉ mất tiền còn cả máu và nước mắt. Dòng sông dù êm đềm, dưới vẫn luôn có sóng ngầm dưới đáy sông...

Những vòng xe phản bội

Tôi mới thức dậy từ trong một cái lều Viking... Camping Ngàn Sao nằm trơ trọi giữa rừng. Cây cỏ hoa lá và lều chen chúc nhau. Mỗi lều được làm theo kiểu Viking, trần chóp nhọn, và có sàn gỗ cao như nhà sàn. Cạnh lều có bếp để tự nấu nướng. Trước lều có bàn ghế gỗ để ngồi ăn, còn bên cạnh có hũn vông nằm chơi rất oách. Tôi khoái cái camping này hết sức. Máy người hàng xóm chắc cũng vậy, họ mang theo con cái, rồi đêm tối chồng mang bia ra, vợ rán cá thơm lừng, lũ con chạy loanh quanh. Tôi cũng đi loăng quăng vì nghe kể camping có view nhìn ra vực.

Chiều đã buông trên những mỏm núi, tôi tắm trong ánh chiều. Dưới kia, con sông như rắn uốn lượn quanh viên ngọc màu xanh lá. Mây trôi dạt ra, để nắng chiều đốt cháy vàng cả đỉnh núi phía Tây. Gió thổi xanh những tầng cây thấp. Rực rỡ vô cùng. Quả là bỏ công lên tận núi để sống, thậm chí phải bước qua cả những hàng rào điện, để đặt chân vào khung cảnh thần tiên này. Đêm đó dù ăn mì tôm tôi cũng sung sướng trong lòng.

Sáng hôm sau tôi hùng hục ra camping mượn một chiếc xe đạp địa hình đi ngắm cảnh. Hành trình đẹp như mơ ấy đi qua vài điểm có view xuống vực đẹp hơn hôm qua, qua những ruộng nho xanh rì rào, đi qua những cây cherry trĩu trĩu quả, và vô vàn rặng rosemary ướp gà ngon bá cháy. Nhà cửa ở đây xây bằng đá, nằm trong những khuôn viên đầy hoa. Những con đường nhựa nho nhỏ, chạy giữa những ruộng nho, bằng phẳng, đạp êm ru. Khi xe đạp lao vun vút qua đồng quê, tưởng như tâm hồn mình cũng thơ ngây như cô gái quê, yêu ruộng đất, núi

đồi, cây cỏ, như Scarlet, như Heidi, như Anne tóc đỏ* . Cô gái tóc đỏ ấy sung sướng đạp hăng say, cho tới ngã ba quyết định đi vào hang thạch nhũ, quay bánh xe đạp sang trái, thì đường dốc mới bắt đầu.

** Tên các nhân vật trong tiểu thuyết Cuốn theo chiều gió, Heidi, cô bé đến từ vùng núi Alpas và Anne cô bé tóc đỏ.*

Hang thạch nhũ là một phần rất riêng của Ardèche. Với địa hình phức tạp và lâu đời nhất nước Pháp, trong lòng vùng đất này chứa những hóa thạch cổ xưa mấy chục nghìn năm tuổi. Dưới lớp đất khô cằn tầng lớp kia là những hang động thạch nhũ tuyệt đẹp, mới bắt đầu đưa vào kinh doanh tầm năm mươi năm nay. Hang đầu tiên tôi đặt chân tới là Grotte Forestière, với mong ước có thể tham quan xong hang này rồi đạp xe thẳng tới hang Aven d'Orgna. Trời thì nóng như lúc Tôn Ngộ Không làm đồ lò luyện linh đan của Thái Bạch Lão Quân càng khiến ước mơ đi vào lòng đất của tôi cháy bỏng hơn lúc nào hết.

Đường thoai thoải nhưng dài và mệt, tôi đạp xe giữa nắng nóng trên con đường quốc lộ mà bên kia vực, bên này núi, nhà và người không thấy đâu. Hành trình như vô vọng, không thấy dấu hiệu của sự sống, dẫn tới chán nản. Đạp được 6km thì chân tôi mỏi nhừ, đầm đìa mồ hôi, tôi cởi phăng cái áo bộ đội vắt lên ghi đông. Sau đó, tôi đạp xe đi tiếp vào con đường nhỏ mát mẻ dẫn vào hang, thật khoan khoái vì con đường đang đi dần xuống dốc. Sự hứng khởi từ đâu nhào tới theo từng con dốc. Vèo vèo, xe đổ đèo rất nhanh. Rẹt, tự nhiên xe khựng lại không thông báo, chưa hiểu trời đất trắng sao gì thì thấy mình bay qua ghi đông, ngã xuống đường. Bảo vệ hàm răng, cái mũi như thành bản năng, tôi chạm đất bằng nguyên hai cùi chỏ và hai đầu gối. Sau đó tôi như một con ếch đổ kênh sang bên. Cố nhắc mình đứng dậy thì thấy không đứng nổi, cơn đau lan khắp ra toàn thân. Máu từ đâu ứa ra ướt áo, nhìn lại mới thấy cùi chỏ thủng nguyên một lỗ, giờ nó đang như

núi lửa phun trào mắc ma. Đầu óc choáng váng như sắp ngất và không còn nghĩ được gì khác ngoài phải xem điện thoại có sao không?

Khi tôi lôi được chiếc điện thoại ra khỏi túi áo vắt ở ghi đông thì nó đã bị vỡ vụn. Thủ phạm của vụ việc là dây, đồ dốt, áo rơi xuống, điện thoại kẹt giữa nan hoa và thanh chống, bánh xe bị chẹt cứng nên dừng luôn. Tôi bay, ngã, chảy máu. Lúc đó mới thấm đau và khóc òa như một đứa trẻ, một phần vì ngứa da có thể lành, nhưng vụn điện thoại không bao giờ lành nổi. Khoảng chục phút sau thì có xe của người trông hang ra băng bó vết thương và sát trùng cho tôi. Cả hai vợ chồng họ thi nhau làm sạch vết thương, xem tôi có gãy tay chân gì không, đưa con lăng xăng đưa bông băng bên cạnh, vẻ mặt đầy sợ sệt. Xe đạp gửi lại Grotte, họ gọi cho tôi một chiếc taxi để về camping lấy đồ ra bệnh viện gần nhất. Thật lằng xẹt, tới hang rồi mà không được vào, mặc cho tôi xin xỏ, hai vợ chồng họ vẫn không bán vé.

Sau đó, tôi lại phải trần tình với tài xế và bà chủ camping. Taxi đi tìm bệnh viện gần nhất ở Aubenas, mất 40 phút dưới cái nóng hầm hập. Bà lái taxi tỏ ra thương xót, gợi chuyện du lịch cho vui lòng. Bà kể về chuyến đi châu Á: Thái Lan, Nhật Bản và nhận định về cuộc sống ở đó. Rồi bà nói về rượu vang các vùng, nhờ thế cơn đau của tôi cũng bớt đi. Khi tới bệnh viện thì đồng hồ tính tiền chỉ 100 euros, nỗi đau đó còn nhức nhối hơn cả các vết trầy xước chân tay. Sau đó, bà lái taxi tốt bụng dìu tôi vào viện, ở đó tôi được tra thuốc, băng bó, tiêm vaccine chống nhiễm trùng. Tay chỉ hơi nhức nhưng lòng lại đau như cắt.

Cứ ngỡ nhớ đời ấy đưa tôi tới Aubenas xinh đẹp. Nơi tôi ăn cái bánh kebab ngon nhất nước Pháp trong một quán nằm ở con hẻm trên đường lên lâu đài. Ông chủ hậu đậu thật dễ thương vô cùng nhưng chặt chém khiếp hồn. Dọc con đường từ Aubenas tới Montelimar, tôi còn ngắm cầu vồng những hai lần. Cầu vồng qua rặng núi, trên cánh

đồng nho, kéo bắc nhịp từ mái nhà trên đồi tới cây cầu qua sông. Xe bus đi từ vùng nắng sang mưa rồi lại từ mưa sang nắng. Đến lần thứ ba thấy cầu vồng thì tôi sẽ được cầu hôn đấy. Tôi cứ tưởng tượng thế, để tìm niềm vui dài lâu trong cái đau nhất thời.

Nhưng đau thương này lại không nhất thời chút nào. Tới Montelimar khá muộn, các cửa hàng đã đóng cửa hết, muốn mua hoa quả bồi bổ cũng không có, miếng pizza hâm hãm nóng thì chán ngắt. Vết thương nhức nhối còn vết tiêm nóng dần lên. Tôi ngủ yên trong giấc mộng đi phượt tới cánh đồng oải hương đã vỡ tan tành theo vành xe.

Những nẻo đường Calvados

Khi còn trẻ, bạn nên cố làm những điều huyền diệu. Gắng hết mình để làm những điều phi thường tưởng như không thể, ví dụ như chạy marathon, nhảy bungee, thân gái một mình tới Ấn Độ, hay qua đường ở Hà Nội lúc bảy giờ sáng. Tôi cũng tính làm những điều vượt sức mình để xem ngoài cân nặng và sự ngu dốt, còn có điều gì ở mình không có giới hạn. Dạo này thay vì thích tới những nơi đô thị rực rỡ, mơ chốn phồn hoa, tôi lại có thiên hướng lui về làng mạc, trèo đèo, lội suối, đạp xe, phi thân, chui vào rừng, lao xuống biển, làm những việc đòi hỏi khí chất và thể lực. Cái đó thì tôi hơi dư, thế nên để xài nốt đồng năng lượng dồi dào của mình, tôi ngồi thiết kế ngay tour đạp xe về vùng biển vắng.

Nói cho oai, thực ra tôi chỉ ngồi chỉ tay năm ngón.

Ngón thứ nhất: Tìm địa điểm. Sau khi được Giang chỉ thị là thích đi tìm hiểu văn hóa, còn các em giai chỉ thị là chúng em thích đi nơi hùng vĩ, tôi mò mẫm một hồi và quyết định đi Basse-Normandie. Tại sao lại là vùng này? Ái chà, xin cho năm phút quảng cáo. Normandie là vùng đất giáp Đại Tây Dương, nơi sóng vỗ ầm ầm không ngừng nghỉ, nước biển nhiều sắc thái, nơi xanh lục như Bessin, chỗ lại xanh thẫm như Étretat.

Normandie nằm ở eo biển Manche chiến lược giữa hai thực dân bự nhất thế giới: Pháp và Anh, nên trong điểm lưu thông huyết mạch này thấm thấu những nền văn hóa đặc thù, gọi theo phong cách của báo Lao Động là kiểu Gô-loa và Phốt-Ăng-lê. Vùng đất giàu văn hóa, giàu lịch sử này còn lưu giữ những chiến tích oanh liệt của chiến tranh thế

giới thứ hai. Quân Mỹ đã hiến vào lòng đất này 9.000 quân tinh nhuệ cho một ngày D-Day* , giành lại hòa bình cho nhân loại. Thế giới phải biết ơn về điều đó. Những gã mê lịch sử, hoặc thích chơi game* có lẽ ai cũng mong một lần tới đây xem những thứ mình đọc, mình chơi thực hư như thế nào. Còn tôi tới đây không vì thế, mà chỉ vì bon chen kiểu người ta biết, mình cũng không thể không biết.

** Tức ngày 6/6/1944, là ngày quân Đồng Minh đổ bộ lên bãi biển Normandie Pháp, mở màn cho cuộc tổng phản công của quân Đồng Minh trên các mặt trận, là cột mốc quan trọng đánh dấu sự thật bại của chủ nghĩa phát xít, và tiến tới kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai.*

** Có rất nhiều game dựng lại cuộc chiến Normandie này như Company of heros, Call of duty 1, 2, 1944 D-Day Operation Overlord....*

Sau khi nghiên cứu chán chê, cân đo đong đếm các vùng đất ở Normandie thì vùng Calvados đã được lôi ra làm điểm ngắm. Calvados với bãi biển Ohama huyền thoại ở Bessin, với các bảo tàng chiến tranh ở Bayeux đã nhanh chóng thành điểm hành hương cho ngày lễ Phục Sinh. Con thỏ sẽ được lăn trứng trên những ngả đường quê, từ phố tới thôn, từ núi ra biển.

Ngón thứ 2: Kêu gọi. Tôi thảo một bài hịch dài tầm nửa trang A4, giới thiệu xuất xứ ý tưởng, quảng cáo cho Calvados, kêu gọi anh em tham gia. Cuối thư nhấn mạnh: Nay ngày 8/3, xin anh em rủ lòng trả lời mail ngay lập tức. Thư được gửi đi cho tất cả các chiến hữu tiềm năng. Tôi ngồi cười hí hí hân hoan, “mùi mẫn thế này, ai nữ không quan tâm”. Thư gửi đi, hai tiếng sau vẫn mất dạng. Thành ra cả ngày 8/3, tôi bị ầm ách trong lòng.

Ngón thứ 3: Đánh giáp lá cà. Nhân dịp gặp một anh Phật tử ngoài cửa lab, tôi thống thiết kêu gào: “Anh đi không?”, “Anh đi”. “Vậ anh

về trả lời thư và kêu gọi cho em đi”. Anh Phật tử học tốc về phòng trả lời dứt khoát: “Xin một vé nha. Các anh em còn lại trả lời đi, 8/3 mà”. Năm phút sau thư từ đâu bay tới tấp như mòng biển rợp trời: “Em không trả lời vì mặc định là đi”, “Cho em xin một suất”...

Ngón thứ 4: Tạo cú hích. Mặc dù các anh em đã khẳng định sẽ chung một chiến hào, nhưng không có ai động đậy dù chỉ một tắc lưỡi để hỏi về việc bao giờ đi, bao giờ về, vé tàu, thời gian, giá cả. Thế giới đã sinh ra cả một thể hệ rô bốt, xem ảnh thích bấm Like (lũ Likaholic), đọc thư chỉ trả lời “Đã đọc” (lũ Skimaholic - chỉ đọc lướt), không hơn không kém. Để khuấy cái nồi cám sôi bùng lên, tôi gửi ngay cái mail ghi ngày giờ tàu cụ thể, kèm theo lời chú thích: Mình đã mua vé, các bạn không mua, vé tặng ráng chịu. Thế là nhao nhao như cào cào sau mưa, mọi người đã hứng thú mua vé ngay tấp lự. Sơ sơ đã có tới 18 chú cào cào chui vào rọ, dù tôi đã thản nhiên đưa ra vài cái lắc đầu làm cao. Giang còn sợ, đông quá loãng không khí tập thể, sẽ chia bè kéo phái.

Ngón thứ 5: Phủi tay cho sạch. Tôi vốn lười bấm sinh, đụng tay chân tí là kêu oai oái, nếu mà hy sinh thân mình vì tập thể thì phải có khen thưởng mới làm. Vụ này đâu có phần thưởng nào, nên tôi phải tìm cách trút công việc và trách nhiệm lên đầu kẻ khác. Tôi chia công việc chung làm năm làm bảy rồi viết thư kêu gọi anh em đồng lòng dốc sức. Ba ngày sau, thư đi không thấy thư về. Tôi tính tung hô hết, anh em chơi thế này thì không được. Ai mà cáng đáng nổi, sức tôi hay sức trâu cũng thế. Trong cơn bĩ cực, tự nhiên có anh giai nhiều râu tốt bụng lao lên xin giúp. Người tốt duy nhất còn lại trên thế giới (do ba thành viên nhà chúng tôi bình chọn) hay Giang còn gọi là “thánh nam”, lo chu toàn hết từ đặt nhà, thuê xe, xem địa hình, tìm đường đi, lập kế hoạch. Tất cả được hoàn thành trong âm thầm, không tìm kiếm một lời tán dương. Nhờ “thánh nam” mà mọi việc trở nên trơn tru thuận lợi.

Vậy là nhờ một mình người tốt, 17 mạng còn lại ngồi rung đùi đợi ngày khởi hành.

Còn một tuần tới ngày xuất phát, dự báo thời tiết nói “Trời có mưa, âm u, gió mạnh, mây mù”. Cuộc đời thật tù mù quá. Tôi tính bỏ. Người tốt lên dây cót tinh thần cho chúng tôi: “Ăn chơi sợ gì mưa rơi, mưa mà rơi xuống thì ta chơi bài”. Thế là cả đoàn quân lại tiến về phía Đại Tây Dương mưa bão, dẫu rằng vẫn bị rớt lại ba thành viên do các sự cố bất khả kháng.

Ngày chúng tôi tới, trời lạnh thật lạnh, âm u thật âm u. Cuối tháng Ba mà châu Âu còn rét quá. Mới tuần trước Paris còn có tuyết, lạnh thấu xương, cuối tuần đó trời lại nắng chói. Những tưởng lông váy hoa ra được rồi, lại phải mặc áo bông, ai cũng cáu. Thời tiết năm nay bất thường đồng đánh như gái mới lớn, lạnh tới nửa năm, vậy mà cây cối đã đơm chồi từ cuối tháng Mười Hai. Hoa tuyết, hoa nghệ tây cứ đua nhau nở vàng, nở tím trên những vạt cỏ xanh rì.

Chúng tôi bắt tàu nhanh từ Paris tới Bayeux, phải chuyển tàu ở Caen mà chỉ mất có hai giờ đồng hồ. Tới Bayeux lúc mười một giờ trưa mà trời đã như năm, sáu giờ chiều. Trời lạnh ẩm đạm, thỉnh thoảng mới có vài tia nắng. Tất cả ngược gió đi vào trung tâm, khoác tay nhau đi theo hàng, chắn gió, che lạnh. Đi loanh quanh tầm vài tiếng qua bảo tàng, qua nhà thờ lớn thì ai cũng thèm khát hơi ấm bếp lửa nên đòi về nhà. Thuê 14 chiếc xe đạp, cả lũ lên đường tìm về chỗ trọ. Chúng tôi thuê nguyên căn nhà lớn hai tầng ở giữa cánh đồng, từ phố đi 8km mới tới. Đây gọi là “đã đuối còn xách nải chuối vào thân”.

Cả lũ ra đường như vũ bão, đi lòng vòng một hồi thì người tốt kêu lên: “A kia rồi”, anh em phía sau hồ hởi. Người ở xa bảo “A tới nhà rồi sao”, người ở gần thốt lên “Làm gì đã tới biển?”. Dân tình người tưởng về nhà, người tưởng ra biển, trong khi trưởng đoàn đang dắt anh em đi tìm siêu thị Carrefour để chất đồ về bản. Tới siêu thị thì ai cũng

á khẩu bất ngờ. Các chị em nhanh chóng kéo xe đẩy hàng vào “săn bắt hái lượm”, nào thịt gà, bò, lợn, rau, củ, quả và vô vàn hải sản.

Ở Paris, hải sản vừa đắt vừa không tươi ngon, tới đây chúng tôi như được vớt vào cái vựa cá, mắt ai cũng đê mê như nhà quê lên tỉnh. Con amandes (họ nhà con ngao), 1.5e/kg, các bạn sướng quá, mua hết trên quầy. Con boulot (họ nhà con ốc biển) 3e/kg các bạn cũng mua sạch bách hàng. Một con mực khổng lồ, vài cân tôm đỏ au, thêm ít sò làm, chị bán hàng cười rất tươi. Được mùa hải sản, các bạn hớn hờ, hò nhau thồ về. Người thồ rau, người bánh mì, người tôm mực. Mới ngày đầu mà chúng tôi đã thấy rã rời từng khớp đùi.

Khi ngôi nhà đá hiện lên bên vệ đường, ai cũng mừng, cười nói xôn xao. Nhà mình sao mà đẹp quá, thế này còn ai muốn đi chơi, chỉ muốn ở nhà cả ngày, ăn nhậu, chơi bài. Chỉ trong một ngày đoàn quân đã dạo cả qua Bayeux và kết thúc ở ville khác tên Crouay. Giờ thì cả lũ ngồi tranh nhau thở, tranh nhau món xôi thập cẩm của em Thủy mang tới. Sau đó đám con trai lên giường ngủ, một số ngồi đánh bài, số khác hát, người tốt ngồi thổi kèn harmonica. Con gái xuống bếp, một số nấu, một số tiếp chuyện, một số xác định tư thế rửa bát ở thì tương lai. Sự khác nhau của đi chơi và ở nhà là bạn chuyển từ cái bếp nhỏ tới cái bếp lớn, từ nấu cho ba thành nấu cho mười lăm người. Thế thôi.

Sau này nghĩ lại mới thấy mình trâu, Giang cũng trâu, ngày nào cũng đạp xe từng nẩy cây số mà về tới nhà vẫn lao ngay vào bếp được. Như thế không gắn với cái bếp là không sống được, như uống, như thở vậy. Các em gái khen “Các chị thật khỏe”. Vài người khỏe cả chục người vui. Ngày nào cũng đều như vắt chanh, chỉ biết con đường và nhà bếp.

Đường, đường rất đẹp. Đường ngoắt ngoéo, vắt ngang qua những cánh đồng cỏ, nơi bò nhón nhơ, ngựa thả rông, cừu đi lạc. Vài ba mái nhà sơn đen, cửa tím thấp thoáng. Con đường cứ xuống dốc lại lên, lên

lại xuống. Nhiều lúc tưởng không đạp nổi, tưởng như muốn lao ngay xuống cái vực gần nhất, vậy mà vẫn cố lết. Duyên còn nôn thốc ngay sau con dốc đầu tiên. Tôi cứ hùng hục đạp, Giang thì vừa đạp nhẹ nhàng vừa chụp ảnh ký sự. Thi thoảng cả lũ hò nhau, xuống xe cùng dắt, hèn một tí mà khỏe.

Đưa trước dắt, đưa sau giả bộ dắt cho có đồng bọn, rồi cả đoàn, cả gái cả trai cùng dắt. Đi một đoạn lại í ới đợi nhau uống nước, sẻ kitkat, chia nhau sáu đĩa một quả táo. Giang bảo đó là quả táo ngon nhất tao từng ăn, dù đó là quả táo đã bầm dập mà tôi mang theo từ Paris. Đoàn lúc nào cũng có một người đi đầu, có thể là anh Phong, có thể là nhóc Hưng, đôi lúc là Vũ. Tiếp theo sẽ là các cô gái tri kỉ: tôi, Linh, Giang, hoặc Duyên thi nhau tranh vị trí phía sau em Ngân, còn dưới chúng tôi là em Thủy. Đôi lúc, anh Tèo vượt lên hét vào tai khiến cả lũ loạn choạng. Anh Hùng uể oải phía sau. Tú và anh Trường sóng đôi đi gần cuối, còn anh Sơn chốt đoàn để không lo ai rớt lại. Trúc thi thoảng quay lại để tìm những người vô tình ở phía sau.

Tháng Ba, nắng chang chang mà lạnh căm căm. Gió thổi thốc khiến mặt ai cũng nẻ toác và đỏ au giống lũ trẻ con miền núi phía Bắc. Nhiều lúc gió thổi cay xè mắt, tôi tưởng mình đang khóc. Đạp trên 10km thì chúng tôi không còn là đoàn đông nối liền nữa, mỗi người cách xa nhau một đoạn. Lúc mệt, thở không ra hơi, không nói năng cười đùa nổi, chỉ muốn một mình một thế giới. Tới khi lạc lõng ở đâu đó lại nghĩ: Sao mình tội nghiệp thế nhỉ? Nghĩ vậy lại thấy mình vô duyên, chỉ cố gắng đạp lên một chút, hoặc lùi lại một chút là được đi cùng bạn bè rồi. Cái tôi cũng thế, giảm một chút, thêm một chút mới có thể hòa hợp với người khác. Nguyên tắc số 1 của cuộc sống: Đừng bao giờ duy ngã độc tôn vì chẳng ai là thánh cả. Thánh cũng cần có bạn bè. Có bạn bè để cười nói, thúc nhau lên lúc mệt mỏi, bớt nản chí mà cùng nhau đi hết con đường. Đi một mình thì đi nhanh, đi nhiều người thì đi xa.

Đi chậm rãi vậy mà cũng vượt được 18km ngon lành để tới bãi biển Ohama. Bãi biển này nổi tiếng vì ngày D-Day 6/6/1944 quân Mỹ đã vươn theo sóng ào vào đất liền. Anh Hùng - biết - tuốt kế quân Mỹ đã phải giả lập một bãi biển Ohama như thế để tập trận trong nhiều tháng ròng. Dù biết trước D-Day là ngày bão, quân Mỹ vẫn phải ào vào mặc mưa bão bởi thủy triều vừa đủ, không phải đợi tới hai tháng nữa. Thời cơ mất coi như nguồn lợi cũng mất, Nga sẽ nhanh chóng chiếm trọn Berlin.

Anh Hùng, anh Phong, anh Trường bàn chuyện thời cuộc, sự sắc sảo của Mỹ, sự kém tinh nhuệ của Ý, hay sự bù nhìn của Charles de Gaulle. Lần đầu tiên tôi nghe những chuyện này nên cũng hào hứng, theo mọi người vào thăm nghĩa trang quân Mỹ, thăm bảo tàng, rồi bịt kín mặt mũi, lao qua gió xuống bờ biển. Qua những bụi lau sậy, bãi biển sỏi sóng đánh lên như bọt xà phòng, nước biển xanh nhờ nhờ dù trời nắng chói chang. Những đụn cát thấp mịn lấp đầy bởi cỏ xanh, cỏ khô. Vẻ đẹp hoang vu ấy rất lạ. Nó buồn buồn, tội tội, giống như câu thơ trong “Truyện Kiều”: “Buồn trông nội cỏ rầu rầu, chân mây mặt đất một màu xanh xanh”. Gió lao xao, cỏ đổ rạp, ảo não. Tê tái lòng, tê buốt tay, cóng lạnh đầu óc, cả lũ ngao ngán nghĩ đến quay về.

Đường về êm ái hơn đường đi. Đi ngã khác, nhanh hơn, đẹp hơn. Thả dốc cao vèo vèo, lên dốc thoải thoải rù rì. Chỉ hơn nửa thời gian khi đến đã về tới nhà. Đường đi ngày đầu đã đẹp, ngày sau còn tuyệt vời hơn. Vài đồng chí yếu thì xin phép về Paris nghỉ dưỡng trước, mười một đồng chí còn lại lên đường tiếp. 10km để tới Port-en-Bessin. Những con đường cứ trải dài bát ngát, có những đoạn những hàng cây khẳng khiu tiêu điều đứng bên con nước nhỏ tràn bờ, giống bức tranh “Mùa xuân, con nước” của Levitan.

Tôi hiểu vì sao Robert lại mê đắm sự rong ruổi *Một ngàn con đường quê** đến thế. Tôi cũng khoái cảm giác thả dốc ào ào, thấy mình như

lao vào biển cỏ, xé gió vù vù, tai bịt kín, không nghe thấy gì, chỉ thấy tim đập rộn ràng, còn đầu cứ nhộn nhịp “Let me take you down, ‘cos I’m going to Strawberry field”*. Đôi lúc tôi hát rú lên “yeah yeah yeah she loves you, yeah yeah yeah” của The Beatles. Khi bắt gặp một lâu đài đẹp, chúng tôi dừng lại chụp như ở Barbeville hay Sully. Cả lũ còn bày hoa quả ra trước bãi cỏ lâu đài như đi picnic, thật thoải mái tự do.

* Một ngàn con đường quê: Phần hai của tác phẩm Những cây cầu ở quận Madison của tác giả Robert James Waller.

* Lời bài hát “Strawberry field forever” của ban nhạc The Beatles.

Khi tới hải cảng thì trời đã bắt đầu buổi chiều. Nắng vẫn còn mê mải. Sóng Đại Tây Dương đánh rất mạnh. Biển như động vì bão, sóng đánh qua tường chắn sóng âm ầm, tung bọt trắng xóa. Sóng đánh vào chân núi ào ạt, mù mịt bọt nước li ti. Có lúc sóng tràn bờ tường sẽ cuốn trôi cả đồng xe đạp. Tôi chạy ra cứu xe vẫn nhớ tiếng em Trúc kêu cần thận. Thằng nhóc đó thế mà ngoan, lúc nào cũng biết đi sau mọi người để giúp đỡ, hoặc có ai lạc là quay lại tìm ngay. Khi đi chơi nhóm đông mới thấy mọi người thật tốt, thật biết quan tâm nhau.

Cả lũ hò nhau leo lên trên đỉnh đồi đầy cỏ dày. Cỏ ở đây kỳ lạ, cao như cây lau, dày dặn ấm áp, như nằm lên đồng rơm ở nhà. Bước chân khó nhọc trên cỏ ngỡ như bước chân Heathcliff đang hoảng loạn đi tìm linh hồn Catherine. Có nhiều người không thích Đồi gió hú, nhưng tôi lại thích nhất tiểu thuyết này. Tôi thích nghe gió thổi vù vù bên tai lạnh cắt. Bọn bè râm ran, cả thành phố dưới chân mình, sóng thì cứ tung mình vào đá. Sóng không đau, đá cũng chẳng đau. Ném đời mình vào đời người khác chắc cũng chẳng khó như Lâm Thị Mỹ Dạ vẫn nói.

Cảm giác ngồi trên nóc thị trấn bé nhỏ Bessin này gần như là hạnh phúc. Hạnh phúc tùy vào mức độ mỗi người trông đợi, tùy vào cảm nhận từng người. Đôi khi chỉ là đang ngủ bị mẹ gọi điện hỏi “Thấy có

miếng vải đẹp, mẹ may áo cho con nhé”, bố khoe “có cà phê ngon gửi sang cho con trước đây”, thằng em bảo “chị thật kháu”, có người xoa đầu ngoan, hay được uống bia trên đỉnh đồi sau những giờ đạp xe mệt nhoài.

Tôi nhớ buổi sáng cuối ở căn nhà Calvados. Nắng chiếu hoang hoải ngoài sân. Nắng tóa qua tấm rèm cửa vàng nhạt vào trong bếp, tôi đang nướng bánh mì thơm lừng. Ngoài phòng khách nắng chiếu trên cái bàn ăn, qua bình hoa thủy tiên vàng rực. Anh Sơn bật nhạc du dương, nhè nhẹ. Tôi biết bài đó. “Katie Melua phải không?”, “Ừ”. Mọi người bắt đầu lục đục trên gác. Cảm giác giống như gia đình vậy. Nhạc rất hay, Calvados cũng hay, không hẳn là đẹp, nó có vẻ buồn buồn mà vui lạ.

- Không đề -

“Cuộc đời em vo tròn lại

Và

Ném vào cuộc đời anh

Nó sẽ lặn sâu tận đáy

Cuộc đời anh

Sâu cho đến tận... cái chết

Trời ơi

Làm sao có một cuộc đời

Để cho tôi ném mình vào đó

Mà không hề cân nhắc đắn đo

Rằng cuộc đời ấy vẫn còn chưa đủ...”.

-Lâm Thị Mỹ Dạ-

Mặt trời xin ngủ yên

Có vài người khi nghe tôi nói “Tôi sắp tới Toulouse” thì hoảng hốt hỏi: “Có cái quái gì ở Toulouse cơ chứ?”

“Có một anh chàng dễ thương ở đó”.

“Thảo nào”.

“Thằng em trai tôi”.

Vậy là tất cả lại chừng hững.

Tháng Tám, nắng vàng sóng sánh. Mùa hè miền Nam nước Pháp nóng và hanh tới mệt mỏi. Mồ hôi chưa kịp ra đã vội vàng khô khốc. Những ngày này tôi đang đọc “Những bông hoa trên tầng áp mái”^{*}, hết sức phù hợp với cuộc sống của tôi bấy giờ. Hai chị em cuộn mình trong một căn phòng rộng 9,2m2 trên tầng cao nhất của tòa nhà. Cửa sổ do một lần lỡ tay kéo mạnh, tôi đã làm nó sập xuống và kẹt cứng. Ánh sáng không thể len lỏi vào được. Tôi nằm trên giường tầng giữa mịt mù, tìm kiếm thông tin nhà ở Paris, lăm nhăm một câu trong truyện: “Đi tìm nhà, đi tìm mặt trời”. Đó là một câu chuyện hay ho mà đáng sợ. Nó hối thúc tôi chạy trốn bốn bức tường.

^{*} Một tác phẩm của nhà văn V. C. Andrews.

Toulouse là một thành phố trẻ và không đặc sắc. La ville rouge là cụm mỹ từ mà dân nơi đây dùng để gọi thành phố của mình. Em tôi dịch lãng mạn thành “thành phố màu hồng”. Bởi sắc hồng toát lên từ từng ngôi nhà, góc phố nơi đây. Bỏ tôi tới Toulouse chỉ hai ngày, ông

cũng phải thốt lên: “Toulouse chuộng gạch thật đấy”, dĩ nhiên rồi, tới tòa thị chính Capitole còn là một khối gạch khổng lồ cơ mà.

Trong thế giới màu hồng ấy, chỉ có dòng Garonne vẫn xanh biêng biếc.

Dòng Garonne rộng và dài chạy băng qua Toulouse như dòng Seine uốn mình trong lòng Paris xinh đẹp. Hai bên bờ sông, những cây phong, cây sồi, hay cây gì đó cứ xanh mượt. Dưới kia, có một đám người cười tụ tập hát múa trên xà lan. Họ vẫy gọi chúng tôi xuống. Nhưng chúng tôi còn mãi ngó nghiêng tòa nhà đẹp mắt của trường mỹ thuật. Vài ba anh chàng nhẩy vào chụp hình ké, cười hơn mùa thu tỏa nắng. Người Toulouse đúng là rất thân thiện. Có vài người còn chạy ra đòi chụp ảnh giúp chị em tôi. Dân tỉnh lẻ lúc nào cũng đầy chất Pháp.

Tháng hè ở Toulouse, tôi đâm ra lười biếng. Tôi chỉ lặn mình từ nhà ra cửa, mà vẫn chưa đặt chân tới được Cité de l’espace. Trung tâm nghiên cứu vũ trụ này là niềm tự hào to lớn của Toulouse, bên cạnh nhà máy sản xuất máy bay Airbus. Ngày xưa, tôi với thằng em hay cầm ống nhòm ngắm sao, mơ ước nhất “vụ trũ trong hạt dẻ”. Vậy mà cái nắng hè làm lụi tàn hết cả ước mơ con trẻ. Tòa lâu đài Carcassonne có lẽ cũng hàng chiều ngóng đợi tôi. Còn tôi vẫn biệt tăm vì cậu em quá bận bịu với kỳ thực tập. Toulouse kể ra cũng có đôi ba điều thú vị. Tôi bỏ qua gần hết. Tôi chỉ không bỏ những buổi chạy dọc Canal du Midi.

Con kênh xanh xanh này là một niềm tự hào to lớn của vùng Pyrenees. Canal du Midi nổi bật không chỉ bởi công nghệ mà còn vì vận dụng được sức phụ nữ. Có người bảo, khi đào kênh, dân Toulouse đã mượn sức của những người đàn bà vùng núi Pyrenees mới hoàn thành được. Công nghệ xây dựng kênh đào của vùng núi được mang xuống đây, bởi kênh nằm cao hơn với địa hình bình thường. Thậm chí

ra ngoài thành phố, kênh còn tóm gọn trong máng sắt khổng lồ, nằm cheo leo trên không như một cây cầu.

Tôi thích sắc xanh mát mỗi buổi sớm ở đây. Tôi chạy bộ, va vào những người đi ngược chiều. Cuối hè, chị em thuê xe đạp, đạp dọc kênh đi tìm hoa hướng dương. Tôi bị ám ảnh bởi loài hoa này, điều đó không lạ, vì đến Van Gogh hay Trịnh Công Sơn cũng không phải là ngoại lệ. Loài hoa rực rỡ này sáng rọi sự cháy bỏng, nhiệt huyết, chân thành của những ngày cuối hè đầu thu. Tháng trước khi tôi rời Toulouse để tới Barcelona cùng bố mẹ, hoa mặt trời mọc thành từng cánh đồng kéo dài miên man, từ chân đồi ra đường cái. Hướng dương trải thảm cả không gian vàng rực, đáng lẽ ấm áp niềm vui, nhưng khi đó lại chứa nhiều nỗi buồn băng quơ. Những ngày ấy tôi chưa biết mình sẽ đi đâu, về đâu?

Còn giờ đây tháng Tám, cây đã tàn, “xin mặt trời ngủ yên”. Tôi lao tới thì chỉ còn sót lại vài bông rực rỡ. Lá đã úa nhiều, hoa gục xuống, cho những hạt đen nháy sắp rời đài. Tôi hái trộm một ít mặt trời mang về nhà. Lại một giấc mơ nhỏ nhoi thành hiện thực. Những chiếc giỏ xe chở đầy hướng dương vút qua hàng phong cao vời vợi. Tôi lướt qua những con thuyền nhà nổi trên kênh, lướt qua những cánh đồng trơ rạ, những bãi cỏ xanh, hoa vàng. Xe đạp lao đi băng băng trong gió. Có con ve sầu rên rỉ, tím bụi violet chiều.

Tôi nhớ thằng em, tôi ít nhớ Toulouse. Những gì tôi nhớ về Toulouse chỉ là khu nhà nơi em tôi ở. Tôi nhớ hàng thông trước cửa. Tôi nhớ hàng phong dọc hai bờ kênh. Tôi nhớ hoàng hôn lúc mười giờ đêm, khi mặt trăng và mặt trời cùng xuất hiện. Hai điểm sáng trên nền trời thẫm đỏ. Khói thịt nướng bay lên, tôi ngồi ăn barbeque* cùng bố mẹ, em trai và bạn bè.

* Ở Việt Nam gọi là BBQ.

Tôi gặp lại Ngân. Ngân vẫn thế, hiền lành và mềm mại. Đôi lần nghĩ về Ngân, tôi hay tưởng tượng: Dù tôi có đi đâu thì ngoảnh đầu lại vẫn thấy Ngân ở đấy. Ngân hay nói: “Nga ngố, dù ấy đi đâu làm gì, tớ vẫn đang dõi theo ấy”. Chúng tôi gặp nhau bên Bỉ, không có gì chung ngoài con đường học hành. Thế nên những lúc khó khăn về việc học, tôi nghĩ chỉ có Ngân mới chia sẻ nổi. Nhưng ở Toulouse, tôi chỉ nói với Ngân về mấy vụ lang thang. Bố tôi ngồi uống bia với anh Tú. Hùng và Yến hì hụi châm lửa. Em trai tôi lằng xằng học mở bia. Mẹ tôi ngồi cắt baguette.

Mỗi người đều có người bên mình. Bố có mẹ. Ngân có anh Tú. Bạn Hùng có Yến. Tôi có em trai, cái đứa mà luôn biết nói những điều tuyệt vời. Mỗi lần tôi nấu bếp, nó hay bảo: “Nga béo, nhỏ con mà giỏi ghê”. Nó thường không tiếc lời khen, nên tôi cũng chẳng tiếc mình hay thời gian cho cái bếp. Ở đâu có bố mẹ, ở đó là nhà. Ở đâu có em trai, ở đó là nơi vui vẻ nhất. Nhiều nỗi buồn của tôi đã được khóa lấp ở Toulouse này, chôn kín đâu đó trong cánh đồng hướng dương.

Hoa hướng dương vẫn nở rục trời.

Những ngôi làng bốc cháy

Tháng Bảy nóng như đổ lửa, miền Nam nước Pháp giống một cái chảo dầu sôi sùng sục. Những ngôi làng ở đó cũng như muốn bốc cháy. Trên đường đi, hơi nóng bốc lên như nồi nước phở, vậy mà tôi vẫn đi. Tôi muốn tìm con đường đến với hoa lavender, nhưng sự thật thì con đường đó đã không kết thúc ở Valensole mà ở tận Saignon, Roussillon và cả Gordes nữa. Nơi mà chẳng mấy ai biết, kể cả làng chúng tôi ở trọ, ngôi làng mang tên ngắn nhất mọi thời đại - Apt.

Ngày lên đường, chị Hiền - cựu phượt tử, ba mươi lăm tuổi, mắt tinh ranh, độc thân vui tính, cao chừng gần 1m7, vác trên vai con ba lô tầm 60 lít, nặng khoảng 15kg. Áo tím cộc tay, tóc cắt cao, quần jean, giày thể thao, cười tới tai, chị vỗ vai hai đứa: “Nặng này nhằm nhò gì”. Tôi, 1m56, đương kim phượt tử, cận 5 đi-ốp, độc thân khó tính, vác vai con ba lô 20 lít, nặng chừng 7kg. Áo trong áo ngoài, quần dài tới mắt cá, chân đi giày, cười nguệch ngoạc: “Dạ đi thôi”. Bạn tôi, trai 1m6, không độc thân không vui tính, mắt lồi 8 đi-ốp, vác vai ba lô 30 lít, nặng chừng chục cân, lúc lắc cái tripod bên hông, cổ lăm le con Canon chuyên dụng, sơ mi xắn tay, quần Celio gấp vài lượt gấu, tất cổ dài, mặt méo xệch: “Chết nắng thôi”. Ba con người bốn tính cách lần đầu lập hội, lên đường chưa được năm phút đã hồ hởi, háo hức, như quen nhau cả chục năm trước.

Tàu đi vun vút như tên lửa, băng qua đồng cỏ, lướt nhẹ như nệm chân không, chỉ một cái chớp mắt đã tới Avignon. Thêm một cái chớp mắt nữa, chúng tôi đã ở giữa đám đông. Mọi người đổ dồn về đây vì đang diễn ra Lễ hội Nhà hát lớn nhất thế giới. Mọi căn nhà đều thành

nhà hát diễn kịch, mọi đứa trẻ đều thành nhân viên bán vé, còn bố mẹ chúng thành diễn viên. Trên mọi ngã đường, người ta biểu diễn xiếc, ca nhạc, nhảy múa, mời chào xem kịch. Có tốp nhảy thật hăng say trên nền bài “Englishman in New York” của Sting. Giai điệu đó đã theo tôi vào cả giấc mơ những ngày sau này. Chen lẫn giữa đám người, chúng tôi tới tòa lâu đài giáo hoàng, tới cầu Avignon, và nghỉ ngơi một chút ở quảng trường lớn. Năm 1309, một cha xứ người Pháp được phong làm giáo hoàng và ông đã chuyển ngai vị của mình từ Rome về Avignon. Tiếp sau ông, bảy vị giáo hoàng người Pháp khác cũng chọn nơi đây là nơi tại vị, tuy nhiên sau xung đột với vua Pháp vào năm 1378, thủ đô nước Ý đã lấy lại được vàng hào quang của mình. Khi mọi con đường đều đổ về thành Rome thì tòa lâu đài này trở thành viện bảo tàng, nằm uy nghi giữa trung tâm thành phố. Còn cầu Avignon vẫn vậy, vẫn như chưa bao giờ được hoàn thành, nhưng ai cũng biết qua bài hát nổi tiếng “Sur le pont Avignon”.

Chúng tôi ở lại Avignon cho tới chiều tà, lúc này người nhể nhại mồ hôi, mệt mỏi, ba lô nặng trĩu. Đoàn người chen lẫn trong thành phố càng lúc càng đông hơn. Thảo nào mà khó thuê khách sạn ở đây đến thế. Trèo lên xe bus để tới Apt, mặt trời đã bắt đầu chìm xuống bên kia sông, cái dịu êm bắt đầu xâm chiếm tinh thần. Đường lát gạch như gương, khiến mặt trời như được nhân đôi. Tôi gọi đó là hiện tượng ảnh đất, gập đôi ánh sáng, trang hoàng cho một buổi chiều tráng lệ. Cây cối không động cựa, ngâm mình trong nắng muộn và gió chiều.

Thành phố này bé tí hin, gọi là phố thì oan mà gọi là làng thì tội. Hàng quán đã đóng cửa, đường lên đèn. Thứ ánh sáng vàng dịu nhẹ, trải bóng chân tới các quảng trường nhỏ xinh. Trong những con đường hẹp, không bóng người, không cười nói luyên thuyên, chỉ có ánh đèn vàng và đèn đường loang loáng. Ngồi nhâm nhi ly kem rười rối sốt chocolate trong cái gió khe khẽ của buổi chiều sao mà tuyệt diệu. Xa xa, luống hoa hồng nở he hé bên cây cầu cũ. Thành phố này cũng từng

có quá khứ. Quá khứ tôi nói là một lịch sử hào hùng, chứ không phải vài cuộc tình vãn vơ.

Tối đó, chúng tôi đi ngủ rất sớm. Ngủ mà thở khò khè như có viên đá tảng trên ngực. Chỉ mong sớm mai dậy thấy mặt trời hiền hòa. Nhưng sợ thay, mặt trời như cô gái mới lớn, thích thoát mình khỏi sự thơ ngây, ngày một nóng bỏng, khiêu khích. Mới bảy giờ sáng vương quốc mát lành của tôi đã bị mặt trời xâm chiếm. Chúng tôi quần áo là lượt, lên đường ra trạm bus để hỏi đường tới cánh đồng oải hương. Vài cái lắc đầu, vài cái cười nhẹ, vài cái nhún vai, chúng tôi biết mình không có cơ hội nào tới giấc mơ. Tất cả chỉ có sự cảm thông từ những người dân cho lũ lớn đầu mà dại. Đang là tháng nghỉ hè, xe bus hầu như không chạy, lấy đâu ra xe mà đi với chơi. Lếch thếch, ba đứa hò nhau leo núi lên ngôi làng bé nhỏ, dễ thương Saigon.

Thật mừng là chuyến hành hương 5km đã có thành quả bước đầu. Đi được tầm 1km thì chúng tôi thấy ruộng oải hương. Hoa tím ngắt, Lá xanh rì, ong vờn vơ, vo ve và không có hàng rào. Ba đứa vui sướng như những đứa trẻ ngày đầu tựu trường. Chụp ảnh, tạo dáng, quay phim, hít hà mùi hương trong nắng. Chị Hiền quay sang: “Cũng đáng, cũng đáng”, hai đứa tiến sĩ ngơ ngẩn: “Chưa đáng, chưa đáng”. Mới có chút xíu thế này đâu bỏ, phải đi tiếp chị ơi. Vậy là hò nhau đi thêm, đi thêm nữa. Càng đi càng mệt mỏi, càng thấy quyết định của mình là sai lầm. Có vô vàn ruộng oải hương, ở xa tí tấp, nhìn mà không với tới. Có vô số ruộng oải hương, ở gần, chỉ cách một tầm tay và hàng dây thép gai nhúng điện. Chúng tôi cùng đường thật rồi, không biết nên đi hay về. Bỗng như thấy đất liền, hoa tiêu reo lên: “Làng trên núi kia”. Quá ấn tượng, chạy lên thôi. Chạy chừng 10m thì lại đi bộ rồi bò rồi lết. Là Saigon.

Saigon là ngôi làng nhỏ dễ thương, xinh đẹp nhất mà tôi từng biết. Mất tầm 30 phút thì bạn đi quanh được một vòng. “Đặc sản” ở đây

gồm: Dây leo lá nhỏ xanh mơn mớn, tường gạch, những giàn hoa lan tiêu màu cam đỏ, đường hẹp thật bé, đá lát bóng, những chõng củi khô cho mùa đông, vài khóm oải hương ven bờ, một thành lũy đã vỡ nát, một quảng trường lớn thật đẹp, con cún dễ thương, cây mận trĩu quả và cái nắng võ đầu. Nếu giả sử chúng tôi là gia đình: chồng đẹp, vợ xinh, vài đứa con dễ thương. Sáng chúng tôi dậy ngắm toàn cảnh phía dưới, trưa ra ngoài quảng trường nhâm nhi ly rượu, tối dắt tay nhau ngắm hoàng hôn trên tường thành, thì đó ắt là cuộc sống tuyệt vời, đáng sống vô cùng.

Chà, nếu Saignon đẹp thì Gordes thế nào? Gordes không chỉ đẹp mà còn ấn tượng. Khi bắt xe bus tới Gordes chúng tôi đã ngắm nhìn nó từ bên dưới. Cứ tưởng tượng một thành phố hoàn toàn bằng đá cheo leo ở tít trên cao, lơ lửng giống như lâu đài giữa trời ấy, giống ngôi nhà của Thượng Đế trong truyện “Bảy viên ngọc rồng”. Đại loại cả ba chúng tôi đã cực kỳ choáng ngợp. Thành phố nhỏ xinh ấy, nhà cửa bằng đá ngà ngà, hoa nở khắp nơi, cái gì cũng xinh, cái gì cũng đẹp, mà kể ra lại không thấy có gì. Trong cái không có gì ấy là một điều gì thật kỳ vĩ. Cứ nghĩ họ đã leo tít lên cao như thế, đục đá làm nhà, sống yên bình thanh thoi, không đáng kinh ngạc sao? Chỉ có điều đi lên Gordes đã khó, mà từ đó sang làng khác cũng khó. Đi hết Gordes chân mệt nhoài, mà tôi tham lam đòi qua cả Roussillon nữa, nên chúng tôi đành gọi taxi đi.

Tại sao lại là Roussillon? Ôi tại vì nó lạ. Nó là phần khác hẳn của nước Pháp. Một khu vực rộng lớn đất đỏ là nơi sống của người Roussillon thời xưa. Nổi bật trên nền trời là những ống khói đất cao thật cao. Các gia đình xưa sống trong lòng đất, làm ống khói cao lên, để đi xa, vẫn nghe thấy tiếng trẻ con khóc mà chạy về. Những rẻo đất đỏ càng trở nên oi bức trong cái nóng ngày hè. Những vạt đất bị cắt gọt, uốn lượn, tạo cho người ta những ảo giác, làm tôi nhớ giấc mơ Grand Canyon của mình. Bao giờ mới có cơ hội đặt chân tới nước Mỹ,

cho một giấc mơ thực sự. Tôi cũng chẳng biết nữa, chỉ biết mình đang cháy tới khô cong dưới mặt trời và sự cuồng nhiệt với vùng đất đỏ.

Gordes và Roussillon đều được bình chọn là những ngôi làng đẹp nhất của Pháp, đáng để đi và đi lại. Năm ngày ngồi lại nói chuyện với nhau, cứ nghĩ về những ngày hè ấy lại thấy đuối lòng. Nắng gì mà nắng ghê thế. Nắng làm tiêu tan hết mọi ký ức đẹp về một vùng đất. Nắng làm nản chí con người. Trong nắng, những ngôi nhà đá, những ống khói gạch đẹp hơn, tươi hơn, vui hơn miền ký ức.

Lus la croix haute - Tuổi trẻ của chúng ta

Cứ tới gần Giáng sinh là lòng tôi lại nôn nao muốn đi chơi tuyết. Tại Paris ít tuyết quá mà lòng người lại hay thèm thứ mình không có. Thế là bốn lễ Noel ở Paris thì có đến ba lễ Noel tôi đi trượt tuyết nhưng vẫn chưa biết trượt chỉ biết ném tuyết, giống như tuần nào cũng đi bể bơi chỉ để lội.

Năm đầu mới qua Pháp, tôi lơ ngơ láo ngáo nhưng lại hồ báo cáo chồn kêu gọi anh em đi trượt tuyết ở một hốc bờ tó tên là Lus la croix haute. Còn về tại sao tìm ra địa điểm mà tới bọn Pháp cũng trở mắt này thì quả tình là tôi không nhớ. Hình như là có xem album ảnh của một người nào đó trên facebook, thấy có vùng thiên nhiên đẹp, cảnh sắc hữu tình, tuyết rơi lung linh. Thế là search tứ tung thì tìm ra cái tên đặc sắc đọc trọ cả miệng Lus la croix haute, là nơi có tàu có thể đi tới, rồi từ đó cuộc bộ xiu là tới khu trượt tuyết tên La Jarjatte. Thực ra cái “xiu” đó không hề “xiu” tí nào.

Thế là vào một ngày đẹp trời tháng Mười hai năm 2012, một phái đoàn hơn chục thành viên lên tàu đi Grenoble, rồi từ đó bắt tàu vùng lên Lus la croix haute. Phải nói tất cả đều là những kẻ háo hức lần đầu trượt tuyết nên khi tôi khởi xướng thì mọi người còn không biết cái vùng đó ở đâu, cứ đâm đầu theo. Thậm chí các anh giai còn lập kế hoạch hoành tráng trước cả tháng, đi chỗ này, trượt chỗ kia. Trước khi khởi hành hai ngày, cả lũ lại hò nhau cùng đi mua giày chống thấm, áo chống ướt, găng tay, tất chân, miếng giữ nhiệt. Trước một ngày đưa thì nấu xôi, đưa làm bánh mì, đưa đi mua tôm cua cá mực cho vào túi trữ đông, để đảm bảo những ngày rét mướt vẫn có thể ấm cái bụng. Tất cả

vui như ngày hội. Chúng tôi thuê ba căn nhà gỗ trong một khu camping với giá rẻ bất ngờ. Trong ba ngày ở đó, gần như chúng tôi làm chủ nguyên khu thì mới biết vì sao nó rẻ, vì nó hẻo lánh, khi đó lại không đúng mùa trượt tuyết.

Khi vừa bước chân vào camping, khỏi phải hỏi anh em vui sướng thế nào. Những ngôi nhà gỗ bé nhỏ chạy dọc triền dốc nằm yên bình trong tuyết. Sau lưng là ngọn núi sừng sững, trên đầu là bầu trời xanh. Cảnh sắc cứ như trong phim. Thậm chí chỉ vài phút sau còn có tuyết rơi lất phất. Ai cũng sung sướng chạy ra ném tuyết, tung tẩy như trẻ thơ. Một lũ con trai hò nhau lăn cục tuyết thật bự để làm người tuyết. Cuối cùng cục tuyết khổng lồ lăn đi mất, may mà không xuống nhà dân phía dưới, không thì báo chí lại có bài đăng về sinh viên Việt chơi ngu. Ngày hôm đó thì tụi tôi không ngu lắm, biết dừng rất đúng lúc, để dành năng lượng đi quanh khu làng nhỏ.

Lúc này có thêm năm em gái từ Paris lên nhập cuộc. Các em mang theo cả nồi bò kho thơm nghi ngút và bánh kẹo kèm theo. Tất nhiên các em được chào mừng nhiệt liệt, không chỉ vì là con gái hay nồi bò kho. Cả lũ dặt tay nhau đi vào làng. Làng quê ban đêm thật yên ắng. Nhà cửa, hàng quán lèo tèo, chỉ có vài con chó sủa ma. Ngôi làng yên tĩnh bị đánh động vì một tiểu đoàn cười nói xôn xao. Hồi đó tất cả đều độc thân, không yêu, không ghét, không đổ kị, bon chen, chỉ thương mến nhau bằng thứ tình bạn học sinh vui tươi nhất. Mọi người quan tâm nhau rét, lạnh, đau, hoàn toàn tự nhiên trong sáng. Anh Trung cõng em Thủy đau chân, thằng nhóc Trúc đẩy xe cho tôi, chúng tôi đi mượn giày cho em Ngân, Khuyến nấu cháo vịt phục vụ anh em chơi khuya, em Thủy sáng ra dậy sớm ra lò bánh mì mua đồ ăn sáng cho các anh chị say giấc. Đến bữa tối cả lũ lại quây quần cùng nấu ăn, rửa bát, không phân biệt trai gái già trẻ. Sau đó thì chơi đùa hò hét cả đêm với trò Đuổi hình bắt chữ. Cái trò hại não mà chơi mê tơi. Chẳng ai nói về việc tiết kiệm tiền, lập gia đình, hay nuôi dạy con cái.

Sáng ra cả lũ lấy cái miếng ván trượt của khu camping rồi thi nhau trượt trên con dốc. Trò trẻ con mà vui kinh khủng. Có khi hai, ba đứa ngồi cùng một tấm, rồi để đứa khác đẩy cho. Trượt nhanh vèo vèo, kêu la oai oái rồi ngã dúm dụi, ai cũng cười toét miệng. Đến trưa thì khăn gói sandwich lên đường lên La jarjatte. Từ làng này tới khu trượt tuyết là 5km mà chẳng có phương tiện đi lại gì, thế nên gần hai mươi con người đi lang thang thất thểu trên đường. Cả lũ vừa đi vừa cười nói, hát hò huyên náo, gặp bãi tuyết bự thì lao vào chia phe ném tuyết. 5km hóa ra cũng gần, có điều tới nơi thì khu trượt đóng cửa vì mấy hôm trước trời mưa, thế là chúng tôi lại thất thểu đi về. Đường về cũng 5km mà như 50km, trời khuya vừa lạnh căm căm vừa tối mịt mù. Tôi lết được về mà chân tê cứng, miệng khô khốc, mặt phờ phạc, tự chửi mình ngu ngốc, tại sao lại đẩy đọa bản thân như thế. Thế mà khi căn nhà gỗ sáng đèn, bếp nướng bật lên, đồ ăn nghi ngút khói, mọi người đánh đàn hát ca, niềm vui trở về ngay tức khắc. Trí nhớ thật tệ, chỉ mới 30 phút thôi mà tất cả đói khát mệt mỏi đã quên sạch. Để sáng hôm sau thức dậy lại hào hứng lên tấm ván trượt ầm ầm xuống dốc.

Hôm thứ ba, theo kế hoạch là cả lũ lên hồ chơi. Tôi gọi taxi, họ bảo hồ đóng băng rồi, đường lên thì trơn trượt nên không đi. Thế nhưng họ vẫn cử xe tới đưa cả lũ tới chỗ nào không đi được thì thôi. Và họ thả chúng tôi ở một con đường cụt. Cả lũ ngao ngán nhìn nhau nhưng vẫn dấn thân thêm chút nữa. Một không gian tuyệt đẹp chưa từng thấy. Đó là một thung lũng ngập tràn màu trắng, bao quanh bởi những ngọn núi cao sừng sững. Tuyết ở đây mịn như muối, trắng tinh khiết, không có dấu chân người hay thú. Chân bước vào tuyết đã ngập tới đầu gối làm cảm giác sợ sệt tăng lên, có khi đây là cái hồ bị tuyết bao phủ. Thế nhưng cái đẹp đã làm mờ mắt, cả lũ cứ thế đi vào, hoàn toàn lạc lối trong cánh đồng mùa đông. Đẹp sao mà đẹp thế, vừa kỳ vĩ vừa tinh khôi. Tôi cứ đòi mọi người chôn mình trong tuyết mà không ai chịu. Ai cũng dờ dẫm vì tìm được một nơi lung linh kỳ ảo tới vậy. Sau vài phút choáng ngợp, cả lũ lại reo hò, lại trượt ván, lại kéo ván, lại ném

tuyết, lại ngồi chờ ra vì mệt, lại chia sẻ mấy chai nước tăng lực hay ít chocolate cho ấm người. Tôi thềm lại được phơi phơi như thế.

Tôi thềm cái cảm giác đêm cuối thấy tuyết lại rơi. Tuyết bay hạt to nặng ngoài cửa sổ. Cả lũ đội mũ, đội chảo, đội nồi chạy ra chơi. Tuyết rơi tuyết rơi kìa! Sao lần nào thấy tuyết rơi cũng cảm thấy lâng lâng, vui thú kỳ lạ, cũng xốn xang như sắp được tỏ tình. Tuyết rơi êm đềm qua giấc ngủ. Sáng hôm sau tỉnh dậy thấy camping trắng xóa. Các mái nhà trắng xóa. Cây cối trắng xóa. Nắng lên chiếu sáng tuyết, tuyết phản sáng lên rực rỡ cả quang cảnh. Thằng người tuyết kỳ dị vẫn đứng cười. Khói từ ngôi nhà bay lên như khói thuốc lá của anh Hùng phả vào trời lạnh. Mọi người lừng khừng, chẳng ai muốn nghe một tiếng còi tàu.

Trượt qua nghèo đói

Tháng Mười một năm 2013 bị thảm qua đi cùng chiếc điện thoại yêu quý bị thó tại Bỉ, tôi tự hứa với lòng là giờ sẽ nằm nhà yên ắng. Nhà tôi giờ có cuộc sống thật trầm buồn, trong tình trạng tài sản luôn là con số âm. Tài khoản của thằng em âm tới mức người ta khóa luôn cả thẻ, có hôm ra siêu thị mua đồ mà phải gọi chị ra cứu nạn (vì thứ đó nó lủng sục nguyên tuần, không thể không mua). Chị nó đang cày ở ruộng, tất tả, vượt nguyên cánh đồng, hớt hải tới, trên tay cầm theo cái thẻ mượn tạm của bạn (vì thẻ credit cũng đang trong thời gian bị khóa tạm thời). Giang thì đã âm tới tầm 400 euros gì đó, chỉ cần nhúc nhích thêm tí là sẽ bị phạt. Chuyện là thế. Noel này tôi quyết định ở nhà.

Thế nhưng, một ngày không đẹp trời, có mưa, có gió, cả lũ đang ngồi trong căn phòng gác mái, được mang tên thật đẹp Biệt thự Cây Dương (Villa de peuplier). Giang nói: “Tao sắp về, phải cố sống vội”, em trai từ giường bên nói vọng sang: “Noel này em được nghỉ nhiều, đi đâu em đi với”. Phải đi chứ. Thằng bé cả năm nằm nhà, lần đầu đòi đi chơi, làm sao các chị làm lơ được. Cần làm cái gì đó huy hoàng, giật gân, hợp mùa đông, đáng nhớ, không quá xa, không quá đắt. Đưa tất cả các cụm từ đó vào máy, nó báo: Trượt tuyết ở nơi ít người. Thế là huy động hết vốn tự có: tìm nơi trượt tuyết rẻ, tìm tàu, xe, tìm nhà ở, tìm tiền. Sau hai ngày tìm kiếm nát óc: les alps, les orres, vosgue, jura, grenoble, từ triền Đông giao với Thụy Sĩ tới triền Nam giao Ý, qua triền Tây giao Tây Ban Nha, cho tới trung tâm nước Pháp thì cái rốn của các khu vực đã được chọn. Massif de Sancy - vùng núi lửa lâu đời nằm trong lòng nước Pháp có thể là một điểm đến lý tưởng.

Tàu xe tới vùng này không quá đắt. Lên Covoiturage có hàng trăm ô tô mời gọi bạn đi cùng với giá 30 euros một chiều từ Paris tới Clermond-Ferrand (thành phố bự nhất vùng). Từ Clermond-Ferrand đi tàu vùng (TER) là có thể lên tới đỉnh Le Mont-Dore với giá 13 euros, thậm chí 6 euros cho người dưới 26 tuổi. Chiều về có thể đi tàu SNCF thẳng từ Le Mont-Dore về Paris, tầm 50 euros, hoặc 30 euros cho người dưới 26 tuổi. Giá ấy chưa bao giờ hời nhưng hợp lý với thời điểm ông già Noel đã bay tới gần nóc nhà. Hơn nữa kế hoạch lập ra đầu tuần để cuối tuần đi ngay nên dù nghèo cũng phải cho mèo đi chợ. Chúng tôi thuê một căn hộ nho nhỏ xinh xinh tên Le Marmotte, chỉ cách điểm trượt tuyết gần 10 phút đi bus. Nhà dành cho sáu người nên tôi đi kêu gọi anh tài khắp nơi đi chung cho vui, kết quả lên tới con số tám. Vậy là lên đường.

Massif du Sancy là vùng núi lửa nằm trong vùng Auvergne - một trong những khu vực nhỏ nhất của Pháp. Vùng núi lửa ở đây được hình thành từ năm đến sáu triệu năm trước, nhưng đã thôi hoạt động từ 200.000 năm nên chẳng còn gì nguy hiểm cả. Địa chất ở đây rất thú vị, chôn sâu nhiều bí mật: những xác cây cổ, sinh vật, hóa thạch, đất đá lâu đời. Núi lửa vùng Sancy được gọi là stratovolcano (núi lửa hình nón), gồm nhiều lớp lang: nham thạch, bụi núi lửa và nhiều thành phần khác nữa. Thú vị nhất là cái nồi súp từng sôi sùng sục ấy đã lạnh ngắt, còn bị ụp trong một lớp tuyết thật dày. Mùa đông người ta đổ xô lên trượt tuyết, mùa hè thì rủ nhau vào rừng chơi, thăm thú hệ sinh thái hoang dã với vô vàn loài cây cối cùng những con Marmotte dễ thương thi nhau ăn cỏ. Marmotte là họ hàng với sóc, giống con hải ly, lông dày rậm, hè rong chơi, đông ngủ vùi, đáng yêu vô cùng. Căn nhà trọ tôi thuê mang tên con này đó.

Sáu giờ sáng cả nhà lục đục dậy. Tay xách đồ ăn, tay xách ba lô, cả lũ vội vàng lên đường. Chiếc ô tô nhỏ đỗ xích trước nhà ga Biblio thèque Francois Mitterrand, một em gái người Pháp dễ thương tên

Chloé bước xuống, nhanh chóng mở cốp xe đầy quà Noel để ba đứa để đồ. Giọng Chloé có phần ngái ngủ, mệt mỏi nhưng cười tươi, nói chuyện tíu tít với thằng em ở ghế trước. Tôi với Giang ngồi sau gật gà gật gù. Bên ngoài mặt trời lên cao dần dần. Trời hồng nhạt, còn mây xám, từng cụm bị tan dần dần ra thành từng dải. Mặt trời lên cao hẳn, chói lòa cả mắt, màu cam neon nhạt. Cả ba đứa thờ đều đều, chìm vào giấc ngủ. Khi tỉnh dậy đã thấy mình tới Clermond Ferrand. Đang đứng đợi tàu trong cái dối và rét thì Tiến và anh Hân theo xe khác cũng tới nơi.

Hôm nay, giống như cái dớp mọi lần đi chơi khác của tôi, tàu xe ắt phải có vấn đề; hoặc dớp thằng em, thằng đó thuộc loại đen vô dối. Tàu đình công, cả chiều chỉ có hai chuyến bus. Bọn tôi lên được chuyến bus sớm, trong khi ba bạn hữu khác tới muộn, phải chịu lạnh lang thang ba tiếng ở Clermond mới có xe. Xe bus đi lên cao, đường núi ngoằn ngoèo nhưng cảnh vô cùng đẹp. Clermond bây giờ ở dưới, chỉ còn toàn nóc nhà và chóp đen tuyền của Notre Dame. Nhà thờ Gothic ở đây to và đen kỳ lạ như bị cháy xém, như một con quạ lớn, ấn tượng mà đáng sợ. Cây bên đường không xơ xác mà vẫn còn màu xanh. Xe đi vào những con đường bé, đường chỉ vừa một xe đi. Nhà cửa xây bằng đá, quán hàng bé xíu, người dân liu tiu. Đường càng vòng vèo, cảnh sắc bên dưới càng đẹp đến mức phải trầm trồ. Xe đi miệt mài, miệt mài, mất gần hai tiếng thì lên được đỉnh cao nhất của vùng Sancy này, người ta gọi là Le Mont Dore.

Bà chủ nhà tóc đỏ, cắt ngắn, đeo kính, phi ô tô ra đón khách, trong khi nhà trọ chỉ cách gara chưa đầy mười phút. Đại loại đứng ở gara có thể chỉ ra căn nhà. Nhưng cái làng này là thế, làng nhỏ xíu, gọi là làng thì hơi quá, chắc chỉ bằng một thôn hay một xóm ở quê mình, đi vài bước là tới. Nhà dân thì ít, nhà nghỉ thì nhiều, chợ không sầm uất, quây đồ thể thao thì san sát. Nhà cửa ở đây đều là biệt thự xây bằng đá, đẹp cổ kính, khiến ai cũng thèm muốn. Bọn tôi mất khoảng một

tiếng đi lòng vòng khắp nơi, kể cả sà vào quầy đồ lưu niệm. Sau khi đã hiểu rõ làng, thì chúng tôi xách cái làn đi chợ. Mua đồ cho tám người ăn trong bốn ngày, nên tôi, Giang, anh Hân, hay thằng em đều rã cả tay vì xách đồ, chỉ có Tiến êm ru nằm nhà ngủ theo phong cách quen thuộc.

Mới bảy giờ trời đã tối như đêm 30. Bếp nôi lửa nấu bữa tối. Căn phòng thơm mùi hành tỏi, thịt chiên, cả mùi baguette còn nóng hổi vừa mang về từ lò bánh mì. Ba bạn đường còn lại đã tới nơi, trong cái ấm của căn phòng dưới mặt đất. Một ít cacao nóng quấy lên, mùi thơm của bánh ga tô vừa ra lò (thơm nhưng ăn nhạt phèo), nhạc từ điện thoại của Tiến, mọi người âm ỉ hết cả lên. Anh Hân phụ thằng em nấu món thịt trứ danh của nó. Anh Phong dọn bàn, anh Tèo rửa rau, anh Cường phụ cắt saussicons, còn tôi với Giang đương nhiên đang cắm mặt vào một cái nồi nào đó. Một két bia chừng 5 lít, mở ra xối xả, nển thắp ở khắp nơi. Tiếng va chạm của dao nĩa, tiếng nhai oàm oạp, tiếng zô zô, chả có mấy tiếng nói khi cái bụng còn đói. Rồi như thường lệ, cả lũ hát hò, khi lũ khác rửa bát. Chúng tôi chơi trò chơi truyền thống “Đuổi hình bắt chữ” để tìm người phải nấu cơm rửa bát ngày mai. Vì trò đó mà nhiều cái đầu bốc hỏa, cần phải có thật nhiều tuyết của ngày mai thì mới mong bình yên.

Sáng mùa đông trời không sáng, không trong, nhiều mây, như báo hiệu một ngày sẽ nhiều mưa.

Chín giờ sáng mà trời nhá nhem như thể màn đêm đã quay lại. Mặc dù trên cơ thể bạn tuyệt nhiên chẳng có sự đối xứng nào: mắt trái bé hơn mắt phải, chân phải cong hơn chân trái, nhưng trong vũ trụ tồn tại nhiều sự đối xứng, thời gian là thứ ảnh hưởng rõ nhất. Đôi khi bạn thấy những ngày của mình đột nhiên giống hệt thời khắc này vài năm về trước. Ví dụ mùa hè năm 2011 tôi đi cắt tóc, về định khoe bạn bè. Tự nhiên đợt ấy trên facebook có phần thông báo lại những *status* bạn

đã đăng vào ngày này một năm trước, nhìn sang góc phải tôi thấy chèn ềnh “Got a new haircut”, đúng ngày này năm 2010. Tôi ngờ ra, giống như bị điện giật vì sự trùng hợp của quá khứ. Đại loại thế. Sáng bạn đi ra khỏi nhà đi làm, chiều lại cũng con đường ấy đi về, mở cửa rồi vào nhà. Những sự đối xứng tương đối ấy có rất nhiều. Lúc này đây chín giờ sáng thì tôi tưởng là sáu giờ chiều. Tự nhiên năng lượng tụt hết, chỉ muốn nhảy lại vào nhà, ăn rồi đi ngủ.

Sự thật thì bạn tôi cũng ăn, chỉ là không đi ngủ nữa mà lên đường đi trượt tuyết.

Chọn tạm một cửa hàng để thuê giày, ván, cả mũ trùm trùm lại. Người ta bắt bạn khai chiều cao, cân nặng như khi đi khám sức khỏe ở bệnh viện. Một anh cao ráo, tóc xoăn, nhanh nhẹn đưa gậy, đưa ván, vừa với chỉ số cơ thể, hơn nữa còn hợp màu sắc trang phục. Tôi có một cái ván hồng cho áo khoác hồng còn Giang ván trắng cho áo trắng. Thế mới thấy anh ta tinh tế thế nào. Các bạn khác cũng nhanh chóng đóng bộ đầy đủ, rồi tay xách nách mang linh kinh đi đợi bus.

Đi bus chỉ mười phút thì đến bãi trượt. Trong mười phút ấy đủ để cả lũ nhìn ngắm bao quát cả thành phố, thậm chí đi qua cả những sông hồ và cánh đồng nho nhỏ có đàn bò gặm cỏ. Tuyết năm nay chưa nhiều lắm, hoặc đã kịp tan rồi. Khu trượt tuyết mới mở được khoảng một tuần mà tuyết đã hơi mỏng, hơi đóng đá làm đường trượt nhìn thật đáng sợ. Núi Mont Dore cũng cao, nhưng có lẽ không cao bằng đỉnh Mont Blanc nổi tiếng. Mấy đứa vội vàng đi mua thẻ vào cửa, với tấm thẻ này bạn có thể thoải mái đu cáp lên đỉnh núi, tha hồ ngắm cảnh sắc phía dưới. Chỉ có điều lên tới đỉnh thì phải trượt xuống, chứ chẳng có cáp nào đưa xuống. Tôi chỉ nhìn đỉnh núi lờ mờ, khô khốc, nứt nẻ từng khúc đang chồi lên giữa tuyết kia là đã run cầm cập.

Đi đôi giày nặng cứng kèm cái ván, bạn có cảm giác mình là một con rô bốt. Những bước chân bây giờ uy nghi, giậm nặng trịch xuống

tuyết trắng. Mỗi bước đi khố sở như có hai đũa nhóc con đu hai bên chân, giống khi Quy lão tiên sinh ốm nhách bị Songuku và Krilin bám vào năn nỉ xin được học võ ấy. Kéo lê đôi giày đã khố, kèm thêm cái ván nữa thì tốc độ đi bộ chỉ tính bằng cm/phút. Nhọc nhằn lắm thì tôi mới tự lôi mình qua được trường học của tụi trẻ con. Các em bé mặc áo liền quần hồng, vàng, xanh, đầu đội mũ bảo hiểm, má hây hây, nhìn đáng yêu vô cùng. Tụi nhỏ xếp hàng giống mấy con chim cánh cụt, lút cút đi theo thầy giáo. Đứa nào nhìn cũng hau háu, trượt nhiệt tình, không hề sợ hãi. Hồi bé chừng tụi nó, tôi cũng hiên ngang ngồi cho người ta bắn lỗ tai pằng pằng không khóc. Tôi cũng can đảm ngồi vào lồng uốn để làm tóc xù mì mà không kêu tiếng nào. Giờ thì chỉ thấy nườm nượp người trượt xuống chân núi đã hết hoảng.

Thực ra thì cũng có nhiều đoạn thoai thoải, gần như đường bằng, ở đó bạn tha hồ đi, trượt, bò, lê lết, đứng dậy, trượt tiếp. Cả lũ tám đứa lôi nhau vào bãi cuối, ở tận cùng của chân núi, nơi thi thoảng mới có cao thủ trượt như bay tới. Để đến được thiên đường ấy là cả một hành trình. Anh Tèo lao xuống như vũ bão, lúc sau đã hỗn hển: “Trời ơi, xui quá, xém gãy chân”. Anh Cường vẫn kiên trì vừa đi vừa ngã ngửa. Thằng em tôi thì ngã nhiều quá tới mức chán, nằm luôn tại chỗ nhắn tin. Tiến và anh Hân thì không dám xỏ ván vào, vẫn từng bước miết chân trên nền tuyết. Tôi, Giang, anh Phong thì vẫn cặp kè, chị ngã em nâng. Đứa nào cũng đứng lên ván, trượt hai giây là ngã oạch. Mất khoảng năm phút mới đứng lên được.

Đúng là “thật khó để đứng dậy sau khi vấp ngã”, câu này tôi cam đoan là rút ra từ việc trượt tuyết. Sau một hồi ngã ê mông thì Giang vẫn chưa thể nào tìm được cách nào để tự đứng. Còn tôi thì quỳ một chân xuống, chống gậy lên, đè nguyên nửa tạ thịt vào cây gậy, rồi cố gắng hết sức lôi bản thân đứng dậy. Thành công 90% nhưng ống chân thì đau vô cùng, giống như cái thành cứng của đôi giày sắp đập vỡ ống quyển. Có lúc chống không nổi, hai chân choạc sang hai hướng, tôi

ngồi đúng hình chữ V. Đôi giày cực nặng đè lên ống quyển, cảm giác như các mạch máu căng phồng lên, sắp vỡ tung, còn cái ống xương chân thì bị bó cứng, sắp vụn từng mảnh nhỏ li ti. Đau quá, tôi gào toáng lên, thế mà chả có ai tới giúp giữa cánh đồng trắng xóa tuyết ấy.

Lâu dần, mọi người bắt đầu tiến bộ. Tôi biết chụm hai chân chữ V để giảm tốc, biết hơi nghiêng ra nhưng mỗi lần giảm tốc là lại ngã chổng vó. Cứ bon bon trên đường thì không sao, mà dừng lại một phút thôi là ngã dúm dúm. Các anh chàng thì vẫn khỏe lắm. Tôi với Giang ngã sõng soài, chỉ mong được khiêng về. Trời lạnh ơi là lạnh. Gió thổi từng đợt tuyết mịn như cát ào ào vào mặt. Cả lũ bò vào quán cà phê gỗ. Cà phê ở đây không ngon nhưng rẻ. Chocolate nóng được rót vào những chiếc bát bé. Vùng Auverge này cũng giống ở Ardèche, uống chocolate nóng đều bằng bát, mà thậm chí bát ở Ardèche còn to hơn rất nhiều, như cái bát tô ăn ngũ cốc vậy. Chocolate, rượu vang nóng, nước cam, bia, để lấp đầy khoang trống còn sót lại của dạ dày sau khi ăn bánh mì.

Mới ba giờ chiều mà trời đã âm u. Tôi thấy vậy chùn bước. Trong quán cà phê, hơi ấm lan tỏa, trừ đôi chân nằm trong giày trượt thì không tài nào thấy ấm nổi. Thằng em ca cầm mất găng tay. Tôi quăng cho nó đôi găng tay của mình rồi ngồi lại quán. Bảy đứa còn lại vác vác lên đường, quyết tâm phải trượt hết một đường. Ai cũng muốn trượt xuống, bắt cáp đi lên rồi lao xuống. Đường trượt này hơi dài chứ thực ra không cao, nhưng ai cũng hào hứng khi được đưa lên cao, rồi hoảng hốt vì tới trạm là phải nhảy xuống vì cáp không dừng lại một giây nào. Cứ nghĩ đến khả năng có thể đập mặt là tôi hoàn toàn hài lòng với việc ngồi một mình tại quán. Ấm áp vô cùng. Tuyết gió thổi ào ào rồi mưa. Mưa sầm sập, trên mái nhà, trên hàng hiên gỗ trước cửa. Tôi dán mắt vào cửa sổ xem mọi người đang dúm dúm ở nơi nào đó ngoài kia.

Lúc đấy tôi hoàn toàn ngồi không, không suy nghĩ gì, trong hai tiếng đồng hồ không nói, không đọc, không chơi game, chỉ có một cốc cà phê và một mình. Lúc đó giống như tôi về với hồi bé, ngồi nhìn kiến bò qua. Chỉ đôi lúc, tôi nghĩ: Sao họ lại thích cái trò chơi này nhỉ: trèo lên, trượt xuống, chỉ đơn giản vậy thôi thì có gì? Tôi bắt đầu loay hoay tìm mục đích của mọi thứ xung quanh. Âm nhạc, phim ảnh, thể thao... tất cả những thứ hiện hữu đó, rõ ràng có thể không có trong đời sống, vậy mà ta vẫn đam mê.

Ngoài kia, họ cũng vậy. Họ đam mê chinh phục tuyết, mưa, cái lạnh, sợ ngã, sợ đứng dậy, sợ thua người khác. Tôi đang nằm ngoài tất cả những cuộc tranh đấu ấy. Tôi thản nhiên, mặt ấm nóng, nhưng không hề ngượng ngùng với sự bỏ cuộc nhanh chóng của mình, dù biết nó thật ngu ngốc. Rõ ràng có những điều mình có thể làm, vậy mà sự lười nhác đã làm hỏng tất cả.

Chỉ tại đôi găng tay bị rơi mất mà thôi.

Giáng sinh trên con đường rượu vang

Đại loại tôi có bà chị cực kỳ “ham chơi”. Mỗi câu chuyện của hai chị em khác thường ở chỗ không nói về phim ảnh, thời trang, ăn uống gì, mà chỉ xoay quanh việc chị vừa đi đâu về, em sắp đi đâu đấy, hay chị đang đọc sách nào, em muốn đọc sách gì vậy. Thế mà nói chuyện từ sáng đến chiều, từ lúc chị dọn bánh mì ra vườn, tới ăn trưa, nằm hóng nắng, đến tận tối lên giường đi ngủ. Những câu chuyện đi du lịch chỗ này chỗ kia cứ ào ạt, lần nào nói chuyện với chị xong cũng có hứng hơn, muốn đi hơn, một phần vì ganh đua, một phần vì con ngựa trong mình lại ngóc cổ dậy. Như mọi thành phần ham chơi khác, hai đứa đều dự định sau khi kết thúc cái nghiệp tiến sĩ thì xách túi lên đi cho đã đời, vòng quanh thế giới như chị từng ước, hay đi một chuyến Nam Mỹ để đời như tôi vẫn mong.

Thế nhưng tốt nghiệp xong thì chị lăn ra ốm, nghe đồn bạo bệnh, cũng liệt giường liệt chiếu, đến nỗi anh bồ đã kịp sung sướng là sắp thoát thì chị khỏe lại. Nhưng giờ thì sức khỏe không cho phép, tiền cũng không, chị đành nằm nhà, đi kiếm việc. Có việc, có tiền, chị lại tính xách ba lô đi, cũng tới mức nghiên cứu đầy đủ bản đồ, vé máy bay loại một năm, visa các kiểu, tức là sẵn sàng lắm rồi thì ùng phát lại bị dụ hùn tiền mua nhà với anh bồ. Giờ có cái nhà, có cái vườn thì suốt ngày còn phải lo chăm cây, tưới nước, và trả nợ mua nhà. ùng cái năm ngoái chị gãy chân do trượt tuyết, trong cái rủi có cái may, tự nhiên chị lại đâm rảnh rang. Chị gãy chân mà năm về Việt Nam mấy chuyến, thấy tôi đi Puglia sau đó cũng đu dây sang bằng được, còn đi được cả Alberobello, miệng la chân đau mà vẫn cố làm chuyến Thổ Nhĩ Kỳ dài ngày. Đúng là không gì có thể ngăn được bước chân chị.

Tôi thì tốt nghiệp xong, chợt nhớ ra là giờ đã có thêm một anh chồng vất vai, đi riêng đâu có đành, đi đôi thì không có của. Thời điểm đó đúng là kiệt quệ thật, thậm chí bây giờ cũng chẳng khác hơn. Giấc mộng Nam Mỹ đi tong, trước cả khi bố mẹ kịp ngăn cản (mặc dù bố béo đã từng vui miệng nói hay để bố tài trợ cho đi một tháng) bởi anh chồng nghĩ ra mưu kế mới, không ngăn cản dài dòng mà trông cho tôi cái bụng bự. Thế là thôi, tất cả vì tương lai con em, năm nhà nghỉ ngơi, xem phim Hàn Quốc dài tập, biến thành một bà cô nội trợ phù phiếm. Vậy đấy, một người gãy chân chưa lành, một nàng bụng bự ham chơi, thích đi nhiều nơi mà tuyệt nhiên chưa cùng đi chơi cùng nhau bao giờ.

Đợt ấy, tôi vừa bảo vệ luận án tiến sĩ xong, hình như được một tuần, lúc đang ngồi trong quán phở, chị bảo:

“Chúng ta có nên đi chơi một chuyến không?”. Tự nhiên ước mơ về việc lái xe theo hành trình từ Pháp qua Tây Ban Nha tới Bồ Đào Nha sang Maroc của “sáu người đi khắp thế gian” lại trỗi dậy. Giấc mơ đấy hai chị em ấp ủ từ rõ lâu, cứ bảo đợi tôi bảo vệ xong là tung cánh. Thế nhưng sức chị chưa đủ để đi dã chiến, cái kế hoạch nghe cứ xa vời như ông mặt trời. “Chị muốn xem chợ Noel ở Strasbourg, đi Strasbourg nhiều mà chưa được coi chợ”. Tôi thì cũng nghe danh tiếng Strasbourg lâu mà chưa đi, mỗi lần đi cứ thấy vé mắc, nhà cửa không rẻ lại gác lại, chưa kể mang tiếng ở Pháp tới vài năm mà còn ham hố chợ Noel thì cứ quê quê nên ngại bày tỏ mong muốn. Giờ thấy chị ở hơn cả chục năm, quốc tịch nắm trong tay mà vẫn rạo rức nghĩ tới các gian hàng thủ công, thì thấy hóa ra mặc áo mới ngày Tết không bao giờ chỉ là giấc mơ trẻ nhỏ. Ừ thì mình đi.

Chị có con xe ô tô Nissan mua từ hồi mới có bằng lái. Xe nhỏ, thông minh đi tới đường nào là biết địa hình đường đó. Đường gập ghềnh thì xe nhún nhảy, đường cao tốc thì xe hút xăng, đường dốc thì

xe tự giảm tốc độ, chỉ có đường quê là xe băng băng. Với con xe ọp ẹp đó, chúng tôi chở bốn người, đi ì ạch trong màn mưa giữa tháng Mười hai. Trời hôm đó xấu thật, trời sầm sì từ sáng tới tối, mưa giọt ngắn giọt dài, những cánh đồng nho của vùng Champaign chẳng còn thấy đâu, xe xung quanh lao đi lạnh lẽo, thỉnh thoảng mới thấy ít cây xanh bên đường. Hay thật mùa đông này, cây cối lại bị lừa đâm lộc giữa giá rét rồi! Tôi những tưởng trên con đường dài này sẽ có những cảnh sắc tuyệt vời, giữ tôi gắn bó với con đường, hóa ra trời mưa ứ đọng đôi lần đã làm dấy lên mong ước được trở về nhà, nằm trên giường, xem phim Hàn Quốc. Hai bạn đồng hành ngồi ghế sau đã ngủ. Mọi lần tôi có lẽ cũng đã ngủ, nhưng giờ tôi đang ngồi ghế trước, nói luôn miệng không ngừng, để tay lái chị không dừng.

Có chút tắc đường nên chúng tôi đến Metz sau bốn tiếng. Metz không đẹp rực rỡ, thú vị, chỉ có thật nhiều nhà thờ ở khắp nơi, Centre Pompidou với kiến trúc mái chiến binh Trung Quốc và những cơn lạnh thấu xương. Trời vẫn mưa, mưa to hơn, trời đã tối, đã tối hơn rất nhiều. Mới năm giờ chiều khi rời Metz mà cảm giác như đã chín, mười giờ khuya. Lần này chị không đi vào Autoroute, mà đi những con đường tỉnh lẻ. Đó sẽ là sự lựa chọn hay cho ban ngày, bởi ở đó có cuộc sống, có sự thanh bình, những cánh đồng, không tắc đường, êm ái, tiết kiệm xăng. Nhưng bây giờ, trời mưa, tối, mịt mù, thì chính chị cũng thấy thật sai lầm. Những ngôi làng nhỏ, tưởng chừng chỉ có vài ngôi nhà, nằm rìa các con đường, trồng thêm vài cây cột đèn, đặt một cái tên, thế là thành một ngôi làng. Không một bóng người, bóng xe, tất cả đều hiu, quá tiêu điều cho một ngày giáp lễ Giáng sinh. Hết con đường này tới con đường khác, tất cả quy định tốc độ 60, 50 rồi 30km/h, khiến cho quãng đường từ Metz tới Strasbourg mất gần ba tiếng đồng hồ, trong khi vì vụ trên cao tốc thì chắc chỉ hơn một tiếng. Tôi gần như đã ngủ ở một tiếng cuối cùng. Chắc chị cũng mệt và kiệt sức lắm. Khi tới nhà trọ không ai còn đủ sức làm gì nữa, uống sữa

xong tôi leo lên giường, quên cả lời hứa sẽ mát-xa bù đắp cho sự cực khổ của chị ngày hôm nay.

Sáng hôm sau trời đã đẹp hơn, hứng nắng vào sớm hôm. Phòng khách của ông chủ nhà có nhiều giá sách và đầy nắng trải trên sàn. Phòng ăn cũng có chút nắng yếu ớt rọi trên mặt chiếc bàn ăn to bự ở giữa. Đêm qua chính tại đây, ông hàng xóm yêu quý kể đủ thứ chuyện rồi còn chỉ trên bản đồ, cho chúng tôi biết những làng đẹp phải đi tới. Tôi tham lam, chị cũng không kém, nên lập một hành trình đi cho bằng hết. Hôm nay sẽ là Obernai và Strasbourg, ngày mai sẽ là những nơi còn lại. Chị đã quyết, vậy là sẽ đi hết, tôi hào hứng vô cùng. Chuyến đi này thật thú vị, lần đầu tiên đi cùng một người cũng trâu bò như mình, lại là lần đầu tôi ở trọ AirBnB (một loại hình thức trọ giá rẻ, ở cùng chủ nhà). Phòng chúng tôi cạnh phòng chủ nhà, nghe có vẻ bất tiện, nhưng chủ nhà thân thiện, bếp đẹp, nhà tắm tiện nghi, thêm ông hàng xóm đáng yêu kia thì không có gì phải ca thán cả.

Obernai cách Strasbourg khoảng 30 phút chạy xe. Ngôi làng này nổi tiếng vì có ngọn núi của thánh Odile, cũng là một trong những làng cổ, dễ thương. Làng nhỏ xíu, chạy xe vào một chút là đi hết. Những ngôi nhà ở đây xây theo kiểu Half - timber, tức là nhà xây bằng đất còn khung nhà bằng gỗ được khoe khéo hết ra ngoài.

Kiểu nhà này không chỉ phổ biến ở Alsace mà còn ở vùng Normandy và xứ Basque. Mỗi ngôi nhà có một màu sơn khác nhau, vàng hồng nâu xanh đan xen rực rỡ. Kiểu nhà này nhìn cứ như đồ chơi vì quá đáng yêu và cổ tích. Hôm nay là thứ Năm, làng có phiên chợ sáng, bán các loại nông sản và hàng thủ công, bên cạnh chợ Noel. Chị chưa tới chợ Strasbourg đã tốn hết tiền ở đây, bởi cái gì ở đây cũng thú vị từ kẹo khuynh diệp, kẹo dẻo, tới mật ong, trà, rượu. Obernai giữ chân hai chị em hết buổi sáng thì cũng không còn gì để chơi nữa.

Về tới Strasbourg thì trời lại đổ mưa. Ông trời thật phụ lòng người. Về độ lớn thì Strasbourg phải gấp năm lần, bảy lần Obernai. Thành phố tráng lệ này như sinh ra để dành riêng cho Noel. Đường phố được trưng đèn, chăng hoa, rực rỡ khắp nơi. Thật hiếm nơi nào trang trí Noel tinh tế như ở Strasbourg, từ cây thông cao lớn đặt giữa quảng trường vắng tới các hẻm nhỏ với đèn xanh rủ xuống như giọt nước, rồi các cửa hàng trang trí gấu, ông già Noel, tuần lộc trên mái nhà. Đặc biệt ở đây cây thông Noel không chỉ gắn đồ chơi bằng nhựa mà còn gắn quả táo, quả lê, trông rất sung túc và tươi mới. Mọi thứ đều đẹp cầu kỳ mà giản đơn, truyền thống mà mới lạ. Không có sự phô trương thái quá, hay màu mè rực rỡ quê kệch, đi đâu ở Strasbourg bạn cũng phải ồ à vì sự kiêu kỳ của thành phố này. Một sự xa hoa đáng giá, không đơn điệu, nhàm chán như Paris hay những thành phố lớn khác. Dù ở đây người có đông đúc, nạn trộm cắp có nổi tiếng thì tinh thần Noel họ mang lại vẫn thật tuyệt vời. Hình ảnh lung linh, những phiên chợ nhiều quầy hàng, mùi vị thơm lừng của những quầy rượu vang hương quế, tất cả đầy đủ cho những gì người ta mong đợi ở mùa Noel.

Chị mua hai cốc nước cam quế vì hôm nay chúng tôi đã uống đủ rượu rồi. Cốc nước cam nóng ấm trong tay làm vài giọt mưa chưa rơi cũng kịp biến mất. Noel phải hơi lạnh lạnh, hơi âm ấm thế này mới đúng kiểu. Người ta chen nhau ở các gian hàng, khác hẳn sự vắng vẻ ở Obernai. Đúng là danh tiếng mang lại cho người ta tất cả. Gian hàng ở nơi đây to, nhiều và đa dạng. Ngoài những gian hàng đặc trưng dễ dàng tìm thấy ở Paris như hoa quả khô, rượu, trà, bánh kẹo, đồ bông, nệm, thì ở đây còn có thêm đồ gốm sứ, hay mấy thứ đặc sản thịt khô và rượu của vùng Alsace. Vùng này gần nước Đức nên tiếng nói ở đây hao hao tiếng Đức. Đi vào chợ nhiều khi không nghĩ mình đang ở Pháp nữa. Cảm giác ấy cũng thú vị, giống như mình đi thêm được một đất nước mới. Chị lại sà vào gian hàng bán tất, trà hay xà phòng. Tôi thì cũng ngó nghiêng đôi chút, chợ Noel mang lại cảm hứng chơi bởi hơn là mua sắm.

Từ trên cao Strasbourg nhìn xuống, chợ ngợp gian hàng lợp mái màu cam, ở dưới thấy đông đúc vậy mà từ đây mới thấy rõ chợ chỉ nằm khiêm nhường trong vài góc ở quảng trường lớn. Thánh đường của Strasbourg cao thật cao, khiến người ta đi lên, chen chúc giữa những bậc thang uốn éo, nhỏ hẹp mà phát hoảng, lên đến nơi thì lạnh toát người mà mồ hôi vẫn chảy. Cơ thể mệt nhoài do gió rét và độ cao đã hút hết năng lượng. Trời ả sao mà lạnh lẽo đến thế! Người ta chịu đựng nhường đó chỉ để thấy mình ở trên cao ngất, ngó xuống thấy cuộc sống cuộn chảy bên dưới, thấy mình thành thời và nằm ngoài vòng xoáy dưới kia.

Nói vậy thôi nhưng ngày hôm sau chúng tôi lại lao vào nó. Vòng xoáy của sự tham lam du hí khiến con đường về nhà xa càng xa. Bình thường người ta chỉ phóng một mạch từ Strasbourg về Paris, nhưng chúng tôi đi hướng ngược lại về Colmar, giữa đường còn ghé những ngôi làng nhỏ. Chọn đường Route du vin, giữa những cánh đồng nho giờ đã khô héo, giữa những ngôi làng làm rượu xinh xắn, đi giữa cuộc sống thường nhật của người dân vùng Alsace. Con đường này rất lãng mạn, nhất là vào một ngày sớm ra đã có nắng. Xe cứ thoải mái chạy một mình một đường. Hết cánh đồng nho là tới làng, hết làng là tới cánh đồng nho, cứ men theo biển báo chỉ Route de vin để tránh xa núi sừng sững. Chúng tôi đang lập kỷ lục của chính mình, giữa thế kỷ XXI, đi xe vẫn dò bản đồ giấy. Hành trình vẫn hoàn hảo cho tới khi chúng tôi đi lạc vào một con đường lạ.

Thay vì đi về cánh đồng, chúng tôi đang lao vào núi. Chúng tôi đâm thẳng vào nó. Xe ì ạch lao lên, đi vào con đường núi nhỏ bé, trơn lá mục. Mưa bắt đầu tới, trời tối hơn, xe đi một mình, không biển chỉ đường, không GPS, không người, không nhà, chỉ có cây, núi, núi và cây. Tôi bắt đầu hốt hoảng, chị vẫn hờn hờ: "Đường này chạy mô tô thì nhất". Cứ thế trong sợ hãi, mệt mỏi, xe lên tới đỉnh, rồi chồm xuống bên kia. Những ngôi làng nhỏ lại hiện ra, rồi biến mất. Tôi nói

ba chuyện nhặng nhít để trấn an mình. Xe lạc lối trong núi, trong rừng tới hơn hai giờ đồng hồ. Chỉ còn vài căn nhà lác đác trên núi khiến người ta thêm sợ. Nếu cứ tiếp tục hành trình này chúng tôi sẽ đi vào vùng rừng Vosgue, và Colmar sẽ là giấc mơ xa vời. Đó mới là điều tôi sợ hãi, hơn cả đi lạc. Dù không muốn quay đầu lại đường cũ, chị vẫn phải làm điều đó tới hai lần, nhờ vậy chúng tôi đi khỏi được rừng cây. Sélestat rồi Ribeauville hiện ra. Nếu đi đường quốc lộ chắc chúng tôi đã tới Colmar từ nhiều tiếng trước rồi.

Ribeauvillé không được người ta nhắc đến nhiều trong sách vở du lịch, đến cả ông già hàng xóm cũng chỉ nói về nó như là điểm dừng chân không đặc sắc. Nhưng với tôi, nó thật đẹp, nhà cửa thật truyền thống, rực rỡ và nguyên sơ, không hiểu cái cảm đẹp đó là do thực tâm hay do vì vừa thoát khỏi núi rừng nên dễ thấy yêu văn minh. Ribeauvillé với món bánh tarte flambeé* vùng Alsace, có choucroute chua lè và thịt xông khói thêm phần nào xoa dịu cơn mệt mỏi do lạc lối. Lại một ngôi làng sinh ra cho Noel hoặc sinh ra từ Noel. Xe tiếp tục lên đường sau bữa trưa. Giờ thì tôi phải căng mắt ra để nhìn biển đường. Tôi sợ núi lắm rồi!

* *Flambeé gần giống pizza của Mỹ, thành phần chính gồm phô mai trắng, hành tây và thịt xông khói.*

Cuối cùng chúng tôi cũng gặp gỡ Keyserberg. Thành phố nhỏ xinh này bắt người ta phải đi bộ vào. Xe cộ đều phải đậu bên ngoài thành phố. Nơi đây xứng đáng với danh hiệu UNESCO phong cho, bởi sự cổ kính, dễ thương, đẹp đẽ, an bình của nó. Một con suối nhỏ bao quanh róc rách dưới chân, một ngọn núi sừng sững bên hông như vói ra là chạm tới, một ngôi làng được bao bọc tường đá với muôn vàn ngôi nhà mang phong cách đặc trưng của Alsace. Trong những cửa hàng quà lưu niệm nơi đây, nhân viên bán hàng còn mặc trang phục truyền thống. Những ngôi nhà thật đẹp, thật to lớn, đầy màu sắc, phô trương

được bộ khung gỗ quyền uy hàng trăm năm tuổi của mình. Ngôi làng này mới thật là giống trong truyện cổ tích, người ta phải lạc lối ở đây, hoặc chấp nhận lạc lối để tới đây. Dù không có mưa thì chúng tôi vẫn phải nán lại đây phần lớn thời gian cuộc hành trình, để rồi Colmar, điểm đến mong đợi lại trở thành nơi tạm dừng chân.

Centre ville của Colmar cũng hao hao Strasbourg. Cái thành phố này lớn quá, phải gần bằng hai phần ba Strasbourg, đủ để sống, mà không đủ để ngắm. So với Keyserberg - nơi mà đâu đâu cũng làm người ta ồ à trước vẻ đẹp làng quê thì Colmar khiến ta trầm trồ đôi chút khi thấy vẻ đẹp xưa thấp thoáng trong bóng dáng đô thị. Khu phố cổ của Colmar đẹp, nhưng cũng giống như Strasbourg, có quá nhiều hàng hiệu hay hàng phố cập ở đây. Chợ Colmar cũng hay nhưng lại tương tự chợ Strasbourg. Nhà cửa Colmar cũng đẹp nhưng cũng chả khác gì mọi ngôi nhà trên tuyến Route du vin chúng tôi đã ghé qua. Nếu như ở những ngôi làng kia, nhà đẹp nằm rải rác, thì ở Colmar chúng bị lôi vào tùm tùm trong phố cổ. Vậy thôi.

Colmar nơi mà tôi luôn muốn đi từ rất lâu rồi, hơn cả Strasbourg, nhưng chỉ để cho tôi dấu ấn phai nhạt nhất. Con đường từ Colmar ghé Nancy lại bị kẹt hàng cây số. Con đường từ Colmar về lại Strasbourg xe đi cũng chậm rì rì. Mọi con đường về với Paris đều bị ứ đọng. Vậy mà chúng tôi vẫn phải về, băng qua đêm, qua mưa, qua nổi mệt mỏi. Chúng tôi cần về nhà.

Lang thang ở Ireland

Có buồn cười không khi tôi thôi nói về nước Pháp? Tôi sẽ nói về một nơi nào đó khác, như Ireland chẳng hạn.

Ở Dublin, tôi ở ngay trong phố ăn chơi chính Temple bar, sáng ra khách sạn ăn sáng, tối lại tới chỗ khác ăn tiệc, đêm ngất ngư trong quán bar. Đồ ăn ngon lành với rượu Jameson nồng vị sồi, xem biểu diễn điệu nhảy River dance* lộng cộp và những bài ca cổ, tôi sống cứ như đại gia vậy. Tất cả chỉ để trang bị đủ sức lực cho hành trình hành xác những ngày tiếp theo. Dublin trong tôi đẹp trắng lệt với hương vị tuyệt hảo. Đêm cuối ở Dublin, tôi mới nghĩ xem mai nên đi đâu. Chọn Galway là điểm đến dù hơi xa, đi bus mất bốn tiếng đồng hồ, nhưng vì muốn xem Cliff Moher kỳ vĩ nên chẳng ngại gian khổ. Một cú click là mua xong vé bus đi Galway. Một cú click nữa đặt nhà nghỉ ở Kilarney (thành phố cách Galway hai giờ đi xe bus).

** River dance là một điệu nhảy truyền thống của Ireland. Điệu nhảy nhấn mạnh vào nhịp bước chân của vũ công trên nền sáo và vĩ cầm.*

Sáu giờ sáng tôi vác mặt ra bến bus đợi, nhưng vừa tới nơi thì tuyến bus của mình đã chạy mất tiêu. Gắng đợi chiếc bus thứ hai để xin xỏ lên, lên được rồi thì có sự việc hi hữu xảy ra là khách đông quá, tài xế yêu cầu xuống bớt. Bác tài bảo: Ai chưa book trước chuyến này thì chịu khó xuống đợi chuyến sau. Tôi gan lì làm thình. Có hai chị to béo nhưng gan bé giơ tay, vậy là họ xuống. Tôi ngủ thêm giấc nữa thì tới nơi.

Ở gian phòng đợi của bến bus, các công ty du lịch mang tờ rơi phát tận tay. Bước qua anh thứ nhất đẹp trai, tôi tiến tới anh thứ hai hỏi đầu, chỉ vì tour của anh rẻ hơn 5 euros. 15 euros cho một tour đi Borden và Cliff Moher, thế thì đi thôi. Trước khi lên xe, tôi còn kẹp vớ một cái sandwich gà kẹp xúc xích. Một ngày như mọi ngày ở đây, trời sầm sì, mưa ào ạt, gió thổi theo cấp số cao. Đường tới Borden ướt nhẹp và trơn như đổ dầu. Chiếc xe bus lao đi vội vã trong tiếng thuyết minh hùng hồn của anh chàng hướng dẫn viên.

Anh ta kể về mảnh đất hàng chục ngàn năm lịch sử này. Những phiến đá xuất hiện từ thời kỳ đầu của thế giới. Màu đá xanh đen, sáng lên trong mưa và ánh sáng yếu của ngày ảm đạm. Cỏ mọc xanh rì giữa những khe. Cảnh tượng ấy thật hùng vĩ, giống như quay lại với thời sơ khai, con người còn chưa xuất hiện. Borden mang lại cảm giác mạnh cho những người hiện đại, để khiếp đảm về quá trình hình thành phát triển của trái đất và loài người. Tôi bước đi trơn trượt, cố giữ lấy cây dù đang bị tốc ngược để đi vào thăm ngôi mộ cổ. Anh hướng dẫn viên cứ nói liến thoắng, còn tôi chẳng hiểu câu nào nữa.

Lúc này giặc đói đang chiến thắng giặc đói. Tới Cliff Moher đã hai giờ chiều, trời mưa như trút giận. Nước mưa xối xả, ào ạt xuống vai áo, mái tóc bết, đôi giày bệt đã sưng nước. Sau khi nghỉ ngơi và chén xong cái bánh mì trong gian bán đồ lưu niệm, thì mưa cũng ngớt, gió biến thành cái quạt khổng lồ vừa hong khô quần áo, vừa dựng đứng lông tóc. Nghe đồn có hôm còn gió thổi tạt cả một chị gái xuống biển. Dọc con đường trên triền vực, trưng đầy những biển báo ghi số điện thoại của các bác sĩ tâm lý “Cần tâm sự, hãy gọi chúng tôi”, bởi đây là một trong những điểm tự tử yêu thích nhất trên thế giới.

Tôi đi như bò men con vực Moher vì sợ gió cuốn bay và vì đường trơn quá. Vực này cao 214m, dài 5km, chạy dọc bờ biển hạt Clare thực sự hùng vĩ (nhân tiện ca khúc “From Clare to here” rất là hay đấy).

Vào ngày trời mưa thì nó còn có vẻ đáng sợ nữa bởi màu đá xám, chia tầng, khắc kho, khô cứng.

Tôi ướt nhẹp và mệt mỏi leo lên xe. Khi tiếng nhạc của những bài ca vui nhộn vang lên cùng nắng cuối ngày rực rỡ trên triền đá thì sự hưng phấn mới quay trở lại. Nó theo tôi về tới Killarney, trong quán rượu nào đó, có anh chàng ca sĩ hát thật hay, những cặp đôi ông bà già ra nhảy, họ đang tổ chức tiệc sinh nhật cho một cô gái. Ireland với tôi là nhạc và bia. Âm nhạc ở đây hay tuyệt hảo, mang tới cho con người những hưng phấn kỳ lạ, hoặc có thể là do thứ bia đẳng đẳng Guinness kia.

Lần đầu tiên tôi ở trong căn phòng chỉ có một chiếc giường và cái giếng trời cách sàn tới 3m, giống đang ngủ trong ống khói vậy. Tôi ghét cảm giác bí bách ấy, giống hệt con cá trong cái hộp thiếc. Tôi cố ngủ, nhưng không thể nào chớp mắt nếu chưa biết mai sẽ đi đâu làm gì. Anh chủ gợi ý đi tour Ring of Kerry, để đi vòng quanh hạt này. Tôi cũng nghĩ đó là điều nên làm nên mua tour với giá 15 pounds*. Sau đó mua thêm vé tàu tối để quay về Dublin, vì dự định sẽ tới Belfast sau đó. Tôi đang đi từ Nam về Bắc, giống như đi từ Hà Nội tới thành phố Hồ Chí Minh và buộc phải ghé qua Huế.

* 1 pound \approx 27.500 VND.

Ring of Kerry dài 5km, qua rất nhiều cảnh sắc đẹp đẽ, chủ yếu là chạy dọc biển Atlantic. Cứ mỗi chỗ đẹp, ông hướng dẫn viên lại hò lên, bắt xuống chụp ảnh. Có những mỏm đá xếp chồng nhau như những miếng bít tết ghép lại, nằm san sát đường quốc lộ. Ở chỗ khác, mỏm đá nhọn hoắt, như núi đâm lên từ mặt biển. Sóng biển xanh rì tấp vào tung bọt trắng xóa trong gió lạnh khao khát từ đại dương cứ thổi vào không nguôi. Ring of Kerry thật đẹp, một bên biển vỗ rì rào, một bên cỏ xanh mượt phủ kín núi, cao nửa mét. Nhưng vì ở trên xe suốt và tôi thì bị bệnh cứ lên tàu xe là buồn ngủ nên mơ màng cả ngày. Tôi

đã chẳng tips cho ông hướng dẫn viên này một đồng nào, mà để dành tiền ăn kem ở Killarney trong lúc đợi tàu về Dublin. Đêm đó, tôi đã được ở nơi xa trung tâm, nơi văn minh bia rượu không rọi tới, trong căn phòng mười hai người nằm xếp lớp. Tôi tắm xong, mặc quần bò áo thun sạch đẹp, leo lên giường ngủ. Ba tiếng sau tỉnh dậy, khoác chiếc áo quân đội, rồi kéo vali ra bến xe bus, bắt chuyến xe đầu tiên tới Belfast.

Mặt trời đang mọc phía bên kia sông. Đỏ nhẹ, đỏ hồng, đỏ rực, mặt trời chạy theo xe bus, kéo bóng theo. Tôi hồ hởi không ngủ được. Kê chân lên cao, nằm thẳng ở đầu xe, trên tầng hai, tôi thấy con đường và cả thành phố chạy bên dưới. Hành trình ấy là điểm cuối cùng cho cuộc khai phá Ireland.

Những vùng đất hiếm có khó tìm của Ý

Nước Ý luôn được biết đến như một đất nước du lịch đẹp đẽ và hấp dẫn nhất. Những thành phố Venezia, Firenze, Napoli, Roma hay Toscana luôn nằm trong top những điểm du lịch hấp dẫn của châu Âu. Tôi không phủ nhận điều đó, tôi thích vô cùng sự lộn xộn mà không kém phần lãng mạn của Roma, sự mộng mơ đầy màu sắc của Venezia, cái dung dị nhưng phức tạp của Napoli, và đương nhiên sự cầu kỳ rất Ý của Firenze. Tuy nhiên nước Ý còn nhiều thứ thú vị hơn thế nhiều.

Đi từ Bắc xuống Nam, thành phố nào của Ý cũng đáng để dừng chân. Nếu vùng Lombardia lôi kéo người mua sắm tới kinh đô thời trang Milan và những kẻ thích mơ mộng bình yên tới Como, thì người anh em Piemonte mở lòng mình trên những ngọn núi thánh. Những kẻ thích phiêu lưu thích khám phá thiên nhiên có thể tới với Parco Paradiso nơi thu về cây đỗ lá vàng đỏ những đỉnh núi, những hồ nước trong veo, còn trong rừng hươu sao tha thẩn đi dạo. Mùa đông, người ta đổ tới Barcedonia trượt tuyết, nơi từng đăng cai Thế vận hội Mùa đông thế giới năm 2004.

Phía bờ bên kia, Veneto của nàng Giulietta với rượu nho và hồ Lago di Garda to nhất nước Ý nằm bên cạnh những lâu đài cổ. Vùng Trentino giáp Áo với những ngôi nhà nhỏ ấm áp, mùa đông tuyết phủ, người ta ở trong nhà hâm nhừ phô mai và thịt nguội từ Bolzano. Liguria với đường viền biển Địa Trung Hải xanh thẳm, ở đó họ dựng lên những ngôi làng chài nhiều màu sắc của Cinque Terre, khiến ai cũng nao lòng. Cũng xanh, cũng đẹp, nhưng kém màu sắc và độ nổi tiếng hơn lại là Puglia ở phía bên kia chiếc ủng. Những vườn cam

canh vàng rực rỡ của Sicilia hứa hẹn giải khát cơn nóng mùa hè. Và cuối cùng, những cánh đồng nhỏ xanh ngắt, những cánh đồng hoa hướng dương trải dài ở Toscana là hình ảnh quyến rũ nhất mà nước Ý có thể mang tới cho thế giới.

* *Nàng Giulietta hay còn gọi là Juliet, nhân vật chính trong vở kịch Romeo và Juliet của văn hào W.Shakespeare.*

Trong chuỗi những sự quyến rũ ấy, có vài nét quyến rũ tuyệt đẹp nhưng hơi khó tới, hơi khó tìm, như Oropa hay San Giovanni.

Thu muộn ở Oropa

Paris, thu tàn, nắng nhạt. Những con đường đá ướt mưa và lá vàng. Mây xám hò hẹn nhau trên những mái ngói như lũ chim câu đậu mình trên vòm ga Corvisat. Tôi lao mình vào dòng người trên Avenue Auguste Blanqui. Hai hàng cây giờ trở trụ, lạc lõng giữa những gian hàng chợ trời. Mùi bánh sừng bò thơm lừng từ những lò bánh mì hay cửa hàng bánh ngọt cứ níu chân tôi vào buổi sáng. Nhà ai rục lên hàng cây leo tươi thắm. Nhà thờ trắng nằm yên bình đợi nắng. Có những bậc thang trôi giữa những tầng cây lá còn sáng vàng, dẫn tới miền mơ mộng. Tôi mơ về mùa thu ngọt ngào năm trước. Trong giấc mơ tôi lang thang trên đỉnh Oropa, tôi hóa thành cô bé Heidi mũm mĩm bên đàn cừu nhớn nhơ gặm cỏ. Tiếng suối cứ rầm rì róc rách nơi vùng Không-Thế-Nào-Lãng-Quên.

Sacro monte di Oropa là một nơi kỳ diệu. Khi thu muộn phủ ngập chân rừng thì mùa đông đã chễm chệ trên đỉnh núi. Là một trong những ngọn núi thiêng tuyệt đẹp ở miền Bắc Ý, đây là nơi hiking* của những kẻ ưa chinh phục và là nơi viếng thăm của người mộ đạo. Nằm trên dãy Alps nên Oropa hội tụ sự thiêng liêng không chỉ của nước Ý mà cả hệ thống châu Âu nói chung. Theo lịch sử, khi vùng đất thánh Palestine được di dịch sang châu Âu, nước Ý đã dâng hiến vùng núi này làm nơi cư trú cho tôn giáo Catholic. Nghiễm nhiên, nơi ngự trị của thánh thần thì phải thật thần thánh.

** Môn thể thao đi bộ đường dài hay đi bộ leo núi.*

Đoàn tàu tới Sacro monte di Oropa khởi hành lúc sáu giờ sáng, giờ mà gà còn không muốn dậy. Mắt nhắm mắt mở, tôi theo đoàn sinh

viên Torino đi tới Santhia, rồi chuyển tàu để tới Biella. Bắt chuyến xe bus lúc tám giờ sáng ở ga Sao Paolo, chúng tôi tới chân núi Oropa sau một giờ chiều. Chuyển đi ngắn, tàu đẹp, vài vụ cãi nhau nhỏ, và những tiếng cười, thật không có gì để kể. Điều đáng nhớ duy nhất là ai cũng ò à khi nhìn thấy Oropa, dù vạn vật còn e ấp sau màn sương.

Khu giáo đường Oropa hiện lên sừng sững, uy nghi, cổ kính, đáng sợ. Nếu ai bảo ở đó có hội kín hay chôn cất chén Thánh thì tôi không lấy làm lạ. Sự trầm lắng, thiêng liêng làm nơi đây toát lên vẻ lạnh lùng. Khu giáo đường là một quần thể với dãy nhà hình chữ U phía trước, có lẽ là tu viện với cánh cửa đóng im lìm chết chóc, che chở cho nhà thờ phía sau. Khoảng sân lớn trong tu viện được lát sỏi thành những họa tiết hoa văn đơn giản. Đi giày đế kép mà tôi vẫn cảm nhận được sỏi dưới từng bước chân.

Trèo lên những bậc thang, chúng tôi dẫn thân vào con đường khám phá tôn giáo. Nhà thờ nơi đây được xây dựng để tôn vinh Đức mẹ Maria. Mang trong mình một bức tượng đồng quý hình hài Chúa, ngôi nhà thờ có giá trị tôn giáo to lớn. Dù nằm tít trên đỉnh núi nhưng vì lòng mộ đạo không ít người vẫn lặn lội tới đây. Không chỉ gian chính hào nhoáng, dưới tầng hầm, vô số những bức tượng nhỏ nhắn tinh xảo được trưng bày. Ở đây là khung cảnh Chúa ra đời, ở kia là khung cảnh một ngôi làng nhỏ. Một thế giới tí hìn bằng sứ đáng yêu. Nhưng sự lạnh lẽo ma quái đuổi chúng tôi ra ngoài chịu cái giá rét của sương. Cả một không gian thiên nhiên bao la đẹp tới ngỡ ngàng.

Những hàng cây nâu vàng vươn lên mềm mại, dãy núi phía sau tuyết phủ trắng đỉnh dựa mình lên bầu trời xanh biếc. Có chút nắng lên rồi. Tiếng nước mơ hồ thì thầm đâu đó. Tôi chạy tới bên triền cỏ xanh mướt, một con suối ngọt ngào xuất hiện tự bao giờ. Qua những bờ ghềnh đá, con nước nhẹ nhàng lách mình mang sự sống tới cho nấm mồ vĩ đại này. Những tảng đá to lớn lộn xộn chia cắt vùng phiêu lưu.

Loài sâu đất có lẽ đang ngủ yên bình. Làn gió nhẹ thổi xào xạc qua đây.

“Cừu, cừu, cừu kìa”, tôi kéo tay Ly. Một đàn cừu trắng nhẩn nha nơi bìa rừng. Múp míp, úp íp, líp nhíp, chúng làm tôi phát cuồng. Kể mà có một cái váy di-gan hoa rực rỡ, một cây gậy thì đã có bộ ảnh để đời rồi. Tôi thấy mình giống y Heidi, dù kỳ thực Heidi chăn dê chứ không phải chăn cừu. Nhưng ít nhất chúng tôi cùng ở núi Alps với gia súc và tôi tự coi mình là một con bé kháu khỉnh. Băng qua cây cầu, tôi cùng Ly chạy đuổi theo lũ cừu xinh đẹp. Rõ là mây trên trời đã rút xuống đây, để lại bầu trời xanh biếc một màu, còn chúng tôi liếc mắt xuyên xao. Bầy cừu thấy lũ fan cuồng chúng tôi liền hoảng loạn. “Be be”, chúng nhốn nháo chạy ngược lại cây cầu lúc này chúng tôi vừa băng qua, dưới sự chỉ huy của bác nông dân già. Ai bảo là cừu đi có lẽ, chỉ con người mới có lẽ thôi. Có tiếng chuông như lục lạc làm tôi nhớ tiếng đàn Bouzouki của Hy Lạp.

“Nhưng cuộc đời nào đâu phải cố tích

Chàng chăn cừu cũng đã bỏ đi xa”.

Trời ạ, thế là tôi để vuột mất những chú nhóc rồi. Chúng và tôi đã đôi bờ cách xa. Tôi định chạy rượt lại, nhưng bên rừng, đá lờm chờm khiến tôi leo trèo rách cả tay mà vẫn không kịp. Tôi thần thờ nhìn những cục bông gòn cứ dần dần biến mất sau hàng cây.

Cả hội bây giờ đã an vị. Không ai còn lưu luyến lũ cừu tinh ranh nữa. Chúng tôi bày la liệt đồ ăn trên chiếc bàn gỗ. Thịt hun khói, xúc xích, bánh mì cá ngừ, xôi muối vừng, bữa trưa thịnh soạn, Âu Á kết hợp. Ăn thong dong và cười hối hả. Chúng tôi đã có đủ sức lực để đánh bật cái giá rét rồi. Đi qua cây cầu về lại chốn cũ. Leo lên những con đường mòn, chúng tôi đắm mình thả hồn trong lá úa cuối thu. Thu tàn. Chỉ độ một tuần trước vùng Piemonte này còn một màu vàng óng,

mà giờ đây hơi thu chỉ còn phảng phất. Mê mỗi với sự tàn úa, chúng tôi đi tìm nét tinh khôi.

Chiếc cáp treo đi dần dần lên đỉnh ngọn núi cao nhất. Thế giới thu nhỏ dưới đôi chân con người. Những tàng cây vàng thẫm, những thảm cỏ nâu sậm, con suối dài thêm mãi mùa thu muộn. Cáp treo leo dần lên cao, sương trắng phủ ngập. Bên ngoài là mông lung trắng xóa, mờ hồ một cảm giác sợ sệt. Ào ào, cáp treo đã vượt qua một đỉnh núi nhỏ, giờ thì nó đang lao vô định vào khoảng không bao la. Mịt mù xung quanh. Các em gái kêu thất thanh vì tưởng chừng cáp treo đang rơi không trọng lượng. Hư vô nuốt chửng lấy toàn bộ dũng khí. Tôi giậm chân rầm rầm như voi con thích thú. Sao mà tuyệt cú mèo thế, hú hú. Dù sao thì cũng có cả tập thể kè bên.

“Tuyệt, tuyệt”, mới cuối tháng Mười tuyết đã trắng xóa. Tuyết trắng im lìm tinh khôi. Chúng tôi nhảy lên, lăn lê trên tuyết như không hề sợ ông bạn cảm lạnh có thể viếng thăm bất cứ lúc nào. Trên con đường tới hồ, chúng tôi hò hét và ném tuyết. Tuyết mịn lạnh trên tay, trên mặt, sung sướng. Cảm giác tuyết đầu mùa năm nào cũng vậy, tươi mới và hân hoan. Hồ trên núi, nước giờ đã đóng băng trên mặt. Thằng nhóc Cường cậy mình nhẹ cân đứng thử lên. Không có gì sứt lở, phải tôi thì đã khác. Tôi ngồi bên bờ hồ cùng Giang, Ly, Phúc, Dương chia sẻ chút chocolate của chị Phượng và bánh quy của anh Tùng. Anh Tuấn, nhóc Nam, Huy cậy trai tráng leo lên mỏm đá cao nói vọng xuống. Hà, Tiến mất hút ở đâu đấy. Hằng, Nghĩa tranh thủ chụp ảnh đôi. Uyên cùng lũ bạn Campuchia nếm thử tuyết. Niềm vui sướng bao trùm cả đỉnh núi.

Chiều đã ngả muộn. Cái rét kéo đến, đuổi lũ quạ phá ra khỏi nơi trú ngụ của nó. Chúng tôi bắt cáp treo xuống núi. Cáp treo đi từ từ, không gay cấn như lúc mới lên. Những đám tuyết trắng rải rác trên triền núi, qua làn sương mỏng thật mong manh như những bông cúc trắng. Chưa tới mùa xuân mà Oropa đã có hoa nở rồi. Điềm lành đấy.

Một năm học mới bắt đầu, những người bạn mới, căn nhà mới, vùng đất mới, cuộc sống mới. Quả thật, tôi đã có một năm hạnh phúc không thể nào quên. Những chuyến du ngoạn lại bắt đầu tí tấp. Những kỷ niệm lại ngập tràn kho ký ức. Tình cảm lại ngập trong tim. Trong dòng đời hối hả, tôi nhớ Torino.

Sangiovani hay hành trình tìm oải hương

Lý bé nhỏ!

Những ngày này, Paris mưa và mù. Sương phủ trắng Paris rồi Lý ạ. Mình nghĩ sớm muộn gì, khi nói đến “thành phố sương mù”, không ai còn nghĩ tới London nữa. Paris của mình lạnh lạnh, mà hơi sương như mưa phùn ngày Tết vậy. Sáng đi học thấy mưa, mình không leo lên xe bus nữa, mà đi bộ dọc Rue de Tolbiac. Cuối thu, lá vàng rục cả hàng cây. Có loài cây gì giống như cây sấu, cây sưa ở đường Hoàng Diệu, mưa xuống, lá trút tình khắp đường, mình ngỡ như đang ở Hà Nội. Mình đợi những bức ảnh thu thật đẹp từ Lý, từ Ngân, từ những người yêu Hà Nội đấy.

Hà Nội sao rồi nhỉ? Chắc vẫn vậy từ ngày mình đi.

Paris sao rồi nhỉ? Paris vẫn vậy từ ngày mình đến.

Còn San Giovanni thế nào rồi nhỉ? Liệu còn như thế từ ngày bọn mình qua?

Những ngày chông chênh, mình hay ngồi xem lại album “Tình ca hai mươi” của chúng mình. Vui vẻ và hạnh phúc. Lý hôn hờ bên cánh đồng lavender tím ngắt, còn mình tung váy giữa ruộng lúa mạch. Có nơi nào đẹp hơn San Giovanni không Lý? Mình nhớ đắm say kỳ “trăng mật” của tụi mình.

“Xin một tia nắng thấp lên môi hồng để nhung nhớ

Xin một đêm trăng hát bên vai gầy lời phất phơ

Xin nụ hoa trắng rắc lên tay ngài một hương phấn

Xin lời phân vân giấu đi tình tôi”.

Tháng Sáu như đổ nắng vào lòng.

Còn một tuần nữa là bảo vệ thạc sĩ, mình bỏ ngang bài vở học hành, đi tìm chút gió mát xoa dịu ngày giông bão. Nắng hè không làm nước Ý mất đi sự nhộn nhịp của lễ kỷ niệm 150 năm. Lễ kỷ niệm kéo dài tám tháng rùng rợn với diễu binh, bắn pháo hoa và nhạc. Đêm pháo hoa ấy sao không ai đi cùng hai đứa mình nhỉ? À, vì bọn mình lạc mọi người. Chạy tới Piazza Vittorio Veneto, chen lấn giữa đám người xa lạ để xem pháo hoa bay lên. Có đứa bé con được bố công kênh lên che hết tầm nhìn của mình. Có tiếng nhạc, có tiếng hát, có ban nhạc đang biểu diễn. Anh đánh trống sao *cool* thế? Mình nhớ vì mãi nghe anh mà tụi mình phải đi bộ dọc cả sông Po mới bắt được xe bus. Có loài hoa tím ngắt bên đường, mình khăng khăng là lavender. Dĩ nhiên là không phải. Loài hoa tím có mùi hắc phát sợ mà hai đứa vẫn cố hái về. Đêm không sao, vẫn lấp lánh niềm vui của kẻ hái trộm. Chuyển xe bus cuối ngày, cùng việc chọn quần áo cho chuyến đi chơi thành một đêm mất ngủ. Ba giờ sáng lên giường năm giờ thức dậy, mình thấy như chưa nằm chút nào. Bắt vội chuyến tàu sớm, mình còn tưởng chưa kịp chải đầu ấy.

Từ Torino đến San Giovanni mất bao lâu nhỉ? Hai giờ đi tàu phải không? Mình nhớ tụi mình đi tới Cuneo, rồi chuyển tàu tới San Giovanni, sau đó là đi bộ. Ly mặc váy hoa li ti, khoác một chiếc áo cardigan tím nhạt thật thơ mộng. Còn mình, tìm mãi mới được chiếc váy hoa không ra dáng. Hai cô gái bé nhỏ giữa bát ngát núi rừng. Bọn mình đi bộ như kẻ hành hương tới San Giovanni núi cao. Nhà ai hoa nở thắm hàng rào. Những đứa trẻ kháu khỉnh quần lấy chúng mình vì kẹo kitkat. Hàng cây cherry mọng đỏ ven đường. Mình trèo lên hái, bất chấp váy ngắn và chớ sữa inh ỏi. Hai đứa môi thâm sì và tay đen đúa.

Cherry, táo, đào, bọ mình bọ thu thật đấy. Thế mà đống hoa quả cũng không vực nổi tinh thần quyết vượt khó. Ly vẫn phải vẫy xe đi nhờ. Mình nghĩ là bộ váy ngây thơ của Ly thật sự hiệu quả đấy, khi mà bác người Ý già đã cho tụi mình đi một đoạn xa tới vậy.

Ôi những người Ý quả là tốt bụng. Cô họa sĩ trong phòng tranh còn đồng ý chở tụi mình đi tìm cánh đồng hoa lavender sau khi nghe lời mong muốn của hai con bé tội nghiệp. Nhưng mình cá cô ấy sẽ chả thèm đoái hoài nếu biết bọ mình vì tưởng phòng tranh ấy là nhà vệ sinh công cộng nên mới ghé vào. Bọ mình quá là may mắn. Đến San Giovanni ngay giữa hội nghị hương liệu, tụi mình nghiêm nhiên thành cán bộ kiểu mẫu. Mình thấy tội nghiệp đoàn nghiên cứu khoa học ấy khi phải cho hai đứa mình nhập cuộc cứ như thể chúng mình cũng yêu thích nghiên cứu lắm ấy.

Mình nhớ khi xe bus đi qua những ngọn đồi. Màu xanh mát của cây cối xen lẫn màu vàng rực của những cánh đồng lúa mì, lúa mạch. Bánh mì thơm và bia đắng. Vùng cao nguyên bát ngát gió. Gió thổi thắm đỏ hoa Coquelicot mong manh.

*“Ai lấy cái mào của tôi cắm lên cây thế đấy. Ai lấy cái mào của tôi giấu đi đâu mất rồi?”.**

** Lời bài hát thiếu nhi “Hoa Mào gà”.*

Có chú gà trống nào đang đi tìm loài hoa Coqueliot. Dù sao mình vẫn thích gọi nó là hoa thuốc phiện hơn, còn Ly cứ gọi nó là Kenzo. Mình sẽ mãi mê gọi hoa cúc là hoa nắng, còn Ly gọi oải hương là lavender. “Lavender Nga ơi”. Lavender tím ngắt. Từng ruộng trải dài, tràn cả đỉnh San Giovanni. Chiều loang tím nhạt, gió hôn tóc thề. Ly ơi, giấc mơ thành hiện thực rồi. Xe bus vừa dừng, tụi mình đã nhảy ra, chụp ảnh túi bụi. Lần đầu tiên trong đời mình thấy nhiều hoa lavender đến thế. Ngón tay, ngón chân, gấu váy, tất tần tật đều thơm mùi oải

hương. Tụi mình có bộ ảnh để đời chỉ sau mười phút tác nghiệp. Mình nghĩ cả phái đoàn ấy phải trợn tròn mắt, ngưỡng mộ “sự trơ tráo” của tụi mình lắm ấy.

Nghĩ tới San Giovanni giờ mình chỉ thấy thơm và ngứa. Ngứa toàn thân từ chân tới đầu. Tại Ly bắt mình hy sinh vì nghệ thuật. Cứ xách tà váy bohemieng, lao thẳng vào giữa những bông lúa trĩu trĩt gai. Rồi Ly bắt mình xoay, nhảy, tung váy, như đang nhảy điệu Flamenco vậy. Ảnh mình vẫn đúng kiểu tung hê như “hứng dừa”, còn ảnh Ly thật mềm mại như một vũ công quyến rũ. Toàn chân mình trầy xước tới tận tháng sau mới khỏi, dù ảnh nào mình cũng cười thật tươi, gánh gồng bó hoa đại. Mình nghĩ anh chàng Hoa tím cũng phải ngất trong lòng khi thấy 8G ảnh đầy ắp thanh xuân của bọn mình. Không chỉ Hoa tím, mà tới cả xứ Nice cũng phải bàng hoàng khi thấy tụi mình lệch thếch du mục.

Dù tự tưởng tượng mình xinh đẹp như nàng Esmeralda* trong bộ đồ digan, nhưng mình cũng giận nó vô cùng. Tại nó mà tụi mình chẳng kiếm nổi cái xe ô tô nào xuống chân núi đấy. Đi bộ rạc cả người, đến khi lên tàu mình vẫn mỏi mệt. Thêm ba giờ ngồi tàu để tới Nice, mình thấy oải vô cùng. Mệt nhưng mà đáng. Mình nhớ ngày ở Nice, lên đỉnh Château trong cái nóng nực của tháng Sáu. Bọn mình cheo leo bên mỏm đá. Dưới kia, từng con tàu đang rẽ nước dịu dàng tiến vào cảng.

** Một nhân vật trong tác phẩm Nhà thờ Đức Bà Paris của văn hào Pháp Victor Hugo.*

Bầu trời ngả sang màu xanh đậm, ngả hồng, ngả tím. Thuyền kéo ráng trời chìm dần xuống mặt biển. Mình nghe tĩnh lặng vây quanh. Cây cỏ thụ in bóng đậm lên trời chiều. Hai đứa đang ngồi uống Helneiken và ăn gà nướng. Bọn mình ăn uống và ngắm chiều buông. Có nhành hoa mọc ngoài bờ đá.

Ly bé nhỏ, hát lại bài “Chạy trốn” của Tùng Dương đi. Ở đây mưa mù quá.

Một ông già bên đường vừa khẽ hỏi thăm: “Cháu có lạnh không?”. Ai cũng hỏi như ông thì cháu không lạnh đâu. Mà đúng là không lạnh Ly ạ, mình có một chiếc khăn vàng rực với một cái mũ cũng rực rỡ như khăn. Mùa thu Hà Nội cũng cho Ly sắc vàng ấm áp nhé. Ly hãy cười thật tươi như những ngày tháng tươi đẹp vẫn còn đây trước mắt.

Mình đang nghe lại “Tình ca hai mươi”. Chúng mình vẫn còn trẻ, còn trái tim tràn ngập yêu thương, và hy vọng. *“Hãy yêu khi đời mang đến, một cành hoa giữa tâm hồn”*. Mình trồng cho Ly một cây hoa hồng rồi, đừng yêu nhiều như số cành của nó là được, mà hãy yêu đẹp như hương thơm của hoa.

Paris 2/12/2011

Nga bê tha

Hy Lạp - mảnh đất của thánh thần và những bí ẩn quá khứ là nơi bất kỳ kẻ ưa khám phá nào cũng muốn tới. Tôi tới Hy Lạp cách đây năm năm, chạy dọc theo miền Nam nước này để tìm hiểu những tàn tích cùng câu chuyện ẩn chứa trong nó. Do đó, tôi muốn kể về Hy Lạp không Athens, không Santorini, mà là Hy Lạp của Peloponese.

Mùa đông Peloponese

Athina (Athens) chúng tôi thuê được một căn nhà trọ xinh xắn đối diện với thành cổ Acropolis, gồm một phòng khách, một bếp và một phòng ngủ với ba giường tầng dành cho cả đội. Pierre với tôi luôn đóng vai trò đầu bếp: Pierre nấu pasta, tôi nấu mì châu Á cho mọi buổi tối. Cả lũ thường tụ tập trong phòng khách, ăn pasta, uống bia Alpha hoặc Mythos, đôi khi là một loại rượu có mùi hồi đặc trưng của Hy Lạp. Tôi vẫn hay chơi chữ: “Cứ ăn nhiều pasta thế này, chẳng mấy chốc chúng ta sẽ trở thành lũ bastard* mất”. Nhưng rồi chúng tôi vẫn cứ vui vẻ ăn pasta hằng ngày và cực yêu căn nhà trọ nhỏ. Nơi sáng sủa, tôi bị đánh thức bởi trận chiến ồn ào giành phòng tắm, còn tối tối thì chiến tranh gối ôm luôn diễn ra ở ghế sofa và dĩ nhiên tôi lúc nào cũng là kẻ thua cuộc. Chúng tôi gọi nó là ngôi nhà thứ hai của mình ở châu Âu.

* Nghĩa là đồ khốn.

Ban ngày chúng tôi dành toàn bộ thời gian để lang thang các con hẻm ở Athina, hoặc chui tọt vào những bảo tàng to đẹp nơi đây. Phải nói rằng bảo tàng Hy Lạp là những bảo tàng đẹp nhất thế giới, thật đấy! Đôi khi chúng tôi cũng lạc lối ở những gian hàng trong phố mua sắm sầm uất, chỉ vì Pierre muốn mua một cái quần jeans. Với căng chân dài hơn siêu mẫu Thanh Hằng, cậu ta dễ biến mất ở đâu đó giữa con đường, và chúng tôi phải len lỏi khắp nơi để tìm “người dẫn đường” của mình. Nhưng cũng hay, bởi nhờ có Pierre, tôi cũng có cơ hội kiếm được vài cái áo trong mùa sale.

Ban đêm chúng tôi về nhà và thường cùng nhau uống bia, nói chuyện hoặc chạy học tốc tới rạp chiếu phim để xem bằng được phim “Avatar”. Mỗi tối trước khi đi ngủ Pierre lại bắt đầu điệp khúc: “What’s the plan for tomorrow?”, rồi cả lũ lại nhìn nhau, rồi giả vờ nghiêm trọng và cắm cúi vào netbook. Nhưng thực chất Arnab còn mãi mê chat với cô bạn gái Mireia ở nhà, Saru bận up ảnh lên Orkut, Alex xem tình hình thời tiết, chỉ có Pierre ôm quyển “Lonely planet” nghiên cứu, còn tôi ôm gối ngủ gục. Sau vài lần như thế, Pierre tự đưa ra ý kiến về các địa danh mình thích rồi tự bác lại ý kiến mình luôn. Đó chính là Pierre - Edoird người lập ra facebook GForce và cập nhật mỗi ngày chỉ để một mình đọc, người lập chat room để bàn kế hoạch ngay cả khi tất cả đang ngồi trong cùng phòng khách. Chúng tôi có thể nói cả ngày về Pierre, cậu ta như một giai thoại không bao giờ dứt. Cậu ta mê Santorini, muốn tới Delphi, nghĩ về đảo Rhott, nhưng cuối cùng chốt lại: “Chúng ta sẽ khám phá mùa đông ở Peloponese”.

Sau khi đảo quanh gần như tất cả các hàng thuê xe ô tô, Pierre chọn ngay một em Ford màu đen cho cả lũ lên đường, khỏi phải nói tôi khóc hết nước mắt thế nào khi phải nghĩ tới chuyện đi ô tô đường trường. Nhưng với vài viên thuốc chống say xe, tôi cũng tự an ủi mình “Đây là cơ hội có một trong đời để thực sự ngắm Hy Lạp” và quả thật đó không bao giờ là quyết định sai lầm.

Những đèn đài bỏ hoang

Chúng tôi bỏ lại Athina sầm uất vào một ngày lạnh cắt da. Thời tiết dường như thay đổi theo giờ, khi mà mới sáng sớm nắng còn về trên Acropolis, gió thổi bay cả trí tưởng tượng của tôi, đến trưa mưa sầm sập gõ cửa. Ngày hôm sau tôi đã run cầm cập trong vài tầng áo khoác khi đón nhận từng đợt tuyết nhẹ cuối đông ở Mystras, nhưng rồi bỗng giật mình khi thấy mình đang quần soóc áo pull vui đùa trên bờ biển Aegean trong một chiều nắng nhẹ. Tôi đã ngắm tuyết phủ đỉnh Taygetos, tôi đã ngắm gió thổi bờ lau, tôi thấy hoa vàng mấy độ Myceane, rồi nhìn đàn cá bơi lội dưới làn nước trong vắt trên con thuyền nhỏ tới Poros. Tôi đã nhìn, đã thấy và đã nghe cả tâm hồn Hy Lạp qua tiếng đàn Bouzouki réo rắt vang lên trên ô tô nhỏ của chúng tôi. Hy Lạp quả là thần thánh.

Tiếng đàn Bouzouki rất ám ảnh, nó đi vào cả giấc mơ khi tôi ngủ vùi trên bờ vai hai đứa bạn trong suốt hành trình. Tôi gục vì tác dụng của thuốc chống say xe, dù Alex khăng khăng bảo rằng tôi lấy cố. Arnab thì bảo: “Con gái thật nhàm chán, không biết làm gì ngoài ngủ thôi à?”, vì ngay cả Saru cũng ngủ gục trong khi cô nàng không hề uống thuốc. Đôi lần mở mắt ra tôi thấy những điều kỳ diệu. Tôi thấy ô tô lao đi giữa màn mưa tháng Giêng, xé dọc những vườn cam đỏ rực như ngày xưa Mose chia đôi biển tìm con đường tới vùng đất hứa*. Những vườn cam căng tràn sức sống như mời gọi, nhưng tôi chẳng muốn thử chúng tí nào, sau khi đã ăn phải một quả cam chua chát và đắng ngắt trên một con hẻm ở Athina. Có lẽ tôi phải đặt tên cho nó là “đường cam rực rỡ”, vì sắc xanh sắc cam rực rỡ làm bạn vui tươi tới bất tận. Kế sau những con “đường cam rực rỡ” là những “đường bông

tuyết” bởi những hàng lau sậy trắng tinh ven đường rồi những con đường ngoằn ngoèo dọc theo triền núi. Một bên núi đứng sừng sững, một bên biển gọi bao la. Tôi không nghĩ có bao giờ mình có thể quên được những khoảnh khắc sống động như thế.

** Một sự tích trong Kinh Thánh, Mose đã mượn quyền năng của Chúa để thực hiện nhiều phép lạ, như tách nước biển ra làm đôi, để đoàn dân đi qua đáy biển và tới bờ bên kia, rồi nhấn chìm đoàn quân Ai Cập.*

Ô tô cứ lao đi như thế chỉ mình chúng tôi làm chủ cả đất trời này. Tôi là chủ nhân của đỉnh núi tuyết kia, của biển xanh này, của cả bầu trời âm đạm. Những xúc cảm dấy lên trong tôi, khi thì ghen lời trước những điều kỳ vĩ, khi thì hứng khởi hồi hộp khi ô tô lao lên đỉnh núi, khi sợ sệt lúc ô tô quá đà lao âm âm vào bức vách trước mặt và quả thật chúng tôi chỉ dừng lại trước nó 30cm.

Tôi vẫn thường nói Pierre là tay lái thiên tài khi cho tôi đi Disneyland miễn phí thế này, nhưng cũng là kẻ ngông cuồng cực độ khi không hề phác thảo trước kế hoạch cho mỗi chuyến đi. Chúng tôi chỉ cứ đi, dọc theo những con đường zig zag mà không hề biết nó sẽ tới đâu. Không nhà trọ đặt trước, chúng tôi dừng chân ở bất kỳ nơi nào có hứng thú. Ngẫu hứng một cách rất Hy Lạp. Có khi chỉ là vùng Epidavros bé nhỏ vì Pierre muốn chiêm ngưỡng nhà hát cổ lớn nhất của Hy Lạp. Nhà hát có dạng tròn, sân khấu ở chính giữa, bao quanh là hàng ghế bậc thang dành cho khán giả. Nghe Pierre nói thì nhà hát có sức chứa tới hàng chục nghìn người. Hàng ghế này được làm bằng đá hoàn toàn, và được chia thành hai mức rõ rệt, ban đầu chỉ có khoảng 34 hàng nhưng sau này đã được mở rộng thêm 21 hàng nữa. Đây thực sự là địa điểm giao lưu văn hóa thời xưa không chỉ giữa con người với con người mà còn giữa con người và Chúa trời.

Đặc biệt với thiết kế hoàn hảo, người biểu diễn chỉ cần đứng ở bục chính giữa sân khấu, không cần sử dụng mic hay amplifier* mà âm thanh vẫn có thể bao trùm toàn bộ nhà hát. Lũ chúng tôi đã tranh nhau thử làm diễn giả, còn bạn bè thì chạy lên hàng ghế cao nhất để nghe. Thậm chí Pierre và ngay cả tôi còn bắt chước xướng giọng “Opera trữ tình” của mình “ồ ố ô ố ồ”, giọng ca vang khắp, đập vào những hàng ghế và dội lại, nghe như một ca sĩ chuyên nghiệp. Ngày nay, hằng năm vẫn có những buổi biểu diễn tại nhà hát này, nhưng tôi không tưởng tượng được họ sẽ soát vé thế nào khi mà cửa ra vào đã bị tàn phá.

** Một thiết bị khuếch đại âm thanh.*

Hay có thể đó là Korinthos - thành phố cổ mang tên hậu duệ của thần Helios. Tôi khá sững sờ khi biết con đường chính ở thành cổ từng nối ra bến cảng sầm uất trên Aegean xanh ngọc. Sống tới hàng nghìn năm tuổi, Korinthos thu vào mình tinh hoa của các đế chế lụi tàn, trong đó dấu ấn rõ nét nhất còn lại là của thời kỳ Roman. Từ các hiện vật còn lại trong bảo tàng cho tới các con đường hay tàn tích phòng họp (forum), dấu tích Roman hiện lên trên các bức tranh tường hay những tranh gạch mosaic.

Ngay trung tâm thành cổ, nơi từng có những con suối chảy qua, ba đài phun nước to lớn hiện lên để khơi nguồn cảm xúc. Đài phun nước Roman mang đến cảm hứng thi ca, thể hiện sự to lớn hoành tráng nhất. Tôi nghe loáng thoáng một cô giáo người Hy Lạp giảng cho học sinh: đài phun nước này áp đảo hẳn đài phun nước Byzantine bởi số lượng phòng lên tới con số 7. Tôi đã từng năm mơ thấy hàng nghìn năm trước, những thi sĩ mặc áo tonga đang vươn tay hứng từng giọt thơ từ đài phun nước mong kiếm tìm mạch nguồn cảm xúc cho những áng văn bất hủ. Rồi họ nhìn sang tôi lắc đầu “Cô không bao giờ có thể là một nàng thơ”, he he.

Hay là một nơi nào đó tôi chẳng còn nhớ rõ tên chỉ bởi sách “Lonely planet” viết rằng nơi đây có một nhà tắm cổ mà khi chúng tôi đến đã hôi rình như hàng tấn rác thoát ra từ linh hồn kỳ cựu trong bộ phim hoạt hình “Sprited away” (vùng đất linh hồn). Cả lũ chạy nước rút để thoát khỏi cảnh nôn mửa không tránh khỏi nếu ở đó vài phút.

“Đường phố buồn, một đường phố buồn

Đường phố buồn, mọi người đi vắng

Trong kinh đô tiêu điều dấu ngựa hồng

Đường im lìm”.

“Có những con đường” (Trịnh Công Sơn)

Đường đi dọc theo miền Nam Hy Lạp mở ra cả thế giới cổ xưa. Những đền đài tưởng chừng bỏ hoang không hề hoang phế, mà mang vẻ đẹp mặn mà của quá khứ - thứ mà dường như Athena đã đánh rơi ngoài Aegean.

Đế chế Mycena

"Ông là vua của đế chế hùng mạnh và cực kỳ giàu có. Ông có thể thu hút thần dân bằng giọng nói tuyệt vời của mình. Ông có phép thần thay đổi màu da, khi sinh ra là da đen, nhưng chết đi như một kẻ da trắng", Arnab bắt đầu.

"Ông còn là kẻ lưỡng tính, yêu đàn bà, và thích những cậu bé trai, như hầu hết các vị thần ở núi Olympus, mà điển hình là Zeus, ha ha", tôi đệm vào chi tiết nghe thật "giật gân" của các vị thần được miêu tả trong quyển sách "Greek gods" của Arnab.

"Ha ha, chí lý... và ông ta sống ở mảnh đất thần thoại Neverland". Alex thích thú thêm vào.

"Tuyệt hảo, Micheal Jackson đúng là vị vua vĩ đại, và có chất thần thánh hơn bất kỳ vị vua thực tế nào. Micheal xứng đáng có một hầm mộ cực kỳ như thế này", Arnab chốt lại.

Sự thực là chúng tôi đang đứng trước những hầm mộ vĩ đại ở Mycenae, nơi trú ngụ của các vị vua xứ này. Và khi đọc những tấm bảng nói về các vị vua, chúng tôi bắt đầu tìm kiếm xem thời đại chúng ta bây giờ có vị vua nào xứng đáng được lưu danh như thế, và đó chỉ có thể là ông vua nhạc pop Micheal Jackson. Thậm chí đế chế của Micheal còn rộng lớn bội phần so với sự ngự trị của Mycenae xưa kia.

Tôi biết tới Mycenae lần đầu tiên là khi bắt đầu chơi game "Age of Empire"- Đế chế, trò chơi ma lực hấp dẫn tôi thời cấp ba. Những máy bắn đá, cung tên, ngựa chiến, quân Minoan, quân Hittite, quân

Mycenae... ám ảnh tôi trong từng giấc ngủ. Và khi tới Hy Lạp, bước vào Bảo tàng Quốc gia, tôi ngỡ ngàng khi gặp lại “ông bạn lâu năm” và ngỡ ngàng hơn khi thấy “ông ấy” thực sự là một người khổng lồ với sức mạnh không tưởng.

Đế chế hùng mạnh Mycenae ra đời vào thời kỳ đồ Đồng, hàng ngàn năm trước Công nguyên. Với sự phổ rộng khắp châu Âu, châu Á, đế chế này để lại dấu ấn trong nhiều nền văn minh, đặc biệt là văn minh Hy Lạp. Trong Bảo tàng Quốc gia Hy Lạp, có cả một tầng trưng bày thành tựu của đế chế Mycenae. Tuy nhiên ngày nay ở Mycenae, những di tích sót lại không nhiều, chỉ còn thành cổ ngập tràn hoa vàng tháng Giêng ấm áp, bên cạnh những ngôi mộ lạnh lẽo.

Đón chúng tôi là Cổng đá sư tử (Lion gate) với hình hai chú sư tử cái tuyệt đẹp, đứng trên hai chân, còn hai chân kia bám vào chân một chiếc cột. Ngày xưa nhiều cuộc tranh cãi nổ ra xem đó là sư tử đực hay cái, phải nhờ nhúm lông đuôi của hình khắc, họ mới xác định được giới tính của chúng. Hai chú sư tử đối xứng tượng trưng cho sự hài hòa giữa xã hội và văn hóa, còn cây cột đại diện cho hình ảnh một vị nữ thần. Tuy nhiên tôi cũng không biết vì sao cổng vào thành cổ lại mang đặc tính nữ như thế. Có thể vì xưa kia, trước khi tôn thờ mười hai vị thần Olympian mà đứng đầu là Zeus, thì người Hy Lạp dành sự ái mộ của mình cho nữ thần Gaia - người cai quản đất (Gaia hay gaea nghĩa là đất). Theo quyển sách “Greek gods” của Arnab thì vị nữ thần này là mẹ của những người khổng lồ Titan hay cũng chính là thần sinh ra các vị thần. Cũng có thể vì đây là nơi chôn cất các vị vua nên cổng sư tử góp phần mang lại sự hài hòa âm dương, mang tới sự cân bằng, bền vững cho khu lăng mộ.

Sau khi đi qua cổng sư tử, chúng tôi lao vào những ngôi mộ to lớn được gọi là Tholos. Ở Mycenae giờ đây còn lưu giữ được hai ngôi mộ cực lớn của Atreus và Clytemnestra. Những ngôi mộ này được xây

bằng những phiến đá lớn và gạch bùn, có dạng tổ ong đâm sâu vào lòng đất. Tôi chui vào bên trong mộ thấy cả khoảng không rộng lớn tạo bởi lớp tường bao quanh dạng hình tròn, nhưng vút lên cao thì chụm lại giống như đầu bút chì. Có thể làm như thế để các nhà vua giao lưu được với Chúa trời dễ hơn chăng? Tôi có cảm giác như mình đang đứng trong một kim tự tháp tròn đầy bí hiểm. Nhưng cách chia gian của ngôi mộ này hơi giống mộ của người Việt cổ, bởi cũng gồm phần hành lang và phần phòng chính rộng rãi. Tôi nhìn quanh quất mãi không phát hiện ra quan tài ở đâu, bởi nó có thể ở bất kỳ đâu. Tôi bỗng chốc rùng mình bởi sự lạnh lẽo toát ra từ những bức tường đá và một phần vì tiếng vọng âm vang của giọng nói mình, nhưng vẫn hào hứng quay sang Alex:

“Chỗ này mà ngủ trưa vào ngày hè nắng nóng thì tuyệt!”

“*Ha ha, mà cứ thử ngủ ở đây xem, rét vì sợ ngay*”, Alex dọa lại tôi. Sợ lưng tôi bỗng rét lên vì câu nói đó, biết đâu đấy, chúng tôi đang quấy quả giấc ngủ ngon ngàn năm của những vị vua xứ này mà.

Vội vàng chuồn khỏi khu lăng tẩm, chúng tôi hòa vào những con đường sỏi ngập tràn hoa vàng lãng mạn hết sức. Thành cổ hiện lên như mê cung đá ngoằn ngoèo mà cô độc. May thay những bức tường đá không cao nên chúng tôi không bị lạc trong mê hồn trận ấy. Tôi có thể ngồi hàng giờ để ngắm cảnh hoa đá chen nhau như thế không biết chán. Nhưng thèm được nhìn toàn cảnh bức tranh này từ trên cao nên cùng Alex, tôi leo lên đỉnh núi tìm hai chú “vượn người” Pierre và Arnab, trong khi Saru khá mệt mỏi nên đã quyết định ngồi nghỉ tại bảo tàng.

Trên đỉnh của Myceane, gió thổi mát lành qua những bụi lau, những nhóm hoa, qua tường đá, hút sâu vào một hang động nhỏ. Theo chân đôi vợ chồng người Đức, chúng tôi dẫn sâu vào hang động tối om chỉ nhờ vào chút ánh sáng nhỏ nhoi từ điện thoại của Pierre.

“Á”, Alex kêu lên làm tôi thót tim. Tôi cứ tưởng cậu chàng trông thấy một hố toàn xương người và những thứ đáng sợ nên hăm hở tiến lên. Hóa ra là do bậc thang trơn nên cậu ấy bị trượt chân, hú hồn, tôi mà đi trước thì dễ bị ngã kiểu domino theo Alex rồi. Vì bậc thang bé lại trơn nên chúng tôi quyết định túm vai nhau đi kiểu đoàn tàu cho an toàn. Bóng tối càng lúc càng đậm đặc như muốn nuốt chửng chúng tôi. Nhưng chúng tôi vẫn đi, lòng tràn đầy hồi hộp. Theo như trong phim thì có thể chúng tôi sẽ kiếm được một kho báu, và đúng thế chúng tôi phát hiện thứ còn quý hơn vàng.

“Nước đây”, Pierre nói vọng qua vai tôi.

Hóa ra đây là giếng ngầm mà các nô tì xuống lấy nước ngày xưa. Mạch nguồn ngọt mát này đã từng nuôi sống cả một tòa lâu đài, tuyệt thật. Tuy nhiên chúng tôi có phần hơi thất vọng. Chúng tôi hậm hực leo lên khỏi miệng hang, đi vòng sang bên kia đỉnh núi. Những bậc thang thoải thoải đưa chúng tôi đến phía những con đường mòn vắng vẻ.

“Cool!!!!!!!!!!!!!!!!!!!!!!!”, Arnab reo lên. Tôi cuống cuống chạy lại phía hốc đá nơi Arnab và Pierre đang nhìn chăm chăm vào.

“Hết xáy”, tôi mừng rỡ reo lên. Trước mắt chúng tôi, hiện lên một hốc đá chứa đầy xương cẳng tay, cẳng chân người đã sạm màu thời gian.

“Phù, chắc là những kẻ tò mò thích leo trèo như chúng ta, không may ngã xuống cái hố đáy thôi”, tôi hớn hờ.

“Hoặc từng có án mạng giết người bí ẩn ở đây”, Alex hứa vào. Mấy đứa bạn tôi nhìn hơi hốt hoảng. Cả lũ rủ nhau chuồn khỏi sườn dốc, nhưng quay lại đã không thấy Pierre đâu. Cậu chàng lại biến mất như mọi khi để tận hưởng thiên nhiên một mình. Đợi mãi không được, dù

Alex đã trở tài gọi và hú các kiểu, chúng tôi quyết định rời đi không có anh chàng người Bỉ. Nhưng khi xuống tới chân núi gặp Saru, chúng tôi đã thấy Pierre đang sẫm soi trong hàng quà lưu niệm. Tôi vỗ vai cậu ta.

“Mua gì thế?”.

“Tôi mua quà sinh nhật cho đứa cháu”. Pierre vẫn lúi húi với đồng bút chì dẻo, bản đồ, và sách thần thoại Hy Lạp.

“Này, chắc chắn tôi sẽ còn trở lại nơi này, còn quá nhiều thứ để xem”, Pierre quay người lại, đôi mắt xanh trong nhìn sang tôi. Tôi có cảm giác anh chàng nhìn thấu được suy nghĩ của tôi lúc đó.

“Khi nào quay lại đây, thì rủ tôi đi cùng nhé”.

Zeus đã bỏ Olimbia*

** Olimbia dịch từ cách viết kiểu Hy Lạp của Olympia huyền thoại*

“Ày mọi người có nhớ hết tên bảy kỳ quan thế giới cổ đại không?” Pierre bắt đầu phá tan sự im lặng của “bầy cừu”, khi ô tô đang chạy sâu xuống phía Nam Hy Lạp.

“Xem nào, kim tự tháp Ai Cập”, Arnab như mọi khi, luôn là người trả lời mọi câu hỏi của Pierre đầu tiên.

“Mộ Hallicarnasuss, hải đăng Alexandria”. Alex bắt đầu vốn hiểu biết vô biên của cậu chàng.

“Vườn treo Babylon”, có vẻ như tôi đã bắt đầu thoát ra khỏi giấc ngủ “say xe”, may mà Pierre tỉnh thoảng lại nghĩ ra vài trò để lôi tôi về với thực tại. Không thì có lẽ tôi ngủ suốt ngày mất.

“Tượng Helios ở đảo Rhodes, tượng thần Athena nữa”, tôi hào hứng hơn bao giờ hết.

“Hừm, phải là tượng nữ thần chiến tranh Artemis chứ”, Alex luôn có trí nhớ tuyệt vời, đáng hâm mộ.

“Đủ chưa nhỉ? Babylon, Alexandria, Helios, Artemis, kim tự tháp, Hallicarnasuss. Mới chỉ có sáu”. Arnab ngồi nhăm tính, “Vậy kỳ quan thứ bảy là gì?”.

“Là tượng Zeus ở Olympia”. Alex đắc thắng

“Sao mọi người có thể quên được kỳ quan quan trọng nhất như thế”, Pierre mãi mới phát biểu sau khi khơi mào câu chuyện.

“Tại sao nó lại quan trọng nhất được chứ?”, tôi bật lại như phản xạ tự nhiên.

“Vì đó là nơi chúng ta chuẩn bị tới”, Pierre cười hớn hở khi bật mí cho chúng tôi.

“Tuyệt hảo”, cả lũ hét lên. Một cảm giác cực kỳ “yomost”. Riêng Saru vẫn bình thản như mọi khi, cô nàng đã quá mệt với hành trình khách sạn - ô tô, và chỉ mong mau chóng quay về Louvain la neuve bình yên để ăn những món ăn Ấn Độ cay xè. Thật sự mà nói, đi chơi với con gái đôi khi cũng thật phiền.

Chúng tôi tới Olimpia vào một ngày mưa ứ dột. Trời đất xám xịt và mưa giọt ngắn giọt dài, buồn tới thảm khốc. Chúng tôi gần như là những vị khách duy nhất quấy quả đỉnh núi của các vị thần này.

“Này đây có phải đỉnh Olympus như trong thần thoại không nhỉ?”, tôi bắt đầu tò mò.

“Không, Olympus ở nơi khác, nhưng Olimpia này cũng tuyệt vời không kém, đó là nơi sinh ra Olympic của thế giới hiện đại”, Pierre giảng giải cho tôi.

“Lạ nhỉ, tượng Zeus ở đây cơ mà”, tôi vẫn vặc lại như mọi khi.

“Không chỉ có tượng Zeus đâu, còn nhà thờ Hera, và rất nhiều công trình thần thánh nữa đấy. Nhìn kia ở đó là khu nhà dành cho vận động viên ở trong thời gian luyện tập trước khi thi đấu. Còn kia là nhà của các vị hiền triết. Có thấy mấy cái cột xa kia không, đó là xưởng làm tượng Zeus của Phidias đấy”. Pierre giảng giải như một tour hướng dẫn viên du lịch chính hiệu. Thật tuyệt vì tối qua anh chàng đã nghiên ngẫm sách vở trước và đi đâu cũng khư khư bản đồ.

“Olimpia giống một thành phố thu nhỏ nhĩ, có cả sân vận động, nhà thi đấu, đền thờ, và mọi thứ”, tôi tấm tắc.

“Này nhảy vào xem đế tượng không?” Pierre rủ rê.

“Tuyệt”, nói chưa dứt câu, tôi nhảy phóc qua hàng rào dây thép có một biển cấm to oạch “Cấm vào trong”.

Nhớ ngày bé, tôi nghiêm ngẫm quyển sách “Bảy kỳ quan cổ đại” của bố, thấy hình vẽ tay đền thờ Zeus, với bức tượng khổng lồ, và hình ảnh một con người nhỏ bé đứng dưới chân ông trông như con kiến, khiến tôi đã rất ao ước được xem thực hư sự vĩ đại của tượng. Dĩ nhiên bây giờ bức tượng không còn, nhưng trong bảo tàng ở Olimpia, người ta đã dựng nên một bức tranh lớn bức tượng của Phidias, đồng thời làm mô hình đền Zeus, để mọi người có thể tưởng tượng ra được kỳ quan khi xưa. Tượng làm bằng đá hoa cương (có nơi thì nói làm bằng đồng đen) được chạm trổ vàng và ngà voi, lột tả sự uy nghi của Zeus trên ngai. Trên một bàn tay, Zeus đỡ Nike - nữ thần của chiến thắng, và tay kia giơ cao quyền trượng. Bức tượng tỏa ra sức mạnh tột đỉnh của vua của các vị thần. Xung quanh Zeus những hàng cột Doric vươn lên cứng cáp, đỡ lấy mái đền. Ngày xưa người ta vẫn gọi đùa bức tượng này là “Zeus không thể đứng” bởi mái đền rất gần đầu Zeus và cũng bởi vì Zeus quá ư to lớn.

Vào trong khu vực cấm, chúng tôi bắt đầu đi thăm soi những mảng tàn tích. Trên nền móng bằng đá phẳng rộng của khu đền, còn đó những chân cột Doric to lớn với đường kính khoảng 1m, vẫn hẳn rõ những đường khía cạnh song song, mạnh mẽ. So với Doric, hai loại cột phổ biến còn lại của kiến trúc Hy Lạp là Ionic và Corinth có vẻ mềm mại hơn. Cột Doric rất phổ biến và dễ dàng nhận ra bởi phía trên đỉnh cột không được chạm khắc tỉ mỉ mà chỉ đơn giản là một phiến đá nhẵn. “Simple is the best” nếu ai theo trường phái này thì sẽ mê đắm Doric và coi nó như phát minh vô giá dành cho các đền đài. Tôi leo trèo trên các cột Doric và tưởng tượng tượng Zeus to lớn đang nhìn mình từ trên cao, thì có tiếng nói vọng lại: “Mời các vị

xuống ngay”. Bảo vệ từ đâu đã ập tới quất chúng tôi, tôi và Pierre đành lúi thủi nhảy xuống hòa vào dòng người đang thăm quan đền thờ thần Hera.

Hera là vợ của Zeus, là nữ thần của gia đình và phụ nữ. Hera nổi tiếng đẹp và tài năng, tuy nhiên ấn tượng của tôi về vị nữ thần này là ghen tuông và nham hiểm. Có lẽ tại tôi xem phim về chàng Hercule quá nhiều, nên mới ghét Hera tới vậy. Nhưng tôi cũng yêu bà không kém, bởi nhờ Hera chúng ta có dải Ngân Hà tuyệt đẹp để mơ mộng. Đền thờ Hera rất to lớn, và có nhiều gian, tuy nhiên ngày nay, tất cả chỉ còn gió lùa qua đá.

“*Này, ngọn lửa Olympic*”, Saru reo lên.

Giữa khoảng sân rộng, hiện hữu phiến đá trơ trọi bên cạnh biển chú giải “Olympic flame”. Thật bất ngờ vì sự sơ sài và đơn giản của nơi đây, tôi đã nghĩ việc tạo ra ngọn lửa Olympic phải hoành tráng và thiêng liêng lắm. Nhưng có lẽ đây phải là nơi rất đặc biệt, nơi tuyệt vời nhất đỉnh Olimpia để có thể thu được ngọn lửa trời. Nơi đây, ngọn lửa của Prometheus được đưa tới cho loài người từ ánh nắng của Helios, rồi gửi tới ngọn đuốc Olympic, sau đó ngọn lửa sẽ đi du ngoạn một vòng thế giới trước khi đưa tới tháp đuốc ở quốc gia tổ chức Olympic. Hình như ngọn lửa tinh thần ấy đốt cháy trong chúng tôi ngay tắp lự, khi chúng tôi chạm tay vào nơi tạo lửa thiêng.

Tôi với Pierre quyết định thi chạy ngay tại sân vận động Olimpia huyền thoại. Nơi hàng ngàn năm trước, những vận động viên đã luyện tập, đã thi đấu, đã giơ cao vòng nguyệt quế trong tiếng hò reo của khán giả. Chỉ tưởng tượng thế thôi, tôi cũng cảm thấy xúc động và muốn cướp ngay lấy niềm vinh quang ấy về mình. Dĩ nhiên lúc này Arnab, Saru được đóng vai trò khán giả cổ vũ, Alex làm trọng tài, tôi và Pierre vào vạch xuất phát.

“Một hai ba bắt đầu”. Alex phát động.

Bất chấp trời đang mưa, tôi với Pierre hăm hở chạy tới vạch giữa sân, chứ nếu chạy cả sân chắc tôi lên thần mất. Nói chính xác là tôi chạy hùng hục,

còn Pierre vừa chạy vừa nhớn nhợ đọi tôi. Với cái cẳng chân dài bằng cả người tôi, Pierre chỉ việc thông dong nhìn tôi khốn khổ. Tôi ước gì kết quả giống như chuyện “Thỏ và Rùa”, nhưng thực tế thì rùa vẫn là rùa, thỏ vẫn là thỏ. Thật tuyệt khi chạm tới vạch đích nhưng tôi vẫn thua cuộc. Tuy nhiên tôi đã thua trong sự cố vũ, hò hét rất vui vẻ của vài vị khách du lịch có mặt trong sân lúc bấy giờ. Tôi yêu họ biết bao, nói như các bình luận viên nhà mình thì tôi đã “thua trong thế thắng”. Ngay cả Pierre cũng tỏ vẻ bất ngờ và tự hào về con bé mét rưỡi là tôi mà dám thách đấu với người khổng lồ. Pierre vui vẻ xoa đầu tôi và nói:

“Không phải buồn, mày vẫn có thể là nhà vô địch, nếu thi ở hạng dành cho trẻ em”.

“Được, thế thì lại chạy thi về vạch xuất phát”, dù lúc đó đúng là sức cùng lực kiệt, tôi vẫn vừa thở vừa thách đấu.

Hai bên đường, khách du lịch hò hét hơn bao giờ hết. Arnab và Saru thì vẫy tôi từ phía xa. Pierre thì vẫn đang nhìn nhả đi bộ trước mặt tôi, còn tôi dốc hết sức lực hai mươi năm tuổi trẻ để giữ đồng ruột mẽ không bị lộn tùng phèo. Tôi nghi là Pierre có mắt ở sau gáy, hoặc anh chàng giống ruồi có thể cảm nhận thấy sự dịch chuyển của không khí, hoặc là cao thủ võ lâm có thể cảm nhận được sát khí của tôi, hể tôi cứ tới gần, anh chàng liền tăng tốc. Pierre có kiểu chạy nhẹ nhàng như Thierry Henry và nháy mắt, tôi đã bị bỏ rơi. Tôi hét lên:

“Không thể để Pierre thắng được”.

Ngay lập tức hai chiến hữu của tôi là Arnab và Saru chạy ngay về đích, giơ cao tay như người chiến thắng. Thế là chúng tôi có những kẻ chiến thắng xấu tính, miễn không phải là Pierre, thế là tôi vui rồi.

“Kể mà chúng ta đang ở thế giới cổ đại thì cuộc đua sẽ thú vị hơn biết bao”, tôi ra chiều tiếc rẻ.

“Thú vị cái gì?”, Saru tò mò không kém

“Ngày xưa các vận động viên nam thi Olympic đều không mặc gì, ha ha”. Đó là tất cả những gì tôi học được từ bảo tàng Olimpia.

“Ha ha, nhưng lúc đấy phụ nữ đâu được vào xem, nên dù Pierre có phải ở trần chạy, mày cũng có được thấy đâu”. Alex hí hửng.

“Ôi phụ nữ ngày xưa thiệt thòi nhỉ?”, đến cả Saru cũng phải lên tiếng bất bình.

Ở thời cổ đại, thí sinh tham gia thi Olympic phải là nam giới Hy Lạp và có cha mẹ là công dân tự do. Họ phải tới Elis từ một tháng trước khi cuộc thi bắt đầu, ở trong những căn nhà dành cho vận động viên để luyện tập. Trong một tháng, họ có huấn luyện viên riêng, có chuyên gia chăm sóc sức khỏe và massage cho họ. Phải công nhận là hết sức bài bản và quy củ, lại đảm bảo cạnh tranh công bằng. Nhưng điều kỳ cục nhất là tập luyện và thi đấu, thí sinh đều phải trần như nhộng. Có lẽ ngày xưa con người coi cơ thể họ là tạo vật đẹp đẽ nhất giữa trời đất và với việc luyện tập không mặc gì họ có thể giao hòa cùng trời đất, hấp thu những tinh túy lẫn sức mạnh của bà mẹ tự nhiên. Thực tế rất thú vị là từ “Gymnasium” (thể dục) bắt nguồn từ Gymnos nghĩa là naked (khỏa thân) trong tiếng Hy Lạp. Hay thật đấy, từ nay tôi quyết không bao giờ nói “tôi đi tập thể dục đây” (I’m going to the gym) như thế khác gì nói “tôi chuẩn bị khỏa thân” (I’m going to be naked). Bây giờ tôi hay lấy đấy làm cớ cho việc lười thể thao của mình.

Thật chẳng phải lúc nào tinh thần tôi cũng hăng hái thể thao như khi đến với Olimpia. Để thưởng cho sự quả cảm của tôi, Alex hái lá olive giữa muôn ngàn cây olive xanh rờn nơi đây để kết thành vòng nguyệt quế. Nhưng Alex không khéo tay và dù sao tôi cũng đâu có thắng cuộc, tôi vẫn cài vào tai mình một cành olive để thưởng cho một ngày xuất thần. Tôi đến trước tượng thần Nike - nữ thần báo tin chiến thắng (tuy nhiên bây giờ chỉ

còn có cột trụ) ngăn ngại, “Vinh quang chẳng tới với mình, bởi nó đã rời bỏ Olimpia rồi”. Và cả Zeus cũng vậy, Zeus bỏ Olimpia rồi.

Mystras - Giấc mơ hoang tàn

Ngày còn bé, cũng như bao nhiêu đứa trẻ khác, tôi được kể cho nghe những công chúa, hoàng tử, những cô bé chăn cừu, những cậu bé tí hon trong truyện cổ Andersen. Nhưng tôi chưa bao giờ mơ mình là công chúa, chưa từng ước mong hoàng tử, tôi chỉ mơ thấy những tòa lâu đài. Những tòa lâu đài với cái âm u ngàn đời luôn chứa những bí ẩn không bao giờ dứt về một cuộc sống tuyệt vời đã từng tồn tại. Có lẽ vì thế mà khi nhìn thấy những hình ảnh của Mystras, tôi không thể không thốt lên: “Giấc mơ của tôi đây rồi!”. Và tôi nằng nặc đòi đến Mystras cho bằng được.

Ô tô của chúng hằng ngày vẫn leo lên leo xuống những triền núi ngoạn ngoè, nhưng tôi không còn sợ hãi. Tôi vẫn ngủ ngon lành và mơ trong tiếng Bouzouki. Pierre thường than phiền vì chuyện này. Cậu ta bảo mỗi lần nhìn vào gương chiếu hậu thấy tôi đã há hốc mồm ngủ là cậu ta cũng mệt nhoài theo, nhưng tôi vẫn không thể nào sửa được. Thịnh thoảng Alex lấy máy ảnh chụp lại những khoảnh khắc “khó đỡ” của tôi để làm bằng chứng cho việc lười nhác của lũ con gái. Khi mà ngày ngày thì ngủ, tối tối lại ôm laptop xem phim, trong khi con trai vạch kế hoạch và kiểm tra thời tiết. Tôi vẫn ngụy biện: “Tôi mới là người làm việc vất vả nhất, tôi phải ngủ để tránh nôn mửa lên các bạn, và tối xem phim để tránh làm phiền công việc của các chuyên gia”, nhưng chẳng ai tin.

Tôi thì tin, tôi tin chúng tôi là những con trâu khỏe bậc nhất xứ Tây Âu. Mỗi ngày chúng tôi đi qua khoảng hai hoặc ba thành phố nhỏ để ngắm các di tích lịch sử. Ăn trưa ngay trên xe với các loại khoai tây

chiên, bánh mít cam hoặc xa xỉ hơn là bánh nướng nhân táo, nhân cheese hoặc spinach* tuyệt ngon của Hy Lạp. Giữa buổi chúng tôi nhâm nhi đồng chocolate mà tôi mang theo (thói quen khó bỏ của tôi là đi đâu cũng tàng trữ chất gây nghiện này). Arnab vẫn thường bảo: “Không thể tưởng tượng được mà cất giữ bao nhiêu chocolate trong người mà lúc nào cần cũng có”.

** Ở Việt Nam gọi là rau cải bó xôi.*

Ngày lang thang ở những thành phố nhỏ, đến tối chúng tôi tạt vào những thành phố lớn. Đêm xuống đường phố lạnh buốt và vắng tanh. Đang là đợt đông cuối tháng Một nên gần như các thành phố hóa hoang vu, không khách du lịch, chúng tôi thường một mình độc chiếm cả khách sạn to đùng với giá bình dân. Thậm chí ở các đảo lớn lúc này, dân trên đảo còn đi nghỉ mát ở đâu đó gần đất nước tôi, để lại những hoang đảo bơ vơ, đó cũng là lý do tại sao chúng tôi không thể bước chân lên Santorini tuyệt mỹ.

Đêm qua tôi ngủ lại ở Sparta và đã mơ về người anh hùng Leonidas. VẬY ĐẤY, trước kia nghe tới từ Leonidas tôi chỉ nghĩ tới loại chocolate tuyệt hảo ở Bỉ, nhưng bây giờ tôi biết Leonidas không chỉ là tên một cửa hàng. Leonidas là bậc đế vương dũng cảm của người Sparta. Vào khoảng năm 480 trước Công nguyên, quân Thespians cùng quân Spartans dưới sự lãnh đạo của Leonidas đã chiến đấu tới hơi thở cuối cùng để ngăn bước chân của Persian tiến vào trung tâm Hy Lạp. Trận chiến đẫm máu này tuy thất bại, nhưng đã nêu cao được tinh thần quả cảm của dân Lakedaimonians*. Với dân Hy Lạp, không chỉ mình Leonidas mà tất cả những kẻ vô danh đã ngã xuống đều là những người anh hùng. Dù Sparta đã hiện đại hóa, tôi vẫn nghe đâu đó “tiếng ngày xưa vọng nói về” của những người chết trận Thermopyles.

** Xưa là vùng tự trị của Hy Lạp có thủ phủ là Sparta.*

“Stranger, go tell the Lakedaimonians that we lie here, obedient to their command”. “Hỡi những kẻ lạ mặt, hãy tới nói với dân xứ Lakedaimonian rằng chúng ta đã ở đây sẵn sàng đợi lệnh” - thơ của Simonides trên mộ những người Sparta đã nằm xuống.

Ấy vậy mà sáng tinh dậy, tôi nằm liếm môi và chỉ còn nhớ mình đã mơ về chocolate. Nhiều lúc tôi nghĩ có khi mình nên ngủ nhiều hơn để xóa bớt phần “con” hết sức vật chất của mình. Cũng may, phần “người” vẫn thôi thúc tôi “thức dậy để thực hiện giấc mơ” - tới lâu đài Mystras. Từ Sparta, chúng tôi rong “ngựa sắt” khoảng 15 phút, tòa thành đồ nát đẹp như trong tranh đã lọt ngay vào tầm ngắm. Đứa nào cũng phải xuýt xoa: “Đẹp và lạnh quá”. Ừ nhỉ, tuyết đang rơi trên đỉnh Taygetos. Dưới đế chế Byzantine, nếu Constantinople được coi là hoàng hậu thì Mystras phải là ái phi được sủng ái bậc nhất, nhưng rồi lại bị thất sủng trước Sparta khi Ottoman lên ngôi. Tôi không muốn nói đế chế Ottoman gốc nghềch, tôi chỉ muốn nói: “Nếu là tôi, chẳng đời nào tôi đổi Mystras lấy Sparta xấu hoặc tới rùng mình”.

Khu di tích Mystras nằm trên đỉnh Taygetos, đón chúng tôi sau chiếc cổng vòm đá. Khác hẳn với sự lạnh lẽo của cổng Myceane, cổng đá nơi đây được tạo từ trăm nghìn mảnh đá xen kẽ với gạch đỏ, và được kết dính nhờ bùn đất nâu, mang lại vẻ ấm nóng lạ thường. Thực ra thì tôi cũng không dám chắc lắm về chuyện chất kết dính là bùn, biết đâu ẩn sau đó lại là một công thức chế tạo chất liệu vĩ đại. Như thành nhà Hồ ở Việt Nam, thầy tôi từng bảo tường thành lấy sự vững chắc từ hỗn hợp mật ong và giấy vụn. Quả là sự kết hợp phi thường.

Lâu đài ở Mystras được xây dựng từ thế kỷ XIII, từng là nơi ở ưa thích của hoàng đế William II của đế chế Byzantine. Nhưng thực sự bây giờ, tôi phải áp dụng trí tưởng tượng của mình triệt để mới có thể trông thấy nó. Tôi ước mình trở lại như thuở lên năm, thì có lẽ điều đó sẽ không hề khó khăn. Với kết cấu y như phần cổng chào, tường thành

cùng di tích những phòng ốc cho thấy sự đồ sộ của lâu đài một thời. Chân tường thành kéo dài ôm gần như trọn đỉnh Taygetos, cùng một thành phố thu nhỏ trong nó. Ở khu Metropolis của Mystras, tôi bắt gặp tất tần tật những gì tôi thích: nhà thờ, tu viện, cho tới tàn tích lâu đài. Các khu nhà có kiến trúc giống nhau gồm nhà dành cho thợ thủ công, dành cho các thầy tu và dành cho tôi tớ. Các ông hoàng chỉ việc ngồi một chỗ trên đỉnh núi vẫn có hết mọi thứ họ cần cho ăn, ngủ và cầu nguyện. Đúng là Mohamed không tới với núi, thì núi phải tới với Mohamed.

Nhà dành cho các thầy tu hay tu viện (Monastery) có mái vòm lát gạch đỏ hình đài hoa úp ngược. Tường nhà chủ yếu bằng gạch xếp các cách khác nhau. Gạch thường được xếp ngang đơn giản, đặc biệt gần cửa sổ thì được xếp chéo lạ mắt. Tổng thể kiến trúc Byzantine hiện lên ấm áp lạ lùng, khiến ngày đông tuyết không còn giá buốt. Tuy tu viện này đã bị đóng cửa, tôi và Pierre vẫn trèo cửa sổ lên vào xem. Tôi háo hức như một kẻ khám phá chuyên nghiệp, và còn vì việc gì bị cấm làm cũng thú vị hơn. Nhưng chỉ sau một hồi tôi hết hứng thú, khi thấy ba tên còn lại lũ lượt vào từ một cửa hậu kín đáo.

Tu viện khá rộng rãi nhưng chỉ trụ trọi vài hàng cột màu đỏ. Trần nhà trang trí tinh xảo bằng các bức tranh tường hình thần Zeus và các vị thánh, đã phần nào bong tróc trước sự tàn phá của thời gian. Hình ảnh Zeus thời kỳ này xem ra rất khổ hạnh đúng theo tinh thần của các tu viện, hy vọng họ không có trò hành xác đáng sợ (như trong tiểu thuyết “Mật mã DaVinci” của Dan Brown). Các hình ảnh này tôi cũng bắt gặp trong các nhà thờ nơi đây.

Nhà thờ ở Mystras tuy bề ngoài khá giống nhau, nhưng cũng có một nhà thờ khác thường, rất ấn tượng.

Ngay lối vào, chúng tôi bắt gặp ngay một quan tài đá được chạm khắc tỉ mỉ. Ban đầu Alex còn cho rằng đây là một chiếc bồn tắm thời

xưa. Trước những bức tranh tường cực kỳ đẹp, bạn dễ dàng bị thôi miên bởi màu xanh và ánh vàng từ mái vòm chiếu vào tranh. Còn dưới sàn nhà, hình một con đại bàng hai đầu kẹp một chiếc vương miện được khảm nổi trên đá hoa cương trắng làm tôi không khỏi tò mò. Đại bàng hai đầu là biểu tượng quyền lực của đế chế Byzantine. Hình ảnh này lấy cảm hứng từ quái vật Hoga trong truyền thuyết. Hoga là con đại bàng hai đầu, có thể bắt được cả bò mộng bằng móng vuốt của mình, chính vì thế Hoga tượng trưng cho quyền lực. Ban đầu hình ảnh này chỉ là gia huy, nhưng sau đó nhanh chóng được sử dụng rộng rãi như biểu tượng của vua chúa. Hai đầu đại bàng tượng trưng cho sự hùng mạnh của đế chế ở cả phía Tây và Đông (thời kỳ đó quyền lực đế chế này bao trùm cả châu Âu và châu Á), đồng thời cũng tượng trưng cho sự sức mạnh tinh thần và thể xác. Phải nói biểu tượng này là sự hòa quyện của tự nhiên, là sức mạnh của vũ trụ.

Không chỉ hình ảnh chạm khắc gây tò mò trong tôi, mà tôi còn bị dán mắt vào những lá bùa kỳ lạ treo dưới chân bàn thờ. Gọi đó là những lá bùa kỳ thực ra cũng không đúng, bởi chúng rất đa dạng, có thể là những bức tranh nhỏ, có thể là những bài thơ, có thể là trang sách nào đó. Người phụ nữ Hy Lạp nói rằng những lá bùa này được mang tới từ những người dân để cầu khẩn một điều ước. Nếu họ muốn xây nhà thuận lợi, họ mang tới hình ảnh ngôi nhà, nếu họ muốn cầu con, họ mang tới hình ảnh những đứa trẻ. Và hay nhất là thói quen đó vẫn còn tới ngày nay, dân xứ này vẫn lên núi khi họ cần tới sự giúp đỡ của thánh thần. Tôi đã ước giá mà mình mang theo quyển “Antennas”^{*} của Balanis, thì tôi sẽ hiến tế ngay. Saru thì ước sẽ có một tấm chồng sau khi tốt nghiệp. Và sự thật là cô nàng sắp cưới, còn tôi không trượt môn “Antennas” cho dù không để lời cầu nguyện lại đó.

** Tên viết tắt của cuốn giáo trình chuyên ngành “Antenna theory” của Constantine Balanis.*

Mystras là mảnh đất tuyệt vời nhất trên xứ Hy Lạp hay ít nhất là tuyệt nhất trong những nơi tôi đã từng qua trên xứ sở thần thánh. Nơi những khoảnh khắc kỳ diệu nhất xảy ra, không phải là khi tôi đắm chìm trong lâu đài đổ nát, mà là khi tôi chạm tay vào những bông đào mới nở. Hoa đào xứ lạ đang cười gió đông. Cảm giác như trở về với Việt Nam vào những ngày giáp Tết khiến tôi gợn lòng. Năm nay, lần đầu đón Tết xa xứ, tôi đã thấy hoa đào trước cả mùa xuân.

Hành trình đá Thổ Nhĩ Kỳ

Mặt trời mọc từ đâu?

Mặt trời mọc từ đất, đỏ, đỏ, đỏ hơn nữa với quầng sáng bao quanh. Mặt đất nhìn như hoang mạc, đá sỏi, cỏ lưa thưa. Mới sớm đã thấy bụi từ nhiều phía. Xe chạy đua với mặt trời, xem xe tới đích trước hay mặt trời lên cao trước. Tôi ngủ gà gật, bị lay dậy: “Mặt trời kìa”. Tôi hé mắt, lần này mặt trời lên cao rồi, mọi vật đã sáng rọi. Xe bus đi xuyên qua bóng tối thần kỳ. Những ngọn núi đá hiện ra từ xa. “Ôi này, nhìn đi”, tôi hào hứng quay sang bạn mình. Những quả khinh khí cầu nhiều màu sắc đang bay cao trong ánh ban mai màu da cam pha hồng pha đỏ. Khinh khí cầu bay trên những ngọn núi đá, bay qua những thung lũng, những vùng hoang sơ. Cảnh sắc thật rực rỡ, hơn cả phim “Up”, hay bất kỳ bộ phim nào. Theo dấu khinh khí cầu, xe dừng lại tại lòng chảo Cappadocia, nơi đó gọi là Goreme, trái tim của đá.

Cappadocia là một vùng rộng lớn ở Thổ Nhĩ Kỳ chứ không phải ngôi làng nhỏ bé ở Abruzzo nước Ý. Cappadocia gồm nhiều thành phố, làng mạc, thị trấn, nhưng vì có ít thời gian nên tôi chỉ ghé Goreme. Sau này gặp anh Cao Bồi - một hướng dẫn viên chính hiệu thì anh lên lớp: “Mày cần ít nhất một tuần để đi hết Cappadocia, ít nhất ba tháng để đi hết Thổ Nhĩ Kỳ”. Còn cô bạn người Thổ của tôi ở Ankara thủ thi: “Năm nào tao cũng tới Cappadocia chơi một lần, đi bao nhiêu rồi vẫn chưa xem hết”, Godze thì bảo: “Cappadocia là một cái gì đó rất khác, rất khác, không thể không đi, tại sao có vài ngày mà mày dám liều tới nơi kỳ thú ấy?”.

Cappadocia - Trái tim của đá

Hành trình đá lần này, tôi lôi theo bạn Việt mới quen ở trường học hè tại Ankara. Bọn tôi là hai đứa châu Á duy nhất trên chuyến xe bus đêm hôm đấy. Xe bus chạy từ thủ đô Ankara tới Cappadocia mất mười tiếng đầy mệt mỏi. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, hệ thống tàu chưa phát triển, máy bay nội địa không tới được nhiều nơi, nên xe bus là sự lựa chọn duy nhất. Bến xe bus ở Ankara được mệnh danh là bến xe bus to nhất châu Âu bởi lưu lượng xe chạy như mắc cửi. Đi xe bus thích nhất ở chỗ chỉ việc tới sớm năm phút, mua vé là đi, không phải lo ngại giá tăng. Hành trình khám phá vì thế được thoải mái sáng tạo. Bạn chẳng cần kế hoạch trước cả tháng, tự nhiên bạn muốn tới Cappadocia, chỉ việc nhảy lên xe là xong.

Khệ nệ mang đồng hành lý tới nhà nghỉ vào lúc sáu giờ sáng, khách đang ngủ mà chủ cũng chưa dậy. Thằng nhóc phục vụ lon ton ra mở cửa phòng để đồ rồi rón rén vào bếp chợp mắt thêm chút nữa. Vì đã được cô bạn khuyên là nên đi và phải đi một tour ở khách sạn: tour cực hay, đi được nhiều nơi mà không quá đắt. Lựa chọn giữa Red tour và Green tour thì bọn tôi thống nhất Green tour cho hấp dẫn, giật gân, giá ổn 90 lira⁺. Tour kéo dài từ chín giờ sáng tới sáu giờ chiều, kịp giờ xe bus về Istanbul của bạn Việt, vậy là chuẩn. Tuy nhiên tôi đã chuẩn bị tâm lý là chuyện gì cũng có thể xảy ra, kể cả chuyện kì kèo giá cả. Thế là sáng sớm, tôi nhận nhiệm vụ đánh mặt trận nước bọt với anh chủ nhà trọ. Anh chủ nhà trọ nói: “Giá tour 90 lira là rẻ nhất trần đời, mời gọi rồi. Đi cả Red tour và Green tour thì tao giảm, chứ đi một thì tao chịu”.

* 1 lira ≈ 6000 VNĐ.

Tôi thỏ thẻ: “Một người đi hai tour thì được giảm, vậy hai người đi một tour cũng phải được giảm chứ?”

Anh chủ nhà trọ cười tươi, lấp lóa cái răng vàng trong góc, lắc đầu nguầy nguậy, tay không thôi phe phẩy điếu thuốc. Nói một hồi lạc cả giọng, anh cũng giảm từ 90 lira xuống 85 lira, và bớt cho một đêm tiền nhà. Vậy ra lãi được vài chục euros, coi như có bữa tối, hai bạn lấy làm hí hửng lắm. Hơn hết anh chủ còn tốt bụng, cho mượn con máy ảnh Nikon xài tạm (vì tôi lỡ để quên sạc máy ảnh ở Ankara nên chẳng có máy dùng), kèm theo bữa sáng miễn phí. Gió sớm nhẹ nhẹ, ban công vắng, ghé tựa dễ thương, đồ ăn đa dạng. Cuộc sống thật tươi đẹp quá đi!

Chín giờ xe tour xuất phát, thành phần đoàn hơn cả nồi lẩu thập cẩm. Anh hướng dẫn viên tóc xù mì tôm đeo cặp kính đen tròn, làm gương mặt càng giống một cái bánh bao. Anh mặt to mà thân hình thì còi khăng, càng còi hơn trong chiếc áo đen bó sát người. Giọng anh nhấn nhá, lên cao xuống thấp, nghe còn xóc hơn xe. Vài ba cặp đôi ngồi hàng đầu thật kỳ quái, họ đang lim dim. Cuối xe, bốn cô gái Úc duyên dáng nói chuyện tung trời, còn bên cạnh là một anh người Nhật đang đóng chân lên gãi sồn sột. Anh người Nhật tướng to cao, đen trụi, đầu tóc bù xù bần bần, cười nhăn nhúm mặt mày, để lộ 32 cái răng xỉn, vài cái vàng sáng loáng. Khi đi, anh vác một chiếc máy ảnh xịn, một chân máy to mà không nề hà gì. Thấy anh hiền, hai đứa cũng làm quen, anh chỉ cười gật gật. Cô gái Đài Loan thân thiện ở phía trước cũng ghé xuống nói dăm ba điều, thế là thành hội nhí nhỏ.

Xe tour đưa cả lũ đi tới điểm cao Esentepe để ngắm toàn cảnh Goreme. Thung lũng dưới chân hiện ra với muôn ngàn khối đá được tạo nên từ những dòng dung nham đông đặc, từ khói, từ bụi, từ đá của thời kỳ Neocene. Qua hàng nghìn năm xói mòn không ngừng nghỉ, các

khối đá như được nặn, được tạc thành các hình kim tự tháp, hình nón. Màu sắc hoa văn của các kim tự tháp đá được chuyển đổi nhẹ nhàng từ trắng sang rêu, sang xám, chen lẫn giữa màu xanh của cây cỏ. Xe dừng một lúc rồi chạy tới hồ Nar, hồ xanh tròn như một viên ngọc giữa sa mạc. Lại năm phút rồi tất cả phải yên vị, anh Mì Tôm mở nhạc cho mọi người nghe. Nhạc vui vẻ mà êm ái, cả xe chìm vào giấc ngủ lúc nào không hay. Hai bạn Việt Nam đêm qua đi đường trường, tới từ sáu giờ sáng còn chưa kịp tắm gội, ngủ nghỉ, nên lịm ngay trong giấc mơ cát bụi.

Thình thoảng tôi mở mắt nhìn, chỉ thấy xung quanh bụi mù, cát vàng bay ngập trời xanh, nắng cháy như thiêu như đốt. Trong xe có điều hòa mà vẫn thấy mồ hôi rịn áo, không chảy được thành dòng cho bớt bí bách. Xe như cái lò lửa di động, càng đi người càng cháy khét, ai cũng bải hoải, không nói được lời nào, muốn khích lệ đưa bạn đường cũng không nhắc môi nổi. Không khí oi bức, ngột ngạt, chán nản, cảm giác như đang bị đi khổ sai hơn là du lịch. Bạn Đài Loan gục lên gục xuống. Tôi ngồi cạnh cửa kính, cũng đập cửa choang choang, muốn vỡ đầu. Lúc cuối bạn Việt tỉnh hơn một chút, thấy tôi tội tội, kéo đầu vào vai bạn: “Cho mượn tạm gối này, không lại bế gáo”.

Xe lắc lư lắc lư gần hai tiếng đồng hồ thì cũng tới thành phố ngầm Derinkuyu. Được xây từ thời Hitties, được nhiều nền văn minh sử dụng, cùng với Kaymakli, đây là hai thành phố ngầm lớn nhất ở Cappadocia. Trước đây có đường hầm kết nối hai nơi với nhau, nhưng bây giờ chính quyền đã chốt lại thành hai nơi riêng biệt, như vậy có lợi cho ngành du lịch hơn. Thành phố ngầm có tới tám tầng. Anh Mì Tôm dặn: “Đi tới tầng hai là tầng rộng nhất, cho tất cả mọi người ngấm, nếu ai mà thấy vẫn khỏe thì được đi tới tầng tám, không thì ở lại”. Thế mà cuối cùng cả hội vẫn đi hết, ai cũng trâu bò, chỉ cần một chiếc khăn quàng cổ, một cái áo rét là xong. Nơi đây thật kỳ vĩ, thật hoành tráng, nơi mà cái gì cũng có, y như trên mặt đất, với sức chứa 20.000 người

cùng gia súc. Họ có phòng ngủ, có phòng ăn, có tủ lạnh cất thịt tươi, có nơi giữ rượu, có nhà thờ, có cả nhà chứa xác.

Khi xưa, dân cư nơi này sống trên mặt đất là chính, chỉ khi có biến mới xuống thành phố ngầm. Nhưng để chắc chắn rằng cả bộ lạc có thể sống trong thời gian dài dưới này, họ đã phải thiết kế để có thể sống đầy đủ như trên mặt đất. Đặc biệt là hệ thống ống thông hơi để tránh cho nơi này bị bí bách, ẩm thấp. Mỗi cột khí chòi lên cao là một cột đá mảnh khảnh, họ gọi đó là các fairy chimney. Đó là niềm tự hào của dân Cappadocia. Ai mà biết được bình địa lưa thưa vài cột đá lại ôm trong lòng cả một thành phố hoành tráng, đủ đầy bên dưới. Điều duy nhất gây khó chịu của thành phố ngầm là đường vào quá bé và tối. Vào ngày thứ Bảy nắng nôi như ngày hôm nay, thực sự là khủng hoảng lượng người, tắc đường lên xuống đến nỗi ai cũng than trời, nhất là khi chúng tôi đang dần bước đi lên thì phía trên vọng xuống: “Tránh đường cho bà bầu”.

Rời khỏi chỗ ẩn nấp mát mẻ, xe bus lại lăn bánh long sòng sọc, bụng đứa nào cũng kêu òng ọc. Đói mờ mắt mà anh Mì Tôm còn bắt đi bộ 3km qua thung lũng Ihlara chỉ vì: “Nó đáng xem và chúng mày có một bữa trưa ngon tuyệt đang đợi ở cuối con đường”. Thung lũng Ihlara có màu đỏ quạch, được tạo nên bởi bụi núi lửa, giống như đất đỏ Balzan xứ mình. Hai bờ vách dựng đứng, bị cắt gọt ngọt lịm thành những đường gồ ghề ra vào giống như bậc thang. Giữa thung lũng, con suối chảy lí lắc qua bãi đá sỏi và những hàng cây xanh. Anh Mì Tôm dẫn cả hội vào những ngôi nhà thờ được đục trong vách đá. Riêng thung lũng này đã có tới vài trăm nhà thờ, được xây dựng từ hồi Early Christian (thời Kitô giáo nguyên thủy), từ hồi con người còn mộ đạo và nhiều niềm tin. Mãi sau này khi dân Ả Rập tới thì nhà thờ mới tan hoang, tiêu điều, hoang phế thế này. Những nhà thờ ở tít trên cao nằm im lìm cạnh những hốc đá vuông thành sắc cạnh. Họ bảo hốc đó do con người khoét ra để làm tổ cho bồ câu.

Lũ chúng tôi lê lết dưới nắng, nóng, chói, chỉ mong được vục mặt vào làn nước xanh mát mà không được. Giấc mơ về bữa ăn trưa càng làm đôi chân thêm nặng. Khi tôi lết tới nhà hàng thì trời nắng đến cực điểm. Nhà hàng xây ngay bên bờ suối mà cũng không hạ được cái nóng. Cả lũ hỗn hển, uống hàng lít nước cho đã cơn, trước khi lao vào xâu xé thịt cá, bò, gà. Trời chưa đủ nóng, dân Thổ còn bùng ra hàng đĩa đồ nướng thơm lừng, tưởng không thể nuốt trôi, vậy mà chúng tôi ăn tới cái xương cuối cùng của con cá cháy. Lũa xong cốc Ayran - một loại sữa chua có muối - thì tôi vội vàng trở lại cái lò bát quái. Xe bây giờ nóng hơn bao giờ hết, hâm hấp bức mình, cả lũ vừa sống động là thế mà lên xe đã lờ đờ, nằm ra như những con cá trên lò hấp, giống như cây cỏ bị rút cạn nước trong thân. Mới ba giờ chiều mà mong sao đồng hồ quay thật nhanh để còn về khách sạn.

Khách sạn thì không thấy nhưng khu quần thể nhà nguyện, nhà thờ to bự hiện ra trước mắt chúng tôi, đó là Selime. Cả lũ nhảy khỏi xe, lao lên bầu vịu vào những tảng đá, leo như khi lên trên nhà nguyện. Đẹp quá, to quá, hùng vĩ quá, hội nhí nhố vừa đi vừa hò reo. Sức sống cuộn chảy lại hơn bao giờ hết. Lại nhảy nhót, lại reo hò, lại chụp ảnh, lại thấy mình cheo leo giữa hốc đá, hay bơ vơ ngay kè, chỉ một nhón chân nữa là rơi xuống banh xác. Kiệt tác của đá đấy, tôi quay sang cô bạn Đài Loan, còn bạn Việt đang bận chụp ảnh cho anh Nhật bù xù. Tối nay, cô bạn Đài Loan lên xe đi Pamukkale, bạn Việt đi về Istanbul, tôi chỉ còn biết bầu vịu vào anh bù xù. Hẹn hò ngày kia sẽ đi Pamukkale cùng anh, anh biết chụp ảnh, có máy ảnh xịn, đi một mình, còn tôi chẳng có gì, thật là sự kết hợp hoàn hảo.

Chỉ có hành trình Green tour này hơi thừa chút xíu, vì họ cho chúng tôi lướt nhẹ qua thung lũng Bồ Câu vài phút rồi đưa ngay sang nơi thử Turkish delight*. Cái thung lũng bồ câu trắng đẹp mắt chưa được với tay tới đã phải quay về với sự phồn hoa xa xỉ. Những bàn đầy kẹo dẻo, kẹo gôm, hoa quả khô, hạt muối la liệt, cho mọi người thưởng thức. Ai

đó mua về làm quà cho bạn bè, rồi xe quay về thị trấn. Hai tiếng rông rã dưới cái nắng 37 độ C, làm mọi người bơ phờ, ngủ gà gật, cảnh hoang mạc khi ai cũng nản lòng. Khi mở mắt thì xe đã về tới khách sạn.

* *Đặc sản của Thổ Nhĩ Kỳ, còn gọi là món kẹo quý tộc.*

Khi hoàng hôn cheo leo trên đỉnh núi đá, lúc đêm ập tới vội vàng, cứ tưởng tượng rằng bạn đang ngồi ở ban công rộng, trên một nhà hàng đá trắng, mặt trời lặn ở sau lưng, đối diện là một đĩa bạn thân có thể nói chuyện được từ A tới Z, uống rượu nho ấm áp, gió thổi hiu hiu, bánh mì nóng giòn, một hũ thịt bò nấu rau đang sôi sùng sục trước mặt, thơm ngất ngây, bữa tối có thể tuyệt hơn nữa không? Thế mà thay vì ngồi tâm sự, ngắm cảnh thì hai đứa ăn hùng hục như hai con nghé con. Chưa hết món khai vị đã đòi người ta mang món chính, chưa uống xong rượu đã đòi món tráng miệng. “Mau lên với, xe bus của chúng tôi sắp rời đi rồi”. Bạn Việt phải vội vàng đi tiếp tới Istanbul, còn tôi, tôi có thêm một ngày nữa để khám phá mảnh đất diệu kỳ này.

Nơi Cappadocia núi đá, trái tim không thể hóa đá, mà ở đây, đá cũng có tâm hồn.

Goreme của anh cao bồi

Chuyện vì sao tôi quen anh cao bồi rất đơn giản, tôi quen anh qua trang web Couchsurfing. Dù đã thuê phòng ở một hang đá trong thị trấn Goreme, tôi vẫn liên hệ với anh để hy vọng sẽ có dân bản xứ đưa mình đi hết các hang cùng ngõ hẻm. Trên Couchsurfing, anh tóc dài, râu rậm, cưỡi con ngựa trắng, không giống hoàng tử, mà nhìn hao hao phù thủy Mustafa trong Truyện Aladin và cây đèn thần. Tôi vẫn liêu một phen đóng vai nàng Jasmine.

Tôi hẹn anh cao bồi vào buổi sáng ngày thứ Hai ở thị trấn Goreme. Sau một đêm nằm trong hang, con cóc là tôi nhảy ra thấy mặt trời đã lên cao lắm rồi. Ăn uống no say, nhắn tin cho anh cao bồi hẹn gặp rồi cóc cụ vác máy ảnh lang thang. Ngày đầu ở Goreme còn bận đi tour, nên tôi chưa có thời gian khám và phá nó. Hôm nay đi mới thấy cái thị trấn tí hìn này quá là xinh quá là yêu. Nhà cửa trong hốc đá trắng muốt, những cửa sổ nhỏ cỡ hai mặt người mọc lộn xộn trên tường, bậc thang dẫn lên nhà màu xám nhạt, và những hàng hoa hồng phớt, tím nhạt nổi bật trên cái cửa gỗ sẫm màu. Vài người dân đi dọc con đường cười nói hân hoan. Tiếng cười làm tôi lạc vào căn nhà của người thợ nhuộm.

Anh thợ nhuộm chạy ra chỉ tôi những vại thuốc màu, xanh đỏ tím vàng, mấy cái khung cửi giống ở vùng cao. Chỉ có điều ở đây họ ngồi trên chiếc ghế thấp tè, vươn tay vươn cổ kéo con suốt chạy khắp khung vải dài tới 2m. Tôi cũng xâu suốt, cho chạy từ trái qua phải, những họa tiết bắt đầu hình thành. Thảm, khăn, đồ thêu dệt là mặt hàng nổi tiếng của dân Thổ, khăn vải thô, lụa, casmir bày bán khắp

nơi. Nhất là trong gallery thảm ở Goreme, gallery rộng chừng vài trăm mét vuông, chất đầy những tấm thảm dài từ trần tới sàn. Trước cửa gallery có một cây cổ thụ, khô khăng như đã chết lâu rồi, trơ trụi, chỉ còn lại cành khăng khiu buộc chằng chịt dây vải. Tôi hỏi vài người ngồi uống trà gần đấy: “Này, sao cây được buộc vải nhiều vậy?”. “Mỗi người phụ nữ ở đây đều buộc một mảnh vải lên cây để cầu cho ước nguyện của mình thành sự thật”. Ở thế à, tôi tìm quanh quất không được mảnh vải vụn nào, không lẽ xé vấy. Mấy người uống trà nhanh nhẩu vào xưởng tìm ra đoạn vải thừa cho con bé: “Đây, buộc cao lên nhé”. Tôi nhón hết tám đầu ngón chân, buộc vào một cành hơi cao, để hy vọng không ai sẽ tháo nó xuống. Để xem ước mơ ấy bay cao bay xa được tới đâu.

Xong vụ ước nguyện tôi ba chân bốn cẳng chạy xuống trung tâm. Anh cao bồi đứng đó, cạnh chiếc xe Scooter nhỏ, đeo kính râm, nhìn gần anh còn hom hem, giống yêu quái hơn cả trong ảnh. Anh cười tươi, nhe mấy cái răng đã đen thui vì thuốc lá, đưa cánh tay gầy khăng lông lá ra bắt: “À, chào cô bạn Việt Nam, chào mừng tới Goreme nhé!”. Tôi cười tươi đáp lại, rồi ngồi lên sau xe máy.

Anh cao bồi đã ngoài ba mươi tuổi, có mái tóc dài đến giữa lưng, cứng còng như rễ tre, đen thui và nồng mùi dầu gội X-man. Mỗi lần muốn nói chuyện, tôi phải nghiêng sang bên, vén tóc anh ra, để nó không bay vào miệng mình. “Mày thích tóc tao lắm à mà cứ đụng vào?”. Tôi cười ha hả: “Không, tóc mày cứng đâm thủng mặt tao rồi”. Anh có vẻ không hài lòng, lên ga rù rù, bụi mù mịt. Xe chạy có 50km/h mà cảm tưởng giống như phi xe phân khối lớn trên đường quê. Bên tai tôi gió rít, bụi xè, xe chạy giữa núi và vực hùng vĩ lắm. “Ê mày chưa bị rơi chứ?”, “Không, tao sợ cát vào mồm nên không nói thôi”. “Ờ đừng rơi nhé, tốt nhất là ôm eo tao”, “Ừ, cảm ơn, khỏi đi”. Anh lại gia tăng tốc lực, tôi ngửi thấy mùi nguy hiểm trong cát bụi sáng nay.

Xe đi dần vào một khu làng nhỏ. Tôi không chắc đó là một ngôi làng, có thể chỉ là một khu buôn bán đồ lưu niệm, chắc là gần địa điểm nổi tiếng. “Xuống đi, tao đưa mày tới gặp bạn tao”, rồi chúng tôi đi lên một vùng đất cao, ở đó có một khối đá cao to lừng lững. Quán cà phê có một không hai đấy nhé. Vốn là một khối đá lớn, người chủ quán đã đục sâu vào lòng đá, biến nó thành quán cà phê tám tầng kỳ thú. Ông chủ hiện tại được thừa kế quán từ đời ông nội nhưng vẫn giữ quán y chang như thưở ban đầu, vì đá mà, bền mãi với thời gian. Hai đứa leo thang cầu thang sắt lên tầng hai là gian to nhất, có những bàn thấp trên thảm, gối dựa màu sắc và một gian bếp xinh xắn. Tầng ba tới tầng tám chỉ là những gian phòng bụi bặm giống nhau dành cho khách uống trà. Tôi leo mãi miết hết tám tầng, tranh thủ quán chưa có khách. Leo tới tầng tám thì có chút mệt mỏi, cố hít hà lấy tí không khí thì thấy toàn khói là khói. Căn tầng chóp nhọn, nhỏ xinh này được tập hợp các cô gái xinh đẹp đang dùng làm phòng hút thuốc nên tôi đành rón rén đi xuống.

Anh cao bồi đã ngồi yên vị ở tầng hai, cũng đang phì phèo ống khói. Anh chỉ tôi mấy tờ báo viết về quán cà phê này, “độc và đẹp”. “Chủ quán là bạn thân của tao, xưa cả lũ tới nhà tao ở ké mà đông quá thì tao vứt tụi nó ra quán này ngủ, thích lắm”, anh làm tôi cũng liêu xiêu về vụ được ở tháp lầu tám tầng như Rapuzel^{*} này. Ông chủ quán người thấp bé, đeo kính, mang trà đen cùng các loại hạt rang muối tới mời, rồi lẳng xẳng đi mua giúp chai rượu. Đây là vùng trồng nho nên rượu vang chính là đặc sản của vùng, phải uống, phải uống. Mỗi người một chén, anh cao bồi và tôi ngồi nói chuyện về đất nước mình.

** Rapuzel là nàng công chúa tóc mây, bị phù thủy tên là Mẹ Gotel giam trong tòa tháp cao suốt 18 năm trời.*

“Kể tao nghe một chút về Việt Nam đi, tao chẳng biết gì cả”.

“Tại tất cả những gì chúng mày biết chỉ từ phim Rambo”.

“Ờ phim Mỹ lãng xẹt ấy mà!”.

“VẬY thì nước tao thế này nhé, 4.000 năm dựng nước giữ nước... chữ Việt khác chữ Tàu... tiếng Việt giống tiếng Pháp, vân vân và vân vân”. Anh cao bồi nghe chăm chú: “Thật là hay vì mày ở đây, thế mày biết gì về Cappadocia”. Tôi lắc đầu: “Chưa kịp đọc Lonely planet”. “Mày đừng đọc, Lonely planet chỉ là thứ rẻ rách, không đáng một xu, nó làm hư hỏng kiến thức của người ham du lịch, làm họ quay lưng lại với những hướng dẫn viên du lịch chân chính”, anh giận dữ. Thế rồi anh kể...

Cappadocia không phải là một thành phố, một thị trấn cụ thể, mà là tên gọi chung của một vùng, nằm giữa các thị trấn Aksaray, Nevsehir, Nigde, Kayseri và Kirsehir, ở vùng Trung Anatolia (Central Anatolia để phân biệt với East và West Anatolia). Trung Anatolia cũng chính là cái rốn của Thổ Nhĩ Kỳ, chỗ giao thoa giữa Âu và Á, là nơi cư trú của nhiều nền văn minh khác nhau như Hattis, Hittites, Phrygians, Galatians, Romans, Byzantines, Seljuks và Ottoman.

Anh cao bồi vốn là dân hướng dẫn viên chuyên nghiệp, mất năm năm đọc sách lịch sử, ôn luyện qua bao cuộc thi lấy chứng chỉ hành nghề (tới tận bây giờ năm nào cũng phải thi để làm mới bằng). Anh nói rằng vùng Trung Anatolia là nơi phức tạp nhất, có lịch sử văn hóa rất lâu đời, đa dạng, học tới năm năm cũng chưa chắc những gì mình biết đã là đủ. Nó hấp dẫn thú vị và khó nhằn hơn lịch sử của bất kỳ vùng đất nào trên thế giới. Đất nước Thổ Nhĩ Kỳ với 13.000 năm lịch sử được viết trên không biết bao nhiêu sách vở, cái đúng cái sai, cái vừa vừa, bao nhiêu tranh cãi lập luận vẫn chưa biết đâu là chính xác. Chỉ biết nó được khai thiên lập địa từ thế kỷ XI trước Công nguyên, bắt đầu từ khi bộ lạc Oguz Turk xâm chiếm vùng Trung Anatolia. Anh nói Anatolia có nghĩa là vùng đất chặn ngựa, vì khi dân châu Á tới chiếm đóng thì nơi đây chỉ là các thảo nguyên rộng lớn, nên họ đưa

gia súc tới đây để chăn thả. Trong sách báo, trên wikipedia thì Anatolia chỉ có nghĩa là phía Đông, nơi mặt trời mọc, hay bộ lạc châu Á, nghe chừng kiến thức của anh cao bồi có vẻ chính xác và uyên thâm hơn. “Còn Goreme nơi mà đang đứng chính là trái tim của Cappadocia, trung tâm của Anatolia, trái tim của Thổ Nhĩ Kỳ, nơi những ống khói đá vươn lên kiêu hãnh, thần thoại”.

“Tại sao mà chọn Cappadocia?”

“Vì nó hoang sơ, kỳ vĩ”.

“Ừ, Cappadocia là nơi còn nguyên vẹn nhất, được UNESCO công nhận là di sản, từng tắc đất, từng ngọn núi, từng ngọn cỏ đều là kết tinh của thiên nhiên. Những thung lũng đỏ quạch là sản phẩm của núi lửa, trong khi núi đá lại là sự kết tủa của một loại hợp chất kỳ lạ, bên ngoài cứng cáp mà bên trong xốp mềm. Chỉ cần lấy dao cạo nhẹ vào thành đá có thể thấy những mụn đất, những hạt bụi trắng li ti như muối, đó là lý do vì sao dân ở đây có thể xây dựng được cả thành phố trên mặt đất và dưới sâu. Nó cũng dễ dàng như thái một quả xoài thôi. Cappadocia mùa hè thì nóng ẩm thế này, nhưng mùa đông tuyết phủ trắng xóa, lấp đầy hết. Lúc đó tao trở thành hướng dẫn viên trượt tuyết. Chẳng có nơi nào mà du lịch quanh năm suốt tháng như ở đây đâu, dù tao làm hướng dẫn viên ở Đức, Hà Lan, hay những vùng khác của Thổ thì vẫn phải trở về đây”. Vốn là kỹ sư, tốt nghiệp trường xịn ở Ankara, vì tình yêu với vùng đất này, anh cao bồi lại trở thành hướng dẫn viên chuyên nghiệp. Anh luôn tự hào về nó, từ đất tới người, tới những hạt dẻ cười rang muối, hay ly rượu vang nồng trên tay.

Uống hết nửa chai thì anh rủ lên tầng tám ngồi ngắm toàn cảnh. Tôi leo lên lần nữa, sống chết uống hết chai rượu mà vẫn chưa được ra về. Anh cao bồi bảo tao say rồi, tôi sợ quá chạy vèo xuống. Một phần vì thận biểu tình. Gặp ông chủ quán dưới mặt đất, ông hỏi: “Mày thấy tầng tám thế nào, tầng honey moon của tao đấy!”. Nhìn ông cười hiền

hiền mà run sợ, nhả tin cho anh cao bồi giục xuống, cảnh dưới này đẹp hơn nhiều. Cảnh vật hoang sơ, nhà cửa lấp ló giữa núi đá, những lọ sành sứ, xe đẩy chơ vơ. Ông chủ quán lại mang ra bao nhiêu bánh kẹo mời mọc. Tôi đang ăn dở chừng thì thấy anh cao bồi xuống, tung hứng.

Anh đòi tôi lái xe mà tôi nhất quyết không chịu. Thuyết phục mãi thì anh cũng đồng ý, chúng tôi đi vèo vèo tới thung lũng Tình Yêu. Thung lũng tình yêu là nơi đáng tới nhưng lại chẳng một bóng người. Đường vào gập gềnh đá, bụi mù, cây cối chen ngang, đâm quàng đâm xẹo. Không một cửa hàng, một quán nước, không một người dân đi qua lại, trống ngực tôi đập thành thịch. Chiếc xe Scooter ì ạch lên dốc, tôi phải nhảy xuống vì quá tải. Leo hết con dốc thì một quán cóc hiện ra. Quán bị bỏ rơi, chủ đi vắng từ lúc nào. Tôi đương thấy ớn lạnh, thì từ đâu có đôi vợ chồng người Ý đi tới nên cũng vững dạ hơn. Chúng tôi đi bộ vào con đường độc đạo dọc theo thung lũng. Những hòn đá dài khảng, nhọn hoắt, cao vút, chọc thủng vào trời xanh. Đá trắng xen đá xám, co cụm từng đám, như những bó đũa khổng lồ. Những đám cây nhỏ, cây bí ngô, cây hạnh nhân nằm san sát mặt đất chĩa chân người qua lại.

“Mày thấy đá này giống gì?”

“Giống ngón tay vươn lên”, tôi làm điệu đưa năm ngón tay lên dọa.

“Ha ha, nhầm rồi, giống cái ấy ấy, mày không thấy giống sao? Xưa tao dẫn đoàn các bà người Bỉ, các bà nhìn rồi cười ầm lên, so sánh của trai Đức, trai Ý, trai Bỉ khác nhau điểm nào”.

Tôi cười trừ, anh cao bồi nhân nhượng: “Thôi thì cứ coi như ngón tay đi”. Rồi anh dẫn tôi đi len qua những bụi cây dọc con đường. Tôi kêu nắng nóng, mỏi chân đòi về. Anh mới lôi chiếc Scooter đưa tôi tới bảo tàng Goreme. Goreme Open Museum quả là nơi không thể bỏ qua

ở đây, là bảo tàng ngoài trời lớn nhất vùng, có đầy đủ quần thể nhà ở, nhà thờ, nhà nguyện. Những nhà thờ ở đây cũng chung số phận với hầu hết những nhà thờ khác ở đây là bị đốt cháy hoặc những hình ảnh Chúa và tượng, hình vẽ các vị thánh đều bị khuyết mất con mắt. Thế giới Thiên Chúa giáo nói người đạo Hồi đã phá hủy những hình vẽ này. Người đạo Hồi bảo không phải, nếu chúng ta phá hủy thì phá hủy nguyên cả người, cần gì phá mỗi con mắt. Sự thực là khi người Công giáo di chuyển từ vùng này tới vùng khác, họ đã cạy con mắt mang theo tới vùng mới. Họ đập vào những bức vẽ mới vì tin rằng những con mắt của Chúa và các vị thánh có thể che chở họ qua khỏi hiểm nguy, ma quỷ. Ngày nay ở Thổ Nhĩ Kỳ, hình ảnh con mắt quý dữ màu xanh da trời, lòng trắng, điểm đen luôn được treo mọi nơi, mang theo mọi chỗ để tránh điều xấu xảy ra. Có lẽ tập tục này có từ thời đó.

Anh cao bồi dẫn tôi dạo quanh một vòng, xem qua những buồng ăn tối, nơi ngủ, gian bếp của các thầy tu. Thật giống hình ảnh những khu ký túc xá, vì đều có giường tầng, bàn ăn dài, ghế đá, cả những tủ lạnh dưới hầm. Anh cao bồi nói qua loa cho xong chuyện rồi chuồn ra trước, cho con bé tự tung tự tác, chụp, ngắm, ngắm, chụp. Ra cửa thấy anh tội tội, mua cây kem cho anh ăn xong, anh vẫn năn nỉ: “Tao xin mày đấy nghĩ lại đi, ở lại thêm một đêm, không có nhà nghỉ thì qua nhà tao. Để tao có thêm thời gian bên mày”. “Không được, tao hứa với đứa bạn là đi cùng nó rồi”. Anh ỉ ôi phát mệt, kết quả là anh buông xuôi, lái xe về, trên đường không thềm nói câu nào. Anh im ắng, tôi mặc kệ cho tới khi xe đậu bên một quán café ở trung tâm Goreme tôi mới thở phào: “Từ đây biết đường về nhà rồi, chả sợ gì nữa”. Thế là ung dung, vào quán gọi hai cốc trà đen, nói chuyện duyên duyên với ông chủ quán.

“Sao mày không ở lại?”

“Tao hứa đi cùng bạn rồi”.

“Nhưng mày không muốn ở lại chơi với tao sao? Chẳng bao giờ tao có được cảm giác này. Biết đâu là định mệnh, là tình yêu đấy”.

Tôi sặc nước trà: “Ôi, cảm xúc của mày là nhất thời thôi”.

“Mày có bạn trai rồi đúng không? Mày đang chạy trốn cảm xúc, tao biết”.

Lần này thì tôi miệng cứng đờ, gật đầu lia lịa: “Ừ tao có bạn trai rồi”.

Anh giận tím mặt, uống trà như hỏa tốc, rồi đứng dậy đi về. Anh vút tôi về gần nhà nghỉ rồi phóng xe đi mất. Thoát khỏi anh, tôi mừng húm, mặc dù cực kỳ biết ơn về những kiến thức lịch sử thú vị, về việc anh chở tôi bằng xe máy đi khắp hang cùng ngõ hẻm. Tôi tắm mát rồi chui ra trước cửa hang ăn kem, gió thổi hiu hiu qua mỏm đá. Thật không gì tuyệt bằng. Sắp xếp hành lý, ngồi đung đưa trên xích đu, tôi đợi từng cơn gió qua thị trấn này, qua hẻm đá kia, qua hoàng hôn đang bắt đầu rực rỡ. Tôi đợi một chuyến xe bus đêm, lại một chuyến xe với một người bạn mới, tới một vùng đất mới. Lại một ngày mới nữa rồi...

Pamukkale và anh bù xù

Chuyện là trong thời gian ở Thổ Nhĩ Kỳ, mỗi ngày tôi đều đi chơi với một anh. Hết sức trong sáng. Ngoài vụ việc bị anh cao bồi tán tỉnh, thì các anh còn lại đều nhìn tôi xoa đầu “bé mà ham chơi”. Trong số đó có anh Bù Xù. Anh Bù Xù chính là anh chàng người Nhật Bản, có 32 cái răng vàng ệch, nụ cười nhăn nhúm, tóc tai bấn cáu, thỉnh thoảng lại gác chân lên gãi sồn sột mà tôi gặp tại Cappadocia. Anh giông giống khi đột, sống trong hang đá ở Goreme thì y chang người vượn cổ, kể cả bản chất lương thiện, hiền hiền. Anh là người nói không thạo, nghe không sôi tiếng Anh, vậy mà vẫn quyết tâm đi vòng quanh thế giới. À, thế mới hay chứ, tôi lại gặp dị nhân. Biết đâu một ngày nào đó anh đi vào kỷ lục Guinness, tôi lại được hân hạnh đi chơi cùng anh hai ngày một đêm.

Ngày tôi rời Goreme, anh chủ trọ nháy mắt: “Mày đi cùng thằng Nhật à, đẹp trai đấy”. Cái nháy mắt đầy ẩn ý nhưng anh đâu hiểu sự thâm sâu của tôi. Chuyện chỉ vì cô bạn Đài Loan đi Pamukkale trước một ngày gửi thông báo về: “Cực đẹp, không đi mày hối một đời”. Tôi lại nghe ngóng biết anh Bù Xù cũng định tới thác nước thần tiên này, anh có cái máy ảnh xịn thật xịn, tay máy của anh vững thật vững, tôi thì không máy ảnh, lại thích làm mẫu. Thế là a lê hấp, tiếp cận, “Ê, đi Pamukkale cùng tao nhé”. Anh Bù Xù nghe có bạn đi cùng cũng mở cờ trong bụng, “vậy là có đứa chụp mấy kiểu ảnh kỳ quái cho mình”. Anh cười nhe răng sáng choang, trán nhăn nhúm như tấm ga trải giường, gật đầu lia lịa. “Nào mình cùng lên xe bus”. Thế là hai bạn dẫn nhau lên chuyến xe Metro, dài đằng đẵng suốt mười một tiếng

đồng hồ, dài hơn cả cái lai quần bà nội, dài tới mỗi cổ, mỗi tay, mỗi chân, mỗi trí óc vẫn không thấy bến bờ.

Xe băng đêm, tới huyện Denizli lúc sáu giờ, trời mới kịp sáng. Tôi rũ rượi, vật vờ, vút được cái vali to nặng ở văn phòng xe khách, rồi lê lết bước ra ngoài, để lại sau lưng tiếng cười của ông bán vé: “Một đĩa Việt Nam, một đĩa Nhật sao chúng mày quen được nhau? Thăng Nhật này khá thật!”, ông huých mạn sườn anh Bù Xù, cười cợt, tỏ rõ chuyện chỉ đàn ông mới hiểu. Tôi ngó lơ, tìm đường tới Pamukkale. Sáng sớm, đâu đã có ai trên những con đường.

Pamukkale có nghĩa là “lâu đài bông gòn”, nghe thật dễ thương, bởi ở đây trắng xóa một màu. Nhiều người nhìn thác trắng này còn nghĩ “ơ, hay là tuyết nhỉ”, nhưng đá trắng ở đây được kết tinh từ muối khoáng. Khi những mạch suối nước nóng chảy qua, muối khoáng tồn lại, qua hàng nghìn năm kết tủa tạo nên những lớp đá muối trắng. Chỗ này nhũ chảy giọt, chỗ kia thềm chia mảng. Những mảng sần lớn được phủ lên một làn nước màu xanh ngọc, giống những hồ bơi bé bé của thiếu nhi. Nhìn từ xa, Pamukkale giống một thác nước khổng lồ, tung bọt trắng xóa. Đến gần, bỏ giày ra, đi men theo con đường đá trắng, thấy ram ráp cứng cứng như chà đá mài mới biết đây là nhũ muối. Con đường dốc trắng chỉ kéo dài một đoạn, sự ngăn cụt là hệ quả của quá trình đô thị hóa dài lâu. Một đoạn ngắn thế thôi cũng đã làm chai sạn bước chân, thấy cứng còng, ngứa ngứa, tay tung tẩy mà miệng kêu oai oái. Anh Bù Xù quay lại nhìn, cười nhả nhúm: “Tới chỗ mát rồi này”.

Dòng nước lành lạnh, nhẹ nhàng len lõi qua từng kẽ chân. Nước trong vắt mà sao khi chảy vào những hồ nhỏ lại ánh lên sắc xanh ngọc đến vậy? Mỗi hồ bé hình dạng như miệng con trai há miệng, ngậm thứ nước xanh biếc như nhuộm, xanh như từng mảng trời bị rơi xuống. Anh Bù Xù lao vào tắm gội, làm tôi cứ lo bầu trời bé bỏng bị vẩn đục. Anh lao vào bơi thoải mái như một con cá kình, ngụp lặn trong làn

nước xanh, làm sục lên lớp bùn trắng dưới đáy. Tôi cũng tranh thủ trét bùn lên mặt lên tay, nghe nói tốt cho da lắm. Bùn mịn mượt, giống đất sét làm gốm, giống phấn ngâm nước, giống thạch cao, cầm vào tay là tan chảy, nhỏ giọt qua kẽ. Tôi đắp mặt nạ cho mình rồi hú hét giống dân mọi. Cả khoảng không bao la này, chẳng ai nghe thấy. Dưới kia các mái nhà vẫn ngủ yên giấc, ông mặt trời đã chìm sâu trong những làn mây, gió chẳng thổi tới, dân du lịch chưa vãng lai, còn anh Bù Xù đang bận rửa mình bên dòng nước đổ ào ạt từ trên cao xuống.

Pamukkale rất kỳ lạ, cấu trúc của toàn vùng giống như tổ hợp những cái bát sứ xếp lớp lên nhau, lớp dưới bốn bát, lớp trên ba bát, rồi hai bát. Mẹ thiên nhiên rót thứ siro xanh ngọc lên chiếc bát trên cùng, cho nó chảy đều đều xuống những lớp dưới, vậy là hoàn thành. Ai nhìn cũng mê đắm, đẹp không bút nào tả xiết. Tôi với anh Bù Xù còn lao ra xa xa, nơi những cái bát cheo leo bên bờ vực, chỉ một bước chân thôi là rơi vào gió và nắng. Hai đứa thi nhau nhảy múa, chụp hình, tới khi có tiếng tuýt còi thì mới biết là mình đang phạm luật. Lúc này khách du lịch đã đông lắm rồi, đa phần là dân Nhật với dân Hàn, họ cười nói hỉ hả, náo động cả tiên cảnh. Sau khi đã lặn một hơi dài khắp hết các hồ nước, hai đứa lúi húi ra đi, nhằm thẳng hướng Hierapolis mà tiến.

Quần thể Hierapolis - di sản của UNESCO được xây dựng bên trên đỉnh “lâu đài bông gòn”. Khu vực này giống như những di tích ở Hy Lạp, nơi bạn có thể thấy nền những nhà tắm công cộng thật to, nền khu nhà chứa rượu, nền nhà thờ. Tất cả chỉ còn nền đá, vài cây cột Doric, cỏ mọc xanh um và nghĩa địa. Nghĩa địa được xây ngay trước cửa vào thành phố. Còn sau cổng vào là nhà tắm, khách vãng lai có thể gột rửa hết bụi đường trước khi tới nơi tôn nghiêm. Anh Bù Xù đi theo toán người Nhật để nghe lỏm lời của anh hướng dẫn viên.

Ở Pamukkale cũng hay, dân hướng dẫn viên hay dân khách sạn đều nói tiếng Hàn tiếng Nhật ve ve, vì dân các nước này tới đây quá đông. Tôi đi theo anh Bù Xù cũng nghe ngóng được đôi chút. Khi chán nghe hướng dẫn viên thì hai đứa ngồi rạp ra ở khu nhà chứa rượu. Đó là khu vực rất lớn với hàng cột đối xứng hai bên, chừa lối đi giữa rộng rãi cho người ta tới lựa rượu. Tôi bắt đầu hỏi về chuyến du lịch thú vị của anh.

“Tao đi làm năm năm rồi, hằng ngày mặt vest, thắt cravat mệt lắm, tao không chịu nổi nên bỏ. Tao dành tiền đi vòng quanh thế giới để biết ý nghĩa cuộc đời. Hành trình bắt đầu từ Nhật, sang Hàn, sang Đông Nam Á. Tao đi dọc Việt Nam rồi đấy”. “Trời ạ, ước mơ đời tôi đấy”, tôi thảng thốt, thấy giận mình đi Đông đi Tây rồi mà không đi quá được Hà Nội. “Đi đi, thú vị lắm, tao cũng thích Việt Nam. Sau Đông Nam Á là tao tới Thổ Nhĩ Kỳ, sau Thổ sẽ là Sofia (một thành phố của Bulgari). Từ Sofia tao sẽ mua xe đạp, đạp xuyên châu Âu, từ Bulgari tới Tây Ban Nha. Tháng Mười tao sẽ đặt chân tới Ai Cập, sẽ đi xuyên lục địa đen, sẽ cán mũi Hảo Vọng trong ba tháng. Tuyệt không?”. “Thật kỳ diệu”.

Và đúng là anh Bù Xù đã làm như thế. Anh đã mua một chiếc xe đạp ở Sofia, mỗi ngày anh gồng người đạp 90-100km qua Serbia, qua Ý, qua Thụy Sĩ, qua Montpellier của nước Pháp, rồi theo đà tới Tây Ban Nha. Anh dừng chân ở Toledo sau hai tháng. Có những ngày anh Bù xù sốt 39 độ C, người rệu rạo, nhưng sáng hôm sau ra lại vác xe đạp lên đường, khi nào mệt thì leo tàu đi tiếp. Anh có hội bốn anh cũng bù xù, bần thiêu mà kiên cường. Hành trình trên đường của họ thật vui, họ gặp bao nhiêu người vui vẻ, tốt bụng và hơn hết, họ chiến thắng mọi sự hà khắc của thời tiết, sự yếu mềm của thể xác, sự nhụt chí của tinh thần và xã hội.

Khi rời Barcelona, anh bay tới Paris vào một ngày mưa lất phất, điện thoại không chuyển vùng quốc tế. Tôi ra đợi anh ở bến tàu điện ngầm lúc một giờ đêm, đợi mãi chẳng được bèn quay về. Ấy náy không ngủ nổi, tôi đợi tới hai giờ thì có tin anh trên Facebook, “Này tao đang ở Place d’Italie, mà ra đón nhé”. Tôi sợ rét, sợ lạnh, sợ rệp, sợ đen, bèn vớt địa chỉ cho anh, rồi ra cửa ngóng. Hai giờ rưỡi sáng anh tới, vẫn bù xù bần thiêu, vẫn cười nhăn nhúm, đen thù lù. Dẫn anh vào nhà một thằng nhóc ở đây, kê cho cái gối, đặt cho cái chăn, anh thu vào một góc ngủ. Sáng hôm sau, anh nhìn tôi lại cười hề hề cảm ơn. Tôi đang trong những ngày nước rút cho báo cáo, chỉ kịp đưa anh đi mua sim điện thoại, đi thuê xe đạp. Tối về đã thấy anh kể vừa đi Versailles. Ăn trưa với nhau được một lần, uống café được một buổi thì anh lên đường sang Prague. Bắt tay tạm biệt, anh bảo: “Mày nhớ sang Kyoto chơi nhé, hoặc gặp nhau ở châu Phi đi”, làm tôi lại háo hức lên đường.

Niềm háo hức y chang như khi ngồi xe bus từ Pamukkale tới Istanbul. Con trâu đất là tôi, đi mười một tiếng tới Pamukkale, chơi sáu tiếng, rồi lại ngồi xe bus mười một tiếng tới cố đô. Ra đi khi mặt trời lên đỉnh, nắng chói chang chiếu ánh nhũ trên những lớp muối khoáng. Anh Bù Xù đang chơi hắt nước cùng tụi nhỏ thì bị tôi lôi đi. Lên xe mắt nhắm mở, mệt mỏi rã rời, nóng như thiêu đốt, xe vừa đi vừa dừng tới mười hai giờ đêm mới đến Istanbul. Trên con đường quốc lộ vào thành phố, từng dòng xe hối hả chạy lướt qua nhau, chiếu đèn sáng loáng.

Thành phố không bao giờ ngủ, sống động hơn cả tưởng tượng. Tôi vừa háo hức vừa sợ hãi khi bước xuống. Có nhiều điều mới mẻ đang chờ đợi trong dòng ánh sáng ấy, cũng có nhiều điều phải lo sợ. Khi lúc này đây, tôi đứng trơ trọi tại bến xe bus, cách thành phố tới 40 phút đi xe, xung quanh không ai nói tiếng Anh, và anh Bù Xù đã bắt một chuyến xe khác về nhà nghỉ. Tôi còn chưa biết chuyến xe nào sẽ vào

trung tâm. Điện thoại tôi hết tiền, giờ đúng là cục gạch, không gọi tới, không gọi đi, không ai ở đây cho tôi mượn dùng tạm, họ cấu kính khi phải di chuyển nửa đêm. Bắt bừa một chuyến xe vào thành phố, tôi đánh lô tô với cuộc đời. Trên chuyến xe, những người trẻ nghe nhạc, có quý bà đọc sách, vài người ngủ, tôi ngồi nẹp suy nghĩ: “Làm sao để về được nhà cô bạn Godze khi mà cô ấy không cho tôi địa chỉ”. Một giờ đêm tôi một mình ở quảng trường Taksim, nơi xe cảnh sát lượn vòng vòng không dứt.

Những con đường đi lạc

Tôi mới đi Croatia về. Biển xanh thẳm, phẳng lì như lụa, hồ xanh trong, im ắng như ngọc lục bảo, còn nắng thì vàng ấm áp hơn mật ong. Vậy mà điều tôi nhớ nhất lại là những con đường căn cỗi, bụi tung mù mịt, ngoằn ngoèo qua núi, qua hồ, qua một ngày mệt mỏi.

Tám giờ sáng, chạy vội ra quầy bán vé thì sáu đứa cũng kịp mua vé, lách chân lên chuyến xe bus đầu ngày từ Zadar đến Plitvice. Xe không quá đông, không quá êm, cũng không đẹp, nó thậm chí có mùi say xe, hâm hấp, hơi ngọt ngọt của một ngày rất nóng. Dĩ nhiên từ Paris lạnh lẽo, nhiều mưa, sang được nơi đây nắng như Zadar thì cả lũ không khỏi thích thú, nhưng nóng quá lại là chuyện khác.

Xe đi xa dần khỏi thành phố, cố thoát cái nóng của thành phố biển. Hai bên trồng những cây bụi, lùn, chỉ để cho oxy chứ không có bóng mát. Trên mặt đất toàn những cây còi cọc thiếu nước, nhìn thật khô khốc, tội nghiệp. Bụi đường tung mù mịt từ chiếc ô tô phía trước. Vài ngôi nhà lác đác hiện lên. Vài hàng bán tỏi và cherry mới chín. Xen lẫn giữa những đám cây cho oxy kia là những loài cây ăn quả. Cây olive lá bạc trắng, không chỉ vì vốn thế mà còn vì bị bụi phủ. Những hàng nho vươn lên khỏe khoắn. Hai loại cây thích hợp với loại đất căn cỗi này có thể thấy ở mọi nơi trên miền Địa Trung Hải, từ Pháp, Ý cho tới qua bên kia bờ Adriatic.

Xe cứ đi đi mãi trên những con đường như hoang mạc như vậy. Cây còi lưa thưa, ngày càng lưa thưa, chỉ còn nhiều đá và cát. Nắng chang chang khiến cuộc sống khô cằn ấy sao mà buồn quá. Nếu có mưa, cây còi xanh mướt như Ireland hay Scotland thì người ta đã không chán

ngán như thế. Ai cũng yêu những đồi núi xanh với những bài dân ca Ireland, nhưng liệu có ai yêu nổi những con đường nắng khô này. Đường xa tít tắp, không có điểm dừng. Một dãy núi lừng lững, bên trái thì xanh cây, bên phải đầy đá đang chặn ngang con đường. Xe đang tự mình đâm vào ngõ cụt, nó sẽ đâm thẳng vào núi. Nhưng hành trình tới với núi còn dài và xa lắm, như hành trình người Hobbit đi tìm tới núi rồng vậy.

Cái nóng làm cho mọi người buồn ngủ nhanh chóng. Hai người đàn ông ngồi sau nói chuyện như bắn súng liên thanh, trong khi mọi người đều đã lim dim, hoặc ngủ mê mết. Tôi cũng ngủ gật, hết đập vào vai bạn, lại đập vào cửa sổ. Lim dim một lúc thì tự nhiên tỉnh dậy, không vì tiếng động, cũng không phải vì xe xóc nảy, chỉ là tới lúc phải tỉnh dậy.

Lúc này xe đi băng ngang một cây cầu. Bên dưới là con sông ăm ắp nước, xanh và sâu. Mặt sông sóng sánh như mặt biển, có cảm giác giống nhìn xuống hồ Nasser ở Aswan, đẹp mà đáng sợ. Phía bên kia là cây cầu màu đỏ rực, nơi người ta tổ chức nhảy bungee. Cảm giác lao mình vào không khí, cận kề cái chết, lơ lửng con tim như quả lắc đồng hồ chắc là thú vị lắm. Qua bên kia cầu đã là núi. Vậy là xe bus không đâm vào mà đi xuyên núi. Con người thật vĩ đại, ngày xưa họ bé nhỏ lẻ loi, sống bên này núi một cách yên bình, có biển, có nắng, sao họ còn muốn lao qua bên kia dãy núi. Họ muốn tìm gì ở bên đó?

Người ta hay nghĩ bên kia núi là nhiều lắm những hy vọng. Liệu khi họ làm đường leo men theo triền núi, đục đường hầm sâu hun hút trong núi, họ có mệt mỏi, có nhiều lần thất vọng, muốn buông xuôi cái xẻng, cái cuốc, để về nằm lại mảnh đất của mình. Chắc hẳn đã có lắm nỗi cùng quẫn được đem theo vào lòng núi, khi họ đào mãi vẫn không thấy ánh sáng. Chúng ta cũng vậy, có giai đoạn nào đó trong cuộc đời thấy mình mò mẫm, vô phương, thấy mình mở mắt mà như nhắm. Đọc

Xuyên Mỹ của Phan Việt, cái cách chị ấy tự dần vặt bản thân để đi xuyên qua cuộc hôn nhân, nó cũng mệt nhoài và chông gai như người xưa từng đục xuyên núi vậy. Tôi thấy đồng cảm với những dần vặt không chỉ vì hôn nhân mà cả sự nghiệp PhD lơ lửng của chị. Tôi thì thấy buông ra, bỏ đi, dễ lắm, sao phải níu. Nhưng nếu mẹ tôi, mẹ anh buông, chúng ta đâu có gia đình hạnh phúc. Nếu như họ buông, họ thả, chúng ta ngàn đời không đi qua nổi ngọn núi kia.

Và con đường cứ thế kéo dài. Đường xuyên qua núi đưa chúng tôi đến một mảnh đất màu mỡ hơn. Mảnh đất ấy có con sông Korana âm ỉ, có những cánh rừng cao, xanh, sừng sững, không chỉ cho oxy mà còn cho bóng mát. Plitvice ở nơi bắt đầu của những sự sống xanh. Chỉ có hai giờ đi ô tô mà thiên nhiên và con người đã đổi khác. Ở đây, chúng tôi có thiên nhiên, có sông, có hồ, có cây, có núi. Chúng tôi đã rất vui vẻ. Khi trở về lại Zadar, trên một chuyến xe khác lúc một giờ chiều ngày hôm sau, cả lũ lại buồn thiu, không chỉ bởi mất thêm tiền xe bus, không chỉ bởi cái nóng, chuyến xe dài hơn dự kiến hay một ngày đợi chờ xe trôi trong vô nghĩa. Tôi còn bị thứ tâm lý lạ lùng nào đó bủa vây, bóp nghẹt, tim nặng như đá đeo. Bạn ngồi cùng, còn thấy kỳ lạ: “Sao tự nhiên tâm trạng vậy”.

Thực ra tâm trạng ấy bắt đầu trỗi dậy từ khi xe rời bỏ màu xanh kia. Khi những con đường lại quay về với bụi, những cây thấp, chỉ tới đầu gối. Vài cái chòi tạm bợ bán cherry. Xe tắc lại cả hai phía, bụi thì cứ mù mịt trong nắng chiều oi gắt. Thật buồn cười là khi nhìn thấy ngôi nhà lẩn lóc ở một góc núi nhiều đá, có người bảo nó giống chỗ này chỗ kia, tôi lại chỉ nghĩ tới Mỹ, tới tiếng kèn môi bên bờ rào đá, tới “Đồi Gió Hú”, đại loại toàn những thứ trong sách vở. Tôi nhìn con đường bụi chỉ nghĩ tới nước Mỹ trong phim Nebraska hay truyện của Jack Kerouac. Tôi thấy nỗi buồn của thế hệ The Beat* với sự lang thang và điên khùng đầy cảm hứng. Những gì tôi biết hoàn toàn không thực, tôi mơ hồ đến kinh ngạc. Có lẽ kể cả cái cảm giác nặng nề ấy

cũng không thực. Cảm giác về vùng đất bỏ hoang. Tôi nằm, nhắm hờ mắt vì quá chán khung cảnh tiêu điều bên ngoài. Lại lần nữa, mở mắt khi xe đâm vào núi. Lần này xe không đâm xuyên, xe leo lên nó, chậm chậm như con bọ dùa leo lên phiến lá.

* *Một ban nhạc của Anh.*

Đường lên nhỏ xíu, xe cộ chen nhau, có bạn bảo giống đi trên đèo Hải Vân. Tôi chưa biết nhiều đủ để so sánh nơi này nơi kia, như họ đang nói đập thủy điện dưới kia giống đập thác Yaly hay gì đó. Tôi chưa biết nhiều về Việt Nam. Dưới kia, dưới nhiều tầng đường, núi, có một đập thủy điện, chút màu xanh hiếm hoi của vùng đất đơn điệu này. Con đường thật đáng sợ quá, một bên núi đá, một bên là vực, rất sâu. Bóng núi phía sau to rộng, đổ dồn che lấp gần hết khoảng không phía trước. Ngọn núi ấy to quá. Tôi muốn nói một cái tên cho nó mà quá lười để Google. Nhưng cái tên cũng chỉ là cái tên, tôi có thể gọi nó là Alps, Andes hay bất kỳ thứ gì miễn không phải là Hoàng Liên Sơn, thì mọi người vẫn tin là tôi nói thật thôi. Nó chỉ là một cái tên, nhưng ngọn núi là thật, nó chia cắt đất nước này.

Anh lái xe taxi tên là Ivan, bạn thì bảo là Ivan the great của Nga thì tôi lại chỉ nghĩ tới Ivan ngu ngốc trong truyện thằng ngốc được dặn trông nhà cửa, đến khi có hội thì nó bê nguyên cái cửa chạy đi. Đại loại thế. Anh chàng lăm mồm hay hành chọe ấy chê tôi khó tính. Anh ta thích khoe mẽ, khi được khen nói tiếng Anh tốt thì tuôn hàng tràng dài thứ tiếng Anh không trọng âm, trôi tuồn tuột. Điều hay là anh ta đã kể cho bạn về cuộc chiến tranh Croatia - Serbia và về ngọn núi này. Ngọn núi chia sự màu mỡ cho phía Bắc, chia sự cằn cỗi cho phía Nam. Tại sao lại bất công như vậy? Giờ thì tôi hiểu sao họ phải tốn công tìm đường qua bên kia núi.

Tôi không hiểu mình sẽ phải làm thế nào nếu sinh ra mà phải sống ở một nơi khô cằn như thế này. Cứ nhìn ngôi nhà kia, nó chơ vơ giữa

hoang mạc, chỉ vài cái cây cheo leo bám trên núi. Họ vẫn đang sống, cạnh những ngôi nhà hoang đống. Sao họ không bỏ chạy? Kỳ diệu thật. Họ sống hay chết ở đó, liệu có ai biết? Tôi thấy sợ hãi và may mắn. Tôi không muốn nói chuyện với ai lúc đó, chỉ chăm chăm nhìn ra cửa sổ, thấy sâu thẳm ngập tràn. Một ngọn núi chình ình nằm chắn ngang đất nước. Tôi đi xuyên qua nó, có được coi là đã đi xuyên qua đất nước này? Ít nhất tôi đã đi qua hai vùng đất để thấy trân trọng hơn thứ mình đang có.

Chiều đó tôi mặc quần đùi ra biển, sau rất nhiều ngày được động viên. “Em không phải là trung tâm của vũ trụ nên chẳng ai thèm quan tâm tới cái chân to đùng của em đâu”. Đúng thế, chẳng ai hay cái gì có thể là trung tâm của vũ trụ. Chúa trời không nên dành ưu đãi cho riêng ai hay vùng đất nào, hay chia sẻ nó đều, ít nhất trên mảnh đất Croatia này.

CHUYỆN CỦA BIỂN CẢ

Tôi rất sợ nước, đó gần như là nỗi sợ lớn nhất trong đời tôi.

Tôi không biết bơi, dù đã cố tập rất nhiều lần.

Tôi ít khi tắm biển, dù từng sống ở thành phố biển cả tuổi thơ.

Tôi thật sự có duyên với những con người yêu biển.

Phía bên kia là biển, là màu xanh bất tận, phía bên này là con người, là cuộc sống sinh sôi. Ở bên kia đong đầy hy vọng, ở bên này lại quá mệt mỏi. Mỗi khi mệt mỏi, buồn vui, đi về phía biển, để thấy phía bên kia màu xanh, là tất cả những gì mình cần.

Nơi đại dương gió lộng

Những chàng trai vùng biển vẫy vùng

Họ ngụp, họ lặn, họ đánh sóng tình lên cát

Họ đi cạn mái chèo

Cũng không cạn nổi một cuộc tình trong mắt.

Em sợ họ chống chèo, em sợ anh chèo vênh

Đánh rơi mái chèo rồi lặn vào biển sâu thăm thẳm

Em bỏ anh

Đi chân trần qua khắp núi non làng mạc

Không còn những lênh đênh sóng nước ngoài khơi.

Trích “Đừng gọi nhau là kỷ niệm”

Mai Thanh Nga

Muôn trùng biển ời

Tôi cứ tưởng mình đã đi khá nhiều, nhưng nhìn đi nhìn lại vẫn quanh quẩn ở trong vòng tay Địa Trung Hải. Biển bình thường đã đẹp, biển Địa Trung Hải còn gọi bao nỗi miên man với muôn ngàn sắc thái xanh theo từng vùng. Xanh thắm như màu nước ở biển Lingurian, như biển ở Nice hay Cinque Terre, nhạt hơn như biển Tyrrhenian của Viagiorre, nhuộm màu lục như biển ở Adriatic mà đại diện tiêu biểu là Venezia, qua Aegean của nữ thần Athena thì thắm lại, rồi sóng sánh sâu thẳm ở Marmara bao quanh Istanbul đa sắc.

Khi đất nước có hai mặt bao quanh là biển thì dân Ý biết chỉ cần khoe làn da rám nắng thì ối người phải kéo tới những bãi biển xứ này. Từ Bắc xuống Nam, nước Ý ngập trong màu xanh thắm ngọt ngào ấy. Tôi từng làm cú trượt đã đời vào lòng nước Ý, vèo vèo như Alice rơi xuống hang thỏ: Venice, Genova, Cinqueterre, Viagiorre, Sperlonga, Napoli (ái chà, trượt tới mòn cả móng).

Cuộc sống bắt đầu từ những điều bình dị. Vậy hãy bắt đầu từ Genova nhé.

Có một nỗi thất vọng mang tên Genova. Genova có biển, có thủy cung lớn nhất châu Âu, là nơi sinh ra Christophe Columbus rồi đại đột để ông đi phục vụ cho nữ hoàng Tây Ban Nha. Thế thôi. Tôi tới đây vào một ngày mưa xám xịt nên không có cảm tình gì. Ly và Huyền cũng thế, kêu la âm ỉ về nơi này khi bị say ô tô trên đường rồi phải thưởng thức đặc sản pasta pesto xanh như nước dãi sên. Chúng tôi mỗi người có một sự chán chường dành riêng cho Genova. Nhưng khi nghĩ về nó, tôi cũng có đôi phần thích thú.

Tôi từng tới đây với Kathe, Camila, Mesut và Atakan vào tháng Mười, khi thành phố đang nhận nhíp tổ chức Ortokberfest (lễ hội bia) như bên Đức. Cả lũ mê men được lừa vào lều. Căn lều khổng lồ chứa tới hàng trăm người, có bia vại, có xúc xích và các em gái ăn vận kiểu xưa. Gọi hai vại bia mỗi đứa, chúng tôi chơi trò chơi với các đồng xu. Giờ nghĩ lại thật không biết mình chơi gì, nhưng chơi rất hăng. Tôi thắng nhiều, chỉ Kathe và Camila bị phạt uống hết bia trước nhất. Tôi lê lét cũng được vại rượu rồi đồng bọn phải giúp. Mười hai giờ đêm cả lũ mò đi thuê khách sạn, may là cũng kiếm được một cái khá ngon lành. Cả chặng đường, tôi như bay trên không trung vậy. Tôi đã bay trên phố biển đêm. Thật đấy, giống Peter Pan vậy. “Này mà muốn đi xăm không”, Mesut gạ gẫm, “Đi chứ, tao muốn xăm vào ngón tay nhé, ngón trỏ, hình thanh gươm ấy”, tôi hét ầm lên. Dĩ nhiên sáng mai tỉnh dậy không có hình xăm nào, nhưng từ sau đó, tụi nó gọi tôi là Tadoo.

Sau này, khi vào cuộc vui nào, chúng tôi cũng nhắc về đêm Genova. Bia, cười nói, chơi hội đồng, cá cược, hình xăm, bay trong gió, ngã vật ra đường, mệt nhưng vui kinh khủng. Camila hay Kathe vẫn nói, đó là chuyến đi vui nhất của họ. Chuyến đi ấy làm chúng tôi thêm gắn bó, để rớt tình yêu thương đầy đủ cho cây lan Nhật mà Mesut để lại tôi chăm. Ngày Mesut về nước, Camila phải ra ngoài trốn. Ngày Atarkan về thì cậu ta đã sướt mướt thật. Còn ngày Kathe ra đi, bốn đứa chúng tôi đã uống rượu tới khuya rồi ngồi khóc như những đứa hâm dở. Sayonara, tôi đã viết gì đó đại loại thế. Cảm giác trống trải vì đơn giản, có những người chắc sẽ mãi không gặp lại, như khi Totto-chan phải tạm biệt người bạn đi lính hay ngôi trường của thầy Tomoe.

Từ Genova đi tàu chừng hai tiếng sẽ tới thiên đường. Từ thiên đường đi thêm hai tiếng thì tới Viaggiore. Thiên đường là bí mật sẽ được bật mí.

Còn Viaggiore, là thành phố nằm ngoài dự định hành trình cú trượt vào lòng nước Ý của tôi. Tôi tới đây chỉ vì tháng Tư nóng mệt quá, và em Hiền bảo: “Có một bãi biển có cát và sóng ở đây”. Ở Tuscany mà có bãi biển, có cát in lại dấu chân, có sóng để nhảy thì phải đi thôi.

Dù bắt nhầm tàu tới Firenze, tôi cũng không cho thẳng em yêu nghệ thuật ghé vào, mà bắt tàu ngược lại về Viaggiore. Nhưng biển ở đây đâu xanh như biển Địa Trung Hải vốn có. Vì có cát nên biển đục ngầu. Nó làm tôi thất vọng từ đầu tới chân. Chẳng thèm tậu bộ áo tắm, tôi cứ thế quần dài áo phông lao xuống. Biển mát lạnh, trong lành, dù nắng tấp vào mặt. Hai chị em thi nhau đua xem ai có thể chôn chân trong biển sâu hơn. Lẽ thông thường, độ sâu tỉ lệ thuận với trọng lượng, tôi thắng. Hai đứa nhảy nhót một hồi cho bố công tới đây, dù bụng bảo dạ: “Thật tẻ quá, thua biển Việt Nam”.

Nhưng sau này, khi không còn đi du lịch cùng nhau, thì tôi thấy quý thời điểm đi phượt nước Ý vô cùng. Nhất là Viaggiore, nơi bọn tôi quay lại thời thơ ấu, nhảy sóng, nghịch cát, tìm ốc biển. Giống thời bé đi Sầm Sơn, có cả bố nữa. Bố kéo tôi ra xa, sóng ập vào ướt mặt, “Bố định giết con à”, tôi kêu ầm lên. Bố thì vẫn vui vẻ, bố chỉ giận khi lên bờ thấy lạc mất thằng em tôi. Thằng em chạy đi chơi bị lạc, tìm mãi không thấy. May sau đó nó còn biết đường tìm về bãi, bố sợ xanh mắt, không còn cho đi biển nữa.

“Lần đầu tiên trước biển khơi vô tận

*Cha nhận ra mình trong tiếng giặc mơ con”.**

** Trích bài “Những cánh buồm” của Hoang Trung Thông.*

Lần nào ra biển tôi cũng nghĩ tới bài thơ ấy. Số tôi sao ấy, sinh ra ở nơi có biển, đi đâu cũng muốn tới biển. Biển xanh và những chàng trai chài lưới vẫy gọi.

Nghĩ tới các chàng trai khỏe mạnh, vạm vỡ lại nghĩ tới Giang. Bởi tiêu chuẩn đầu tiên của Giang khi nhìn một chàng trai là phải khỏe và đẹp. Giang thì buồn cười, đáng yêu lắm. Giang bảo: “Đố Nga viết về Sperlonga mà hay được?”

Chuyện không thể hay được là vì khởi đầu của nó rất chán. Khởi đầu bằng việc loanh quanh ở Rome một tuần thì tôi đòi ra biển đổi gió. Sau khi chọn lựa chán chê tôi quyết định đi Sperlonga gần nhất dù không phải là nơi đẹp nhất. Hai đứa hăm hở váy áo lòe xòe, ra tới ga thì tàu sắp chạy. Xách váy lên và marathon thì cuối cùng cũng lên được tàu. Hai đứa lên đúng khoang có bác kiểm soát vé. Bập bẹ tí tiếng Ý cuối cùng bọn tôi cũng giải thích xong vụ hai đứa chưa kịp mua vé thì tàu chạy rồi. Không hiểu bác có hiểu ý không, mà cứ bảo hai đứa đứng ngay đó, không được đi đâu. Mấy người xung quanh xúm xít vào giải thích, hai đứa vẫn chưa hiểu mô tê gì. Sau một hồi thì đoán là bác không thu tiền, cho hai đứa đi chui, nhưng phải đứng ngoan. Vậy là yên dạ, đứng yên một chỗ buôn chuyện với xung quanh hỏi thăm xem Sperlonga là cái gì? Thông tin góp nhặt câu được câu mất nhưng hai đứa cũng gật gù: “Hình như sự lựa chọn của chúng mình là sáng suốt”.

Không kể vụ len lén ra ghế ngồi một lúc tôi và Giang đã đứng rất ngoan. Bác soát vé khá hài lòng, coi như hai đứa được chuyển đi biển miễn phí. Đấy khởi đầu như thế, thì lấy đâu ra lãng mạn mà kể? Lãng mạn càng không có, khi mà từ ga còn phải bắt bus đi xa cả tiếng mới tới biển. Khà khà, đi hai tiếng đồng hồ từ Rome đã thấy biển rồi đấy! Xe bus dừng ở chân núi, thành phố lại phía bên trên. Vẹo vẹo người một lúc thì cũng quyết leo lên tới đỉnh. Váy dài thườn thượt nhưng tôi và Giang không nhụt chí, khi càng đi càng thấy đẹp.

Những con đường nhỏ xíu len lỏi giữa các căn nhà đưa hai đứa lên thành phố. Cũng giống như leo trèo ở Capri vậy, chỉ có nhà và lối đi.

Trời nắng, những quán bia đã kéo ra ngoài, người người ngồi tắm nắng thư thái. Bia Morreti, kem và mùa hè. Những quán hàng bán váy trắng thủ công rực rỡ. Những ngôi nhà cũng bừng lên trong nắng bên cánh cửa màu xanh. Hàng hoa nhà ai dễ thương chưa kìa. Cây thông xanh nghiêng ra phía biển. Những vòi nước tuôn chảy mát lạnh, điều tôi yêu thích nhất của nước Ý. Những quảng trường nho nhỏ lát gạch, một cái giếng nước trong veo, thế là tới trung tâm rồi đấy. Lên trên cao, nhìn xuống thấy biển vô rì rào, chỉ muốn chạy ào xuống.

Theo chân lũ mèo, hai đứa mò mẫm tìm đường dốc xuống. Hoa, cây cối, nhà nhỏ, ban công nhỏ, quần áo phơi kiểu Ý, cầu thang dốc, dốc hơn. “Đẹp quá Nga ạ, chả phí công tẹo nào”, Giang thì cái gì mà chả khen được. Tôi cảm mặt đi, lao ngay xuống bãi cát. Cát mềm chân quá. Biển giờ này cũng vắng, lèo tèo vài người. Thay bikini xong thì hai đứa cũng nhập hội cùng họ. Mặc bộ bikini hồng của Giang cho mượn, tôi ngượng ngùng vì màu hồng chói lọi của nó nhưng vẫn bất chấp tất cả khi biển xanh đang vẫy gọi. Giang cho tôi nằm ngửa trên mặt biển rồi đỡ lưng. “Nga thả lỏng đi, Nga đang nổi như con sứa đấy”, “Ôi ôi, đừng thả tay Giang ra nhé, mình không biết bơi đâu”. Tôi thích cảm giác dập dềnh này quá, dù sợ chết khiếp lỡ Giang thả tay. Trời xanh, mây trắng mỏng mảnh, lơ lửng trên mặt biển, chưa bao giờ tôi có cảm giác khoái chí thế. Yêu Giang quá, Giang ạ. Tôi đang là một bông bèo hoa dâu đấy, tự nhiên nhớ lại, bố từng bảo: “Kiếp sau bố sẽ làm bèo, vô ưu, tự tại”. Làm bèo cũng tuyệt đấy bố ạ, giống như mình được thả trôi mọi thứ, kể cả bản thân.

Giang hầu tôi được một lúc thì đuối. Thả cho tôi chơi dọc bờ, Giang bơi đi mất. Giang bơi khá thật, nhìn đẹp như con cá ấy. Lần đầu tiên thấy Giang oai thế. Tôi ao ước giá hồi bé mình đi học bơi. Tôi cứ lang thang trên bờ mãi, thỉnh thoảng nhảy sóng, rồi đợi Giang vào. Giang bơi chán thì hai đứa mới về. Biển hơi lạnh lạnh rồi. Đi con đường mới vào thành phố, thấy có hoa trên núi đẹp tuyệt. Xe bus kéo chiều về.

Con đường sáng loáng đèn pha, mặt trời da cam, mặt đất xám, cả chân trời cũng xám xám. Trên xe bus về, hai đứa ngờ ngàng với hoàng hôn ở đây. Đẹp diệu kỳ đấy, không biết phải nói sao nữa, chỉ nhớ là có cảm giác rất sâu sắc khi trời chuyển sang đêm và gió lồng lộng.

Sperlonga thực ra cũng đâu có đẹp, chỉ đáng yêu, nhưng buổi trời chiều hôm đó thì không sao quên nổi.

Vùng đất bị biến mất

Tôi vẫn nhớ như in buổi chiều hôm đó. Trời nắng chói chang bên ngoài, tôi ở trong nhà, cửa đóng kín bưng, thằng em đang thở khò khè đó. Tôi nói chuyện với Vengat.

“Mày biết gì chưa?”.

“Chưa”. Hào hứng.

“Cinque Terre chỉ còn bốn”.

“Là sao?”. Hoảng hốt.

“Monterosso bị cuốn trôi rồi”. Luyến tiếc.

Tôi không tin, quả thật không tin. Vengat ném cho tôi một đường link tiếng Ý, càng không tin nổi. Nó ném cho đường link tiếng Anh, không muốn tin. Vậy là năm vùng đất tuyệt đẹp ấy chỉ còn bốn thôi sao? Ngày sau anh Lê đăng link lên nói Monterosso bị cuốn trôi. Sau này, tôi đăng tranh vẽ Cinque Terre, cậu bạn người Campuchia nói: “Quattroterre thôi mày ơi”. Buồn nhỉ, có một vùng đất đã qua đời.

Cinque Terre (Cinque là năm, Terre là đất) thực chất là một vùng đất gồm năm làng chài nhỏ, nằm giữa Genova và Toscana. Nói về các vùng biển ở Ý, chắc mọi người chỉ nghĩ tới Sorrento, Capri và Cinque Terre. Đẹp lắm, đẹp rức rở lung linh. Đến “bố trẻ khó tính” của tôi cũng thốt lên: “Em thấy Cinquì Terre là đẹp nhất” trong cú trượt đã đời vào lòng nước Ý của hai chị em.

Tôi tới Cinque Terre hai lần nhưng chưa bao giờ “hạ thổ” ở cả năm làng chài. Nhưng tôi có qua Monterosso, làng chài đầu tiên trong hành trình, cũng là làng chài duy nhất bị nước lũ cuốn trôi. Tôi còn nhớ trên báo nhìn ảnh nước lũ đục ngầu, chảy xiết, như cánh tay Hercule đẩy những ngôi nhà ra biển, còn nước biển thì trào lên, há cái miệng xoáy sâu nuốt từng mảng đất. Đất rơi ra, vỡ vụn, bên lở bên bồi, dòng nước điên cuồng gào thét, còn Monterosso cứ từ từ đi sâu vào lòng đại dương, mang theo cái tên huyền thoại Cique Terre.

Tôi lục lại trong máy tính mình hình ảnh màu nước xanh ngắt của những ngày hè tháng Tư, tôi vác hoa lợi biển. Thấy buồn man mác. Cảm giác giống khi xưa xem thời sự thấy cổng thành Namdaemun bị một ông già đốt cháy. Di sản văn hóa thế giới 610 năm tuổi chỉ còn là đồng tro tàn, hoặc hiện hữu trong những bức ảnh tôi ngồi mặt méo xệch vì trời nắng, với cái mũ rộng vành của mấy bà nông dân Hàn Quốc. Tôi đến là có duyên với mấy thứ giờ chẳng còn.

Lại nói về Cinque Terre. Vùng đất này nằm ở Liguria, dọc theo đường biển Địa Trung Hải xanh rất xanh. Chết chửa trong lòng năm cái tên thật đẹp, Monterosso al Mare, Vernazza, Corniglia, Manarola và Riomaggiore. Khách tới đây hiếm khi kiếm được chỗ trọ nên mọi người hay nghỉ lại ở La Spezia nếu muốn dành nhiều ngày cho năm vùng đất. Lần đầu đi cùng hiệp hội nhí nhố Sponda Verde, chúng tôi ngủ lại Genova, ngày sau đảo qua Vernazza. Camila còn nằm dài ra ở ga tàu này vì mệt mỏi sau trận bia tối hôm trước, tôi ngáp ngán ngáp dài. Vậy mà khi thấy Vernazza thì quên hết cả mệt, nhào xuống lợi biển, trong lành mát rượi. Lần hai đi cùng em, bắt tàu qua Monterosso rồi lại theo tàu tới Corniglia. Monterosso không có gì ngoài biển, nhà cửa đơn sơ giản dị, trong khi Corniglia đẹp ngỡ ngàng rục rỡ. Hai vùng đất còn lại cũng hao hao những người anh em của nó, nhưng vẫn tiếc rằng tôi chưa đi. Huyền bảo yêu Cinque Terre nhất là khi ngồi uống cà phê ở Riomaggiore. Duy đi chơi, gửi về cho tấm postcard ở

Manarola, chính vì thế mà tôi đã vẽ Azzuro Manarola vì bị ám ảnh cái xanh biển xanh trời của nước Ý.

Cinque Terre có gì lạ? Nó cũng chỉ là vùng đất chài lưới bé nhỏ. Dòng nước xanh trong chảy hiền hòa phía dưới chân đá. Đá bị sóng ăn mòn những khớp cạnh, dựng đứng, hùng dũng xám xịt. Nhà xây trên vách núi, tầng tầng lớp lớp, xanh, hồng, đỏ. Nhà xây màu sắc dễ thương như đồ chơi, bởi xưa kia thủy thủ muốn nhìn theo những màu sắc ấy, làm điểm tựa cho đôi mắt mong nhớ hương về. Sơn màu nhà đâu có gì khó, mà chỉ Venezia, chỉ Cinque Terre làm được, để nức lòng người đến người đi. Đến cả thuyền họ cũng sơn đầy màu sắc. Thành phố giống như phim hoạt hình, giống bộ đồ chơi nhà gấu của tôi và em Trang, giống như thế giới ngọt ngào bánh kẹo của Katty Perry trong “California girl” nữa.

Trong mỗi con người đều có những tình cảm thân thương dành cho trẻ nhỏ, những giấc mộng thơ bé, những trò chơi trẻ con. Truyện tranh, đồ hàng, hoạt hình, công viên, bạn tuổi thơ. Ai cũng dành một góc để nhớ về thời con nít. Thế nên bất kỳ ai cũng dễ dàng yêu Cinque Terre, cũng yêu Venezia. Bởi cái ngọt ngào của sắc màu hài hòa, của biển trời, của những dây phơi quần áo trắng phau dưới nắng. Những con mòng biển lượn vòng vòng. Có cô gái ngồi bên bờ đá nhìn xa xăm. Em trai xấp tới chụp ảnh, để bà chị cũng ngồi xa xăm như cô ấy. Hy vọng cô ấy không buồn, sao có thể buồn ở những nơi dễ thương, đẹp đẽ như thế này chứ.

Nước Ý ơi, duyên nợ gì mà nhớ mãi không thôi.

Có một thiên đường Puglia

Từ Paris đến... Bari

Mỗi lần tôi kể cho bạn nghe rằng tôi mới đi Bari về thì họ lại trềng mắt lên ngạc nhiên: “Bạn sống ở Paris còn gì?”. Đúng, tôi sống ở Paris, nhưng tôi đi chơi Bari mà, Bari của Puglia, Bari của Ý ấy. Bạn lại hỏi: “Thành phố cảng ấy có gì đặc biệt?”. Tôi thường tần ngần, Bari đúng là không có gì đặc biệt. Cảng biển, hải đăng, món Calamari rán giòn, kem 1.7e/2 vị, quảng trường Corso Cavour, pizza vị pesto đặc sản, biển xanh ngắt, trời trong, đá lát vòng, lâu đài cũ, ngọn hải đăng, chợ cá, nhà nghỉ xập xệ, Bari.

Bari chỉ là một thành phố cảng nhỏ bé, nằm ngay chính giữa Puglia xinh đẹp. Còn Puglia ấy à, đó là phần gót giày nước Ý, phía giáp biển Adriatic, cũng xanh biếc và nắng vàng ươm như biển Địa Trung Hải. Ở Bari, cuộc sống không xô bồ, vội vã, có vẻ hiền lành, giống như hầu hết các thành phố phía Nam Ý. Ở đây, nhìn quanh chỉ thấy người già, từ nhà ga cho tới quán rượu, trẻ con thì chỉ tập trung ở các quảng trường đêm thứ Bảy. Còn người trẻ tuyệt nhiên không thấy đâu.

Dân ở đây đáng yêu, hỏi đường thì sẽ dẫn bạn tới tận nơi. Thành phố nhà cửa cũng dễ thương nhưng cũng không có gì đặc biệt thú vị. Đường phố mua sắm to như bất kỳ thành phố lớn nào, nhưng bạn sẽ thấy thông dong, yên ả hơn. Trong khu vực Puglia, so với các làng lân cận thì Bari có thể coi là phố thị, chỉ thua Lecce. Bari có sân bay, lại có cảng biển, du thuyền ra vào, từ Croatia đi xuống, hoặc Hy Lạp đi lên. Do đó, dân du lịch hay tới đây, nhưng không để thăm thú thành

phố này, mà chỉ coi nó như chỗ nghỉ chân trước những cuộc dạo chơi tới những nơi nhỏ xinh như Alberobello hay Ostuni chẳng hạn.

Thành phố trắng Ostuni

Ostuni là một trong những thành phố trắng hiếm có trên thế giới. Tức là nhà cửa, đường phố đều trắng toát một màu thanh thoát. Tôi đã tưởng tượng nó thật kiêu diễm, như một chiếc bánh sinh nhật nhiều tầng lăm lợp. Nhưng thực tế thì nó không diễm lệ vậy đâu, nó chỉ rất ấm áp, thân thiện, đáng yêu và tình cảm. Giống như khi thấy lại một thứ gì thân thuộc, trong lòng bạn luôn trỗi dậy những tín hiệu yêu thương, muốn ôm lấy, muốn giữ lấy thì Ostuni cũng vậy. Thấy Ostuni tự nhiên bạn lại có cảm giác, nơi này không phải vùng đất du lịch mà có cái gì đó thật thân quen, như đã biết nhau lâu lắm rồi. Những tình cảm dịu dàng lại tới như được về quê, về ngôi làng nhỏ của mình ở Bắc Bộ. Đại loại, bạn sẽ không bị choáng ngợp, hay ngỡ ngàng, hoặc thảng thốt, mà mọi thứ cứ diễn ra nhẹ nhàng, ngọt ngào như uống một dòng nước suối thanh khiết, tinh khôi.

Giống như mọi thành phố, Ostuni có khu vực phố cổ, nhỏ nhắn xinh xắn. Tường thành cũng màu trắng ôm trọn từng con phố. Hình ảnh ấy làm tôi nghĩ tới mô hình núi bé xíu mà Doremon lôi ra để ông Nobi có thể đi qua cánh cổng to nhỏ tới đó hái nấm hương, bắt cá suối. Ostuni cũng có địa hình như thế. Nhà xây nhỏ như đục vào đá, nhà nối nhà tạo nên những vòng tròn nối nhau, giữ nguyên phom dáng quả núi. Nhà trắng tinh, sáng lên trong nắng. Những con đường lát gạch nhỏ xíu, có mái vòm che.

Nhà cao nhà thấp, những cầu thang nhỏ hẹp nối nhau đưa chân tới các ban công, rồi đưa lên tận trung tâm thành phố. Có một ngôi nhà thờ nhỏ nằm ở đó, màu vàng, khác hẳn phần còn lại. Một đứa bé đang ngồi trước cửa, trong nắng và nghịch áo. Bên kia đường, bà mẹ ngồi trong cửa hàng lưu niệm bán các đồ thủ công thỉnh thoảng ngó ra. Chị

đang vẽ lên những chai lọ hình thành phố này, hoặc những đóa hướng dương vàng rực. Lọ đựng olive, đĩa ăn, cốc uống, khăn trải bàn, tất cả đều một mình chị phết màu lên đó. Chắc vì để giữ thành phố trắng, người dân không được quyền sơn màu cho ngôi nhà của mình, họ phải tìm tới những thứ nhỏ bé khác.

Tôi lưu lạc ở Ostuni nửa ngày thì mặt trời đã chạy mất. Mây sa xuống dày đặc, không mưa không gió, nhưng trời cứ lúc nắng lúc không. Tôi ăn một chiếc pizza ngon nhất ở đây. Pizza hải sản có hào ngọt lịm, mực dai dai, pho mát ngầy ngậy, còn chị phục vụ thì dễ thương. Chị còn cho tôi chiếc bánh su kem miễn phí để tráng miệng nữa. Vì mãi mê món bánh su kem của chị mà tôi lỡ chuyến bus về nhà ga. Nhà ga ở đây cách thành phố Ostuni tầm 30 phút đi xe. Bình thường xe bus có liên tục, mà ngày chủ nhật thì hai tiếng mới có một chuyến. Tôi cầu nài: “Trời ạ, hai tiếng nữa thì chiều rồi, lại trễ tàu về Bari mất”. Thế là đành đi bộ dọc núi xuống đường quốc lộ.

Hai bên đường, những bãi cỏ hoa vàng lấm tấm xen lẫn những cây olive lâu năm. Xe bus không có, đường thì xa, trời lại bắt đầu lạnh. Vẫn biết khó tin người lạ, tôi mặc kệ, lao ra đường vẫy xe. Một ông già đi qua, vẫy tay lại thân thiện rồi đi mất. Một vài xe khác ngó lơ. Đến chiếc này thì chị gái ấy dừng xe lại, hỏi thăm.

“Cho em đi ké về ga được không?”

“Được, lên đi, chị không biết đường nhưng không sao”. Ôi trời.

Sau đó chị quay sang bảo anh bồ tìm biển chỉ dẫn đường tới ga. Chị đưa tôi tới ga đúng năm phút trước khi chuyến tàu khởi hành. Ôm hôn thăm thiết chị rồi tôi lao ra, mua vội vé tàu. Yên vị trên tàu mới nhớ ra còn việc nữa mình cần làm, không thể về thẳng Bari được.

Chuyện là trên chuyến tàu tới Ostuni, tôi ngồi đối diện một chị gái. Chị rất xinh, có khuôn miệng lúc nào cũng mỉm cười duyên dáng. Chị ngồi nhắn tin chí chóa, thỉnh thoảng liếc tôi vài cái hoài nghi. Sau khi thấy tôi làm đổ chai nước, thì chị túm ngay được cái cơ để bắt chuyện. Chị là cô giáo tiếng Anh, nên thích buôn chuyện bằng thứ tiếng này khi có dịp, tôi đoán thế. Tôi hồ hởi tiếp chị ngay. Ba phần tư câu chuyện chị ca thán dạo này kiếm việc ở Ý khó như lên trời. Vụ này tôi có nghe anh bồi bàn quán pizza ở Bari kể, anh ta đổ tội tại Mafia thao túng quá nhiều và chính phủ của Belursconi đang làm tan hoang đất nước. Cả hai người đều có cái thờ dài ngoa ngắn và chua chát khi nói về tình hình kinh tế đất nước. Kỳ lạ, cả hai đều hỏi tôi: “Ở Việt Nam, xin việc có dễ không? Kinh tế của nước mày có bị suy thoái không?”. Tôi thật không biết nói gì.

Tôi chưa từng xin việc và tôi lại đang không ở Việt Nam. Thế đấy, trong khi chị nói chuyện thất nghiệp, tôi nói chuyện có lương và đi chơi. Tôi bảo chị tới Việt Nam đi, lương cho giáo viên tiếng Anh tốt, dễ kiếm việc làm. Lúc đó mặt chị cực long lanh như thạch anh dưới ánh sáng. Chị hào hứng vô cùng như cái cọc cuối cùng kiếm được con trâu trước khi cha mẹ từ mặt. Tôi không biết việc tiêm nhiễm một ý nghĩ mơ hồ khờ dại như thế vào đầu chị có phải tốt không? Nhưng ý tưởng chị tiêm vào đầu tôi thì rất tốt. Chị bảo tôi: “Đến đây hả? Mày phải tới Polignano, phải tới, phải tới”. Trong khi nghe tôi nói muốn tới Alberobello và Ostuni, chị chỉ cười: “Ừ, cũng dễ thương”. Dù tôi gắng hỏi, chị quyết không nói cho tôi biết ở Polignano có gì, điều đó thật kích thích trí tò mò.

Và đấy, chính là cái việc tôi cần làm lúc này: Nhảy tàu ở Polignano.

Việc này về cơ bản là dễ vì tàu từ Ostuni về Bari sẽ đi qua Polignano. Việc chỉ khó khi người làm nghĩ nó khó. Hoặc chỉ khi người ta quá mệt, buồn ngủ, và không biết liệu có thức dậy đúng ở bến

cần nhảy hay không. Kỳ diệu là tôi tỉnh ngủ ngay trước khi tới Polignano và dĩ nhiên là hạ cánh an toàn ở thành phố lần đầu nghe tên. Thậm chí khi nghe tên, tôi cũng chỉ lơ mơ nhớ, rồi khi nhìn danh sách những đích đến trên tàu thì mới ồ lên: “Chỉ có thể là Polignano này”.

Polignano à mare - người khổng lồ trên biển

Trời gọi gió và mây về. Con giông sắp ập xuống biển Adriatic, còn tôi đang lang thang trên một con đường nhựa. Đường nhựa không bóng người cũng như bóng cây. Cái quái gì làm cho chị ấy nghĩ tôi phải tới đây nhỉ? Cái tính thiếu kiên nhẫn làm tôi bỏ đường cái, rẽ vào đường nhỏ. Bắt đầu có thứ để xem rồi đấy. Những con đường nhỏ ở đây rất kỳ lạ, đường nào cũng có biển báo. Chỗ này biển báo cấm, chỗ kia biển báo một chiều. Nhưng điều kỳ quặc là không phải mỗi đường một biển mà mỗi đường vài chục biển. Biển báo không cắm xuống đường mà được gắn ngay bên hông nhà, tạo ra một chuỗi biển báo đẹp mắt.

Nhà sơn trắng, biển báo màu đỏ trở nên nổi bật. Dáng dấp Ý hiện lên từ hàng dây phơi quần áo và dây điện chập chùng có chim câu đậu giữa các ngôi nhà. Tôi đi mãi miết, từ con ngõ này tới đường phố kia, vẫn chỉ thấy một phiên bản có màu sắc của Ostuni. Bỗng, nheo mắt nhìn giữa hai hàng nhà, có màu trắng sáng đằng xa. À, biển kia rồi, tôi chạy vù tới. Ôi trời!!!!

Há hốc mồm, mắt chữ A, mồm chữ O, tôi thầm nghĩ: “*Lạy Chúa, người phải cho chị ấy kiểm được việc làm sớm*”. Chuyện gì đã xảy ra? À, chuyện là, đẹp quá, đẹp không chịu nổi. Đẹp đến nỗi tôi chẳng biết làm thế nào để diễn tả. Cảm giác choáng ngợp như Romeo khi lần đầu nhìn thấy Juliett xinh đẹp, quyến rũ trong buổi dạ tiệc, nó trái ngược hoàn toàn với khi lần đầu tôi nhìn thấy Ostuni.

Cảnh tượng vừa hùng vĩ vừa diệu kỳ và hơn hết đó là cảm giác sững sờ, sung sướng. Polignano chưa bao giờ nằm trong danh sách hành trình của tôi, tôi chưa từng nghe về nó, nên vẻ đẹp của nó gần như là một bức màn bí ẩn. Tới hôm nay, thật tình cờ tấm màn rơi xuống, tôi vô tình nhìn vào, và thấy một viên ngọc, vì thế nó sáng lóa hơn bình thường. Đơn giản như vào dịp sinh nhật bố tặng cho tôi một con lợn đất. Cứ tưởng chỉ là con lợn đất, đột nhiên một ngày nhìn kỹ vào lại thấy tờ 500 nghìn. Tờ 500 nghìn đã lớn, nhưng khi thấy nó một cách bất ngờ thế này, hoặc nhất là khi đang thiếu tiền thì nó còn giá trị hơn gấp chục lần nữa. Hồi bé thật sự bố tôi đã làm thế, nhưng với tờ mười nghìn, cũng đủ làm em tôi hét lên vui sướng. Polignano cũng mang lại cảm giác ngạc nhiên, thú vị tột cùng ấy.

Biển Adriatic xanh thẳm trải dài như vô cùng vô tận, như tấm vải trong thùng thuốc nhuộm. Còn thành phố này, họ xây trên núi đá dọc biển. Nhìn xuống phía dưới thành phố, đá thô sơ màu nâu đậm bị cắt ngọt lịm thành những đường như thớ gỗ. Đoạn núi đá có nhiều phần bị ăn lẹm vào giống như những cái hang, cái hốc, hoặc cái hẻm nhỏ. Những cái hốc này khiến núi đá bị tách ra giống như những cái chân ấy. Các ngôi nhà giống như người khổng lồ đứng hiên ngang giữa biển. Bạn có tưởng tượng nổi không? Tôi cũng chẳng biết nói thế nào nữa. Chỉ là cảm giác giống thấy thứ gì kỳ vĩ phi thường lắm, ngôi nhà có chân đang đứng chặn dòng chảy của biển Adriatic. Sóng tấp vào tung bọt trắng xóa. Con thuyền ở xa cứ dập dềnh dập dềnh. Tôi hét lên sung sướng, đó là một trong những việc cần làm trước tuổi 30: “Hét như điên trước biển hoặc trên đỉnh núi”. Tôi đã làm được cả hai ở Polignano.

Những bức ảnh, những bức ảnh cũng không diễn tả hết sự kỳ vĩ ở đây. Ngôn từ cũng vậy. Ôi trời, tôi biết nói sao đây. Đẹp vô cùng, đẹp lắm, phải đến đây là đúng rồi. Thành phố trên đá sát cạnh biển. Nghĩ lại tôi vẫn thấy óc mình rung rinh, tim mình loạn nhịp, cảm giác đặc

biệt vô cùng khi từ trong bóng tối lao ra, và đập ngay vào tầm mắt là nước, núi, nhà chẵn biển, những đôi chân của người khổng lồ và đá khứa cạnh. Nghĩ về Polignano tôi lại muốn tới Puglia tiếp. Dọc mạn sườn gày ấy, còn nhiều thành phố tự nhiên thú vị, như Gargano, như Pouilles. Chúng ta không khám phá thì thiệt thòi quá. Ước gì có một chiếc xe đạp để làm tour từ Bari tới Lecce nhỉ. Tôi lại cuồng nước Ý rồi, trời ơi!!!!

Con voi con voi Étretat

Nói tới con voi mà lại con voi Pháp thì những người mê du lịch hay nghĩ tới Étretat*, chứ không phải là voi trong sở thú hay voi máy ở Nantes.

** Phần mỏm núi ở bờ biển Étretat, nhìn từ xa giống hình chú voi cắm vòi xuống biển, thường được gọi là “con voi của Chúa”.*

Dự định đi Étretat của tôi với thằng em mãi mà không thành nhưng tự nhiên một hôm lại hứng lên đi theo lời kêu gọi của đứa bạn ở Rouen cũng gần gần chỗ nuôi voi, con bé tên Huỳnh đó thật ghê gớm mà! Thực ra đợt mừng Một tháng Năm đó chúng tôi được nghỉ vài ngày, tôi có cậu bạn thân thời cấp ba không có chỗ ở nên cho nó mượn nhà rồi ra đi, nghĩ đi nghĩ lại không biết đi đâu thế là leo tàu đi Rouen. Khi đi còn dặt tay theo hai đê chụp ảnh, gọi là Takaone và Takatu...

Bè lũ đến Rouen cũng khá muộn vì buổi chiều còn bận đi nghe Tùng Dương và Thanh Lam hát nên khởi hành trễ. Đến nơi đói meo mốc thì Huỳnh phán: Tui đang đi ăn cưới nên gửi tạm ba đứa tới nhà chị bạn dưới phố. Ba đứa thất thểu tới nhà chị ấy thì thấy Huỳnh xa xa phía trước, mặc váy hoa, giày bẫy phân, chân đi dạng hai hàng, tay phải bê một thùng Heineken 12 chai, tay còn lại bê chục trứng. Hình ảnh đó tới giờ vẫn còn nguyên sơ, sáng loáng, bất ngờ, sững sờ như thấy anh hùng cứu thế. Huỳnh vỗ vai: “Tui mua trứng về ốp la, có bánh mì đây, Ken thì giảm giá nếu mua nhiều, đêm nay ta nhậu tới sáng”. Hiểu nhau rồi đấy!

Huỳnh là cô gái cá tính, nhanh nhẹn, thông minh và “bộp nhậ” nhất tôi từng gặp. Nó có đôi mắt sáng rực trong đêm, cái miệng liến thoắng, mình nó nói chấp mười người, uống bia cũng thế. Nó nói nhanh, nhiều và có duyên, giả sử nó nói: “Nay ra đường thấy có con chó đi tè” thấy vẫn hay, vẫn cười âm ỉ. Nó kể: “Ba tui ấy à đi nhậ về mọi người mắng sao uống nhiều thì ổng bảo bữa nay tui chỉ uống có một cốc”. “Một cốc sao bí tí vậy?”. “Có một cốc mà nhưng cứ hết lại chiêm”. Đấy về khoản lạnh lẽ và nhậ nhệch đó thì nó y chang ba nó. Có bữa nó dẫn bạn tới nhà bọn tôi uống, cả lũ chủ nhà nằm quay đơ thì nó vẫn một mình một chiến tuyến chấp luôn hai đĩa bẻ đảng. Bình thường thì nó đao to búa lớn, chém gió, chặt bão, nhưng khi cần thiết thì nũng nịu đúng gái miền Tây. Ai cũng yêu nó hết.

Huỳnh dẫn cả lũ tới nhà của bạn nó lúc mười một giờ đêm rồi nhờ chị ấy rán trứng. Chồng chị khui bia cả nhóm zô zô mặc kệ đĩa con trong nhà đang ngủ. Anh chị bảo chỗ này là trung tâm ăn nhậ của Rouen, thẳng con ngủ trong tiếng hò hét lâu rồi, lớn lên bên những cuộc nhậ. Thế là đủ biết dân phố núi chơi thế nào. Nhậ được một nửa két bia thì cả lũ nháo nhào chạy đua tới chuyển bus đêm cuối cùng để về núi. Trường của Huỳnh ở trên núi, nhà trong rừng, tối đi về giữa trời sao và bóng tối. Cả lũ về ngủ cho mau để sáng còn bắt tàu đi cưỡi voi.

Đầu tiên là tàu tới La Harve, sau đó đi bus 24 nữa là tới Étretat, cũng nhanh và đơn giản. Đến Étretat lúc 12 giờ trưa là trời sầm sì, đến là nản. Tôi méo mặt nhìn trời. Huỳnh lôi theo một thẳng đệ lâu năm của nó. Thế là có năm chú lính háo hức đi cưỡi voi. Đầu tiên là xuống biển khởi động. Bãi biển đầy sỏi, đi tới đâu đau tới đó. Niềm vui và nỗi đau xen lẫn nhau. Không vui sao được khi thấy biển xanh trong miên man, màu xanh không đậm đà như Địa Trung Hải nhưng vẫn trong vô cùng. Con tàu nhỏ bé nào đó thấp thoáng phía xa. Biển ở đây đẹp, màu ngọc, nhìn là muốn lao vào tắm, không đục như ở biển gần

Bayeux hay Port de Bessin. Mấy đứa hào hứng quá, cả năm mới thấy biển nên lao qua cả những bậc thang, đi sâu vào những khu ít người qua lại. Giữa bãi đá là những tổ chim mòng biển nhỏ, trứng chim to hơn trứng cút một chút, lổm đổm, nằm lẫn giữa sỏi đá. Trên cao, những con mòng biển dữ tợn chuẩn bị sà xuống khi thấy có người tiếp cận. Sóng biển tung bọt trắng xóa ngoài mép đá. Những con hàu đen bóng bám chặt vào đá giữa lớp rong rêu.

Chúng tôi đi từ bãi này tới bãi kia, lang thang như lữ du mục vào vùng đất cấm, giống Harry Potter lần đầu đi vào khu rừng của lão Hagrid. Ngoảnh đi ngoảnh lại thì Takaone đã chạy mất đâu rồi. Chúng tôi lạc nhau lúc nào không hay, vì anh chàng nhiếp ảnh gia ấy còn bận quay phim, chụp ảnh tỉ mỉ mà những bước chân khám phá lại không chờ đợi nổi. Biết là lúc gặp lại nhau, cậu ta sẽ hờn dỗi, nhưng vào vùng này điện thoại không có tẹo sóng nào nên thôi mặc kệ cậu ta. Cả lũ xác định lát nữa gặp thì mua kem giải nhiệt cho cậu ta, còn bây giờ, bốn đứa ung dung mở ba lô lôi đồ ăn ra picnic bãi biển đầy sung sướng, không chút tội lỗi. Takatu và Huỳnh kể về những bãi biển Việt Nam đầy hào hứng, màu nước biển Đông cũng đẹp lắm mà tôi chưa từng được thấy.

Nắng quá trưa nóng và gắt. Người khô rát và buồn ngủ. Ngồi trong gió thiu thiu thì cả lũ nhận ra là sắp tới giờ thủy triều lên. Không lên nhanh khéo bị cuốn trôi mất. Lười nhác quay lại lối vào, cả lũ vớ tạm cái dây thừng ở một đường trèo gần đó. Đường lên dốc bị lở, bậc thang bị xói mòn, phải bám dây thừng mới leo được. Sau một hồi leo bám kịch liệt thì cũng trèo lên được đầu con voi mẹ, cứ như phim hành động ấy. Leo tới đỉnh, tôi đứng lên hét toáng “á á á”, một trong những điều cần làm trước tuổi 30, đã khuấy động cả bầu không khí, các ông bà già ngó lại tưởng có tai nạn xảy ra.

Trên này, trời xanh mây trắng chạm cánh hoa vàng. Hoa cải vàng nở rức khắp nơi, có hoa gì tím tím, hoa trắng giữa đám cỏ xanh mượt nữa. Mùa xuân mang lại sức sống tuyệt vời cho vùng đất xám xịt này. Xa xa, con đường đất ngoằn ngoèo dẫn tới ngọn hải đăng. Trời ơi quá là đẹp. Tôi cá là Takaone đang đi về phía ấy. Thế là lũ còn lại quyết đi về phía bên kia con voi, nơi có một ngôi nhà thờ nhỏ.

Ngồi ở ngoài thềm nhà thờ, có thể nhìn thấy rõ voi mẹ voi con. Những con voi bằng đá trắng, đang uống nước biển xanh, đầu mọc tóc xanh mượt thật xinh đẹp. Huỳnh lôi đầu ra cái thối bong bóng xà phòng, thế là cả lũ thi nhau thổi say mê. Bỗng từ trong không khí, Takaone xuất hiện như một anh lính đánh thuê, áo xắn tay, mặt phùng phùng, vai vác tripod, túi lưng lủng lẳng máy ảnh. Mấy đứa cầm bật sọt sệt, Huỳnh hỏi han bằng giọng điệu ngọt ngào nhất có thể. Ai cũng phải nhún nhường sẵn đón cậu ta, đòi chụp ảnh cho cậu ta với con voi, với biển trời, để mong anh chàng bớt giận tụi ham chơi. Đến tôi cũng phải bỏ tiền ra mua kem mời cậu ta, cậu bé dỗi hờn thật ghê gớm. Bù lại nhờ am hiểu cậu bé dỗi hờn mà tôi được chai bia cá cược, tôi cược là cậu ta đi tới ngọn hải đăng, trúng phóc.

Sau buổi chiều đó, chúng tôi trở lại La Harve, vào siêu thị mua bia và đồ nhậu mang lên tàu. Chơi bài ai thua người đó phải uống bia, tôi uống đầy bụng về tới Paris. Huỳnh thì tới Rouen đã nhảy xuống nên thoát. Sau này mỗi lần Huỳnh lên Paris, bọn tôi đều chuốc nó để bù lại vụ Étretat. Normandy là vùng đất rộng lớn, nhưng trong tôi, không đâu đẹp như Étretat cả. Cảm giác thật tự do khi đứng trên đầu con voi nhìn biển mênh mông xanh, hải âu bay, trời nắng nhẹ nhẹ, cha con dặt nhau trên bãi sỏi, màu trắng của đá sáng rục lên. Một mùa hè đang tới hoặc đang qua.

Viết tiếp chuyện người khổng lồ

Chuyện về người khổng lồ lúc nào cũng thú vị.

Thần thoại Hy Lạp có Titan, những người anh em độc ác của thần Zeus. Trong cổ tích có chuyện ba anh em khổng lồ, đứa một mắt, đứa hai mắt, đứa ba mắt. Chuyển du hí của người Hobbit bé nhỏ đã bị xáo trộn bởi những kẻ khổng lồ dơ dáy chuyên ăn súc vật, phải có phù thủy Gandalf ra tay, chuyện mới êm. Lão Hagrid cùng em trai và bà mẹ khổng lồ làm náo loạn cả khu rừng cấm trong truyện “Harry Potter”. Lúc đấy, tôi chợt nhận ra những quái nhân to lớn này đều sống trong thần thoại Anh, Scotland hay Ireland.

Ở Ireland, người ta nói tới Fionn MacCool như kẻ bự nhất trong những kẻ khổng lồ. Tiếng nói của gã vang xa hàng dặm, gã đánh được hàng trăm gã trai khỏe mạnh. Gã sống cùng vợ là Oonagh ở vùng Antrim phía Bắc Ireland. Ngày tháng trôi qua êm ả trong lâu đài, cho tới một ngày người báo tin tới, mang theo lời thách đấu của gã khổng lồ bự nhất xứ Scotland - Augustus. Vì danh dự Fionn nhận lời thách đấu. Gã bắt đầu xây dựng con đường nối từ Antrim sang Scotland. Phía bên kia Augustus cũng làm vậy. Từng viên đá to tròn, chắc khỏe được đặt xuống dòng biển xoáy. Đá nối đá, chồng đá, xếp đá hình thành một con đường vượt biển mang tên Causeway. Sau hai tuần căng thẳng miệt mài, con đường đá vượt biển đã xong. Cuộc thách đấu sẵn sàng vào một sớm tinh mơ.

Tuy nhiên sau khi dò la biết được Augustus là một kẻ to và mạnh gấp đôi mình, Fionn sợ hãi: “Chết cha, phải làm sao để có thể vừa bảo toàn tính mạng lẫn danh dự đây?”. Đêm trước ngày chiến, vợ chồng gã lúi

tấm chắn ra may bộ đồ trẻ em sơ sinh. Sáng mai, August xuất hiện ở cửa nhà sừng sừng, gã đập cửa đòi Fionn thách đấu. Oonagh đi ra chào đón, lúc đó bỗng có tiếng khóc trẻ em vang lên. “Cái quái gì thế?”, “Là cục cưng Fionn của chúng tôi”. August nhìn xuống nôi – một đứa bé to bự, gã hình dung ra đứa bé này to thế thì bố nó phải lớn chừng nào, vậy là gã ba chân bốn cẳng chạy, chạy mãi miết. Vừa chạy vừa ngoái cổ sợ Fionn cha đuổi theo. Ngày nay, đến Antrim, vẫn còn một phần của đường đá hiện hữu, họ gọi đó là Giant’s Causeway.

Hết chuyện. Tôi chỉ muốn khoe khéo mình vừa từ đó về, đã ướm bước chân mình vào bước chân khổng lồ (hy vọng sẽ không mang thai mà đẻ ra Sọ Dừa).

Giant’s Causeway ở phía Bắc Ireland, trên tuyến bờ biển tuyệt đẹp Antrim, khá gần thủ phủ Belfast. Đi tới Giant’s Causeway có hai cách cơ bản: đi tour hoặc tự đi bus. Đi tour mất mười sáu bảng, có thể đi qua lâu đài và vài điểm thú vị khác, bạn sẽ trôi trong giấc ngủ trên xe trong mười tiếng mỗi mật. Đi bus mất chín bảng, chỉ tới duy nhất con đường đá, đi hai tiếng về hai tiếng, và có bốn tiếng ở đó. Đã đi tour nhiều ngày, tôi khá oải với kiểu: lên xe ngủ lì bì, hướng dẫn viên du lịch thì lái nhai đủ điều với thứ tiếng Anh địa phương lủng bủng, rồi cứ 15, 20 phút lại lùa xuống cho xem cảnh đẹp, chụp choẹt khi mặt còn đang sưng phù do ngái ngủ, tôi quyết định đi xe bus. Không kém phần quan trọng là tôi đã hết tiền nên phải tiết kiệm từng xu một.

Lên xe bus đi Giant’s Causeway ngay sau khi vừa bước xuống chuyến bus từ Dublin tới Belfast, tôi bả hoải hết cả người. Con đường phía trước xanh mướt với những cánh đồng miên man hai bên và quá trời cừ bò. Lũ cừ dễ thương, con đen, con trắng, cứ như mây trên trời rớt xuống, giống cục bông gòn lăn lăn, giống bò công anh đặc cánh, giống đồ chơi đang nằm rải rác trong nắng sớm. Con đường nâu chạy dài qua những vùng quê. Đất nước này như vùng thôn quê trải

rộng, khắp nơi là trang trại, người ta sống trong thành thơi và chỉ vào thành thị vì quán bar. Sự dân dã của Ireland cũng giống như những ca khúc mộc mạc của họ. Những giai điệu Molly Malone cứ vang lên réo rắt từ tiếng keng keng chạm cốc Guinness. Có tiếng đàn banjo, hòa tiếng ghi-ta, và đặc biệt là tiếng Bohran - một loại trống đặc trưng của Ireland trong từng bước nhảy River dance trên những nẻo đường quê. Thật hay là tới bây giờ người ta vẫn nghe dân ca như một phần của đời sống.

Khi tới Giant's Causeway thì mặt trời trốn bật. Mưa phủ xối xả khi tôi băng qua con đường nhỏ tìm tới những phiến đá lục lăng. Những phiến đá mang hình nước Pháp được thiên nhiên đẽ gọt diệu kỳ, vuông thành sắc cạnh, khớp vào nhau lạ lùng, như người ta lát đá nền đường. Những phiến đá sinh ra từ nham thạch, tôi luyện trong lửa, mài mòn trong nước, vẫn đứng vững khăng khít với nhau, trong dòng thời gian vô tận. Người ta nghiên cứu những phiến đá ở đây để hiểu thêm về lòng đất, có những gì ẩn sâu dưới những lớp đất nâu hay mặt biển xanh lơ? Sự hình thành địa hình, địa chất của trái đất như thế nào? Một khối, núi lửa, tách ra, những mảng địa hình, không khớp, núi non hình thành, trôi đi, các lục địa ra đời. Và chúng ta sinh ra, từ thiên nhiên, di cư, định cư, phát triển, hủy hoại lại thiên nhiên. Bao giờ trái đất chúng ta biến thành sao Hỏa?

Trong gió mưa ngày hôm đó, tôi không nghĩ được nhiều đến thế. Tôi chỉ nhớ lời cái áo mưa vàng chóa, mua vội ở Killarney để choàng vào. Có anh chàng tóc vàng, xoắn tít, cười rĩ khi nhìn thấy cảnh ấy: “Dễ thương đấy”. Mưa cứ lúc có lúc không. Áo lúc mặc lúc cởi. Trèo lên đồng đá chỉ sợ trượt ngã hoặc gió cuốn đi. Nhìn sang đối diện, ngọn núi cao quá, cũng được hình thành từ những phiến đá lục lăng này. Chúng xếp chồng lên nhau, rồi nước biển tạt, rêu bám, rồi đất phủ, cỏ che, giờ xanh ngắt, chỉ vài ba chỗ lộ ra phiến đá, tổ cáo cái kết cấu của những ngọn núi mà không phải là núi này. Cứ nghĩ ngày xưa

chỗ mình ngồi cũng cao như ngọn núi ấy, mới thấy sức tàn phá của nước. Nước đập vỡ các khối đá, nhấm chìm vô số vào lòng biển, mà nhìn kỹ xuống mặt nước mới thấy lớp đá này trên lớp đá kia.

Đi qua cổng thiên nhiên, vào vùng toàn cỏ xanh, có một con đường mòn dẫn lên trên đỉnh núi mà tôi vừa mới trầm trồ năm phút trước. Tôi leo miệt mài theo sau những ông bà già ục ịch. Trời gió thổi như trút hận thù ghê gớm lắm. Đường đi thì nhỏ xíu, cao tít, càng đi càng mỏi như chân. Lúc đó chỉ muốn dang hai tay nhảy ào xuống. Khi tới cuối con đường thì áo đã kịp khô mưa, trán ướt mồ hôi. Gió trên cao thổi lộng, chỉ cần có một tấm bạt là có thể nhảy dù rồi. Tôi ngồi bệt xuống bãi cỏ, nhìn xuống dưới. Dốc núi vạt cong thật hấp dẫn, giống cái lòng chảo xanh ngắt, ôm lấy biển xanh nhạt và những bãi đá nhấp nhô. Cảnh tượng rất hùng vĩ, giống như mình chinh phục được điều gì ghê gớm lắm, giống như cả thế giới ở dưới chân, và cuộc sống thực sự trong lòng bàn tay. Lúc đó bạn thấy mơ hồ, ảo tưởng thấy mình thật to lớn. Vẫn là thế, người ta thường thấy mình vĩ đại khi đứng trên vai người khổng lồ. Còn tôi trong buổi chiều trong trẻo, mưa tạnh và nắng ánh lên từ mặt biển, thấy mình thật vui tươi như cánh chim và sung sướng như sóng vỗ bờ.

Những hòn đảo nhỏ của thành phố lớn

Poros - một hòn đảo rất được.

Từ khi bắt đầu hành trình Hy Lạp, tôi đã nói với Pierre: “Dù có chết, tôi cũng muốn tới đảo”. Trong khi những hòn đảo xinh đẹp to lớn đều hoang vắng vào đợt này, chúng tôi chẳng dám liều mình bắt máy bay tới để phải ngủ ngoài trời. Cả lũ quyết định ghé vào Poros - một hòn đảo nhỏ cực kỳ xinh đẹp trên con đường dọc Peloponese. Phải nói đó là một hòn đảo rất được, xứng đáng là nơi thờ thần Poseidon vĩ đại.

Dừng xe ở Galata, tôi và Saru tiếp tục gà gật trong xe, còn ba anh chàng của chúng tôi băng qua đêm tối tìm nhà trọ. Bên ngoài lúc này trời lạnh cắt da cắt thịt, tôi sợ cái cảm giác ở trong đêm lạnh mà không biết đâu là đường về nhà, thế nên tôi cứ ru rú trong chiếc xe Ford để đợi tin. Sau một hồi chạy ngược xuôi, chúng tôi cũng tìm ra nhà nghỉ như trong “Lonely planet” gợi ý. Đêm đã điểm hồi chuông thứ chín khi chúng tôi an vị trong căn nhà nghỉ ấm áp.

Sau một chuyến du ngoạn ngắn dọc bờ biển đêm, chúng tôi tạt vào một quán Kebab nhỏ bên đường. Quán nhỏ xinh, nhưng ấm nóng với các lò nướng thịt bò, thịt gà, và lợn đang hoạt động hết công suất. Hương thơm tràn ngập không gian nhỏ bé, át cả mùi mặn nồng của biển đêm. Kebab là món ăn thông dụng và dễ tìm bậc nhất ở Hy Lạp. Thế nên chúng cũng trở thành bạn đồng hành ngọt ngào nhất của chúng tôi trong chuỗi ngày rong ruổi này.

Món Kebab đặc sắc nhất của Hy Lạp gọi là Pitta Girop. Sự hòa quyện ngọt ngào của thứ nước sốt béo làm từ mayonnaise, cùng bột ớt,

rau củ và thịt nướng thơm lừng, được cuốn tròn trong những chiếc vỏ bánh giống Tortilla*, làm cho Pitta nơi đây mê đắm lòng người. Lúc nào đi qua những gian hàng này, tôi cũng thèm muốn cồn cào, háo hức những miếng đầu tiên, để rồi không bao giờ hoàn thành phần ăn của mình. Trong khi đó Arnab đang hoàn thành cái thứ hai, và Pierre thì đang liếc sang cái Pitta dở của tôi với ý: “Để tôi ăn giúp”. Arnab vẫn bảo: “Thật tuyệt khi có những kẻ đồng hành là dân Bỉ, họ vừa dẫn đường, vừa làm lái xe, lại có thể xử nốt đồng thức ăn thừa bất cứ lúc nào”. Pierre là mẫu hình hoàn hảo như thế.

** Tortilla là một loại bánh mì dạng dẹt được làm từ bột bắp hoặc bột mì có xuất xứ từ Mexico và các nước Nam Mỹ.*

Trời về khuya càng lúc càng lạnh, cái thú vực biển đêm không thể chiều theo được. Chúng tôi khoác vai nhau đi tìm hàng café để kiểm chút chocolate nóng ngọt ngào. Nhưng giờ này, xó tỉnh lẻ như Galata dường như đã an giấc. Chúng tôi ngược trở về nhà nghỉ trong tình trạng lạnh cóng tay và mũi đỏ hoe. Tôi ước giá mà có rượu nóng ở hội chợ Noel để uống thì tuyệt biết mấy. Và tôi đã ngủ trong giấc mơ thấm đượm vị thơm nồng của vin.

Bình minh xám bạc nơi chân trời khi chúng tôi tỉnh giấc. Khoác vội chiếc áo khoác, tôi ra lan can bắt ánh nắng của ngày sắp mới. Biển sớm mang vị nồng mặn và hơi tanh tao. Biển Aegean lúc nào cũng nổi tiếng vì màu trong xanh vô tận của mình. Khóa tay vào làn nước, tôi cứ sợ mình đang phá đám sự an bình của những đàn cá. Chúng thung thảng bơi lội, nhẹ nhàng quẫy những cái đuôi xinh như chọc tức kẻ quan sát. Tuy cá bơi nhưng mặt biển rất tĩnh. Cả khối nước đông lại như thạch, một loại thạch trong suốt ngọt lành và mát lạnh. Chỉ khi tàu thuyền neo đậu bắt đầu rục rịch tỉnh giấc, những dao động nhẹ rất nhẹ bắt đầu lan tỏa, nhịp nhàng như tiếng đàn T'rưng loang trong không gian. Thánh thót và dịu dàng, mặt biển xao động, làm những con

thuyền cũng nhấp nhô theo. Cô đơn quá con thuyền buổi sớm. Đứng đó bơ vơ, phủ trên mình một màu xanh trắng hoặc xanh vàng, thuyền nơi đây nhỏ xíu như những chiếc ca nô rung rinh rung rinh.

Những con thuyền bắt đầu mở lòng đón các vị khách du lịch tới thăm Poros. Tôi cứ băn khoăn không biết có nên lên thuyền đến đảo không. Vì từ phía Galata, đảo Poros hiện ra thật đẹp. Những tòa nhà đặc trưng hai màu xanh trắng của Hy Lạp lấp ló sau những tán cây. Cả hòn đảo nhỏ xíu như một mô hình đồ chơi, nhưng thật hơn những gì thật nhất. Tôi cứ sợ lỡ mình chạm chân đến đây, thấy một hòn đảo xấu xí thì phải làm sao? Nhưng theo chân các chiến hữu tôi vẫn lên tàu và chạm tới Poros chỉ sau mười phút.

Giữa muôn vàn đảo ở Hy Lạp, tôi nghĩ Poros là hòn đảo nhỏ nhất. Với diện tích nhỏ bé chứa khoảng bốn nghìn cư dân, lại rất gần Athina, đây là nơi nghỉ dưỡng cuối tuần tuyệt hảo cho dân thủ đô. Nếu đi theo đường cá bơi thì chỉ mất khoảng hai tiếng đồng hồ từ Athina tới đây, nhưng đi theo đường “cá sắt” như chúng tôi thì mất hai ngày liền, thật oan uổng. Nhưng cứ chạm chân lên Poros là chúng tôi không thấy ấm ức chút nào. Poros xứng danh là điểm giao thoa văn hóa, tinh thần của dân Athina và dân Peloponese.

Poros nhấp nhô với những dãy nhà xây dọc sườn núi. Những ngôi nhà màu trắng, sơn xanh đặc trưng của đảo Hy Lạp nổi bật trên nền trời xanh nhẹ. Ai đã từng xem “Mama mia”, hay từng ngắm những bức tranh về Santorini sẽ không khỏi sung sướng khi tận mắt chiêm ngưỡng những ngôi nhà hài hòa nơi đây. Những bậc thang trắng hân hoan, len lỏi giữa những dãy nhà, uốn éo theo từng hàng hoa rực rỡ đưa chân khách lên tới đỉnh của Poros, nơi ngự trị tháp đồng hồ lâu đời - biểu tượng của đảo.

Tháp đồng hồ cũng đồng bộ với tông màu của đảo, xanh và trắng, vươn lên như một ngọn hải đăng, giúp tàu bè có thể nhìn thấy Poros từ

xa. Quanh chân tháp, những con mèo hoang nhàn nhã đang tụ tập, con thì sưởi nắng, con thì nấp trong các bụi rậm, chỉ chực nhảy ra để hù dọa kẻ yếu tim. Alex suýt chút nữa thì hét lên vì đang ngồi thì bị một con mèo béo núc ních “tấn công”. Những con mèo nơi đây thân thiện, đáng yêu, cứ tha thân ăn chơi không chút sợ hãi con người. Kỳ lạ là ở Athina chó chạy đầy đường, nhưng ở Poros mèo lại làm bá chủ.

Ở trên đỉnh của Poros, tôi có cảm giác mình là Gulliver lạc vào thành phố tí hon. Những ngôi nhà nhỏ bé, ngói đỏ chen chúc nhau, như khê búng tay là tôi có thể tọc mái bất kỳ căn nhà nào. Cảnh vật quả thật kỳ diệu, gió biển ào ào như cuốn tôi về với những giấc mơ ngày nhỏ, khi tôi còn cầm cúi đọc Doremon và ao ước bước chân qua cánh cổng thần kỳ để vào thế giới tí hon. Ngày đấy tôi còn nghĩ biết đâu có thế giới kỳ lạ như thế thật, tôi đi trên mặt đất mà còn ko dám đi mạnh, sợ rằng sẽ giẫm nát những người tí hon. Tôi còn tưởng tượng có những kẻ khổng lồ ngoài vũ trụ bao la kia, họ coi trái đất như cái hộp đựng tiền xu, và hằng ngày khi thả xu vào đấy, họ sẽ nhìn thấy tôi. Ôi thật sự là tôi đã tưởng tượng ra những điều kỳ quái như thế đấy. May mắn Saru và Alex đã lôi tôi ra khỏi đầm lầy mơ mộng.

Chúng tôi men theo những cầu thang nhỏ, xuống khỏi những dãy nhà nhấp nhô, và bắt gặp Arnab cùng Pierre đang nhâm nhi café sáng trong một quán nhỏ ven biển. Tôi cũng lao ngay vào để thưởng thức một chút bánh táo cùng thứ nước cam tinh khiết ngon tuyệt trên đảo. Alex đang quanh quẩn với một con mèo béo ú, hình như nó có ý định nhắm nhe cái bánh nhân cheese của cậu chàng. Arnab và Pierre vẫn tiếp tục hàn huyên những chuyện trên trời dưới biển về nước Đức. Tôi ngồi mơ màng nhìn ra biển. Có cái gì đó sâu thẳm từ biển, cứ như hút lấy rồi nuốt chửng cả trí tưởng tượng và sự mộng mơ của tôi. Tôi ngồi mà đầu óc trống rỗng, chỉ đơn giản là nhìn. Saru chọc: “Đang mơ có hoàng tử đến à?”. Tôi cười sặc sụa, tôi chưa bao giờ là con nhóc ngồi

đợi cánh buồm đỏ thắm. Cuộc đời này có làm gì có hoàng tử để mộng mơ, ngay cả khi tôi đã từng đặt chân lên hòn đảo mang tên Hoàng Tử.

Không tìm hoàng tử ở đảo Hoàng Tử

Đặt chân tới Istanbul lúc nửa đêm, thấy Istanbul thở gấp gáp như người bệnh thiếu oxy, mệt mỏi. Đèn đường sáng trưng, đèn xe sáng loáng, bóng người chập choạng, liên mạch liên hồi. Tôi không thấy Istanbul giản đơn chỉ đen và trắng như trong cuốn sách “Istanbul - Hồi ức và thành phố” của tác giả Orhan Pamuk. Với tôi, Istanbul đa sắc và nhộn nhạo. Nằm giữa hai lục địa Âu Á, thành phố này gồm ba phần đất liền tách biệt: phần Tây Âu, Đông Âu và phần châu Á hay vẫn gọi là Anatolian, ngoài ra còn vô số đảo lớn bé, như hệ thống bảy đảo Hoàng Tử.

Lên tàu từ Beşiktaş, sau khoảng bốn mươi lăm phút dập dềnh thì chúng tôi cập đảo lớn nhất Buyukada.

Phần lớn đảo được đồi thông xanh rì rào che phủ. Trên cao có tiếng nhảy cầu, phía dưới có tiếng trẻ em cười đùa í ới. Lên đảo Hoàng Tử, cô gái nào cũng mua vòng hoa đội đầu làm công chúa duyên dáng. Tôi thuê xe đạp chạy lòng vòng lên trên xuống dưới, vào rừng, ghé biển, gió mát thấu tim gan. Người cho thuê xe bảo: “Mày Việt Nam nên tao mới cho thuê giá 3 euros/ngày đấy”, tôi hí hửng, dân ở đây có vẻ thích người Việt, cũng đưa tay lên pằng pằng kiểu Rambo, họ khoái chí lắm. Sau tôi mới biết đó là giá thuê chung của cả đảo.

Đảo Buyukada có phần giống Đà Lạt với những đồi thông, xe ngựa ngược xuôi, bóng mát hiền hòa, những cô gái nhẹ nhàng dạo bước. Tôi đạp xe lên xuống, hòa vào các nhóm người khác nhau, lượn vòng quanh, lúc khoan thai, khi vội vàng bởi đôi lần tưởng như bị lạc đường ở một góc cúa nào đó. Trưa đó tôi ăn món Kumpir thật ngon với khoai

tây nướng trộn cùng đậu Hà Lan, pho mát sợi, xúc xích, ngô ngọt và nhiều thứ linh tinh khác cùng một chai bia Efes.

Biển Marmare xanh ngắt, sóng sánh, người chẳng thấy vị mặn mòi. Tháng Bảy, nắng như đổ lửa, mồ hôi rịn kẽ tay, tôi đạp ra gờ đá, nhìn người ta bơi lội, thưởng thức dưa hấu và biển. Nước vây quanh tứ bề tôi chỉ thềm lao xuống, nhưng nước sâu như lòng người nên tôi lại chẳng dám bơi. Bãi biển lúc này đầy người, những xe ngô lộc, xe chở hoa quả ngâm muối giống như dưa muối hay cà mua và hải âu chen chúc trên đó. Hải âu nhiều vô kể, tung cánh trong ánh chiều đẹp ngỡ ngàng. Nhìn những cánh chim nhỏ bé trên bầu trời thênh thênh, mặt nước dềnh dàng thuyền xe tấp nập, mới thấy hết sự bao la của biển cả.

Đảo Hoàng Tử làm tôi mệt mỏi tới mức ngủ một giấc trên tàu rồi trở về Istanbul trong tiếng hát trong trẻo và khỏe khoắn của cô bé người Thổ. Cuối cùng tôi bò về đất liền, vẫn nguyên vòng hoa cài đầu mà chẳng tìm được chàng hoàng tử nào. Bởi đâu đó trong tiềm thức tôi, đảo gắn liền với sự chia ly hơn là gặp gỡ.

Capri, c'est fini

Đó là tên một bài hát tiếng Pháp rất nổi tiếng. Bài hát về hòn đảo Capri nhỏ bé gần Napoli rộng lớn. Hòn đảo ấy tôi đã đến vào một ngày hơi mưa sau chuyến tàu nhỏ từ Napoli xô bờ.

“Nous n’irons plus jamais,

Où tu m’as dit je t’aime”

Em tôi đã ngân nga những câu hát này trên hòn đảo nhỏ.

“Capri, nơi chúng ta không bao giờ còn ở bên nhau dù là nơi mà em đã nói em yêu tôi”.

Bài hát ấy sao mà day dứt thế. Capri là nơi bắt đầu tình yêu, nhưng cũng là dấu chấm hết. Nó đã đặt dấu chấm đẹp cho cuộc hành trình đi vào lòng nước Ý của tôi.

Hòn đảo ấy bé nhỏ và dễ thương lắm, tôi yêu nó vô cùng. Tôi và em trai đã men theo những con đường gạch nhỏ xíu hun hút bất tận, qua những khung cửa xanh lam, những góc vườn xanh mướt để đến trung tâm đảo. Nhà cửa nơi đây xinh xắn vô cùng với những biển tên bằng gốm sứ đầy màu sắc và bao quanh là những vườn cam chanh vàng ươm. Từ trên cao, người ta sẽ bị hút mắt trước nước biển xanh thẳm, trước những con tàu trắng xa xa. Tôi yêu biển, cánh buồm và ước mơ mình làm hải âu, dù xưa kia tôi sợ nước điên cuồng, chỉ vì không biết bơi. Tôi tung tăng dọc ngang đảo, thấy hạnh phúc tràn ngập. Tôi nghĩ nếu muốn kiếm tìm sự lãng mạn, phải đến Capri. Capri mang cho sự thân thiện, hồn nhiên hơn nhiều hòn đảo đẹp như Murano hay Burano của Venezia. Thật sự, nếu Napoli là địa ngục tối tăm thì Capri là thiên đường ánh sáng. Có những thứ trái nghịch mà có thể đứng cạnh nhau hài hòa tới thế, cũng giống như sự hài hòa của âm dương.

Capri một ngày mưa phùn ngọt ngào, giá mà có chút rượu vang nóng nữa thì thật tuyệt vời.

Bỏ đi sự đổ nát, lạo nhạo, bản thiêu, đáng thất vọng của Athina để tới Poros, bỏ đi mùi hôi nồng của rác, của những con phố nhỏ bé ẩm thấp, những dãy quần áo phơi dọc ngang của Napoli để tới Capri, và bỏ đi sự đa dạng, phức tạp, nóng nực của Istanbul để tới đảo Hoàng Tử. Những hòn đảo nhỏ, cạnh những thành phố lớn là sự trốn tránh hiện thực tuyệt vời hoặc là sự tận hưởng cuộc sống đúng nghĩa nhất.

Zadar - Không chỉ có hoàng hôn

”Zadar là nơi hoàng hôn đẹp nhất thế giới”.

(Afred Hitcock)

Lời cảm thán này chẳng ai kiểm chứng được, bởi ai đã đi hết thế gian đâu nhưng mà một ông đạo diễn phim kinh dị nói vậy thì chúng ta cũng nên tin. Và thực sự là nó đẹp thật đấy, nhất là dưới mắt nhìn điện ảnh.

Ở Zadar, bọn tôi trọ ở một nhà nghỉ có tên cực kỳ đơn giản - House hostel. Bà chủ nhà tên cũng ngắn gọn đơn giản nốt - Goga. Goga dễ thương, đương nhiên, cứ nhìn review trên hostelworld thì thấy bà được tôn vinh là chủ nhà dễ thương nhất (lại nhất và không ai kiểm chứng được). Nếu bảo tả Goga thế nào thì cả lũ chịu vì ba ngày ở đó không gặp bà lần nào. Tối đầu tiên tới, bà để lại một mảnh giấy ghi mật khẩu hòm bí mật ngoài cửa, có thể mở ra lấy chìa khóa vào nhà. Ngày thứ hai, cả lũ ra đi từ sáng, không kịp gặp nhau. Tôi viết vài dòng: *”Này, nếu bọn cháu bỏ đi hã thì bác đòi tiền bằng cách nào? Cháu rất mê phong cách tin người và thân thiện của bác nên sẽ mò về vào ngày mai. Bác cứ yên tâm”*. Ngày thứ ba trở lại lúc chiều, cả lũ đi ăn chơi tối, về nửa đêm lại không gặp. Ngày thứ tư vác đồ đạc ra đi, bác chủ nhà chưa kịp tới, tụi tôi nhắn tin: *”Cháu để tiền ở cái gối cạnh cửa sổ nhé”*, rồi ra đi. Tất cả các giao tiếp chỉ qua những mẫu giấy và vài tin nhắn viber, sao đáng yêu đến thế!

Zadar không phải là thành phố lớn, nhưng cũng là điểm đáng tới ở Croatia, thậm chí nhiều người đánh giá nó là điểm tới lý tưởng của

một cuối tuần ngắn ngủi. Zadar nằm ở miền Trung của Croatia, thuộc vùng địa lý khắc nghiệt khô cằn sỏi đá, nhưng được ưu đãi biển và nắng, cũng như miền Trung Việt Nam vậy. Vốn là một thành phố cổ, Zadar còn lưu giữ nhiều tàn tích La Mã, điển hình như khu vực Roman forum, nghe cũng hoành tráng như ở Roma vậy. Ở đó những cột Doric và Corinth vỡ vụn, nằm trên mặt sân đá nhẵn bóng. Ở đó đã từng có những công trình đồ sộ lắm, nhưng còn lại không nhiều sau những cuộc chiến lớn, mà gần đây nhất là chiến tranh với người Serbia. Những công trình tôn giáo còn lại thì mang dấu ấn Byzantines, thời pre-roman. Người Croatia thì nói bị Serbia thống trị nên phải vùng lên, người nước khác nhìn vào thì có vẻ không hài lòng với người Croatia trong trận chiến này.

Hôm ấy, trên những tàn tích cũ, một chàng nhạc sĩ đánh đàn hát “Knocking on heaven door” thật là hay. Anh hát, còn cả lũ chạy ào ào vượt, qua những hàng bán mũ để chạy ra biển. Lối đi của phố cổ Zadar rất đẹp, lát một thứ gạch sẽ biến thành mặt gương trắng nếu trời mưa. Những bức tường thành vững chắc, chia đôi thành phố: phía trong cũ và đẹp, phía ngoài nghèo và buồn. Phía trong của con người, phía ngoài của đại dương. Bên cạnh đại dương, họ làm cây đàn biển tên Sea organ nơi mọi người tụ tập nghe nhạc nước tạo ra từ gió biển và ngắm mặt trời lặn.

Ngoài khơi, vài con tàu chạy qua mặt trời. Khối cầu lửa to rực từ từ thu nhỏ quầng sáng lại, giống như nó chui vào một cái hộp, không phải quan tài, chỉ là chiếc hộp thủy tinh. Một ngày xong việc rồi, mặt trời đi ngủ, để ngày mai lại được giải thoát. Mặt trời trôi đi, lôi theo tất cả các sắc màu xanh đỏ bao quanh, cùng chìm xuống biển, giống mà ngược với hình ảnh ai đó đánh cá, kéo nguyên cái lưới lên bờ, mang theo mọi thứ của biển khơi. Khi đó trời hết sắc vàng, không tối mà chuyển sang màu xanh nhàn nhạt, lành lạnh, thành phố lại ồn ào, nhất là ở nơi chào đón hay tạm biệt mặt trời. Khung cảnh tuyệt đẹp huy

hoàng diễn ra trong tiếng sóng vỗ. Mọi người cứ ngồi thừ ra, đợi mặt trời trôi chậm rãi, từ to, rất to, tới tan biến, như bánh mì ngâm đầy nước, to dần, to đùng rồi tan mất tiêu. Gió thán Sáu mát rượi, nước hơi lạnh một chút, vào chiều nên thành phố cũng hết nóng bức. Zadar hằng ngày vẫn cầm mặt trời quăng vào biển, để mọi người lạng lẽ trầm trồ. Hình ảnh lớn lao ấy đẹp nao lòng, giống như mình vừa mất đi thứ gì đó. Một ngày vừa biến mất.

Con mực cũng vừa biến mất, hun hút trong vòm họng đen ngòm. Ở Zadar cũng như Croatia, tôi thích nhất món mực. Trong quán ăn với giá không quá đắt nhưng chẳng hề rẻ được Goga giới thiệu, anh bồi mang con mực ngọt lịm ra và bảo: “Mới bắt tối qua đấy”. Vậy đấy khi người ta tạm biệt mặt trời là lúc những con tàu ra đi. Trong đêm đen, những con tàu bắt cá, bắt mực, kịp chở về đất liền cho bữa tối mai. Những con tàu vất vả ấy không ngủ. Có những con tàu khác thì được ngủ, là những con tàu không chở dân chài mà chở những người ham chơi ra đảo.

Hệ thống đảo ở Zadar tên Dugi Otok. Nó có nhiều đảo lớn nhỏ đến nỗi chẳng thể nào kể hết cái hay cái đẹp ở đây. Không thể đủ thời gian để tới đảo xa nhất mà kịp trở về trong vòng một ngày. Sự lựa chọn thường thấy của dân du lịch là đi đảo Preko, gần đất liền nhất. Đi phà công cộng thì chỉ mất hai mươi phút là tới đảo nhưng thường ít người thỏa mãn với nó bởi nó cũng chỉ như một làng chài ở đất liền. Nếu muốn đi xa hơn thì thường phải thuê xuồng máy đi riêng. Đó cũng là điểm cộng cho việc đi nhóm. Khi bạn có sáu người cùng chia sẻ một cái giá thì chẳng phải lo gì nhiều, chỉ cần làm giá với bà chào tour một tẹo là có ngay một xuồng máy, một bác lái xuồng phúc hậu bảy mươi tuổi biết nói bốn thứ tiếng, và ba giờ lênh đênh trên sóng nước.

Khỏi phải nói hôm đó nóng thế nào. Trên cái thuyền máy có mái che, cái nóng giảm bớt chút nhưng gió thì rất nhiều. Khi mà nắng gió

trộn nhau thì cơn buồn ngủ ập đến đánh úp bất thành linh. Ai cũng mê mê, dại dại, nói vài ba câu chuyện như hét vào nhau vì động cơ thuyền ù ù đau cả tai. Thuyền bé, động cơ nhỏ, tiếng kêu to, tốc độ chậm. Sau ba mươi phút thì cả lũ thấy mình đang ở đảo Preko. Câu hỏi đặt ra là nếu chỉ đến Preko thì sao không đi phà công cộng cho rẻ. Câu trả lời là sẽ được đi thêm những nơi khác nếu tham qua nơi này nhanh. Thế là cả lũ nhanh chân leo lên, đi lòng vòng rồi hạ thổ xuống một bãi biển toàn sỏi, trong suốt. Nước trong nhìn thấy đáy mát rượi. Không có ai, chỉ có sáu đứa vùng vẫy thoải mái như trong hồ bơi nhà mình. Lạnh run vì nước, chân đau vì sỏi nhưng cảm giác ấy đã đời chưa từng có.

Tôi vốn không biết bơi, luôn sợ nước. Đây là lần đầu tôi dám xuống biển tập bơi, và đã bơi được. Bơi được một nhịp, hai nhịp rồi ba nhịp thì sượng quá. Nước biển trong xanh, lại có muối nâng nhẹ cơ thể nên chẳng sợ chìm. Cứ lao mình vào làn nước tinh khiết ấy mà lâng lâng. Thích vô cùng, thích hơn nhiều việc nằm lơ lửng trên nước ở bãi biển Kolovare chiều hôm trước. Bãi biển trong thành phố ấy, nhiều sỏi đau chân, nhiều người chen chúc, lại còn không xanh mát như ở đây. Cả lũ hào hứng lắm, bơi lặn, nhảy nhót, cho tới khi hoảng hốt là đã sắp tới giờ về. Nếu mà cứ nấn ná ở Preko thì mất tiền oan uổng quá. Thế là lại lội ngược về thuyền, bảo bác lái cho đến một bãi biển bí mật nào đó dù phải trả thêm tiền.

Và đó là Paskan. Thuyền đi qua một hòn đảo lớn hơn đảo Preko, một màu xanh bao phủ đảo xen lẫn những ngôi biệt thự. Rồi thuyền lại đi vào Paskan, đậu lại ở một bãi biển bí mật, nằm sâu bên trong. Khi thuyền vào thì chỉ có một du thuyền khác đang buông neo. Bãi biển này hoàn toàn bị che khuất. Dưới lòng biển không có sỏi đá mà là cát trắng tinh mịn vô cùng. Nước trong suốt, vẫn hơi xanh, nhàn nhạt màu turquoise - màu của mùa hè năm nay. Từ trên thuyền, từng đứa một lao xuống như “Cô gái đại dương”^{*}, tôi thì ôm phao chậm rãi đi xuống. Xuống dưới nước mới thấy chỗ này cạn lắm, không cần phải

sợ. Tôi đưa tay hớt cát lên, cát nhỏ giọt qua kẽ ngón tay, mềm mịn như nhung. Bước chân trên cát, cát mịn như thể thấm vào da thịt. Tôi vút phao ra, tay khua loạn xạ, cũng bơi thêm được một nhịp nữa là bốn. Cảm giác của người biết bơi, được bơi giữa bao la biển xanh, cát mịn, nơi không có ai ngoài mình thật đã biết bao.

** Tên một bộ phim dành cho thiếu nhi, gắn liền với thế hệ 8X, 9X.*

Cuộc chơi Zadar mà thiếu bãi biển ở Pasman thì chắc chắn sẽ là một kỷ niệm chán ngắt, vì chúng tôi bị chặt chém ở quán ăn và cả sự thất vọng ở Preko. Pasman đã bù đắp lại, thậm chí còn đem tới cho chúng tôi một cảm giác tuyệt vời như đang ở biển Caribe. Trên con thuyền lúc về, ai cũng hồ hởi, khen Pasman không dứt, bác lái thuyền già nua, và dĩ nhiên cả món thịt lợn quay của Zadar nữa. Mùa hè không yên ả đang trôi qua. Năm đó tuyệt nhiên là năm tìm về với biển.

CHUYỆN CỦA BẦU TRỜI

Chuyện của bầu trời không phải về bầu trời, mà là những chuyện tôi nhìn thấy từ trên cao. Đó chỉ là những cảm nhận thuần túy thuộc về bản thân, không có tính bao quát hay đúc kết. Những câu chuyện ấy có thể xảy ra ở thành phố lớn, có thể ở thành phố nhỏ, có thể đúng, có thể sai với hiện thực.

Tình ca nước Ý

Một ngày kia, ở Torino thô kệch, một chiếc gương lớn được dựng lên trên con đường đi bộ của Corso Vittorio Emanuele với dòng chữ “Italia canta la vita” - nước Ý hát bài ca cuộc đời. Dòng người qua lại ào ạt bỗng dừng chân. Thiếu nữ sửa lại chiếc váy ngắn, chàng trai chỉnh lại chiếc cravat, phụ nữ luống tuổi buộc điệu chiếc khăn quàng, còn những cụ già đăm chiêu sờ nếp nhăn trên mặt, cảm giác như nó hằn sâu hơn. Chiếc gương lớn được đặt ở góc đường, người ta thấy nhiều hơn bản thân mình trong đó. Người trẻ thấy sức sống từ dòng người hối hả phía sau. Người già thấy dường như cả thế giới quay lưng lại với họ. Dòng người xuôi ngược tấp nập như dòng chảy cuộc đời. Mỗi người mang một thanh âm của cuộc sống, hòa nhịp thành bài hát dịu dàng nhất. Hãy lắng nghe nước Ý hát về cuộc sống. Còn tôi, tôi mơ màng tưởng như nghe được một chàng người Ý hát về cuộc đời.

Nếu để người Ý hát, thì có lẽ đó sẽ là một bài hát lạo xạo tai nghe, y như cái cách họ quy hoạch đường phố. Bài ca là một cuộc chiến nhọn nhọn giữa bè và phách.

Hình ảnh hóa âm nhạc, trong tầm mắt tôi hiện ra một con đường với các ngôi nhà nhấp nha nhấp nhô, đường chỗ cao chỗ thấp, lung tung, lộn xộn, và bẩn thiu. Rome là hình ảnh sống động hơn cả. Bởi dân Ý vốn làm việc chậm chạp, không khoa học và có phần thiếu chuyên nghiệp. Họ không có phong cách quý tộc như dân Anh, không có sự lịch thiệp như dân Pháp, không cần mẫn như dân Hà Lan, không quy cách như dân Đức, họ lộn xộn một cách nghệ sĩ. Nếu ai đó đi làm giấy

tờ ở Ý mà không hét toáng lên, chửi thề, tức giận thì họ có thể là thánh.

Thật không thể tưởng tượng được, khi đang đầu bù tóc rối trong công việc, họ có thể dừng lại ngay, nếu có ai đó tới tán gẫu. Bạn có thể đợi hàng giờ nếu cô nhân viên ngân hàng đang bận nấu cháo điện thoại. Mặc dù dân Ý làm việc rất thân thiện, cởi mở, tốt bụng nhưng họ giết hàng đồng thời gian của bạn một cách không thương tiếc. Nhẫn và nhịn là điều kiện tiên quyết phải có khi tới đất Ý. Nhưng nhân viên bàn giấy đã là gì cơ chứ, các bác tài xế mới xứng là cự phách.

Các cô bạn của tôi từng sợ xanh mặt khi đang nửa đêm, bác tài xế xe bus bỗng dừng xe. Bác nhảy xuống lề đường, hít một chút khí trời, hút một điếu thuốc thư giãn, rồi từ từ tản bộ lên xe như không có chuyện gì xảy ra. Lần khác, tàu điện của tôi đang băng băng đi tới trường thì chột két két, bác tài nhảy xuống lấy tờ báo sáng. Bác thì vui vẻ, còn tôi khóc rưng rưng vì lại một lần trễ học.

Dân Ý là thế, họ biết làm việc và biết tận hưởng vô cùng. Có lẽ không ở đâu mà siêu thị lại có giờ đóng cửa giữa trưa như thế, bởi họ còn cần một giấc ngủ trưa nhẹ nhàng... kéo dài hai tiếng. Khách du lịch tới Ý nếu không để ý thì dễ méo mặt và chửi thề khi tới siêu thị mà nhìn cái cửa sập to ùng. Dân Ý yêu thích “Dolce fa niente”, đó là sự ngọt ngào của việc không làm gì cả. Họ thích cảm giác của việc ngồi không, nhấp nhấp sự ngọt ngào của rảnh rỗi. Về việc này, tôi thấy mình đích thực là một người Ý chính thống.

Nhưng cứ theo cái đà này, bài ca của dân Ý sẽ dài lê thê với nhịp điệu chậm chạp. Đôi khi ngắt giữa chừng vì chàng ca sĩ còn bận ra quảng trường lớn, nhâm nhi một ly café, hút một điếu thuốc, dưới cái nắng vàng như rót mật. Mặt chàng sẽ đượm vẻ âu sầu như vô vàn người Ý tôi từng gặp. Nỗi buồn thời đại khiến họ đốt thuốc nhiều vô

kê. Cũng đúng thôi khi mà nền kinh tế thì đi xuống, bị xếp vào nhóm những “con lợn” của châu Âu (Portugal - Italy - Greece - Spain - PIGS). Đến cả kỳ quan thế giới như Colosseo còn bị tư nhân hóa. Liệu nước Ý còn giữ lại được cái gì cho riêng mình? Cô bạn tôi tên Dương đi Ý về cũng phải thốt lên: “Nỗi buồn nước Ý”, còn Ly sau khi gắn bó với nước Ý một năm vẫn xót xa: “Mình thương nước Ý, người anh hùng gãy cánh”. Người anh hùng một thuở ấy còn đâu, phải chăng chỉ còn trong những tàn tích La Mã? Con cháu vẫn tự hào, vẫn hát những bản anh hùng ca của cha ông, nhưng lạc điệu. Họ khóc trong những bài ca.

Chàng ca sĩ cũng vậy. Chàng cất cao cái cổ kiêu hãnh, hát một bài ca buồn thật hào sảng, âm ì. Đơn giản chàng là người Ý và người Ý ồn ào một cách đáng sợ. Tiếng Ý chỉ cần phát âm ra đã thấy ồn ã, đầy hơi thở chợ búa, rất cuộc sống. Thế nên khi đọc “Eat, pray and love” tôi đã rất shock khi biết tiếng Ý có khởi nguồn thật thanh tao. Tiếng Ý được đưa ra từ thơ của Dante, từ vùng đất nghệ thuật Florence, vậy mà nó không nên thơ chút nào. Kỳ lạ thật đấy!

Có lẽ người anh em tiếng Pháp khi đưa ngôn ngữ qua Ý đã đánh mất nét thanh thoát, lãng mạn ở đâu đó trên đỉnh Apls. Quả thật, tiếng Ý rộn ràng nhưng chính biểu cảm đi kèm của dân Ý làm nó thêm hỗn loạn. Họ múa miệng và múa tay cùng lúc. Cuộc nói chuyện tình cảm có thể nhanh chóng biến thành cuộc đấu khẩu âm ì lúc nào không hay. Tôi giật mình không biết bao nhiêu lần, khi ngỡ đang có cãi nhau bên cạnh. Nhưng dân Ý là thế, họ nhộn nhạo mọi lúc mọi nơi, thân thiện và tự nhiên. Đôi lúc bạn có thể thấy phiền phức nhưng sau đó là cảm giác thoải mái, tự do, bởi chính bạn cũng có thể hò hét như vậy. Em trai tôi hay bảo: “Em thích cái nhộn nhạo, hỗn độn của nước Ý, nó hợp với em”.

Quay lại với anh chàng ca sĩ, tôi đoán chàng đang hát một điệu opera hoành tráng. Chàng hát với giọng to khỏe nhưng mượt mà như nhung. Nghe ngọt ngào, da diết như cái cách Laura Pausini hát “Di senza di te” vậy. Bài ca róc rách những dòng xúc cảm từ một giọng ca cực kỳ tinh tế. Bởi dân Ý là những bậc thầy về sự tinh tế và hoa mỹ. Nhìn các công trình nghệ thuật của họ thì không ai có thể phủ nhận điều này. Từng đường nét tỉ mỉ, từng nhát gọt cắt sắc nét khiến những công trình gạch đá không chút thô kệch, Duomo ở Milano hay Florence là những ví dụ không thể hoàn hảo hơn. Sừng sốt bên ngoài đến thảng thốt bên trong, nếu bạn có dịp ngắm những bức tượng cầu kỳ, hoàn mỹ tới từng chân tóc hay bức tranh tường chi tiết bên trong Basilica Sant Pietro ở Rome.

Có lẽ không đâu đẹp tinh tế như xứ Ý, ra đường là gặp tượng, tới phố là thấy nhà thờ, và đâu đâu cũng có bảo tàng nghệ thuật. Nhưng cũng có những thành phố không nhiều dấu ấn nghệ thuật mà lại ngọt ngào hơn cả tranh vẽ. Tôi vẫn hay tự hỏi mình: “Venice, tại sao mi có thể tuyệt vời đến thế?”. Đơn giản bởi những hàng ban công đầy hoa rực rỡ, bởi những hẻm nhỏ cây leo, bởi những ngôi nhà Burano sắc màu rực rỡ. Chỉ vài bông hoa tô điểm nhẹ nhàng mà một hẻm nhỏ của Venice có thể ăn đứt kẻ hao hao nằm trong lòng Vieux ville ở Nice. Thế mới thấy cái lãng mạn đặc trưng của người Ý thẳng thắn, hay nghệ thuật câu khách du lịch của họ quá điệu kỳ.

Dân Ý không chỉ tô đẹp thế giới bằng các tác phẩm nghệ thuật gạch đá mà còn bằng các tác phẩm con người. Cứ tưởng tượng chàng ca sĩ của chúng ta có đôi mắt nâu sáng, mái tóc bông bênh, tầm thước và râu quai nón. Ánh mắt chàng không hiện lên nét thông minh nhưng lãng mạn, không có cái thăm thẳm nhưng mơ màng. Thân hình vạm vỡ, khuôn mặt oval làm trai Ý quá nam tính, nên chút nữ tính lòa xòa trong mái tóc hợp thành vẻ đẹp La Mã. Hãy giữ cho mái tóc xoăn nhẹ, ánh mắt dịu dàng, tâm hồn nghệ sĩ, thế mới giữ được nét đẹp điện ảnh

của dân Ý. Tuy nhiên, các chàng trai Ý chính gốc có hơi đóm dáng một chút. Họ chải chuốt thái quá cho bề ngoài. Quần áo dĩ nhiên là rất hợp mốt, và kinh khủng nhất là họ múa tay cũng ẻo lả. Điều đó làm tôi thật sự không chịu nổi.

Những cô gái Ý có mái tóc dài sậm màu, mắt hạt dẻ, và làn da không quá sáng. Họ có khuôn mặt đẹp, các đường nét như trong tranh nhưng thấp. Khá nhiều người trong số họ còn có thân hình rất tẹt. Sau này đi xuống miền Nam, tôi còn shock hơn nữa, bởi họ trông như một xe hoa quả di động vậy. Dường như pizza và spaghetti chạy từ miệng xuống thẳng phần dưới rồi. Tuy nhiên câu châm ngôn “Hãy ăn vì mình và mặc vì người khác” có lẽ được thốt ra từ một người Ý chính gốc. Không hổ danh xứ thời trang, họ ăn mặc đẹp và tinh tế, từ trẻ tới già, từ đàn bà tới đàn ông. Nếu lỡ có một cái thắt lưng, tôi cá là họ sẽ đi tìm ngay một bộ váy mặc cho phù hợp. Họ tô điểm các bộ váy áo bằng các phụ kiện rất nhỏ, như khăn cổ, vòng tay phù hợp, làm tôn cái đẹp lên bội phần.

Ly bạn tôi suốt ngày thốt lên: “Sao người Ý ăn mặc đẹp vậy?” khi nhìn thấy các quý bà ăn vận trang nhã, lịch thiệp. “Ồ, vì họ là người Ý mà”. Sẽ thật tuyệt nếu anh chàng ca sĩ diện một bộ vest lịch lãm với chút hương nước hoa ngọt ngào của Dolce & Gabbana. Tôi sẽ chìm đắm vào ca khúc của anh như con tàu Titanic đắm mình dưới đại dương. Ngụp lặn trong những khúc ca trầm bổng mang dáng hình nước Ý, tôi nhận ra giai điệu “L’italiano” oai hùng. Dù mang bao danh tiếng xấu, người Ý vẫn thật sự tự hào họ là người Ý. Còn tôi, tôi tự hào vì được sống cùng họ dù rất ngắn ngủi.

Suy cho cùng, phụ nữ ai mà không thích nước Ý cho được. Họ điên loạn vì giày dép, còn nước Ý lại là cái bất khổng lồ.

Eataly

Warning: bài rất dài, đừng đọc khi đói bụng

Eataly nghe cũng hay hay như Iamsterdam, hoặc OnlyLyon, mà không có lẽ là hay hơn, vì nó khái quát được cả một đất nước. Dĩ nhiên cái tên này tôi chẳng thể nào nghĩ ra được, nó là tên một chuỗi nhà hàng của Ý. Loại nhà hàng này rất thú vị vì nó kết hợp cả chỗ ăn và nơi bán nguyên liệu. Có một siêu thị cực rộng, với các nông phẩm tinh hoa, thủ công, không đại trà như các siêu thị bình thường, và kế bên đó là dãy các hàng quán nghi ngút khói. Eataly giống như việc gộp Big C vùng quê với foodcourt ở Kang Nam hay Megastar. Đến Eataly thì rất dễ sa đọa vào việc mắt đăm đũa, tay chọn đồ rồi buồn bã bỏ xuống vì giá cao quá, nhưng tôi cũng đã ăn một cái pizza ở đây với proscutto, nấm và mozzarella ngon hết xảy. Thực sự thì tôi chẳng biết nhiều về hệ thống nhà hàng này, tôi chỉ định kể chuyện ẩm thực Ý. Mà nói về ẩm thực thì trong đầu tôi thường chỉ nghĩ tới hai tựa: một là từ “Ăn Ý” cực kỳ tinh tế của chị Giáng Uyên, hai chính là Eataly.

Pho mát ở khắp mọi nơi.

Pho mát được người Ý trọng dụng trong mỗi bữa ăn, bởi họ cần thứ pho mát bào sợi để rắc lên đĩa pasta của mình. Nhưng ở đây tôi định kể về pho mát tươi thôi, loại pho mát mà khi bán vẫn còn ở ngâm trong túi nước.

Pho mát tươi vốn được ép từ váng sữa nên có cấu trúc lớp giống nấm rơm, chứ không thành khối như pho mát thường. Loại pho mát

này ăn béo, mềm, dai, màu trắng tinh như đậu phụ, lại có hàm lượng chất béo kém pho mát cứng, nên rất được ưa chuộng. Nổi tiếng nhất đương nhiên là Mozzarella, nổi tiếng nhì là Ricotta. Nếu Mozzarella làm từ sữa bò thì Ricotta làm từ sữa trâu, nhưng đều có vị thơm nhẹ nhàng, không khó ăn, làm người ta chết mê chết mệt. Khác hẳn pho mát làm từ sữa dê - Fromage cherve, hay pho mát có nấm - Fromage bleu có vị mặn, mùi nồng của Pháp. Thứ đó phải nhắm mắt bịt mũi khi ăn, lâu dần mới quen, nhưng quen là nghiện, giống như sầu riêng vậy.

Vì vị phổ cập nên Mozzarella xuất hiện ở khắp mọi nơi: trên bánh pizza, trên bề mặt lasagna* , làm salad, hoặc cuộn trong những lát pancetta* muối cho bữa khai vị, ăn kèm với dưa gang. Cứ tưởng tượng, cho một miếng pizza Mageritta thuần vị, chỉ có cà chua, húng quế và Mozzarella vào miệng, sau đó cắn nhẹ rồi kéo dài sợi pho mát ra, từ từ tận hưởng vị dai dai, deo dèo của miếng pho mát, là đủ để người Ý thốt lên câu “*La vita è bella*”.

* *Lasagna là một loại mì Ý dạng tấm hoặc lá, và cũng là tên gọi của một món pasta dạng nướng. Nguyên liệu chính của Lasagna là thịt, sốt, phô mai và các lá lasagna.*

* *Pancetta là một loại thịt xông khói.*

Muốn ngon phải xếp lớp.

Người Ý có vẻ chuộng việc nấu ăn lớp này lớp nọ. Điển hình có Lasagna, với việc xếp từng lớp mì to bản, rồi sốt cà chua thịt băm, rồi pho mát bào sợi, sau đó bỏ lò, đợi pho mát chảy ra thành một lớp vàng mịn, hơi cháy xém là có thể ngon lành thưởng thức. Cùng chung quy trình nhưng phức tạp hơn đã có Canelloni* . Miếng mì to bản được thay bằng dạng ống. Mỗi ống Canelloni được nhét đầy thịt băm (hỗn hợp thịt lợn băm, bò băm và hành tây) vào rồi sắp chúng sát nhau, tạo thành một lớp phẳng, sau đó rưới sốt, lại pho mát và bỏ lò.

** Cannelloni là một loại mì ống hình chữ nhật được cuộn tròn với hỗn hợp của n'cotta cheese, rau bina và một số thịt cannelloni thường được dùng cùng nước sốt màu đỏ.*

Món ăn này là món truyền thống của phòng chúng tôi thời ở Sponda Verde. Chỉ vì một hôm Camil muốn nấu một thứ gì thật Ý, xuống siêu thị thì được anh bán hàng chỉ cho món này. Thêm cả Cathe nữa, mấy đứa đã nấu món này cho cả đại đội, ăn tới căng bụng thì thôi. Sau này cậu bạn Argentina của Camil tới, món ăn này lại thành món đãi khách. Rồi trong tiệc sinh nhật Cathe, và cả buổi chia tay cô ấy nữa. Cathe gần như là sự kết dính bền vững nhất của phòng, giống như Cannelloni vậy.

Về đồ tráng miệng, dĩ nhiên chẳng ai không biết Tiramisu. Tiramisu nổi tiếng là bánh tình yêu, chuyện kể rằng nó được một người mẹ làm cho con trai trước khi ra trận. Bà lôi tất cả những thứ còn lại trong nhà ra và nhanh chóng tạo nên chiếc bánh cực kỳ ngon lành này. Mặc dù tôi thấy điều đó hơi vô lý chút vì nguyên liệu làm Tiramisu chẳng bình dân chút nào.

Tiramisu được làm từ bánh ngón tay (finger lady hay boudoirs) tẩm trong café kèm ít rượu rum hoặc liquor cho thêm vị giác. Bánh được xếp thành lớp, đổ lên đó hỗn hợp đánh nhuyễn của Mascarpone*, trứng, vanile, thậm chí có nhiều người còn cho kem tươi. Nhưng Mattia kể rằng nguyên bản chỉ có trứng và Mascarpone thôi. Ban đầu nghĩ tới chuyện trứng đánh lên trộn Mascarpone, chẳng nấu gì cả mà ăn luôn thì tôi hơi sợ, nhưng nó ngon tới nỗi tôi chẳng thể kiềm lòng nổi. Thậm chí tôi làm món này còn ngon tuyệt, khiến một đợt bạn bè Maisel phải vác sách theo học.

** Mascarpone là nguyên liệu làm bánh mềm, màu trắng, tươi là sản phẩm được tạo nên khi thêm một thành phần phụ gia vào quá trình tách kem ra khỏi sữa.*

Nói chung người Ý thường không sợ ăn trứng khi đã đánh lên như thế, điển hình như việc họ đánh trứng rồi trộn vào mì để tạo nên món pasta carbonara. Còn người Pháp có thói liếm muống quấy bột (hỗn hợp bột, trứng, bơ sữa) khi làm bánh gateaux hoặc ăn để bánh tarte khi mới nhào xong một cách ngon lành.

Thêm vị với chiên xù

Chẳng phải dân Mỹ mới thích chiên xù đồng cánh gà và xúc xích, người Ý cũng yêu thích viên chiên xù vô cùng. Chuyện này gần như là vô lý, vì ẩm thực Ý lúc nào cũng coi trọng sức khỏe và sự tinh tế, món chiên xù đều không đạt cả hai tiêu chuẩn đó. Vậy mà người Ý có nhiều món chiên xù hơn hẳn các nước láng giềng, ví dụ như Pháp tuyệt nhiên chẳng có món chiên xù nào phổ biến. Nổi tiếng khắp nơi thì chắc phải kể tới Milanese, bản thân món ăn đã nói lên xuất xứ của nó. Ra nước ngoài, món này có thể mang những cái tên khác, nhưng người Ý thì chỉ gọi nó đơn giản là món của người Milan.

Món ăn này bọn tôi được cập nhật do cậu bạn người Argentina của Camile tới nấu. Lúc đầu thấy anh chàng khệ nệ mang tới túi to túi nhỏ thì phục lắm, nhưng đến khi nhìn thành phẩm thì hoảng hồn bởi nó thật chẳng có gì. Miếng thịt nạc vai được dầm mềm, ướp một chút muối. Sau đó nhúng vào hỗn hợp gồm bột mì, trứng, cho qua lớp bột chiên xù cùng rau mùi (hoặc rau gì đó giống rau mùi) băm nhuyễn. Sau đó cậu ấy thả vào chảo dầu sôi sùng sục. Đợi khi hai mặt vàng ruộm, món ăn được bê ra bàn, hoàn toàn giòn tan và khô khốc. Về cơ bản tôi chẳng tìm thấy vị ngon gì từ món này, khi thịt thì xác xơ và lớp bột lại thật ngấy. Nếu bạn ấy mà nấu món gì ngon hơn thì có lẽ tôi và Godze đã hòa vào khuyên Camil yêu bạn ấy.

Có một món khác có phần ngon lành hơn, đó là Arancini*. Tên gọi của món này hơi giống từ Arancia nghĩa là quả cam, do dáng hình của nó. Thực chất món ăn này khá đơn giản, họ nấu hỗn hợp ragu: thịt

băm, sốt cà chua, đậu Hà Lan, và Mozzarella (lại là Mozzarella), rồi bọc một lớp cơm ở bên ngoài, nặn hình tròn, sau đó phủ bột chiên xù, rồi thả vào chảo rán. Khi rán xong, món ăn này vàng rực, giống hệt như một quả cam, ý tưởng về hình dạng không khó giải thích khi chúng ta biết Arancini được sinh ra từ quê hương của cam chanh - Sicily. Vị ngon của món ăn có lẽ ở gạo, vì đây là thứ gạo hạt tròn, ăn rất mềm và dẻo, giống với gạo làm sushi, hay gạo nếp, chứ không phải thứ gạo hạt dài nhiều cám, vẫn được nấu lên ăn hằng ngày. Có lẽ là loại gạo dùng để nấu Risotto. Risotto hả? Là loại cơm luôn nấu kèm bơ và sốt như bí đỏ, zucchini, hoặc xúc xích, hải sản, rất là ngon (ngày xưa hay được bạn Mattia nấu cho món này).

** Arancini là cơm viên chiên, thường có nhân gạo ý và phô mai bên trong, bên ngoài bọc bột cà mè rồi chiên giòn.*

Arancini đích thực là món ăn nhanh, phổ biến bậc nhất của Ý, khi có thể mua ở bất kỳ hàng pizza hoặc Kebab nào. Trong cùng tủ kính với nó còn có thêm loại bánh chiên xù y chang, ăn cũng ngon nhưng khó mà ăn được nhiều.

Cái gì cũng thể nhét nhồi

Một đặc trưng khác của ẩm thực Ý là việc nhồi nhét. Ví dụ như các loại pasta Ravioli hay Tortellini, Cappelletti hay Agnolotti đều được tạo ra nhờ việc nhồi rau chân vịt, hoặc phô mát (có lẽ lại Mozzarella), hoặc nhồi thịt vào bên trong lớp bột mì. Tùy việc tạo dáng hình mà chúng ta sẽ có các đại diện tiêu biểu từ các vùng khác nhau như: Ravioli từ Liguria (mà ngay cái tên nó đã nói lên tất cả, Ravioli bắt nguồn từ từ “Ravvolgere” nghĩa là “cuốn lại”) cùng Agnolotti đến từ vùng Piemonte (mà thủ phủ chính là Torino) có dạng như con tem với răng cưa các cạnh, trong khi Pansotti, Tortellini, Cappelletti của dân Emilian được cuốn tròn lại, giống như những chiếc há cảo. Ngày xưa

Ravioli thường nhồi rau vì người nghèo không đủ tiền mua thịt, sau đấy khi có thịt, ăn còn thừa lại cũng bỏ vào nhồi thành Ravioli.

Một món nhồi khác của Ý là loại bánh bán ở Piadineria. Nó giống như Tortilla rồi cuộn tròn những thứ như thịt Crudo, Mozzarella (lại nó) và rau (hoặc nhiều thứ khác tùy bạn lựa chọn). Camile đã thuyết phục bằng được tôi và Godze ăn món này khi cả lũ đi uống bia ở Shamrock inn, vì cô ấy nói nó thực sự rất Torino. Những bạn học cũng lớp đã dẫn cô ấy tới đây. Món ăn ấy ban đầu làm bạn thèm tới nỗi nước nuốt bọt khi ngửi mùi thơm của nó bốc ra từ lò nướng, nhưng khi ăn lại ngấy vô cùng. Nó không hấp dẫn như pizza, kể cả loại pizza nhồi nhân không hấp dẫn như pizza truyền thống. Với loại pizza này, phần nhân cũng y chang thông thường nhưng pho mát không có độ dai dẻo như khi nướng cháy xém nên có phần kém hấp dẫn.

Ở Ý cũng có loại bánh gối, to bằng nửa cái đĩa, nhồi nhân to phồng lên, đúng là một cái gối thực sự ấy. Cũng nên thử để biết thèm thường loại bánh gối giòn tan ở quê nhà với nước chấm chua ngọt.

*Phải thưởng thức Apperitivo**

** Giống như Tây Ban Nha có tapas thì Ý có Aperitivo, đều là những món ăn nhẹ thể hiện nét đặc trưng của đất nước đó.*

Nếu đã từng ở Torino thì chắc ai cũng phải từng trải qua vài giờ với Aperitivo. Tâm sáu giờ chiều, các quán bar bắt đầu phục vụ các món ăn đơn giản như: pizza siêu nhỏ, tôm chiên, mực xào, rau các loại, nấm, thịt hun khói, tất cả được đặt lên bàn giống như một bữa buffet. Người ta trả 10 euros, rồi ung dung ngồi vào bàn, gọi một cốc bia hoặc một ly cocktail rồi mang đĩa đi lấy thức ăn thoải mái. Đồ uống thì chỉ có một nhưng thức ăn lại vô vàn. Tôi ăn chừng bốn quán Apperitivo, có chỗ có hải sản, chỗ lại nhiều thịt, chỗ lắm rau, khoái nhất là ăn uống và nói chuyện thoải mái hơn nhà hàng. Bọn tôi thích ăn ở quán

gần sông Pô, không hẳn vì ngon nhưng vì có tầm nhìn đẹp, lại ngồi giữa quảng trường rộng nhất thành phố dưới cái nắng Địa Trung Hải chan hòa. Chỉ 10euros bạn có thể ngồi tối chín, mười giờ tối, thậm chí có quán phục vụ tới mười một giờ. Đừng tới sau tám giờ vì đồ ăn ngon về cơ bản đã hết. Apperitivo đích thực là đặc sản Torino đấy, và có lẽ là của cả nước Ý nữa.

Pasta, basta così

Về cơ bản ẩm thực Ý chỉ quanh quẩn ba thứ: pho mát, pasta và olive. Tức là món nào từ thịt cũng có dầu olive, hoặc quả olive, món nào làm từ bột mì cũng có pho mát ở trên, còn lại sẽ là pasta các kiểu. Trên bàn ăn của người Ý lúc nào cũng hiện diện một đĩa pasta, một bát pho mát sợi, cùng một chai olive ngâm ớt bồng bênh. Nếu người Pháp tiêu thụ bánh mì nhiều như cơm ở Việt Nam thì dân Ý chẳng đầu tư vào hạng mục này, chỉ duy nhất có bánh mì que, tấm vừng, hoặc olive, ăn giòn giòn, vui nhộn như một thứ ăn khai vị hoặc snack, chứ không thể có mặt trong bữa chính. Torino khá nổi tiếng với loại bánh mì que này.

Có lẽ, người Ý bận dùng sự sáng tạo của mình cho pasta. Có quá nhiều loại mì ở Ý mà có lẽ dùng thời gian một năm khó có thể nếm hết được. Phổ cập thì có mì ống Spagetti, nấu cùng sốt bò cà chua để thành món Bolognese nổi tiếng toàn cầu. Dĩ nhiên mì Spagetti còn có thể nấu với sốt kem trứng, thịt lardon, jambon băm nhỏ để làm Carbonara. Hoặc đơn giản nhất là xào Spagetti với chút dầu olive rồi rắc thứ bột rau gia vị thần kỳ của vùng Toscana với ít bột ớt cay xé của Sicily, cho món spaghetti con olivo. Spagetti làm khá đơn giản nên phổ biến cũng là điều dễ hiểu.

Phức tạp hơn chút thì có Farfalle có hình dạng như cái nơ, hay được làm sốt kem và cá hồi muối. Mì ống ngắn siêu nhỏ Macaroni giống như nui ở Việt Nam, chỉ mất vài phút để nấu tới độ “à la dente” (vừa

nhai) tức là còn hơi sần sật, sượng sượng hợp khẩu vị người Việt, sau đó phủ sốt Pesto xanh lè. Tôi thì thích ăn pasta Penne, có dạng ống, với những đường gân sọc đẹp mắt, nấu chín ăn mềm dẻo, chứ không trơn tuột như Spagetti. Nhưng ở nhà thì thường tích trữ Fusilli vì hình dáng xoắn xuýt như sợi ADN của nó thật bắt mắt và nó còn được dùng để làm salad nữa. Về độ mềm dẻo thì nhai Gnocchi có phần đã miệng hơn. Đó là loại pasta tròn xoe, làm từ bột khoai tây và bột mì, thường bán ở dạng pasta tươi, mua về nấu ngay, chứ không phải các loại pasta khô phải luộc thật kỹ mới chế biến được.

Ăn pasta, uống rượu vang, thế là đủ cho một bữa ăn mà chẳng cần thêm thịt.

Có nhiều điều để nói về ẩm thực Ý lắm nhưng tôi lại chỉ muốn nói: Basta così. Đó câu được dùng nhiều nhất để đi chợ và cũng sẽ là cái kết cho sự ăn uống phủ phê này. Basta così - kết thúc như thế đấy, tạm kết thúc cho mỗi nhớ nhung nước Ý.

Mimosa cho những người phụ nữ

Tôi vẫn nhớ vào ngày mừng Tám tháng Ba của bốn năm trước. Trong lớp học môn tiếng Pháp, tôi quay sang hỏi Alex: “Cậu biết đây ngày gì không?”, thì cậu ta ngơ ngác, rồi ngượng ngùng nhìn sang bên Vengat hỏi lại: “Ngày gì vậy?”. Sau khi cả hai cậu chàng ngơ ngáo không hiểu gì, thì tôi mới hào hứng nói: “Ngày Quốc tế Phụ nữ đó”. Cả hai đứa ò lên thích thú, họ có nghe mà chưa bao giờ tổ chức, nên thấy là lạ là tôi có thể nhớ được.

Alex phân trần: “Ở Mexico có ngày của bà, của mẹ, ngày Valentine nên chẳng ai biết tới ngày Phụ nữ nữa”. Còn Vengat kể: “Ở Ấn Độ gần như 365 ngày đều lễ các thánh thần, chẳng còn trí nhớ nào cho ngày khác”. Tôi thì hí hửng: “Ở Việt Nam, bọn tao có tận hai ngày cho Phụ nữ”. Hai cậu bạn cứ cười lạ lẫm “Hay thật đấy”. Sau đó, mỗi đứa một tay, lôi bàn tay tôi ra vẽ hình ngộ nghĩnh kèm lời chúc: “Chúc mừng ngày mừng Tám tháng Ba”, sau đó ký tên rất oách ở dưới. Đó là món quà mừng Tám tháng Ba duy nhất của tôi khi ở Bỉ, mặc dù tôi kì kèo đủ kiểu nhưng cả hai quyết không mua chocolate hay hoa.

Tôi đã không rửa tay nguyên ngày để tận hưởng cho hết tấm lòng keo kiệt của tụi nó.

Thực ra tôi kì kèo vậy thôi, nhưng từ khi còn nhỏ tôi đã không khoái cái ngày này. Hồi cấp hai, lớp thường không tổ chức vì khi đó còn là trẻ con nên gái trai bình đẳng. Năm lớp Chín, các bạn nam đột nhiên bày đặt tổ chức chúc mừng với bánh kẹo, hoa quả thì tôi cùng bè lũ ùng ùng bỏ về. Cực kỳ vô lý, chắc do hồi đó mới lớn âm ường, khiến các bạn nam phải khóa cửa bắt ở lại. Thậm chí tấm postcard các

bạn tặng tôi cũng gấp máy bay luôn, vì nó có hình Hạ Tử Vi với Nhĩ Khang, trong khi tôi thích Tiểu Yến Tử.

Năm cấp ba, lớp ít con gái, còn bản thân thì nữ tính hơn, nên rất thích ngày này để kì kèo thầy cô cho nghỉ tiết. Năm lớp Mười bị một vỡ đầu đốn, đúng ngày mừng Tám tháng Ba thầy giáo dạy văn cao hứng chỉ gọi con gái trong khi cả lũ đình ninh sẽ được ưu tiên chẳng thèm học bài. Hôm đó thầy bắt đọc ca dao, tục ngữ, còn cực kỳ trung thực, đoạn nào không nhớ, tôi thản nhiên nói: “Em không nhớ”. Thế mà tự nhiên thầy mắng: “Cô này dám bịa ca dao”, tôi tức quá: “Em đâu bịa, chỗ nào không nhớ em nói không nhớ mà”. Thầy giận đỏ mặt: “Cô này coi trời bằng vung, coi thầy bằng vung”. Tôi chẳng nói gì, lẳng lặng cầm điếm bốn về chỗ, khóc cả đêm, ước mai này được thành nhà văn để chọc tức thầy.

Lên đại học thì lớp cũng vẫn ít con gái, mỗi năm được tặng một bông hồng phát chẩn: đỏ sẫm, bọc giấy bóng kính, heo héo, bỏ lên giỏ xe, vi vu về tới nhà thì rụng hết cánh, vậy là đỡ phải cảm.

Cái ngày này đến kỳ cục. Trên thế giới có rất ít nước tổ chức, chỉ có Việt Nam, Trung Quốc, Nga và những nước Đông Âu mới coi trọng. Phần lớn người châu Âu không có ý niệm gì về ngày này. Cậu bạn người Bỉ Pierre - Edourd còn cười âm ỉ: “Tại sao phải có ngày này? Thế ngày đàn ông đâu?”. Cậu ta không nói cả lời chúc mừng vì thấy chuyện này quá phi lý. Cậu ta không cho rằng ngày Phụ Nữ là để trân trọng phụ nữ (như hầu hết chúng ta nghĩ) mà nó chỉ như nhắc nhở lại sự không bình quyền. Vì vậy, mừng Tám tháng Ba chưa bao giờ tồn tại trong suy nghĩ của anh anh chàng cà tàng này. Sự thật đúng là người Bỉ hay người Pháp đều rất thờ ơ với ngày mà phụ nữ Việt Nam nào cũng xoắn xang.

Câu chuyện về ngày mừng Tám tháng Ba ở phương Tây sẽ không có gì đặc biệt, nó chỉ là một ngày bình thường lãng xẹt nếu tôi không

từng sống ở Ý. Báo chí vẫn luôn nói “lãng mạn như người Ý”, điều đó thật không sai. Các anh chàng người Ý đốn gục bao trái tim không chỉ nhờ có mắt sâu, tóc xoăn, đẹp trai kiểu điện ảnh, thậm chí hơi đóm dáng, mà vì họ biết có một ngày mừng Tám tháng Ba tồn tại trên đời. Họ còn tổ chức thật dễ thương nữa chứ. Điều đấy quá ư là kỳ lạ với một đất nước ở châu Âu. Thật đấy, tôi yêu nước Ý vô cùng.

Vào ngày mừng Tám tháng Ba, trong nhà ăn trường Politecnico di Torino, một biểu ngữ được treo lên:

“Buona festa della dona” (Chúc mừng ngày Phụ Nữ). Ai nhìn biểu ngữ cũng tủm tủm cười vì trường kỹ thuật này toàn sinh viên nam, hơn nữa lại có nhiều sinh viên quốc tế, từ những đất nước không biết mừng Tám tháng Ba là ngày gì. Lúc đó, tôi đang đi cùng mấy cậu bạn. Khi nhìn thấy biểu ngữ, tự dưng họ đồng loạt quay sang: “Chúc mừng ngày Phụ nữ nhé”, cũng cảm thấy vui vui. Những nhân viên ở quầy tính tiền cũng quay sang: “Chúc mừng ngày Phụ nữ”, thấy hay hay. Trên áo các nhân viên nữ đều đeo một chùm hoa mimosa nhỏ. Tôi cười với họ: “Chúc mừng ngày Phụ nữ. Hoa của các chị đẹp quá”. Các chị ấy nhoèn miệng, rồi chỉ sang một cái bàn ở xa: “Mimosa cho tất cả chúng ta”.

Trên một chiếc bàn chữ nhật lớn, sâm-panh được rót vào các ly nhựa cao, những miếng bánh Pandoro và Panettone vàng ươm được đặt ngay ngắn trên đĩa, kế bên từng chùm hoa mimosa nhỏ có cài kim băng xếp thẳng hàng. Bánh Pandoro bắt nguồn từ Verona, giống như bánh bông lan nhưng to gấp nhiều lần, có tám cánh xòe ra, phủ đường và bột ở ngoài, bên trong thơm nức mùi vanile. Bánh Pandoro vàng ruộm, ăn mềm, hơi ngọt, còn miếng của tôi là Panettone giống bánh mì, hơi khô, ít ngọt, có nho khô tẩm rượu Rhum, ăn kèm với rượu champagne thì ngon tuyệt. Panettone ra đời vào thế kỷ XVI ở Milan, là loại bánh mì đắt tiền “pan del ton”. Hai loại này hao hao nhau, đều

là loại bánh truyền thống của người Ý, thường chỉ ăn vào dịp Giáng sinh và năm mới. Thế nên lạ lùng khi thấy nó ở đây, vào ngày mừng Tám tháng Ba. Kỳ lạ hơn nữa khi có những anh phục vụ thật dễ thương, đẹp trai, tóc xoăn, đứng đợi để nói lời chúc mừng, cài hoa mimosa lên áo bạn, rồi đưa rượu, bánh, kèm theo một nụ cười.

Mấy cậu bạn tôi thấy vậy cũng đi tới để lấy bánh với rượu thì bị các anh phục vụ chặn lại hỏi các câu rất đáng yêu liên quan tới phụ nữ như: “Ngày Phụ nữ bắt nguồn từ đâu?”, “Ở nước bạn có ngày này không?”, cho tới “Bạn đã có người yêu chưa?”. Phải trả lời thì mới được mang bánh và rượu về. Cậu bạn tôi không biết tiếng Ý, không hiểu câu hỏi, chỉ cười trừ rồi nói bằng tiếng Anh “Tôi yêu phụ nữ”, thế mà cũng được lấy đồ ăn. Nhưng hoa mimosa chỉ dành riêng cho phụ nữ mà thôi.

Hoa mimosa rất phổ biến ở Ý, đó là biểu tượng của mùa xuân. Họ biết khi trên cành cây phủ một màu vàng tươi thì mùa đông đã qua, mặt trời trở lại với Địa Trung Hải, và bắt đầu của những lễ hội. Ngày Tám tháng Ba, đàn ông Ý chọn hoa mimosa, chứ không phải bất kỳ loại hoa nào khác để mang đi tặng. Có lẽ vì hoa mimosa đẹp mong manh, hương thơm nhẹ nhàng nhưng tươi sáng, rực rỡ giống như những người phụ nữ vậy. Người ta không biết lý do của việc chọn hoa mimosa nhưng truyền thống này đã có rất lâu, xuất phát từ Rome sau Thế chiến thứ II. Đàn ông Ý tặng những cành mimosa nhỏ xinh cho mọi người phụ nữ quanh họ: vợ, con gái, mẹ, con gái, các đồng nghiệp, thậm chí là một người đi ngang qua (bởi tính lịch thiệp rất Ý). Khi bạn đang đi trên đường vào ngày này, có thể bất chợt sẽ có một quý ông đường phố tặng hoa mimosa nếu bạn trông thật cô đơn. Đừng hoảng hốt mà hãy tươi cười đón nhận.

Hãy nhớ cài một cành mimosa lên áo những người phụ nữ, để họ biết họ được yêu thương rất nhiều.

Những quý ông Bồ Đào Nha

Các bạn nói “Ý”, tôi kêu “Nhà thờ”;

”Pháp” - “Tiệm bánh mì”;

”Bỉ” - “Louvain la neuve”;

”Đức” - “Bia”;

”Hy Lạp” - “Pierre”;

”Thổ Nhĩ Kỳ” - “Kumpir”;

”Tây Ban Nha” - “Gaudi”;

Thế “Bồ Đào Nha”, à “quý ông”.

Đơn giản đó là ý nghĩ đầu tiên bật lên trong đầu khi nghe về những đất nước này. Ở Ý có nhà thờ, Pháp có bánh mì, Đức có bia, Tây Ban Nha của Gaudi hộ mệnh*, ở Hy Lạp có quá nhiều thứ để nhớ, nhưng ấn tượng nhất là sự ấm ướng của thằng bạn Pierre. Thổ Nhĩ Kỳ, tôi kết nối mắt món khoai tây nhồi đủ thứ tạp-bí-lù tên Kumpir, ngon sao mà ngon. Ngon như món cá trích nướng muối trên than hồng ở Mantosinho, Porto. Ôi Bồ Đào Nha. Có một đất nước lại tuyệt vời thế, đẹp, ngon, bổ, rẻ và con người. Những quý ông ở đây trên cả tuyệt vời.

* *Tức Antoni Gaudi i Cornet (25/06/1852 - 10/02/1926) là kiến trúc sư người xứ Catalan, Tây Ban Nha, nổi tiếng với những thiết kế theo*

phong cách Tân nghệ thuật của dòng kiến trúc hiện đại.

Nếu bạn tìm hình ảnh các bác đầu muối tiêu, cằm chẻ, nước da nâu khỏe khoắn, mặc suit, xách ca táp, giày bóng lộn, mép túi áo ló ra khăn mùi xoa lụa bóng thơm lừng mùi Allure và gọi đó là những quý ông, thì chắc chắn bạn chẳng tìm được ở Bồ Đào Nha đâu, tôi đang tả Geogre Clooney ấy mà! Ở đất nước nghèo khổ Bồ Đào Nha ấy, chỉ có những ngôi nhà lụp xụp, tường tróc vách, những người đàn bà mang ghế ra ngõ buôn chuyện chiều, những người đàn ông tụ tập nơi quán nước. Họ đều có khuôn mặt hiền hậu, có thể nghèo nhưng vô ưu. Ai từng gặp họ đều nhớ, đều thương.

Ngày đầu tới Bồ Đào Nha, tôi nghỉ trong nhà nghỉ tên là Salitre. Đó là một tòa nhà cổ, có cái cửa sắt to huých, răn chắc, cao tới ba mét. Tòa nhà tọa lạc giữa vô vàn những ngôi nhà cũ kỹ ở một con phố be bé, với gạch lát đường trơn bóng, nếu mưa xuống chắc trượt như đi trên dầu nhớt xe máy. Nhưng hôm đó, đêm tháng Chín, là đêm sau trung thu, trăng mười sáu sáng hơn trăng rằm, con đường phản chiếu lên thứ ánh sáng vàng rực rỡ. Trăng ở ngay chính giữa hẻm, cảm giác nó treo ngay đầu con dốc. Cả lũ mon men, kéo vali kèn kẹt cố tìm cho ra cái nhà nghỉ trên đỉnh dốc. Lisbon thật vất vả, thành phố xây trên những ngọn đồi nên nhấp nhô, lên rồi xuống, đi đến mệt. Lúc mờ hôi tướt mượt tấm áo blazer cũng là lúc tới được chân nhà nghỉ, ngặt ngoài kéo cái vali lên thì gặp một anh chàng người Bồ thật trí thức khiến chúng tôi hết cả mệt. Anh đeo kính, đẹp trai vừa phải, dễ thương vừa đủ, vui tính hơn mức yêu cầu. Anh thấy mấy con nhóc nhể nhại, bộ dạng đói khát thì nhanh nhẹn chỉ cho một cái quán thật “Bồ”.

Lúc cả lũ mò tới quán chắc cũng hơn mười giờ đêm. Quán gì mà góc gác bí hiểm, nhỏ xíu xiu nhưng bên trong lại nhiều bàn hơn tưởng tượng. Bác bồi già đẹp lão tầm năm mươi tuổi, cao lớn, khi đi lưng thẳng, ngực vưỡn, tóc hoa râm, húi gọn gàng, tay cầm đồng thực

đơn. Thực đơn hoàn toàn bằng tiếng Bồ Đào Nha, không hình vẽ, tôi hoa mắt chóng mặt, trong lòng đánh trống từng từng: “Sướng quá, oách ghê, được vào nhà hàng Bồ xin rồi”. Nhìn đống chữ không hiểu gì mà lòng vui sao!

Bác bồi bàn bắt đầu bằng thứ tiếng Anh lồm bồm rồi sau chuyển qua tiếng Pháp bập bẹ vì các cô gái đi cùng tôi dùng thứ ngôn ngữ này. Sau cùng, khi cả hai bên không có được tiếng nói chung, cuộc đàm phán kết thúc bên tù cá. Bác dẫn cả lũ vào xem cái tủ kính chứa cá, thịt bò, thịt lợn tươi rói, rồi bắt đầu chỉ mặt đặt tên từng loại. Còn tụi tôi thì chỉ con cá này hay con mực kia. Năm đứa hí hửng gọi món trong niềm sung sướng, nhưng bác kìm cơn kích động ấy lại bằng lời nói chân thật: “Năm đứa gọi bốn món thôi”, rồi lấy tay quơ quơ tả cái đĩa đồ ăn bự lắm. Cả lũ quay sang nhau: “Trời, sao dễ thương quá vậy”.

Thức ăn mang ra đẹp hơn mong đợi, tươi rói và thơm lừng. Mực giòn, tôm đỏ, cá tuyết nướng, tất cả đều rưới sốt dầu olive kèm ít rau cải. Cá tuyết có phần mặn mòi hơn do con cá này đánh bắt xa bờ, khi về phải ướp cả tấn muối. Cả lũ vừa ăn vừa uống Sangria ừng ực cho đỡ khát. Cứ năm phút, bác muối tiêu lại tới hỏi: “Ăn ngon chứ, ổn không?” làm cả lũ xúc động vô cùng. Sau bữa ăn long trời lở đất ấy thì các bạn tới quầy thanh toán. Tại đây có một anh trai áo trắng đứng quầy và một em gái trẻ, tóc xoăn, da bánh mật, người Bắc Phi. Em cười tươi, răng trắng, tay thoăn thoắt lau cốc, miệng liền thoảng hỏi tên tôi rồi giới thiệu tên em. Sau đó em nhìn qua anh áo trắng, rồi nhìn lại tôi rồi ra dấu hiệu ghi ghi, như kiểu cầm bút ghi số điện thoại thì tôi chợt dạ: “Chết cha, gây nhớ thương rồi sao?”. Tôi còn loay hoay lo lắng thì em lùi sang bên cho anh áo trắng lộ ra: ”Em à, tụi em trả thiếu 50 cents”, hóa ra lúc nãy em ấy ra hiệu chỉ cái hóa đơn. Trời ơi, sao mà nhục! Được cái anh áo trắng cũng dễ thương, cười rõ tươi khi tôi đưa hẳn đồng 1euro mới cáu cạch.

Cả ngày hôm sau ở Lisbon, năm đứa con gái chỉ quanh quẩn mua giày và dép mà đi cả ngày trời cũng không tới được khu Alfama. Thành công lớn nhất là mua quá nhiều đồ, thành công lớn thứ hai là vào được một quán ăn tên Don João, nơi cũng có một chú phục vụ tận tâm, và đồ ăn thì vừa miệng vô cùng, nhất là món cá trích nướng. Một đĩa bình thường chỉ có bốn con cá, tụi mình có năm đứa mà chú phục vụ cũng xin nhà bếp làm thành năm cho các bạn thoải mái chia nhau. Con cá trích xanh dài, da bóng bạc, ăn kèm sốt olive béo gì đâu. Còn cái quả olive ngâm của nhà hàng ấy nữa chứ, xanh thẫm, giòn ngọt, bùi bùi, lại ngầy ngầy. Con đường ăn uống thật là thăng hoa.

Như chuyện đêm hôm ấy, khi đang đói khát, quán ăn trong trung tâm đều đất đỏ, sang chảnh thì cả lũ quyết định về gần nhà ăn cho lành. Trong ngõ nhỏ ngập ánh trăng ấy, có một nhà hàng trông rõ thường nhưng giá rẻ, cả lũ bấm cửa xông vào. Bác chủ quán đậm người, bụng hơi bự chạy ngay ra, mở cửa, rồi bác bối rối như bao người Bồ khác về chuyện hướng dẫn món ăn. Bác lại lôi vào bếp chỉ thức ăn tươi sống cho tụi tôi chọn. Khi bốn cái đĩa bốc khói bê ra thì cả lũ đã đói mềm. Bác còn giữ đĩa cho em Phương chụp ảnh. Bác hướng dẫn gọi một chai vang của nhà hàng để uống cho khí thế. Uống nhanh tới mức, sau hai lượt châm, em Khánh dốc chai chẳng còn giọt rượu nào. Nhanh như cắt, bác chủ quán lao ra, trên tay cầm một chai rượu ướp lạnh đầy 80% ra, lạnh lẹ tiếp rượu năm đứa.

Bác cười và không nói gì. Hai bên cứ nhìn nhau cười trừ mếu, “Obriado” (cảm ơn) lặp đi lặp lại. Khi bữa tiệc gần tàn thì bác chủ quán lại từ đâu lao tới, trên tay là đĩa cá tuyết (đặc sản xứ này), bác đặt giữa bàn mời cả lũ thưởng thức. Lúc này thì cả lũ nói không nên lời. Bụng đã quá no mà không thể phụ tấm chân tình của bác, đành cố nhắm mắt đưa tay ăn cho gọn. Vừa vui vừa buồn cười, chảy cả nước mắt. Sau đó thì tụi tôi lôi một tấm postcard ra viết cho bác những dòng thăm đợm thương yêu. Bác mặt đỏ gay, nhìn thật hiền, trông đầy

hạnh phúc, cả những nhân viên ở quán cũng vậy khi bác đứng quầy dịch những dòng chân thành ấy ra cho mọi người nghe.

Những dòng chữ ấy, thay đổi một chút, thì có thể tìm thấy trên tường một quán ăn nhỏ ở Porto. Quán ấy dễ thương cực kỳ, chỉ có cặp vợ chồng già cai quản. Bác gái béo tròn, người hơi thấp, tóc ngắn suốt ngày đứng bếp. Bác trai phong độ, đẹp lão, tóc bạc, nói tiếng Anh lưu loát, bập bõm cả tiếng Tàu. Quán của bác có món cơm mè gà cũng hay, mà rẻ, chỉ 5 euros, đầy đủ cơm, rượu, súp. Mỗi đĩa được cho nguyên một bình rượu, uống sắp xỉn thì bác lao ra, mời thử thứ rượu Porto đựng trong chai bé xíu, vàng sáng sắn, vị giòn ngọt. Rượu ngon còn bác thì quá hiền và tốt bụng. Chúng tôi lại chụp ảnh cùng bác. Chúng tôi cũng chụp ảnh cùng anh João chủ nhà nghỉ Gaia, bởi anh thật tuyệt. Anh tổ chức tiệc kỷ niệm một năm thành lập nhà nghỉ mà cả lũ không về kịp nên anh để dành cho bao nhiêu là bánh ga tô. Anh nghe nói tụi tôi phải ra sân bay sớm thì cũng dậy sớm, chuẩn bị đồ ăn sáng. Anh gọi taxi, chỉ quán ăn, hướng dẫn tất tần tật.

Ôi những quý ông Bồ Đào Nha, thật khiến người ta phải thương nhớ. Có người đứng trong nhà vẫy tay ra ngoài, có người ở ngoài đường chào hỏi vui vẻ khi thấy lũ chúng tôi khua vali còm cộ trên đường. Trên những con đường ở đất nước của con gà Barcelos, có bao nhiêu quý ông từng lướt qua, lưu lại trong niềm vui sướng và biết ơn.

Istanbul và những phụ nữ đạo Hồi

Istanbul!!!! Tôi đang ở Istanbul, dụi mắt ba cái, mở mắt hai cái, hấp háy nhấp nháy, không đùa đâu, là thực đấy. Chính xác là tôi đang ở đây, ở quảng trường Taksim lúc một giờ sáng, giữa đô thị lộn xộn về đêm.

Một giờ sáng tôi loay hoay ở cái ổ mất an ninh trật tự bậc nhất, điện thoại không tiền, tiếng Thổ không biết, nhà bạn không hay, hoàn toàn bơ vơ lạc lõng. Tôi tức giận bản thân, mặt mếu, chân giậm đành đạp. Một hồi không ai thương, bèn quay ra khóc lóc, vừa khóc vừa ngưng ngẩng kiểu oan ức lắm. Cái này là làm thật, hoàn toàn thật, bởi lúc đó ức chế quá, vừa tức vừa thương thân mình. Tức mình rồi tức người, tự nhiên quay sang cảm tức quý bà trên xe bus đi cùng tiếng trước. Vì có gì mà tôi lại giận bà ấy cơ chứ? Đó là một con người tao nhã, đẹp đẽ, phong thái đàng hoàng và hơn hết là chẳng có liên quan gì tới tôi cả. Thật vô duyên vô cớ.

Chuyện là khi tôi đang luống cuống tìm chuyến xe bus vào thành phố, thì tôi va phải quý bà ấy. Bà ấy có mái tóc vàng nhạt, vóc người đầy đặn, mặc chiếc váy voan đen nhẹ nhàng, đeo kính, và trên tay cầm một cuốn sách đang mở. Bà ấy chỉ tôi chiếc xe vào thành phố. Chúng tôi tự nhiên thành bạn đường. Đến bên thùng xe, bà đặt nhẹ nhàng chiếc vali, trong khi tôi đặt vali của mình huỳnh huých, vẫn còn tức bực vì bị anh Bù xù bỏ lại ở nơi đồng không mông quạnh. Tôi lên xe, tìm một chỗ nghỉ chân, nhìn ngó loanh quanh thấy quý bà ấy vẫn đang ngồi an nhiên đọc sách ở quán nước ven đường. “Thế này thì xe còn lâu mới chạy”.

Tôi chỉ cần nhìn sự điềm nhiên của bà ấy là đủ chán điên người. Bà ấy càng tự tại, tôi càng giận; tôi cần xe chạy, đêm đã khuya lắm rồi, tôi thèm một chỗ ngủ. Cái dáng vẻ trịch thượng, vắt chân tréo, đọc sách tình queo, không cần biết xung quanh làm tôi nóng ruột. Làm sao có thể ngồi đọc sách, khi mà xe có thể chạy bất cứ lúc nào nhỉ? Tôi vẫn thường đọc sách trên tàu, nhưng cứ vài giây lại ngược lên một lần để tin chắc mình không đi quá bến. Vậy mà quý bà váy đen ấy không ngược lên dù chỉ một lần để kiểm tra. Cái cốt cách tự tin ấy làm tôi dấy lên cảm giác ghen tị, thèm muốn. Bà ấy tầm năm mươi tuổi đẹp, sexy, thời thượng, hiện đại, trí thức, và rất tự tin. Khi bà ấy gấp sách, bác tài liền xuất hiện, xe chạy. Tôi nhích vào ghế trong, hy vọng người đàn bà ấy sẽ ngồi cạnh. Bà ấy ngồi hàng đối diện, cũng cạnh cửa sổ, nhìn ra ngoài.

Có gì trong đôi mắt nâu ấy nhỉ? Ánh sáng đèn đường hay những nỗi muộn phiền của người phải quần quanh trong đêm. Tôi không biết bà ấy nghĩ gì, cũng chẳng biết bà ấy là ai, vẫn đánh liều bắt chuyện. “Bác có di động không? Cho cháu mượn gọi cho bạn với, điện thoại cháu hết tiền”. Bà ấy quay lại nhìn tôi, ngạc nhiên, rồi lắc đầu: “Tôi không có”. Cái lắc đầu của dân thành thị sao đáng sợ thế. Tôi lù lịm, thấy kỳ lạ, một người hiện đại như thế lại không có điện thoại là sao? Và giờ đây, khi đứng giữa Taksim, thái độ lạnh lùng như thạch sùng đúng kiểu dân Istanbul mà anh Can vẫn dọa ấy lại hiện về. Thật chán!

Xung quanh quảng trường có cả tá người lơ nhố, một giờ đêm rồi mà thành phố này không thèm ngủ. Gái trai cười rinh rích từng nhóm nhỏ, người đi lại mua bán trong con đường thương mại gần đó vẫn đông vui. Họ vui vẻ, họ thoải mái, họ tận hưởng đêm hè đã bớt oi ả. Tôi chạy tới vài người nhìn lương thiện nhất để hỏi mượn điện thoại, ai cũng lắc đầu nguây nguẩy: “Tao không dùng di động”. Tôi mếu máo, chạy tới xe công an, lò đầu vào hỏi anh lái, anh không cho mượn, chỉ chỉ đường ra quầy mua thẻ điện thoại công cộng. Kể cũng lạ, ở đất

nước kinh tế đứng thứ năm thế giới mà dân chỉ xài điện thoại công cộng, ấy thế mà cái bớt điện thoại ở đâu cũng không thấy. Sự kỳ lạ này làm tôi không còn tức quý bà, mà chuyển sang tức người khác, công an gì mà không tốt, bắt mình chạy tứ lung tung.

Hỏi hết anh bảnh trai, tới chị thanh lịch, cùng quần lắm tôi lại gần một chị bịt kín từ đầu tới gót. Khuôn mặt chị trắng trẻo thanh tú, hiền hiền, giọng dịu dàng, đoán chắc không có bom giấu trong váy, tôi mới giáp lá cà.

Khác với vẻ ngoài kín bưng, chị niềm nở, nói tiếng Anh sành sỏi. Chị lôi trong đám áo chùng ra chiếc điện thoại cũ. Tôi mừng rỡ khôn xiết, thật là không thể đánh giá sách bằng bì, nước hoa bằng lọ. Tôi gọi cho Gozde, Gozde cũng mừng rỡ: “Tao đang lo mày bị lạc ở đâu rồi. Tút ngay cái taxi đi, rồi bảo ông ấy gọi cho tao để tao chỉ đường”. Thế là tôi tút đại một cái taxi đen kịt. Theo đúng lời anh Thổ dặn: “Ở Istanbul lộn nhộn, lừa đảo khắp nơi, mày phải cẩn thận với cả taxi”, tôi chọn ngay chiếc xe có số điện thoại rõ ràng (dù không biết là số thật hay giả). Theo lời chỉ dẫn của Gozde thì bác tài phóng vèo vèo qua những ngõ hẻm, leo con dốc 45 độ, xuống con dốc 30 độ, cuối cùng vóc dáng thanh tú của Gozde cũng hiện ra. Tôi ôm chầm lấy bạn, chẳng buông.

Gozde là cô bạn cùng phòng của tôi ở Ý. Sống với nhau một năm, nhưng chúng tôi không thân nhau lắm, vì Gozde có vẻ kiêu kỳ, lạnh lạnh của người thành phố. Mặc dù cô ấy rất vui vẻ, đáng yêu, chân thành, nhưng khó hòa hợp. Ngoài những lúc Gozde ngồi yên lặng ở ban công châm thuốc, cô ấy là người hoạt náo, sôi nổi. Cô ấy là kiểu người, thỉnh thoảng thích làm những điều rồ dại trong tĩnh lặng. Phòng Gozde thường khóa trái, nên khi mở ra đặc mùi khói thuốc, bên trong toàn ảnh mèo, sticker mèo, chăn mèo, gối mèo, cô ấy nghiện mèo. Ở Istanbul trong nhà cô ấy cũng có một con mèo kỳ kỳ, Gozde kể về nó

như con của mình với kiểu rất nhọc lòng: “Đạo này nó lơ tao, nó đang kết bạn với một vật vô hình rất thú vị”.

Hồi đầu mới ở cùng nhau, Gozde, Camila và tôi hay tụ tập ở phòng khách, ăn uống trò chuyện, mỗi lần ăn xong, Gozde lại xoa bụng, “tao có bầu kinh niên”, hai đứa còn lại cũng tán thành. Sau thì ai phòng này, chỉ còn mình tôi bụng bầu kinh niên. Những lúc chán, chúng tôi lôi ảnh các anh chàng tài tử ra bình chọn, ai là người đàn ông tuyệt vời nhất, George Clooney hay Johnny Depp. Tôi với Gozde đều ca thán việc bị cha mẹ giục chuyện cưới xin, còn Camila nếu thông báo cô ấy sắp cưới thì bà mẹ sẽ bay ngay sang chửi: “Mày điên à con?”. Lần Gozde chia tay bạn trai, cô ấy nhốt mình trong phòng hai ngày, mắt đỏ hoe, tới ngày Camila chia tay bạn trai cũng vậy. Khi tới, chúng tôi là ba cá thể khác hẳn nhau, ngày rời xa, ba đứa có điểm chung là cô đơn. Đêm chia tay, bốn giờ sáng cả lũ từ quán bar về, năm giờ Gozde ra sân bay, ba đứa ôm nhau khóc, rồi sáu giờ tôi ra sân bay, Camila bảo: “Tại sao chúng mày cùng bỏ tao đi một ngày như thế, tao phải làm sao?”. Hai tuần sau tôi quay lại, thấy Camila thích thú tận hưởng sự tự do, đúng là điều gì cũng có thể thay đổi.

Sau một năm gặp lại Gozde, cô nàng tóc dài vàng đã biến thành cô nàng tóc nâu ngắn thời thượng. Chỉ có đôi mắt xám trong vẫn thế, cuốn hút bất kỳ ai nhìn vào. Gozde có nụ cười tươi, ngọt ngào quyến rũ, như Meg Ryan. Nhưng khi cô cười, mặt xếp nếp nhìn lại già còng, điệu cười thì giòn tan, vô tư lự. Gozde theo đạo Hồi nhưng sành điệu, xinh đẹp, dáng cao gầy, chân chỉ hơi vòng kiềng chút xíu. Tôi lúc nào cũng ao ước được thanh mảnh và ngọt ngào đến thế. Nhưng khi gặp cô nàng quái tính Selva - em gái Gozde thì tôi thay đổi hẳn ý định đó.

Selva sắc sảo, hiện đại, mang vẻ đẹp thông minh của Andrey Hupburn. Cô ấy tô son đỏ, đánh mắt đậm, tóc kiểu Pixie để tôn lên khuôn mặt xinh đẹp nhỏ xíu. Mặc áo sơ mi trắng xẻ cổ, với chiếc quần

skinny màu bạc hà, cô ấy sành điệu như Miranda Kerr. Tôi cá là cô ấy mặc bikini thì cũng đẹp như bất cứ thiên thần Victoria nào. Selva xinh đẹp kiêu kỳ, yêu bản thân hơn tất cả, Gozde bảo vậy. Phòng cô ấy phải to nhất nhà, bố trí đẹp sáng rực rỡ cùng bộ gương to sáng choang, để lúc nào cũng có thể nhìn thấy vẻ đẹp của bản thân. Váy áo đều được treo lên xe móc, giống sau cánh gà của những sàn catwalk, nhìn rất đẹp mắt và thú vị. Trên bàn trang điểm, nước hoa, mỹ phẩm chen chân đứng, không có chỗ cho bụi chui lọt. Estee Lauder đấy, ôi trời ơi, cô ấy là giám đốc điều hành ở đó mà, sản phẩm dùng thử, thật không biết bao nhiêu cho xuể. Mỗi ngày cô ấy trang điểm một kiểu, kiểu nào cũng làm tôi không chớp mắt. Đến khi cô ấy tẩy trang nhìn lại đáng yêu như con mèo, tôi cá là bạn trai của cô ấy phải vui lắm, vì được sở hữu một con cáo, một con mèo.

Cáo có đáng sợ không? Không, vì tôi đã từng thấy một con báo Guapa. Gizem, bạn thân của Gozde có dáng vẻ của một cô nàng châu Mỹ nóng bỏng. Quả thật khi cô ấy sang Mỹ, ai cũng nghĩ cô ấy tới từ Venezuela, trong khi Gozde lại bị cho rằng là cô nàng tóc vàng hoe vùng Cali. Khi Gizem bước vào quán bar, các con mắt đều ngoái lại trầm trồ vẻ sexy tự nhiên tới thần nhiên của cô ấy. Tới Selva cũng ghen tị khi Gizem tới xoa đầu: “Oh my baby”. Cô ấy hồ hởi ngồi xuống nói chuyện với tôi bằng thứ tiếng Anh không thể Mỹ hơn, rồi tự nhiên nhú mặt vì lưng quá đau sau một tuần nhảy disco liên miên. Gizem cũng là dân kiến trúc giống Gozde nhưng nhìn vẻ sexy hoang dã của cô ấy không ai tin cả. Bỏ nguyên hai năm để đi luyện thanh, thu âm, làm đĩa, nhưng sự nghiệp ca sĩ chỉ dừng lại ở một bài hát cho quảng cáo của trẻ con trên tivi. Gizem chán nản, liền quay lại sự nghiệp học hành, sau thạc sĩ cô ấy sẽ làm tiếp tiến sĩ ở Mỹ. Không thể tin được.

Gozde, Gizem và Selva luôn làm tôi hoài nghi về phụ nữ đạo Hồi. Họ giỏi, đẹp, phóng khoáng, họ theo đạo Hồi thật sao? Gozde bảo

100%, nhưng là đạo Hồi tân tiến, nơi con người ta không phải ngày năm lần hành đạo, không phải kiêng rượu hay thịt lợn thịt bò. Gozde có thể ăn tất những gì cô ấy muốn, thỉnh thoảng cầu nguyện, hằng ngày có thể mặc váy ngắn, cổ sâu, liếc mắt với các anh chàng. Thế nên cô ấy sống ở phía châu Âu hiện đại của thành phố. Ở phía châu Âu già nua cổ điển, phụ nữ thường mặc váy dài tới gót chân, trùm khăn kín đầu, chỉ lộ mỗi khuôn mặt. Nhưng dù sao họ cũng mặc các màu sắc tươi tắn, hoa văn phức tạp, chứ không đơn điệu một màu đen như phụ nữ đạo Hồi cực đoan.

Những phụ nữ kín mít này lại rất thân thiện dễ thương. Họ không ngại, không tránh người lạ, khi tôi tới hỏi đường, họ rất nhiệt tình. Họ không sẵn sàng cười đùa nhưng sẵn sàng cười lòng. Chỉ có điều họ rất khó gặp khi việc buôn bán là của đàn ông. Chỉ ở phía châu Á của Istanbul, phụ nữ cũng ra đứng quầy. Phụ nữ ở đây được ăn mặc thoải mái, nhẹ nhàng, nóng mặc ngắn, lạnh mặc kín, chỉ cần có mặc. Họ nhìn giống dân ở phía châu Âu hiện đại của Istanbul, nhưng có phần kém sành điệu hơn.

Phụ nữ là niềm say mê của cả nhân loại. Họ dễ thương, quyến rũ theo cách riêng không đụng hàng. Những người phụ nữ Istanbul còn hơn thế, họ thật sự rất đẹp về mặt nhân chủng học. Họ nằm ở nơi giao thoa Âu Á nên vẻ đẹp của họ cũng vậy, mắt sâu, mũi thanh, da trắng, kiêu diễm như Âu, nền nã như Á. Họ có thể che thân hoặc khoe thân đều khiến dân mũi tẹt ghen tị, dân mũi lõ trầm trồ. Họ có thể e thẹn, kín đáo, hoặc phóng khoáng vui vẻ, họ đều là những phụ nữ đạo Hồi, thật thú vị khi được làm quen với họ.

Belfast - Phía sau những tấm gương

Ireland là xứ rất thú vị, giống như bạn rơi vào một công viên xanh bất tận, chỉ có cỏ, đồi, biển trời và mưa tất cả các mùa.

Ở Ireland có bảy kỳ quan. Sáu trong số đó là thiên nhiên kỳ vĩ, kỳ quan duy nhất - bức tường Hòa Bình (Peace wall) do con người tạo ra lại nằm ở Belfast, thủ phủ của North Ireland - vùng đất vẫn còn thuộc về vương quốc Anh. Belfast gồng mình vác trên vai bức tường Hòa Bình, trong khi tranh chấp vẫn còn xảy ra trên từng con phố. Belfast với trái tim thuộc về Ireland và bộ óc hướng về nữ hoàng Elizabeth II. Belfast vẫn vậy, luôn phức tạp với mâu thuẫn nội tại. Chỉ đơn giản như việc rác nằm đầy trên những con phố, dưới cả những biển cấm “Xả rác phạt một ngàn pounds”.

Hàng nghìn năm trước, dân Viking đưa thuyền ra biển bắt đầu công cuộc chinh phục thế giới. Từ vùng đất lạnh giá, những chiến binh quả cảm đã ra đi tìm mặt trời và phát hiện ra một vùng đất toàn mây mù mùng - Ireland. Thế mà người Ireland bây giờ phải xấu hổ thừa nhận: văn hóa của họ chẳng còn nét tổ tiên, mà chỉ mang đầy sắc thái Anh quốc.

Thế kỷ XVI người Anh chạy sang Ireland và mang đến sự ngổn ngang cho đất nước này. Đa phần dân Ireland theo đạo Thiên Chúa (Catholic), trong khi nước Anh bấy giờ theo tôn giáo Tin Lành (Protestant). Sự việc này bắt nguồn từ việc Henry VIII mê đắm Anne Boverly, đòi phế truất hoàng hậu Catherine xứ Aragon. Giáo hội bác bỏ yêu cầu đổi ngôi hoàng hậu, nước Anh ươm ngành tách ra, tự chọn cho mình tôn giáo Protestant. Quyết định mù quáng của Henry VIII đã

đây nước Anh vào trận chiến chống lại Vatican vốn được chống lưng từ những cường quốc ngoan đạo lớn mạnh như Pháp, Tây Ban Nha. Chuyện tình dữ dội ấy cuối cùng kết thúc trong máu và nước mắt. Henry VIII đau đớn chặt đầu Anne nhưng con gái bà là Elizabeth I tóc đỏ kiêu kỳ đã không hề lùi bước. Khi thành nữ hoàng, Elizabeth I mặc áo giáp ra chiến trường đánh lại quân đội Tây Ban Nha. Sự kiên cường của nữ hoàng Đồng Trinh* đã mang tới thời kỳ vàng son cho Anh quốc nhưng cũng đồng thời kéo dài vô tận con đường dẫn tới thành Rome.

** Nữ hoàng Elizabeth I của nước Anh vì không kết hôn nên được gọi là nữ hoàng Đồng Trinh.*

Có một chuyện thú vị tôi mới đọc được trên báo, đó là: nữ hoàng Elizabeth I thực ra là nam giới, do công chúa tóc đỏ không may chết vì bệnh đậu mùa ở vùng quê mà nàng dưỡng bệnh, bà bảo mẫu sợ vua Henry VIII phạt nên đã trá tạo một bé trai. Bé trai này có khuôn mặt thanh tú nên được cho ăn mặc đẹp thì nhìn cũng xinh như con gái, vì thế đã qua mắt được ông bố say xin. Sau này khi dậy thì, khuôn mặt ấy mang đầy nét nam tính, đến nỗi bây giờ nhìn lại những bức chân dung nữ hoàng ai cũng thấy khô cứng, xấu xí và kiên cường. Đó là một câu chuyện được lưu truyền ở nước Anh.

Khi vượt biển, chiến thuyền Anh quốc không chỉ chở người mà còn đưa cả tôn giáo mới sang áp chế dân Ireland. Họ đã gây ra những cuộc chiến lâu dài và mòn mỏi nhất. Ban đầu là cuộc chiến chống thực dân rồi dần dà trở thành chiến tranh tôn giáo. Người Ireland đánh lại người Anh, rồi tới người Ireland theo Catholic xung đột với người Ireland theo Protestant. Nội chiến khi ngấm ngấm, lúc bùng nổ, nhưng chưa bao giờ chấm dứt trong lòng một đất nước nhỏ bé. Điều đó không thấy rõ ở chốn ăn chơi rục rờ như Dublin, nhưng lại hằn nét ở thành phố cảng Belfast.

Việc đầu tiên tới Belfast, mọi người thường ào tới các hãng du lịch: “Cho tôi đặt một Black taxi tour”. Có gì ở chiếc taxi màu đen ấy? À thì, đó là tour đáng đi xem nhất ở đây.

Black taxi tour không đắt cho câu chuyện của một đất nước. 30 pounds/xe, chở nhiều nhất là ba người. Sáng ra, taxi đỗ xích trước cửa nhà và tối sẽ trả người về tận cửa. Chú taxi kiêm dẫn tour tươi cười xách hộ vali rồi luyên thuyên về tất cả cảnh sắc trên đường. Bánh xe lăn đi từ con đường Lisburn, chạy qua Botanic Garden, bảo tàng Uster, rồi từ từ vượt qua trường đại học lớn nhất Queen’s University. Xe đi trên con đường chính rồi rẽ trái vào một vùng đất khác lạ, khác lạ so với phần sầm uất trẻ trung còn lại của Belfast, vì nó giấu trong mình quá khứ.

Vùng đất quá khứ là nơi những họa sĩ tự do khắc họa lịch sử đấu tranh của dân Ireland với chính phủ Anh quốc. Họ mới vẽ tầm mười năm trở lại đây, nhưng những sự kiện có thể bắt đầu từ thế kỷ XIX. Họ vẽ, chính quyền xóa, họ lại vẽ. Họ vẽ nhanh như một phép thuật, qua một đêm bức tường xám đã phủ kín màu. Dần dà, chẳng ai nghĩ tới chuyện xóa chúng nữa. Những bức tranh sống động ấy được dân Bắc Ireland gọi là những tấm gương. “Vì sao lại là những tấm gương?”, tôi hỏi. “Vì hình ảnh trong gương là sự phản ánh thực tế, không phải là những sản phẩm của trí tưởng tượng như tranh vẽ”, chú lái xe taxi hào hứng. Dĩ nhiên nó cũng không phải là những bức ảnh, hình trong ảnh là một khoảnh khắc, còn thế giới trong gương có chiều sâu, có sự chuyển động, có sự khác biệt từ những góc nhìn. Như khi soi gương, tôi thấy mình y nguyên, còn người khác cùng đứng trước tấm gương đó sẽ thấy mặt tôi méo xệch, dị thường. Những tấm gương ở Belfast mang cái nhìn đa chiều cho người xem và một cách nào đó nó làm tôi sợ hãi.

Taxi dừng ở tấm gương đầu tiên dẫn vào vùng đất quá khứ, đó là bức tranh về nạn đói kinh khủng xảy ra năm 1845, người Ireland gọi nó là *Gorta Mór (great hunger)*. Nạn đói tàn khốc bùng phát ở phía Nam Ireland, do dịch bệnh khoai tây hoành hành ở châu Âu thời đó* . Nguồn thực phẩm kiệt quệ, những người đàn ông tha hương tìm việc, đàn bà trẻ em nai lưng trên những cánh đồng nay đã chẳng còn gì. Nông dân Ireland đói mất với cái chết, hằng ngày, hằng giờ. Tệ hơn nữa khi dân làm thuê không nộp đủ tô, những chủ điền người Anh đốt nhà, lấy đất, không cho họ một mái nhà, một đường về. Người nghèo chết dọc đường, trên những mảnh đất lạ. Khắp nơi đâu đâu cũng thấy những khuôn mặt hốc hác, cánh đồng khô khốc, ngôi nhà tốc mái, Ireland đã có thời kỳ đau thương đến thế. Một triệu người là một con số mất mát quá lớn. Trong khi đó dân Anh ở miền Bắc vẫn phè phỡn no đủ. Đây chính là giọt nước tràn ly, khiến cuộc nổi dậy chống thực dân Anh của dân Ireland mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

** Nạn đói ở Ireland với số người chết lên tới gần hai triệu người, bắt nguồn từ việc một căn bệnh bí ẩn đã biến khoai tây - nguồn lương thực chính của dân Ireland thành bột đen, khiến người dân Ireland không có khoai tây ăn, không có khoai tây để canh tác cho các mùa vụ sau; nạn đói kéo theo việc di cư, bệnh tật đã làm thay đổi tình hình dân số, tình hình đất nước Ireland và là khởi nguồn của quan hệ căng thẳng giữa Anh quốc và Ireland suốt hơn một thế kỷ.*

Những cuộc nổi dậy ở Ireland thường mong manh, dễ lên dễ dập như nến trước gió. Mãi tới cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, sự hà khắc của chính quyền Thatcher mới thực sự châm ngòi cho những cuộc biểu tình. Thời kỳ này, sự nổi loạn của dân Ireland làm chính quyền khó chịu, họ dùng bàn tay thép truy sát tới từng con đường, mái nhà. Chú lái xe taxi râu rĩ kể: Lúc đó, đàn ông thường bị bắt bớ vô cớ, có thể trên đường đi làm, hay trong bữa tối, thậm chí khi đang ngủ. Những phụ nữ làm cảnh giới, thấy bóng quân đội liền lấy nắp thùng

rác nện xuống đường. Âm thanh vang lên, đàn ông nhảy qua cửa sổ nhà chạy trốn. Nhiều người không kịp. Họ bị áp giải vào nhà tù, không phải nhà tù mà là những cái chuồng sắt ở bên ngoài thành phố. Họ bị tra khảo chẳng vì điều gì cả. Họ có thể chết, trong khi vợ con nheo nhóc ở nhà. Thời đó gia đình Catholic thường có từ năm đến mười đứa con, sống trong ngôi nhà chật hẹp, khổ sở, còn người Protestant chỉ có hai, ba đứa con, sống trong những biệt thự xa hoa; điển hình cho sự phân biệt tôn giáo, giàu nghèo kinh khủng và vô lý.

Đỉnh điểm là khi Thatcher bỏ đói mười người tù tới chết. Người dân Ireland phản uất vô cùng: “Con chó còn không thể bỏ đói, sao con người có thể làm vậy?”, nhân quyền và dân quyền lên tiếng. Cuộc biểu tình Blanket năm 1976 được liệt tả trong tấm gương, mọi người quần chần ra đường, tay cầm bức ảnh tù nhân, phản đối chính quyền Anh. Cuộc chiến đẫm máu thực sự bắt đầu; kéo dài tới những năm 80 và vẫn còn dai dẳng cho tới thế kỷ XXI. Khi Thatcher chết, dân Ireland đã ăn mừng như chưa bao giờ hạnh phúc đến thế. “Chúng tôi căm ghét bà ta”.

Trước khi tới Ireland, tôi không biết gì về cuộc nội chiến ở đây. Tới cả quốc kỳ của họ, tôi đã nghĩ thật khác về ba màu cờ đó. Tôi tưởng màu da cam của đất, màu xanh của cỏ và màu trắng của trời, Ireland của thiên nhiên. Thực tế không phải vậy. Màu xanh của Prostetant, màu cam của Catholic và màu trắng của hòa bình. Họ ước mơ sau những cuộc xung đột đẫm máu, Ireland sẽ như con phượng hoàng tự đốt cháy mình để hồi sinh.

Và khi đó hòa bình sẽ tới. Bình yên về cho mảnh đất Belfast vẫn còn tranh chấp. Xung đột vẫn còn, kẻ Catholic vẫn ghét người Protestant. Mâu thuẫn của người Ireland và người Anh vẫn còn đó, trong chiếc áo T-shirt ở tiệm bán đồ lưu niệm, sự giận dữ ngập tràn: “Titanic was built by Irishmen and sunk by an English man”(Con tàu

Titanic được người Ireland đóng, rồi chết chìm trong tay một người Anh). Không còn sự thật nào phũ phàng hơn thế.

Những tấm gương biết nói lời đau khổ. Những tấm gương ghi ơn người ngã xuống. Những tấm gương phần uất. Những tấm gương rất nhiều, rất dài, rất lớn. Những tấm gương vẫn còn đó. Và bức tường hòa bình với bao ước mong, hy vọng. Mọi người trên toàn thế giới vẫn đang tới, viết lên bức tường những chia sẻ, nguyện cầu “Ireland độc lập”. “Sẽ không xa đâu”, chú lái xe taxi quả quyết.

Thế giới Hồi giáo Cairo

Cairo, một buổi chiều khói bụi tháng Mười Hai năm 2011.

Chiếc taxi lao vun vút trên con đường cao tốc. Ngó xung quanh, tất cả những người lái ô tô đều đang buôn điện thoại. Họ bận rộn hay đang cố che giấu sự ngao ngán. Khói bụi phủ mờ hết những khuôn mặt Hồi giáo, tàn ác hay thân thiện, khắc khổ hay sướng vui khi họ đang trải qua những thời khắc lịch sử. Thành phố này lúc nào chẳng vậy, bụi khói ám trời.

Khói bụi chỉ lộ ra chân dung Mubarak*. Kẻ thất thế vẫn đâu đó hiện diện trong những câu chuyện hằng ngày. Người lái xe taxi không biết nói tiếng Anh, ú ớ chỉ cho chúng tôi dinh cư của gã, rồi lấy tay kê lên cổ khi chúng tôi hỏi: "Hắn giờ ở đâu?". Ông ta đâu hiểu chúng tôi hỏi gì, ông ta chỉ muốn xử kẻ độc tài. Anh chàng Mohamed kêu nhặng lên: "Gã khốn ấy khi có quyền thì ăn chơi khỏe mạnh, giờ thì giả bộ nằm bệnh viện trốn hầu tòa. Chúng tôi thèm đẩy lão xuống vực". Vâng, anh cứ đẩy đi, không chỉ anh mà vô vàn kẻ muốn làm thế rồi lại đau đầu: đẩy gã xuống rồi, kê lên thay có khá hơn không?

** Tức Hosni Mubarak: cựu tổng thống Ai Cập từ năm 1981 đến năm 2011, dưới sức ép biểu tình của quần chúng, Mubarak đã phải từ chức sau 30 năm cầm quyền, để lại một bộ máy chính quyền đầy tham nhũng và nền kinh tế kiệt quệ; trong khi đó Mubarak lại sở hữu một khối gia sản khổng lồ.*

Đây là chuyện "thường ngày ở huyện" mà dân Cairo vẫn bàn bạc giữa quảng trường Tahir. Họ ngồi uống trà, ăn bánh mì, cắm trại tranh

luận sôi nổi. Không vũ trang, không nổi loạn như tivi, sách báo vẫn đưa. Chúng tôi đi qua vẫy tay, họ nhoẻn miệng, những kẻ đang làm cách mạng. Có lần, chúng tôi đi vào con đường dây thép gai, đầy xe tăng và những anh lính hiền khô. Chẳng có gì đáng sợ cả khi mà súng chưa bóp cò và bom chưa nổ. Tôi không thích ba hoa chuyện chính trị nhúc óc, tôi chỉ muốn nói: "Cairo không đáng sợ hay bất ổn đâu, đến đó đi, vui lắm. Một thế giới khác, thật khác châu Âu cổ kính hay châu Á nhộn nhịp".

Quá khứ quá hào hùng còn hiện tại lại dễ mờ nhạt. Rome, Athens hay Cairo đều đang đánh rơi cái tôi của mình dưới bóng hình đồ sộ của cha ông. Giống như con gà con nằm dưới cánh điều hâu, không ai biết con gà ấy bị xơi tái lúc nào. Có thể nó chẳng thể lớn lên hoặc lớn lên mà hỗn độn với những cái lông khác màu, đa sắc, như cái cách những người con của Pharaoh đang làm với thành phố của mình. Một thành phố Hồi giáo có gì đó để tò mò.

Năm giờ sáng, tiếng chuông từ giáo đường vang lên thúc giục. Dân Cairo tỉnh dậy, ăn vận chỉnh tề rồi trải thảm ra quỳ lạy. Phụ nữ ở nhà, đàn ông ra phố. Những kẻ sùng đạo cúi đầu tới giáo đường cầu nguyện. Những tiếng cầu khẩn vang lên xì xầm trong buổi tờ mờ sáng. Bọn tôi gất ồm lên vì không thể nào ngủ được. Tôn giáo là một thứ chưa bao giờ tôi hiểu, khi đức tin là một điều xa xỉ. Dù ngày ở Việt Nam, tháng nào tôi cũng đi chùa, nghe thầy Thích Quảng Đức giảng bài, vào Thư viện Hoa Sen, hay ăn chay cũng không ngộ ra gì, nếu tâm không tĩnh. Vậy mà dân Hồi giáo có thể sẵn sàng đánh bom cảm tử chỉ vì tin rằng có bảy mươi hai cô nàng đồng trinh đang đợi trên thiên đường. Đạo Hồi kỳ diệu thật (dù một chàng và bảy mươi hai nàng thì lại là một cái chết tê tái khác).

Ở Cairo, nhà nguyện - Mosque ở khắp nơi, không nhiều như cơm bụi Việt Nam, nhưng chắc chắn hơn số lượng đền chùa. Dân Ả Rập

một ngày cầu nguyện nhiều hơn số lần ăn cơm, năm giờ sáng, chín giờ sáng, mười hai giờ trưa, ba giờ chiều, chín giờ đêm. Không phải ai cũng tuân thủ đầy đủ như thế, nhưng họ không đọc kinh dưới ba lần đâu. Đang bán hàng, anh chàng Mohamed có thể đóng cửa tiệm chạy vào góc nhà quỳ lạy. Cậu bạn Ahmed đang trong buổi học bỏ ra ngoài xì xụp dưới gầm cầu thang. Và những kẻ khác ngồi tư lự, cầu khẩn trong lòng.

Khi đã ở Cairo, ngày thứ nhất cho Pharaoh, thì ngày thứ hai phải dành cho Mohamed Ali. Dĩ nhiên không ai ngồi trước tivi coi đấm bốc, sáu anh em nhồi trong một chiếc taxi chẹt cứng, chúng tôi quyết phải khám phá thế giới Ả Rập huyền bí. Với vô số các tòa nhà, nhà nguyện, tường thành, khu Citadel Hồi giáo tọa lạc ở nơi cao nhất của Cairo. Từ trên đỉnh cao này, cả Cairo bụi mờ mịt hiện lên như sa bàn. Xa xa, Giza tự thu mình một góc giữa cuộc sống hiện đại. Những kim tự tháp cổ mà hiên ngang, những ngôi nhà mới mà đồ nát, cũ kỹ. Nghe đồn cách xây dựng nhà bằng đất để trụ vững trước gió cát sa mạc là do dân Ai Cập học được từ người Nubia. Ai Cập - Nubia, đó lại là một câu chuyện quá ư dài dòng mà tôi sẽ kể sau.

Tọa lạc trên đỉnh cao Cairo như ngọn hải đăng, nhà nguyện Mohamed Ali là công trình to nhất thế giới Hồi giáo. Xây dựng trong gần hai mươi năm cho con trai của Ali, thảo nào công trình này hoành tráng đến thế. Nhưng chắc gì nó đã được nhớ bằng câu chuyện nực cười Mohamed Ali và cái đồng hồ của ông. Xưa Mohamed Ali vì hâm mộ hoàng hậu nước Pháp mà nhẫn tâm nhổ một cây cột Obelisk (nhe nhàng như nhổ một cái răng khôn) gửi cho người đẹp. Bà hoàng yêu quý gửi lại cho ông chiếc đồng hồ làm quà. Hai ngày sau, đồng hồ chết, và từ đó không còn ngân tiếng nữa. Người ta nói khó tin được đàn bà.

Đàn bà, đó là thực thể khác, không có nhiều quyền và được tôn trọng ở nơi đây. Hầu hết các nhà nguyện đều không cho phụ nữ vào, họ thường phải cầu nguyện tại nhà, hoặc ở những góc dành riêng cho mình. Trừ nơi đây là ngoại lệ nên tôi cũng tranh thủ ghé thăm. Kinh Coran vang lên từ đâu đó giữa những giàn đèn trắng lệt. Vài người quỳ lạy trên tấm thảm khổng lồ. Ngoài kia trời xanh ngắt, mùa đông chạy đâu mất rồi. Xung quanh, khu hồi giáo sừng sững, uy nghi. Dấu ấn Hồi giáo thật sự đang làm mất hết nét Ai Cập xưa cũ.

Hồi trước tôi nghĩ, dân Hồi giáo phải ghê gớm, nghiêm nghị, có phần đáng sợ. Ai ngờ họ hoạt bát, vui vẻ, lanh lợi, và cực kỳ dẻo mỏ (các chị em sẽ khoái đến Ai Cập lắm). Không biết có phải do phụ nữ Ai Cập hay trùm áo kín thân, che mặt hay không, mà cứ thấy cô nào để mặt trần là các anh Hồi khen xinh đẹp. Các anh hướng dẫn viên giỏi làm tiền (đừng đọc nhầm), đua nhau đưa chúng tôi vào nơi làm giấy papyrus, granite hay nơi làm hương liệu rồi dâng nào trà Ai Cập, nào Hibiscus* miễn phí. Dù các anh có giới thiệu mùi hương Sa Mạc Đêm, chỉ xịt vào là khiến người tình nửa đêm cũng phải băng sa mạc mò đến, thì chúng tôi cũng chối từ mua. Ở châu Âu chẳng có sa mạc. Phụ nữ Ai Cập không bán hàng ở chợ, cũng không ra đường nên chúng tôi không biết họ như thế nào. Chúng tôi chỉ yêu những đứa trẻ Ai Cập, lém lỉnh dễ thương vô cùng. Lũ nhóc dẻo mỏ ấy gặp ai cũng đòi bút hoặc xin tiền. Chúng đối cả bụng lẫn tri thức.

* Ở Việt Nam gọi là hoa atiso đỏ.

Các anh chàng ở chợ Khan Al Khali còn dẻo mỏ gấp bội. Chắc chúng tôi cũng bị lừa mua không ít, nhưng giá cả chấp nhận được (quy ra euro thì rẻ hèn) nên vẫn vui vẻ mua. Ít ra mặc cả không thành, họ cũng không bao giờ đốt vía. Họ chẳng tiếc lời khen bạn xinh đẹp và thông minh (thứ mà em gái nào cũng thích nghe). Chợ Khan Al Khali đa dạng từ quần áo tới trang sức, từ đồ thủ công mỹ nghệ tới đồ ăn.

Đẹp và rẻ. Mến khách và dễ thương. Đến nổi dù chỉ có hai ngày ở Cairo, chúng tôi cũng đi chợ hai lần, mỗi lần hai giờ. Có khi chẳng mua gì, chỉ là xem chợ đêm Ai Cập. Đêm Ả Rập huyền bí với những cuộc ngã giá vui vẻ. Cairo đáng yêu trong những cuộc hút shisha, trong những buổi ăn Koshari (một món ăn nhanh) tám chuyện nhảm, trong cốc nước mía uống vội vàng.

Hồi giáo với kẻ ngoại đạo hình như lại là tôn giáo thân thiện. Và Cairo “nát bét” hóa ra lại thật dễ thương. Trong lạo nhạo khói bụi, những màu sắc cuộc sống hiện lên thật sống động, tươi mới.

Luxor - Những đền đài thời gian

Thời gian là kẻ thù của mọi thứ, kể cả hạnh phúc hay tình yêu. Dường như chỉ có Ai Cập được kẻ bạo hành đó nương tay nhất. Khi Cairo vẫn ôm ấp những kim tự tháp kỳ vĩ, khi Luxor còn khóa lấp với thung lũng các vị vua trong mình, thì Ai Cập còn bền vững. Những đền đài nghệ thuật không chết đi theo thời gian mà chỉ giá trị và linh thiêng hơn.

Luxor, cố đô xưa cũ của Ai Cập, vốn được biết với cái tên Thebes. Khi dân Hồi giáo tới đây, họ thấy những lâu đài tráng lệ, những đền thờ nguy nga, những mộ phần lộng lẫy và Luxor ra đời (tiếng Ả Rập nghĩa là những lâu đài). Nằm ở thượng lưu sông Nile, nhờ ơn thần Amun, dân nơi đây sống khỏe mạnh nhờ nghề khai thác đá Alabaster và uống nước mía. Để cảm tạ vị thần này, dân Luxor xây cho thần Amun không chỉ một đền mà là một khu đền rất oách tên là Karnak. Tôi nghi rằng Karnak theo tiếng Ả Rập nghĩa là choáng ngợp, vì đó là cảm giác đầu tiên khi bước chân đến đây. Một vị Pharaoh trước khi lìa trần thường trăng trối: “Ta trao cho con mũ miện, quyền trượng, và Karnak để... tiếp tục xây dựng” (tôi bịa đấy). Là một thứ cha truyền con nối nên Karnak có quy mô cực kỳ hoành tráng. Có tới mười một đời Pharaoh xây đắp công trình này nên nó là thể thống nhất những lộn xộn nghệ thuật.

Khi xưa, dân Ai Cập thích xây nhà rồi mới xây cổng. Mặt trời đã bao lần mọc rồi lặn trên thung lũng các nhà vua mà cổng thành của Karnak vẫn chưa hoàn thành và sẽ chẳng bao giờ hoàn thành. Tuy nhiên ẩn sau nó lại là cả một công trình đồ sộ, tinh xảo, đủ đầy. Đầu

tiên là hàng tượng nhân sư đầu cừu, rồi khu sân rộng cùng những gian phòng nhỏ thờ thần Amun, vợ thần - nữ thần Mut và con trai thần - thần mặt trăng. Ở đàn tế, người ta dựng nên những bệ đá Alabaster màu trắng sữa để dân chúng tụ tập khấn vái.

Dân ở đây có thể cúng các vị thần hoặc các Pharaoh tôn kính. Bên cạnh tượng thần Amun và vợ thì tượng Seti I, tượng Tutankhamun cũng hiện hữu. Nhưng như hầu hết các công trình hùng vĩ khác của Ai Cập, nơi hoành tráng nhất của đền phải dành cho vua Ramesses II. Người ta bảo Ramesses II là kẻ đánh cắp vinh quang ghê gớm nhất trong lịch sử, khi đi đến đâu ông cũng khắc lên đó tên hiệu của mình, thậm chí khắc đề lên biểu tượng của người khác. Ở Karnak cũng thế, trong căn phòng to rộng với hơn 134 cây cột giống hình những cây sậy, do Seti I xây dựng, trần nhà cũng chi chít tên hiệu của con trai ông vì chính Ramset II là người cho thi công trang trí.

Căn phòng này vốn là nơi các Pharaoh phô trương sức mạnh của mình. Pharaoh phải chiến đấu với mãnh thú vài ba lần trong cuộc đời vua chúa của mình (thắng được mãnh thú mới chế ngự được lòng dân). Lần cuối cùng của Ramesses II là khi ông 80 tuổi và ông phải đánh nhau với một con cá sấu sông Nile. Với sự tài tình nào đó, con cá sấu chết còn Ramesses II sống tới tận năm 90 tuổi.

Đi sâu hơn vào bên trong Karnak, nữ quyền in dấu, khoảng sân rộng với những cây cột obelisk hay tượng nữ hoàng Hatshepsut uy nghi. Cột obelisk không chỉ tượng trưng cho sự sùng bái thần thánh mà đơn giản nó giống như biển báo “Ở đây có một cái đền”. Nữ hoàng Hatshepsut hạ lệnh bọc vàng hai cột obelisk để chúng sáng choang một góc trời. Một cột cho cha mình, cột còn lại cho vị cha tối thượng là thần Amun. Như tất cả các Pharaoh nam khác, Hatshepsut luôn tự coi mình là con gái của thần Amun. Hẳn cũng vì hào quang sáng lóa đó mà khi con rể của Hatshepsut lên ngôi, hẳn cho xây tường bao

quanh để che giấu đi sự xấu hổ của dòng tộc (trong sách “Lonely planet” nói Thumose III cạo sạch lớp hợp kim vàng mạ cột). Thời gian phủ bụi lên obelisk, đập đổ tường vây. Một obelisk lộ ra chẳng còn sáng lóa, một cột obelisk gục xuống vẫn bóng nguyên màu granite. Hatshepsut dù bị hạ bệ, vẫn được ghi nhận thân phận đế vương cùng những dấu tích chẳng thể tàn phá bởi Thumose III hay cát bụi thời gian.

Cát bụi thời gian chỉ che phủ hồ nước xưa kia các thầy tu tắm mình ngày hai lần để thanh khiết cơ thể.

Ngày nay hồ không còn, thầy tu cũng chẳng có, chỉ chễm chệ một cột đá diệu kỳ. Tôi vẫn chưa biết vì sao nó kỳ diệu nhưng nghe nói là nếu đi vòng quanh cột ba vòng sẽ trở nên giàu có, bảy vòng sẽ tìm thấy tình yêu, còn năm mươi vòng tôi đoán là sẽ thành hướng dẫn viên du lịch. Tôi với Trang, Vân cũng cố kéo nhau đi hết bảy vòng (không dám đi thừa một bước chân), năm nay mà không có gì xảy ra thì người Ai Cập sẽ bị chất vấn về vụ này!

Khu vực hồ kéo thẳng ra cánh cửa phụ của đền, gần ngay cảng sông Nile. Hằng năm khi lễ hội Opet diễn ra, hàng đoàn thuyền sẽ được điều động tới, đưa rước thần Amun cùng lễ vật tới thăm vợ thần là thần Mut ở đền Luxor, nghe cũng hao hao cầu Ô Thước của Ngưu Lang, Chức Nữ. Chỉ khác là cả đi và về Ngưu Lang đều phải leo cầu quạ, còn thần Amun khi đi tàu biển, lúc về ngẫu nhiên trên thuyền mặt trời với nhiều người khiêng, vượt qua 3km đường nhân sư về ngự lại trong đền Karnak.

Đền Luxor nhỏ bé hơn Karnak nhưng cấu trúc tương tự với cổng thành, hàng tượng nhân sư bên ngoài, khoảng sân rộng thờ cúng và cột obelisk ở lối vào. Trước đây Luxor có hai cột obelisk đối xứng, nhưng một ngày nọ Mohamed Ali nổi hứng nhổ bật một cái đi tặng người đẹp - nữ hoàng nước Pháp, thì chỉ còn lại một cột obelisk rất sáng giá và

đáng được yêu thương. Không yêu thương sao được khi đền Luxor bé nhỏ này đã từng bị chôn vùi bởi cát sa mạc, bị đốt cháy bởi Thiên Chúa giáo, bị phá nát bởi người Ả Rập. Dù bầm dập vậy, đền vẫn đứng rất hiên ngang mà ôm đầy sự lộn xộn.

Khi bước vào đền, điều đầu tiên đập vào mắt là sự bành trướng của những nhà nguyện Hồi giáo (dù là phần được thêm vào cuối cùng). Không phải người Hồi giáo không trân trọng tác phẩm cổ đại, mà họ chỉ ngây thơ nhiệt tình thành vô tình phá hoại. Khi Nile dâng nước lên, phù sa phủ ngập, rồi gió cát sa mạc tràn lên, giấu kín ngôi đền trong câm lặng. Người Hồi giáo tới, bắt tay xây dựng nhà nguyện của họ trên mảnh đất bằng phẳng này. Bình yên cho tới một ngày họ thấy có những tượng đầu người trời lên khỏi lớp cát. Không chịu được sự phiền phức này, họ chém tan mấy đầu tượng mà không ngờ rằng bên dưới đó là cả một thế giới kỳ vĩ.

Những bước tượng câm nín. Nhưng chúng đã khiến cả Ai Cập phải chú ý. Các chuyên gia khảo cổ đã đào xới và đưa lên một đền đài nguy nga, với 10 tượng Ramses II khổng lồ đứng, ngồi, đội mũ miện hay mũ chiến tranh (mũ chiến màu xanh còn mũ miện màu trắng đỏ là sự kết hợp của mũ trắng của vùng hạ và mũ đỏ của vùng thượng Ai Cập). Chen giữa những cây sậy đá cao lớn, những tượng đá dù mất đầu vẫn vẹn nguyên vẻ oai hùng. Sau lưng người con thần Ra, tượng của Amenhotep III, của Tutankhamun cùng vợ, và một căn phòng hàng trăm cây cột như một hồ sậy đá nở rộ. Người Ai Cập dựng cột, dựng đền, dựng cả huyền thoại.

Đền Luxor này có ba gian chính. Gian cuối dành làm nơi ở của các vị thần khách khứa trong lễ Opet, nhưng đã bị Alexander đại đế chen ngang, xây ngay một buồng nhỏ ở giữa phòng để dâng tặng thần Amun. Gian phòng này nằm ngay sau gian phòng của vợ chồng thần Amun. Còn gian ngoài cùng nơi chứa thuyền mặt trời, có thời bị dân

La Mã chiếm cứ. Khi trốn chạy khỏi chính quyền, họ nghĩ nơi nguy hiểm nhất là nơi an toàn nhất, nên đã cho bịt kín một căn phòng trong đền làm căn cứ. Họ trang trí tường và trần phòng bằng hình ảnh chúa Jesus và các thiên thần. Khi không thể ra ngoài, thì người La Mã đốt lửa nấu nướng luôn tại đây. Căn phòng linh thiêng trở thành một căn bếp ám khói. Quả là (đàn ông) Ai Cập xây đền, (đàn bà) La Mã xây bếp.

Về tổng thể, đền Luxor là sự kết hợp tôn giáo kỳ lạ của Hồi giáo, Thiên Chúa giáo và lễ giáo Ai Cập. Hiếm nơi nào các tôn giáo xa lạ lại cùng chung sống hạnh phúc như thế. Dù hiện hữu dưới hình dạng chúa Jesus, đức Phật hay thánh Ala thì chúng ta cũng chỉ có một đấng toàn năng. Thật không có gì sai trái khi dành tình yêu và niềm tin cho tất cả các hiện thân của người (lời thú tội của Pi). Kể cả khi chúa bắt loài người phải chết vì tội lỗi xưa cũ của Adam và Eva thì cuộc sống tươi đẹp vẫn cần thật nhiều niềm tin.

Bầu trời xanh đã xóa nhòa sang tím đậm, sang đen. Khi trăng non ló rạng trên đầu con trai thần Ra, bóng đêm bao trùm Luxor. Một ngày đã hạ xuống nơi ở của các vị thần, rồi sớm mai lại rạng ngời trên thung lũng của các Pharaoh. Sớm mai trên khinh khí cầu, tôi sẽ ngắm một bình minh.

Khi khí cầu bay lên

Ở Luxor có một việc bạn không thể không làm, đó là bay trên khinh khí cầu.

Nếu ở châu Âu muốn lên khinh khí cầu, bạn phải mất tới vài trăm euros, như ở thung lũng Loire của Pháp, người ta phải chi tới 300 euros cho một tiếng du ngoạn trên không. Thế nhưng ở Luxor, chỉ gói gọn trong 40 euros, bạn đã được lên độ cao 7.000m, ngắm toàn bộ sông Nile, thung lũng các nhà vua, những ruộng mía xanh ngắt và ra về với tấm bằng công nhận: Bạn đã bay lên trời.

Đi khinh khí cầu ở Luxor đơn giản nhưng cũng không giản đơn. Việc đầu tiên, tụi tôi phải chọn được một hãng giá cả hợp lý và an toàn. Các nhà nghỉ ở đây thường giới thiệu để ăn hoa hồng nên việc lấy thông tin quá dễ dàng. Chỉ có điều thật khó để biết hãng nào tốt, xấu khi mà các tờ rơi đều đẹp và hấp dẫn. Chọn tạm một hãng vì có thể kì kèo làm giá với anh chủ nhà nghỉ, cả lũ an tâm ngồi đợi trời sáng, cho chuyến du ngoạn ngắm bình minh. Chuyến du hý trên không này diễn ra trong năm 2012, khi tai nạn khinh khí cầu thảm khốc ở Luxor năm 2013 chưa xảy ra, nên lúc đó tất cả vẫn còn phấn khích, hào hứng không chút lo sợ. Nếu mai này quay lại Ai Cập, tôi ngờ là cả năm đứa sẽ chẳng dám đặt chân vào cái giỏ mây khổng lồ ấy nữa.

Ngày hôm đó thì khác. Ngày hôm đó, chúng tôi được đánh thức từ bốn giờ sáng. Sau đó anh hướng dẫn viên du lịch lừa cả lũ ra ô tô. Có đến chục cái ô tô cũng tụ lại một điểm để đón khách từ các nhà nghỉ khác nhau. Du khách ai nấy đều mặt mũi bơ phờ, ngái ngủ, dù trong lòng đầy phấn khích. Xe chạy trong bóng tối. Xe chạy qua đường đất

bụi. Xe chạy tới sông. Thuyền lúc này đã đậu chặt bến. Từng nhóm nhỏ lên thuyền, ở đó có bày trà bánh cho bữa sáng, dưới ánh đèn vàng leo lét. Mọi người hào hứng, ăn bánh, uống trà, bàn tán về hành trình gần gũi sắp tới, còn anh lái thuyền vẫn chăm chú nhìn vào màn đêm. Qua sông là lại lên xe, xe tiếp tục chở người băng qua những con đường hoang vu như đi vào sa mạc. Chạng vạng sáng, có tiếng gió len như tiếng than khóc của Esos trước xác con trai “Memnon, Memnon”*. Chính vì thế mà ở đây, hai bức tượng Pharaoh khổng lồ Amenhotep III trước đền của ông lại mang tên người anh hùng thành Troy - Memnon. Hai bức tượng ghép từ hàng trăm khối đá, đã bị xước mặt, sừng sững trong ánh sáng nhập nhoạng của ngày mới.

** Trong thần thoại Hy Lạp, Achille đã giết chết tướng thành E'thiopie là Memnon, Memnon vốn là con trai của nữ thần Rạng Đông Esos và người anh hùng Tithonos*

Trong ánh nhập nhoạng ấy, những quả khí cầu đã bay lên, một vài quả nằm lại dưới đất, che phủ một vùng rộng lớn. Những khối lửa được đốt lên, lan tỏa hơi ấm. Ai Cập những ngày đông thật lạ, sáng lạnh tím môi mà đến trưa thì nắng bức, mồ hôi không toát ra được. Chút lửa từ những quả khinh khí cầu chuẩn bị bay làm hồng đôi gò má, hồng cả bầu trời. Trên chiếc giỏ to, vài chục người chen chúc, hăm hở cho lần đầu lên cao theo mặt trời. Khí cầu dần bay lên, tôi hào hứng hết sức. “A a, bay rồi”. Tôi quay sang lũ bạn cười sung sướng. Khí cầu từ từ xé toang tấm màn sáng nhờ nhờ. Bầu trời tím tím dịu dàng. Cô bạn quay sang: “Máy ảnh nào có thể chụp được đẹp như mắt mình thấy đây?”.

Khí cầu bay tới đâu, mặt trời hiện ra đến đó. Trời nhá nhem bắt đầu sáng dần lên. Khối không khí màu đỏ rực hiện mờ mờ từ phía xa, rồi rõ nét qua những cánh đồng mía. Những rặng núi không tên có tuổi cứ nâu dần trong làn sáng. Mặt trời đi lên từ đất, nằm phía bên kia sông

Nile, mang từng lớp ánh sáng trắng, vàng, đỏ cho bầu trời vô sắc. Thế rồi, từ từ, nhẹ nhàng, khí cầu bay lên, đưa mặt trời, quang cảnh sông Nile, nhà cửa, cánh đồng, thung lũng vua, hoàng hậu và người đàn bà quyền lực Hapchepsut vào tầm mắt. Bụi ở đâu bắt đầu bị thổi lên.

Khí cầu bay nhẹ nhẹ, là là, tưởng chừng như đứng yên tại chỗ. Người điều khiển khinh khí cầu bắt đầu giải thích về các thung lũng. Thung lũng của các vị vua với khoảng 63 ngôi mộ của nhiều triều đại từ 18 đến triều đại 20, vẫn đang được khám phá. Nếu như tới Abu Simbel hay Luxor hay bất kỳ nơi nào cũng thấy dấu vết của Ramset II thì ở thung lũng này lại là nơi hiếm hoi thấy được ảnh hưởng của con trai ông - Ramset III. Mộ của Ramset III vĩ đại còn nguyên vẹn trong lòng núi với những bức vẽ màu sắc tinh xảo. Mộ hoàng hậu và hai con trai của ông cũng là nơi duy nhất mọi người được tham quan bên thung lũng các hoàng hậu. Xa xa còn có thung lũng của các quý tộc thời đó. Những thung lũng này chứa nhiều lịch sử, nhiều vàng bạc châu báu cũng như sự đổ kị chôn sâu dưới các lớp đất đá. Ở đó không có những kim tự tháp to lớn, phô trương, bởi nỗi sợ hãi không chỉ nằm ở kẻ thù mà còn gió cát sa mạc và nước sông Nile.

Thứ duy nhất uy quyền và có thanh thế có lẽ là đền thờ Hapchepsut, nhưng không nó thuộc cả hai nơi trên. Tôi vẫn luôn thích nói về Hapchepsut - một nữ Pharaoh chính hiệu. Hapchepsut từ một công chúa trở thành hoàng hậu khi lấy chính em trai mình. Bà lên ngôi khi chồng chết, trị vì 21 năm (có tài liệu nói 16 năm) tới khi bị cháu trai - con riêng của chồng cũng là con rể bà lật đổ và cướp quyền. Hapchepsut tự xây cho mình khu đền nằm ngoài thung lũng hoàng hậu, tựa lưng vào thung lũng nhà vua, nhìn ra dòng sông Nile xanh ngắt. Pho tượng của bà đầy nam tính, không tóc giả, váy mỏng như nữ hoàng Neferiti hay nữ hoàng Cleopatra - những người còn lại trong bộ ba nữ quyền của lịch sử Ai Cập cổ. Hapchepsut đội miện, quần vải

gọn gàng, y chang một Pharaoh thứ thiệt. Người phụ nữ tham vọng này không là vua, không phải hoàng hậu, bà là tất cả.

Khí cầu bay cao lên, thế giới dưới chân rộng dần. 5.000m, 6.000m, rồi 7.000m, tôi không tin nổi mình đã bay cao tới thế (dù vẫn chăm chăm nhìn vào máy đo độ cao). Không khí mát lành của một ngày mới ùa vào mắt, môi và tràn ngập lồng ngực. Khí cầu ôm trọn một ngày mới. Nó khiến tôi lâng lâng tới cả khi đáp xuống giữa mênh mông sa mạc.

Quá khứ chẳng bao giờ ngủ yên, trong gió cát vẫn còn những tiếng vọng từ ngàn xưa “Memnon, Memnon” thật da diết.

Những người Ai Cập da đen

Chuyến đi tới Ai Cập của tôi được bạn bè vạch sẵn kế hoạch: Cairo, Aswan và Luxor. Ai cũng biết ở Cairo có hệ thống kim tự tháp Giza, ở Luxor có thung lũng các nhà vua và hoàng hậu, còn ở Aswan thì có gì? Tại sao nó lại thành điểm đến của chúng tôi? Ban đầu, tôi chỉ nghĩ đơn giản, mình muốn tới đền thờ Abu Simbel của Pharaoh Ramses II cùng vợ Nefertati, muốn tìm con cá sấu trên hồ Nasser, hay xem cây cột obeslik dang dở, to nhất thế giới, to tới nỗi chưa bao giờ được dựng lên. Sau này, tới Aswan rồi, tôi mới biết, ở đây có nhiều điều hơn để khám phá. Có quá nhiều câu chuyện ẩn sâu trong thành phố này, như chuyện về những người Nubian chẳng hạn.

Người Nubian hay còn gọi là người Kush, khác với những người Ai Cập còn lại, họ có màu da sẫm, dáng thô, thích đeo khuyên vòng, nên còn được gọi là người Ai Cập da đen. Cách gọi này thực ra chỉ đúng với hiện tại, khi người Nubian sống lẫn với những người Ai Cập da trắng trong các thành phố ở đất nước này. Còn lật ngược về quá khứ thì cách gọi này hoàn toàn sai lầm.

Người Nubian là một tộc người khác biệt, họ có văn hóa, có ngành nghề và ngôn ngữ riêng - thứ tiếng được ghi nhận là một trong những ngôn ngữ châu Phi cổ xưa nhất. Người Nubian xưa xây dựng một vương quốc hùng mạnh ở phía Nam, bên bờ sông Nile, nơi Nile xanh và trắng bắt đầu rẽ ra. Vương quốc này sống hòa thuận với Ai Cập, định cư ở thủ phủ Thebes (nay là Luxor) cách đó chừng nghìn kilomet. Hàng hóa trao đổi của dân Ai Cập một thời xuống phần kia của châu Phi, ra biển Đỏ đều phải đi qua vùng đất Nubian này. Cuộc sống ở đây

thật hiền hòa như nước sông Nile, cho đến khi sự tham lam lấn át tất cả.

Khoảng năm 2000 trước Công nguyên, người Ai Cập bắt đầu xâm lấn và thống trị vương quốc của người Nubian. Tuy nhiên, trong thời kỳ người Ai Cập bị yếu do các kẻ thù như Hyksos tấn công, người Nubian đã đứng lên, giành quyền lực, mở ra kỷ nguyên Kushite trên lãnh thổ Ai Cập vào khoảng năm 700 trước Công nguyên. Piye chính là vị Pharaoh người Nubian hay còn gọi là Pharaoh da đen đầu tiên trị vì Ai Cập trong ba phần tư thế kỷ. Những vị Pharaoh da đen này đã áp đặt văn hóa của người Nubia lên đất nước, như xây dựng kim tự tháp không có chóp nhọn mà là đỉnh phẳng, cạnh bên dốc hơn, giống những kim tự tháp của người Sudan. Trong khi đó, người Nubian lại chịu ảnh hưởng của quần áo và chữ viết của dân Ai Cập. Thời đại rực rỡ của người Nubian chỉ kết thúc trước sự xâm lược của người Assyrian từ châu Á. Họ lại lui về sống ở chốn cũ, phía Nam bờ sông Nile.

Mọi việc có lẽ đã yên ổn, cho tới khi người Ai Cập hiện đại cho xây dựng đập High Dam ở Aswan. Những ngôi làng của người Nubian nằm ở hạ lưu con sông đã bị nhấn chìm trong nước. Chỉ khoảng 50.000 người Nubian sống sót, rải rác khắp nơi. Họ dần đánh mất mình, hòa vào trong những người Ai Cập còn lại. Tuy nhiên, phần đông những người da đen này vẫn cố bám lại Aswan đầy bụi đường đất đỏ. Thành phố này nằm im trong gió cát sa mạc, bên sông Nile xanh biếc, nơi những cánh buồm trắng Felucca vẫn căng trước gió.

Một trong những cánh buồm đó đã đưa tôi tới một ngôi làng nhỏ của người Nubian, nằm trên hòn đảo Elephantine. Trong ráng chiều, những con lạc đà đi về nhà, in bóng khổng lồ bên những đụn cát, trông thật buồn. Dọc đường đi, bên sạp hàng, có người đàn ông đang ngồi làm cốc cát. Ông tỉ mỉ đổ cát vào chiếc cốc thủy tinh nhỏ, lớp này

chèn lên lớp kia, các màu sắc xanh đỏ, tất cả đều là cát tự nhiên, tạo nên những bức tranh thật đẹp. Những cây dừa, những con lạc đà, những cánh chim nhỏ đang bay, tất cả đều cố gắng sống trên những triền cát bao la. Vũ trụ hay sa mạc đều có ngôn ngữ riêng của nó, phải hiểu thì mới sống nổi. Những người Nubian tội nghiệp này, họ biết rằng họ sống với sa mạc thì phải chấp nhận, phải yêu gió, cát, tận dụng chúng để sống sót. Họ đã khéo léo biến những bụi bặm kia thành những bức tranh cát hay đồ gốm đẹp đẽ. Chúng tôi đi quanh các gian hàng, mọi thứ thật dễ thương, rẻ và đượm chút lưu luyến thời quá khứ.

Những ngôi nhà ở đây xây bằng đất không có mái nhìn thẳng lên trời, người dân bảo ở đây chẳng bao giờ có mưa. Họ thèm khát mưa tràn vào nhà để rửa trôi hết những bụi bặm. Dù không có mái nhưng những ngôi nhà cũng chia làm các tầng khác nhau. Ngõ trên tầng cao nhất, có thể thấy cả trời đêm sa mạc rất rộng lớn, với vô vàn những ngôi sao sáng. Sao nhiều như thế, làm sao mà có mưa đây? Câu hỏi đó có lẽ cũng hằn lên khuôn mặt của những người đàn bà Nubian. Những người đàn bà béo tốt, đứng khắp nơi, bán những thứ đồ chơi tự làm. Họ làm những con búp bê gỗ đầu đội gạo, bánh, hay ngũ cốc để mang đi bán, da ngăm đen, tai đeo khuyên to, với bộ quần áo vải mỏng quấn quanh. Những con búp bê ấy cũng giống như những người Nubian xưa, khắc khổ, đội mưa nắng.

Trong những ngôi nhà, cá sấu được nuôi như thú cảnh. Cá sấu mõm nhọn, răng sắc khiến khách tới đều run sợ. Nhưng thịnh tình mến khách của chủ nhà khiến nỗi sợ qua nhanh. Những người phụ nữ nhanh chóng dọn mâm cơm: thịt viên, Koshari, súp, trà, tất cả đều rất ngon. Khi bữa cơm xong, một bà lão mang theo bút và mực ra, cầm lấy tay chúng tôi vẽ Henna. Henna là một loại hình xăm rất tinh tế của người Ai Cập, vẽ bằng loại mực đặc biệt, có thể bị phai dần sau một tuần. Tôi đòi bà vẽ cho hình xăm hình kim tự tháp Ai Cập với con mắt ở trên. Con mắt thánh này luôn được người Ai Cập tôn thờ, giúp

chống quý dữ và làm người ta nhìn được sáng suốt hơn. Cô bạn Vân của tôi vẽ hình con mắt riêng, còn Trang chọn hình hoa phức tạp chạy dọc cả bàn tay. Hình xăm Henna đó đã theo tôi suốt hành trình Ai Cập thú vị. Nó luôn làm tôi nhớ tới những người Nubian hiền lành, cam chịu, dễ thương.

Những người Nubian dù mất vương quốc, mất mảnh đất sống, vẫn kiên cường, như những kim tự tháp vững chãi ngoài sa mạc. Có lẽ họ thì thầm với nhau “Mabtuk” - mọi việc đã định sẵn rồi, hãy vui vẻ chấp nhận.

Tôi đi chợ

Người ta ai cũng trải qua các giai đoạn: bé, lớn và già. Điều đó tương đương với việc: đi học, đi chợ, và đi chơi. Nhỏ thì phải học cho giỏi. Giỏi để biết cách kiếm tiền đi chợ. Đi chợ để nuôi thân và nuôi con. Con khôn lớn để nhàn nhã đi chơi. Mỗi giai đoạn chiếm 20 năm là hết cuộc đời. Đi chơi sướng, đi học cũng không khổ, chỉ có đi chợ là mệt mỏi, gian nan. Ý tôi không chỉ ở việc tham gia chợ lao động, kiếm tiền đi chợ, mà thực sự đi chợ đúng nghĩa đã là cực hình. Nay ăn món gì? Mai ăn món gì? Bố nó thích nhắm gì? Mẹ nó muốn húp canh gì? Thằng cu ăn gì thì lên cơ? Con gái ăn gì để giảm cân? Mẹ chồng liệu răng còn khỏe? Cứ thế mỗi cuộc đi chợ là một lần cân não.

Chợ, mới nghe từ đó thôi đã thấy nhộn nhạo. Từ những chợ lớn như Chợ Lớn, Đồng Xuân, cho tới những chợ nho nhỏ len lỏi theo các đường tàu, hoặc dọc cái ngõ phố Hà Nội đều có đời sống riêng, được tạo nên từ những tiếng rao hàng, mặc cả, hay số phận những con người ở đó. Như cái ngõ chợ Dịch Vọng nhỏ xíu ấy, cô Thủy bán rau, người còm cõi mới bốn mươi tuổi mà như bà già sáu mươi, có ông chồng nghiện rượu, đã kịp lên chức bà ngoại vài năm rồi. Cô ốm đau liên miên, bán hàng xởi lởi ai cũng thương, cũng cho. Cạnh cô, một người đàn bà bán rau khác, hần học, ghê gớm, có đứa con gái mười lăm tuổi bỏ nhà đi, mười bảy tuổi về trên tay bế một đứa trẻ. Còn bà hàng bún bị đau lưng kinh niên, vẫn miệt mài ngồi bán, cố gắng trả nợ cho chiếu bạc. Đấy, cái chợ nào cũng thế, những lời qua tiếng lại, những lời ong tiếng ve, ghen ghét có, mà yêu thương cũng có.

Ngày bé xíu, cậu vẫn hay đưa tôi ra chợ. Hồi đó, người yêu giờ là vợ cậu có sạp hàng ở đấy. Tôi cũng không nhớ gì nhiều, chỉ nhớ mỗi lần ra, cô hay mua bi zon zon cho ăn. Bi zon zon đựng trong gói giấy như cái phễu, cuộn từ giấy viết của học sinh, hoặc giấy báo, phảng phất mùi vanilla. Vị giòn ngon mà tới tận bây giờ còn thồn thức. Ngày xưa dì tôi cũng bán hàng ở chợ. Dì có cái sạp lagim, bán đủ thứ kim chỉ, đá lửa, phéc mơ tuya, cho tới quần áo trẻ em và đồ lót phụ nữ. Cái sạp của dì ở ngay đầu chợ Điện Biên, chỉ cần ra khỏi bãi gửi xe là thấy. Người ta muốn vào trong chợ phải đi qua cái lối hẹp hẹp, toàn mùi quần áo Trung Quốc của sạp dì và sạp bác Tuyết đối diện. Hồi đó, tôi học lớp Một ở trường tiểu học Điện Biên. Sau giờ học mà mẹ chưa đón, lại hay chạy ra chợ, ngồi đong đưa ở sạp dì, đợi mẹ tới. Dì chịu thương chịu khó mà số mãi không giàu lên được. Không giàu nhưng thảo tính, cháu chắt thích gì là lấy, tới là cho ăn, nên đến sạp hàng của dì rất thích. Tôi hay qua nên cũng biết vài người, vài bác bán lagim giống dì, vài bác bán vải may áo cho mẹ, cả bác bán bánh khoai hay mấy cô bán tôm. Trong khu chợ đấy, người ta truyền miệng nhau về những mảnh đời kỳ lạ, dang dở, và thiếu thốn.

Cuộc sống ở chợ phức tạp, nhiều mùi, nhiều vị, nhiều khi phải tránh xa.

Tôi đã gặp sự đa dạng mùi vị đó ở Grand Bazaar thuộc Istanbul. Cái Bazaar này đã hân hạnh được anh James Bond lao xe máy xuống, sứt cả trần, vỡ cả gạch lát trong bộ phim bom tấn “Sky fall”. Nếu không có anh thì Bazaar này cũng đủ lộn xộn rồi. Những hàng khăn lụa sặc sỡ, những con mắt quý dử ở khắp nơi, hàng đèn hay đồ nhôm sáng lóa, hàng bán kẹo gôm thơm lừng, những hũ đựng đầy hạt dẻ, hạt hướng dương, còn trà đen, trà nhài ấm áp chực rơi khỏi bồ. Chỉ nhìn qua chợ sẽ tưởng rằng cuộc sống ở đây sung túc lắm. Dân bán dèo mỏ vô cùng, họ biết cách lôi kéo, tâng bốc, vuốt ve thật khéo léo. Tôi cân nhắc mãi cuối cùng vẫn bị một anh lừa mua hai cái khăn lụa cho mẹ và chị

Thảo, anh khác thì lừa mua đồng kẹo delights lúc thử thì ngon mà khi về mở ra toàn thấy đường cục. Nhưng bù lại tôi đã tán được anh khác bán cho đôi giày màu hồng nhạt, xỏ dây cói thật dễ thương với cái giá đáng yêu vô cùng. Vậy là tôi có thể tung tăng tưng tưng đi khắp Bazaar. Tôi thích cuộc sống ở chợ, nó phản ánh được một phần xã hội dung thứ nó. Có vài cuốn sách có ưu ái dành riêng chỉ viết về Grand Bazaar và cuộc sống lam lũ của tiểu thương nơi đây, rất thú vị. Uống một ly trà Thổ, ăn một chút hạt khô, rồi họ uốn lưỡi vài lần để chèo kéo, thế là khu chợ của mình.

Cái chợ lớn này chỉ bán cho khách du lịch và người lao động. Tầng lớp cao như Godze hay em gái cô ấy thì ở Istanbul tới mười năm cũng không biết Grand Bazaar là cái gì. Cũng như chợ Khan Al Khali ở Cairo, đó là một cái nồi súp thập cẩm thú vị chứ còn gì nữa. Từ quần áo, đồ ăn, tới đồ lưu niệm đều có thể dễ dàng tìm thấy ở đây. Cùng hét giá như nhau nhưng dân Ai Cập thì khéo mồm hơn chút, khiến người ta dễ thờ và dễ thích. Tôi thích những vụ trả giá cho có ấy. Không hẳn sợ mình bị thua thiệt, nhưng không trả giá thì không chịu nổi. Trả giá là cách vui vẻ, thú vị nhất để liên hệ với những con người thổ địa. Không giống như ở Việt Nam, khi trả giá luôn phải dè chừng kéo bị chửi trước mặt, đốt vía sau lưng. Ở đây những cuộc ngã giá diễn ra thân thiện, hòa bình, đầy những nụ cười và những câu nói hóm hỉnh.

Câu đầu tiên của một anh bán hàng ở Khan Al Khali luôn là: “Em à, em tên gì? Từ đâu đến? Khách sạn ở đâu”, “À Việt Nam hả, chào mừng, chào mừng” rồi nhoẻn miệng cười thật tươi, liếc mắt qua lại rất dễ thương. Hoàn cảnh tạo nên con người. Người bán hàng dễ thương thì mình cũng tự động ngọt ngào đáp lại, như kiểu: “Cô bạn em dễ thương vậy thì anh phải giảm giá chứ” hay “Em biết anh tốt, thế thì anh giảm giá cho em đi”, “Em biết giá là phải thế, nhưng đó là cho thẳng bạn em, cho em thì phải khác chứ” hoặc “Thôi bác giữ lấy mà bán, cháu xin lỗi vì đã làm tổn thời gian” rồi giả vờ ra đi, là các bác

bán hàng sẽ í ới gọi lại “Để bác bán cho em”. Cứ tầm một phần tư giá là chấp nhận được rồi, cả hai sẽ cùng vui vẻ.

Đó là chợ của người Ả Rập. Chợ Ả Rập thì đâu cũng vậy, dù ở Bắc Phi hay ở Choisy le roi của Paris. Chợ của người châu Âu không có giãn như thế. Hồi đi Fizenre, chúng tôi tới chợ đồ da ở đây và chịu không trả giá được gì. Thực ra cũng có trả giá một chút cho có, nhưng người bán gần như chắc nịch với mức hét giá ban đầu. Dĩ nhiên chất lượng sản phẩm cũng an tâm và xứng đáng với giá tiền. Toscana vốn nổi tiếng với món thịt bò nướng và các đồ dùng làm từ da bò. Chúng tôi đã ăn đĩa bò 40e/kg ngon lành và mua tới chục cái túi ví to nhỏ đẹp đẽ. Chợ đồ da này có đầy đủ: túi, ví, mũ, quần áo, đều từ da bò thơm lừng, sờ vào mềm cả tay. Có một anh đầu trọc, đẹp trai, cao lớn lại vui tính bán hàng rất duyên, đã giữ chân bốn đứa cả buổi. Anh nói: “Tao không phải người Ý, tao là người Fizenre thôi”.

Anh bán hàng đáng yêu ấy không chỉ bán được rất nhiều ví cho bốn đứa khù khờ mà còn kịp tán tỉnh Huyền, nháy mắt với Giang, và mời cả lũ về nhà ăn tối. Tất nhiên đó chỉ lời đường mật đầu môi. Sau này tình trạng ấy lại xảy ra với bốn đứa con gái khác (trong đó vẫn có tôi) khi tới Porto. Chợ trời Porto nằm ngay bên sông Duoro với khách hàng trung thành là nấng. Ở đó, những sạp hàng đồ thủ công mỹ nghệ và anh chàng khắc vòng tay da đã níu chân cả lũ hàng tiếng trời. Các em gái thi nhau mua vòng cho bạn, tôi với Giang thì mắc kẹt ở những hàng bán khăn, tạp dề, đồ gốm sứ và con gà trống Barcelos trứ danh. Hàng hóa ở Porto đẹp, rẻ, dễ khiến khách du lịch hài lòng, không như ở các thành phố lớn như Paris.

Nếu đi chợ trời ở Paris hay bất kỳ thành phố lớn nào ở Pháp thì bạn cũng sẽ thấy đồ ăn ở đây còn đắt hơn ở siêu thị. Hoa quả, rau xanh, sữa tươi, bánh mì hay pho mát đều của nhà trồng được, tươi ngon đặc biệt, điều mà khó có thể tìm thấy ở siêu thị nào. Vào sáng chủ nhật,

khi cửa hàng cửa hiệu đều đóng cửa, người Paris tìm tới các chợ trời. Chợ trời thường được dựng rạp từ đêm trước, sáng hôm sau tầm chín giờ trở ra đã nhộn nhịp người và hàng. Chợ thường chỉ nằm dọc những con đường, không rộng mà thật dài, có khi tới một hay hai cây số.

Sạp hàng cá tươi: cá trích xanh bóng, cá hồi hồng, cá hương đốm xám, bên cạnh là tôm càng nhon, cua biển, ốc, sò điệp được ướp lạnh trong đá. Ốc hay con sò amande về chỉ cần hấp nhẹ, thái lát cá hồi rồi chan lên hỗn hợp nước tương và dầu olive, hoặc kỳ công hơn thì mang nướng sốt cam, trong khi đợi thì cho nôi moule lên bếp với cần tây và kem tươi là thành bữa trưa cuối tuần ngon tuyệt. Quầy hải sản bé thôi mà người xếp hàng dài tới cả chục mét và mùi tanh thì lan tỏa nửa khu chợ.

Cạnh đó quầy thịt lợn hồng hồng cả thịt tươi và thịt muối. Những hũ thịt đông nấu từ sách bò hay đầu heo óng ánh dưới lớp gel. Pate, mouse và rilette tranh nhau tìm vị trí trên những lát bánh mì. Pate campagne thân thuộc với hỗn hợp lẫn giữa những miếng mỡ và gan hạt lựu, trong khi mouse thì mịn màng như kem, ăn hơi ngán, chỉ quét nhẹ lên bánh mì khô là xong bữa sáng. Rilette thì vẫn còn những thớ thịt như ruốc xen giữa, thi thoảng còn có mùi rượu nồng nồng, ví như loại Terrine làm từ thịt lợn rừng Sanglier hay thỏ.

Những quầy này còn có mật ong và pho mát đủ loại. Pho mát đông cứng, to như bánh xe, có lỗ như pho mát trong phim “Tom và Jerry”, được cắt thành miếng vuông vắn. Pho mát tươi còn ngâm trong nước như đậu phụ. Pho mát dê nồng, pho mát brie để nướng, pho mát dạng kem mềm, pho mát có nấm xanh bên trong, pho mát có mốc đen bên ngoài, nhìn đã thấy vị béo ngậy trên bề mặt răng. Còn mật ong thì đủ màu, tùy thuộc vào từng loại hoa mà mật sẽ đặc như kem hay lỏng như siro. Tôi thích mật màu vàng nhẹ, đặc như kem của loại hoa li ti gì đó

màu tím như oải hương, khi về pha với nước nóng và chanh thì ngon tuyệt.

Nói về mật ong, lại phải nói tới mứt, cũng được đựng trong những hũ thủy tinh nhỏ, ở ngoài dán giấy trắng, tên viết tay. Mứt cũng đa dạng, mứt quả mâm xôi, mơ, đào, dâu tây, quả vả, những quả rừng tí hin và hay nhất là quả cây Rhubarb, một loại cây thân xốp, lá như lá cải, có vị chua nhưng làm mứt thì ngọt lịm. Loại mứt này chị Thảo phải lùng mua ở chợ Bayeux trên Normandy mới có. Mứt đủ màu sắc, chen chúc trên những bàn gỗ xinh xắn.

Bên cạnh là gian rau củ đẹp mắt, tất cả tươi rói, cam, vàng, xanh xen lẫn. Người bán luôn tay luôn chân, chào mời, nếm thử, cân đong, đóng túi. Dâu tây của Pháp có đến chục loại, dâu rừng, dâu mâm xôi, dâu Charlotte, nhỏ xíu, bóng bẩy, đỏ rực, mọng lên, ngửi mùi vừa ngọt vừa thơm mát. Anh Eric dẫn tôi vào một sạp. Bà bán hàng dễ thương mời ăn thử thứ dâu nhỏ mà ngọt lịm ấy. Anh Eric mê quá mua về ăn với Chantilly. Những người phụ nữ khác, họ còn mua về làm bánh, làm mứt. Con bé con trong đoàn sà vào hàng hoa bên cạnh, đang được bà bán hàng cưng nựng.

Hoa đa sắc trong những xô chậu hay bó giấy. Mùa xuân mang tới tulip bảy màu, đồng tiền nhiều cánh, loa kèn chúm nụ, cúc đoá lớn, ly thơm, ớt đỏ, những cây hoa li ti tím hoặc xanh nhạt, những giỏ thường xuân và dương xỉ xanh mượt. Hoa ở chợ thường tươi và rẻ hơn trong tiệm hoa, mọi người thích tới sớm để kiếm những bụi cẩm tú cầu chưa bị nhàu cánh.

Có mùi thơm ngọt ngào của gà nướng lá thơm, mỡ ri ri chảy xuống đám khoai tây bi bên dưới. Hàng bên cạnh là những chảo to rán nem hoặc samosa ngậy ngậy. Đồ ăn từ chín đến sống đều ngon mắt, thơm mũi. Quần áo, giày dép, ngay cả thảm và bàn ghế cũng có. Chợ trời thường cố định họp một tuần hai buổi sáng, mang những vẻ đẹp của

thôn quê lên thành phố. Vào mùa hè tôi hay đi chợ trời để mua cherry, chợ ở đường Auguste Blanqui hoặc Avenue d'Italie. Cherry lúc đó vào mùa, đỏ mọng, ngọt lịm, căng bóng, nên mua ở chợ rẻ hơn siêu thị. Nhất là chợ trời Palazzo của Torino, cherry hay cam, táo cũng chỉ một 1e/kg. Rau củ hay thịt ở đây đều rẻ, nên cứ thứ bảy, sinh viên thi nhau kéo xe tới mang về rau xanh cho cả tuần. Chợ thì thích thật đấy, nhưng mỗi chiều tan chợ, mùi hôi lại bốc lên nồng cả đường xe điện và phía lâu đài cổ của cố đô Savoie.

Chợ trời Paris còn có chợ đồ cũ và đồ cổ. Nổi tiếng thì có chợ ở Saint-Ouen, Vanves, Clignancourt hay Popincourt, còn hầu như ở khu vực nào cũng có những chợ đồ cổ và đồ cũ riêng. Những khu chợ này cũng đông vui nhộn nhịp như khu chợ đồ cũ bên ngoài Rome, mà có lần tôi, Giang, em Ngọc Anh đã không ngại khó để tới. Chợ Brocante này bán từ những thứ lớn như ti vi, tủ lạnh, tới những thứ tin hìn như bông tai. Chợ thường có những đồ khác biệt: nhạc cụ cũ, đồ dùng cũ, đồng hồ, hay quần áo cũ, mà khó có thể kiếm được ở những cửa hiệu mới. Dĩ nhiên đồ cũ thì rẻ còn đồ cổ thì đắt. Giang có thể kiếm được cái túi chỉ 2 euros nhưng người khác cũng có thể mua một cái đồng hồ với giá 100 euros.

Chợ, phải đi chợ. Không phải siêu thị mà phải chợ, bạn mới thấy được cuộc sống đa dạng, phong phú, cơ cực mà vui nhộn trù phú của cái thành phố bao bọc nó.

Cuộc sống nơi quảng trường

Ở bất kỳ thành phố nào, luôn có hai nơi có thể giúp bạn phác họa được bộ mặt của nó: chợ và quảng trường. Chợ thì tôi vẫn đi hằng ngày, quảng trường thì đôi khi. Khi du lịch thì ngược lại, quảng trường đi hằng ngày, chợ thỉnh thoảng.

Ở chợ, cuộc sống luôn là cuộc sống thật, nơi những mặt xấu ác đều được phô bày. Còn quảng trường lại khác, nó giống như một sân khấu lớn, người ta tới, diễn, hạ màn, người khác sẽ lên. Mỗi ngày hàng chục, hàng trăm vở diễn ra đời với hàng trăm, hàng nghìn nhân vật. Quảng trường đa sắc, phong vị như chợ nhưng có gì đó chau chuốt, làm màu hơn, bởi cái không gian mở ấy dành cho mọi người - diễn và xem.

Tôi bắt đầu ý thức về cuộc sống nơi quảng trường khi lần đầu tiên xem bộ phim “Nouvo Paradisco Cinema”, đó là một bộ phim Ý thú vị, sâu sắc, và xúc động nhất. Ở làng quê, Giaculdo, cuộc sống của người dân phơi bày nơi quảng trường trung tâm. Đàn bà nhuộm vải, đàn ông xén lông cừu, lũ trẻ tắm dưới vòi nước, những ông già ngồi hút thuốc, chơi xổ số và xem phim. Ở nơi đó, giấc mơ của họ bé con con như những ngôi nhà gạch, giấc mơ lớn nhất là trúng một phiếu lô tô, hoặc trở thành chủ nhân của cái quảng trường đó. Đó là bộ phim phản ánh thực tế nhất cuộc sống vui nhộn của nước Ý không chỉ ngày xưa mà ngày nay cũng vậy. Cuộc sống của họ vẫn xoay quanh quảng trường.

Sự thực thì cuộc sống ở quảng trường đã hiển hiện từ lâu. Đâu đó ở khu tượng đài Lý Thái Tổ, bọn trẻ vẫn rủ nhau trượt patin và nhảy hip hop; hay thanh niên tụ tập ở Nhà hát lớn khi đêm về. Chỉ là tôi vô tình

đi qua, vô tình không nhận thấy, giống như một kẻ dạo chơi ở thành phố của mình.

Một buổi sáng, tôi đứng chờ xe điện ở quảng trường Statuto trong lúc nửa tỉnh nửa ngái ngủ thì một sức mạnh vô thức nào đó đã mở toang vẻ đẹp sống động nơi quảng trường. Có lẽ nhờ tiếng đập cánh của con bọ câu bé nhỏ mà con mắt trần trụi được đối diện trực tiếp với vở diễn sau bức màn dày đặc ngày nào. Hôm đó, có gió thổi và từng con bọ câu đang bay lên trong nắng sớm. Chúng náo động vì tiếng bước chân vội vàng chạy theo chuyến xe đang lướt qua những ngôi nhà kiến trúc Liberty. Đá trên đường sáng bóng, âm thầm chậm theo mặt trời. Ngày xưa khi Torino còn là thủ đô của vương quốc Savoie, có ông vua đã bắt lát đá toàn bộ khu vực này, để có thể nghe được rõ âm thanh vó ngựa khuya trên đường. Thứ âm thanh sống động đó mang hơi thở vồn vã của không gian và sự gấp gáp của thời gian. Tôi hiểu sự gấp gáp ấy rõ ràng khi những ngày cuối năm học ở Polito tới ngày một gần.

Đáng lẽ tôi phải cảm nhận được cuộc sống sinh viên vô ưu, sung sướng của mình từ những ngày còn ở Louvain la neuve. Ngôi làng nhỏ bé ấy có quảng trường Place de l'université thật rộng. Ngày đầu thu, những chùm hoa màu hồng, màu trắng rủ xuống mỏng manh trên bức tường gạch. Sinh viên từ đâu kéo tới đông rộ ràng. Họ đứng, ngồi, tắm nắng, chạy nhảy đợi giờ học. Ngày thứ Bảy các xe tải chở đồ ăn kéo tới, lập thành chợ trời tấp nập. Ở đó có cái xe bán nem của một chú người Việt Nam mà ngày đầu Alex tới đã chụp ngay gửi khoe tôi. Còn ngày Chủ nhật, sân khấu này là của lũ trẻ con hưởng đạo sinh. Dù nắng dù mưa, chủ nhật nào bọn trẻ cũng tụ tập tại đây, tới chơi các trò đuổi bắt. Cứ thế, dù thành phố nhỏ bé này có thể heo hút ngày cuối tuần, nhưng quảng trường Place de l'universite không bao giờ vắng vẻ.

Không vắng vẻ nhưng tất nhiên nó không thể sầm uất, đông đúc như San Marco của Venezia. Quảng trường chim bồ câu là tụ điểm chính của thành phố nước, được các nhà hàng bao quanh, cứ hàng đêm lại có dàn nhạc ngoài trời, nên có lẽ chẳng đâu lại đông như ở đây, nhất là vào dịp Carnivale tháng Hai. So sánh với San Marco có lẽ quá vô lý, chỉ nên coi quảng trường làng ấy như một nửa của Place de République ở Paris là được rồi. Kỳ lạ là Paris to đẹp là thế nhưng ít có quảng trường nào thật sự ở khu trung tâm, trong khi Bruxelles bé nhỏ có cả một Grand Place nhộn nhịp và trộm cướp. Ở Paris người ta có thể tụ tập ở Luxembourg, kéo tới dọc sông Seine, đứng trước Notre Dame, ngồi ở Trocadero, hay trên bậc thang Opera, khoanh chân trước Pantheon, thư thái trên đỉnh Sacre Coeur, đôi khi nằm sõng xoài ở Champs de mar ngay chân Người đàn bà thép, nhưng lại không có nơi nào gọi là quảng trường chính. Place Republic có lẽ là quảng trường hiếm hoi mà người ta có thể kéo tới, ngồi lại, trước khi có thể tìm thấy niềm vui ở đâu đó như ném đá trên kênh Saint Martin giống Amélie Poulain.

Điều này cũng là sự khác nhau cơ bản giữa quảng trường Pháp và quảng trường Ý. Không chỉ đơn giản là ở Pháp boulangerie (lò bánh mì) bán bánh mì khắp nơi nhưng kem thì không có, một nơi lại dễ dàng tìm được gelateria (cửa hàng kem) phục vụ kem cả bốn mùa còn bánh mì thì không. Ý khác Pháp ở chỗ quảng trường ở Ý nhiều vô kể. Thực ra chê nước Pháp cũng không phải, bởi ở Anh, Thụy Sĩ, hay Bắc Âu cũng đâu có văn hóa quảng trường đặc trưng như người Ý. Người ta tới hội họp, nói chuyện vui vẻ, không tới mức cắm trại, uống trà, bàn chuyện chính sự như ở Tahir của Cairo, nhưng cũng đông vui như Taskim của Istanbul. Taskim nhộn nhịp, mười hai giờ đêm vẫn đầy ắp người, họ ngồi thành từng tốp nói chuyện vang trời. Những quán bán trà đen vẫn mở. Những người phụ nữ mặc áo đen hiếm khi ra ngoài, vậy mà mười hai giờ đêm tôi vẫn gặp ở Taskim, thế là đủ hiểu cuộc sống ở Istanbul gắn với quảng trường như thế nào.

Cuộc sống của người Ý cũng vậy. Có lẽ do tính cách thân thiện, hồ hởi, hòa đồng, thích lang thang, dân Ý mê ngoài đường hơn ở nhà. Ngày nắng đẹp, quảng trường Castello - trung tâm thành phố Torino luôn đầy rẫy các cô gái váy ngắn, những chàng trai quần short đứng nói chuyện và ăn kem với nhau. Có thể họ mua vôi ở nhà hàng Grom trên con đường mua sắm Garibaldi, hay từ hàng kem sữa chua đối diện Castello hoặc những hàng kem cách nhau chỉ vài chục mét trên đường Via Po. Kem của hiệu Gelato ngon ngọt trên cả tuyết vôi, thật khó cưỡng mà chẳng tội gì phải cưỡng lại cả. Tôi thích mê kem Nocciola ngọt bùi có màu nâu nhạt của hạt dẻ hazel nut và vị Pistachio xanh mượt của hạt dẻ cười. Tới bất kỳ cửa hàng Gelateria nào, ở bất kỳ thành phố nào, đó cũng là hai vị được ưu tiên số một. Sau đó, sự ưu ái sẽ chiếu tới kem dứa, kem sữa chua, Amarena với quả cherry ướp rượu, Straciatella với cái tên dài như cả thế kỷ có vị bánh quy, rồi kem nutella và tiramisu với vị ngọt thân thuộc. Tất cả nhét vào vỏ ốc quế cho một buổi chiều hè hóng gió ở quảng trường. Đi xa nước Ý, tôi nhớ điên cuồng Gelato và những ngày quảng trường có gió, có nhạc ấy.

Mỗi buổi chiều ở quảng trường Castello thường có anh chàng đẹp trai chơi guitar và hát những ca khúc tiếng Anh quen thuộc. Những anh chàng đậm chất nghệ sĩ luôn là sự yêu thích của Giang. Trong khi ông già đánh accordéon dọc Via Roma một buổi tối mưa đã làm Ly thốn thức. Còn tôi, tôi đã xúc động vô cùng khi mặc cho mình ướt nhoẹt, đứng lại nghe một ông già chơi đàn, ông đã hôn tay tôi cảm ơn ở quảng trường San Carlo. Ở Torino, ngay cả đêm nhạc MTV người ta cũng không đưa vào sân vận động mà biểu diễn ngay tại quảng trường Castello. Castello đông vui, nhộn nhịp, âm ì như khu fan zone của Varsava ngày Euro Cup. Hôm đó người dân ở đây tụ tập vui vẻ, cùng uống bia, xem bóng đá trước tòa nhà sừng sững như lô cốt - Palace of Culture and Science. Món quà to lớn của Liên Xô này chưa bao giờ được người Ba Lan thích và có thời họ đã không đón nhận nó. Thế

nhưng như người ta nói: Bóng đá và âm nhạc luôn là sứ giả của hòa bình.

Âm nhạc ở quảng trường hiển nhiên như trong bữa ăn phải có pasta của người Ý. Âm nhạc và tranh vẽ ở Navona làm tôi luôn yêu Roma sau tất cả những nóng nực, gồ ghề, bẩn thỉu mà nó mang lại. Tôi thích Navona hơn tất thảy những Popolo, Venezia, hay vòng tay Chúa trước Vatican. Navona là Roma, Roma là Navona. Hằng ngày, những nghệ sĩ vẫn tụ tập ở đây, họ hát múa, diễn kịch, mang tranh ra tô vẽ cho quảng trường Bốn dòng sông. Ngày tháng Bảy ấy, tôi tựa vào vai mẹ lim dim ngủ, tôi biết mẹ thất vọng về Roma lắm, còn bố có lẽ thích sự lộn xộn ở đây.

Đó là nước Ý, là quảng trường Ý, là cuộc sống Ý. Những quảng trường dù nhỏ xíu, dù chẳng có nổi một bồn phun nước, dù chẳng có gì ngoài một vòi nước róc rách - mà người Ý vẫn gọi là cái mũi như ở Sperlonga thì vẫn đầy ắp sự sống. Vậy đâu là nơi sống động nhất? Một người Mỹ nói rằng đó là Piazza del Campo của Siena. Thật kỳ lạ là cái thành phố yên bình, bé nhỏ, ít khách du lịch ấy lại sống động hơn cả, xếp thứ hai thế giới, chỉ sau một quảng trường ở Mexico.

Piazza del Campo của Siena rất khác biệt. Quảng trường này có hình vòng tròn, xây bằng gạch, dốc thoải xuống, giống như một cái lòng chảo, khác hẳn sự phẳng lì, vuông vức, đá lạnh của những người anh em khác. Có lẽ chính màu đỏ au ấm nóng của gạch, sự hút dốc vào trung tâm đã kiến tạo nên lũ đen lôi kéo người ta tới đây bất kể lúc nào. Họ nằm, họ ngồi, họ đứng, họ tán dóc, họ cười đùa, họ hôn, họ ôm, họ giăng co, họ cãi vã, họ chỉ không được ăn ở đây. Với cấu trúc giống như một nhà hát ngoài trời, quảng trường Campo càng mang cho tôi ám ảnh sâu khấu. Nhưng ngoài những người nghệ sĩ, chúng tôi, chúng ta đâu cần phải diễn ở quảng trường hay trong cuộc đời.

Quảng trường hay cuộc sống này không chỉ để ngắm nhìn, thưởng thức, mà phải lao vào, lao vào, lao vào nó hết mình.

Trái tim trên những con đường

Thật ngạc nhiên khi nói rằng tôi thích những ngày trời như thế này: nhiều lúc nắng vàng đậm, trời xanh thẫm, đôi khi trở xám, mây dày đặc, tưởng chừng như sẽ đổ ập xuống bất cứ khi nào. Cánh đồng bị đè nặng bởi khối bông gòn lớn, nén lại tới nghẹn thở. Chiếc xe ô tô chỉ là một cái chấm đen bé xíu, trôi giữa không gian xám đặc, u ám của một ngày gần như mưa. Những ngày này, trời ấm ươn, lúc nắng lúc mây, lúc ấm lúc lạnh, chả có gì thú vị nhưng nếu bạn đang trên một chiếc ô tô chạy ngang Thụy Sĩ, bên hông là cánh đồng hoa cải vàng rực rỡ thì quả là tuyệt vời. Tôi đang ngồi trên xe, nhâm nhi ly cà phê to bự (do chú lái xe pha) và đọc cuốn “Au coeur des Amériques” - “Từ trái tim châu Mỹ” (do chú lái xe cho mượn). Nghe thật kỳ quặc, giống như chú lái xe có tất cả mọi thứ vậy.

“Ôi trời, mình tôi với bốn quý cô à”, chú lái xe đã thốt lên như thế khi trước mặt là bốn cô gái không xinh đẹp. Ngày đầu tháng Năm, tôi leo lên xe của một người xa lạ. Ở Pháp, co-voiturage - hình thức đi chung xe rất phổ biến, vì giá phải chăng, được gặp gỡ những người xa lạ, thú vị vô cùng. Một chị gái thừa cân cấp độ một, xinh đẹp, ăn vận thời thượng với quần skinny, áo sequin lấp lánh được ưu tiên ngồi cạnh vô lăng. Tôi ngồi dưới, rúm ró bên người đàn bà trắng rớt, ăn vận đen tuyền, theo kiểu hippie hoặc grunge, thoảng mùi hương nồng nồng nhưng dễ chịu. Phía bên kia, một chị gái đầu tóc bù xù, mặc áo len cũng xù sồn cả lên, quần công nhân, đeo bóp ở thắt lưng, thô ráp không ăn nhập với đôi giày cao gót tí xíu. Một gương mặt xinh nhưng gu thời trang kỳ quặc. Tôi ngẩn ngẩn mồm mĩm, tự coi mình là đứa trẻ con giữa đoàn người.

Chuyến xe lao vun vút qua đất nước đồng hồ từ Lausanne, qua Geneve, Dijon để tới Paris. Mây gòn thành bông, lơ lửng trên những ngọn núi bạc đầu. Đàn bò sữa, bò vàng nhờn nhợt gặm cỏ bên những ngôi nhà gỗ nhỏ. Bé Heidi ở đâu rồi nhỉ? Tôi thấy hoa vàng, hoa trắng li ti trên cỏ xanh và hạt bồ công anh lơ lửng trong không khí. Nông trại nào đó có hàng rào trắng và hoa táo cũng trắng. Từng lúa mì mới mọc xanh rì, chạy bên dải hoa cải dầu vàng rực. Mùa xuân đấy, rõ ràng là mùa xuân, dù không có chim én, chỉ có chim sâu đang chinh chiến ở những bãi đá ở hồ Léman. Hồ Léman vào xuân xanh lắm, xanh lững lờ dưới dải sương sớm mai và bàng bạc trong chiều tà. Tôi vẫn nhớ hoàng hôn ở đây, dù giờ đang ngồi trên ô tô, đang lơ mơ ngủ gục.

Đấy, thì như tôi đã kể, chú lái xe rất tuyệt. Ở trạm dừng xe đầu tiên, chú pha cà phê rồi lôi ra đồng sách đưa cho ba chị gái, còn tôi, chị cuối lúc ấy đang ở nhà vệ sinh hoặc siêu thị nào đó. Chú nói gì tôi chẳng biết, chỉ biết khi lên xe thì họ truyền tay nhau đọc ba quyển sách của Jamel Bahli.

“Chúng ta giống như mấy đứa trẻ ngồi xem tranh vậy”, người đàn bà hippie kể bên tôi cười giòn tan khi lật cuốn sách ảnh “Si lointains, si proches” (Khi xa, khi gần), rồi vứt cho tôi quyển sách cũng nhiều ảnh không kém, tầm 300 trang với duy nhất một trang ảnh “Au coeur des Amériques” (Từ trái tim châu Mỹ). Bên kia chị công nhân đang đọc “Un thé a Shanghai” (Một tách trà ở Thượng Hải). Tôi với cái dạ dày bé nhất nên được ưu tiên mang cốc cà phê dở lên xe uống tiếp. Tôi nhâm nhi cà phê và bắt đầu đọc lời tựa.

“Mọi chuyện bắt đầu từ cái chết của một thanh niên ở nước Mỹ”, chết vì dùng thuốc phiện quá liều. Ở Mỹ, cứ 30 giây có một người chết, 24 giây có một kẻ ra đời, 20 giây có một người nhập cư, 20 giây có một kẻ định cư (trích từ sách, theo trí nhớ tạm bợ của tôi). Vùng đất

này mọi người tìm tới, khám phá, xây dựng cho mình một thứ gọi là Giấc mơ Mỹ. Có là giấc mơ không? Khi những người trẻ tuổi tìm tới thuốc phiện, nhiều kẻ tự tử, cảnh sát đầy đường, bạo lực và người dân mang súng trong người? Jamel muốn ra đi, trốn chạy khỏi cái giấc mơ ấy.

Thực chất Jamel đã chạy, đã chạy rất nhiều trước đó, đầu tiên là vì người bạn bảo: “Tới Thượng Hải dùng trà với tôi nhé”, thế là ông lên đường, bắt đầu từ trung tâm của nước Pháp - Nhà thờ Đức bà Paris.

Sau này khi kể cho thầy giáo về Jamel, thầy bảo: Ý nghĩa của việc chạy này là một hình thức tìm về sự giản đơn. Con người luôn cố gắng đi từ xe đạp lên xe máy, lên ô tô. Đến khi có ô tô thì họ tự hỏi: “Mình muốn có ô tô để làm gì?”. Sự tiến hóa của vật chất đâm ra dư thừa, khi dư thừa người ta sẽ nhàm chán. Thuốc phiện hay tự tử là một điều tất yếu. Nước Mỹ là thế”. David Herz, ông thầy người Mỹ của tôi nói, rồi lôi ra cuốn sách của một vị Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng từ những năm 1973, cùng chung ý tưởng. Trong đầu tôi, hình ảnh chín triệu chiếc xe đạp ở Bắc Kinh (Nine million bicycles) trong bài hát của Katti Melua hiện lên. Khi người Mỹ gắn với ô tô, người Trung Quốc đang đi về phía xe đạp. Tôi đang ngồi ở sảnh trường, uống cà phê ở Paris mà hiểu sâu hơn về ly trà Thượng Hải. Rõ ràng Jamel chạy không phải vì ly trà.

Jamel muốn tìm ý nghĩa cuộc sống. Jamel yêu tôn giáo, yêu tất cả. Ông từng hôn tay giáo hoàng, được ngủ trong nhà của Abraham, leo tới Tây Tạng, nhưng vẫn không hiểu ra thế là nào ý niệm tuyệt nhất (tuyệt đối và duy nhất) hay thế nào là giới cao? Khi trẻ, Jamel nghĩ mỗi người có một vũ trụ, họ là tâm điểm trong đó. Tôi hiểu điều này thành mỗi người một nhân sinh quan. Khi không còn trẻ, Jamel muốn thoát khỏi vũ trụ của mình, khám phá nhân sinh quan của người khác. Ông quyết định chạy, chạy từ Paris tới Thượng Hải, chạy dọc châu

Mỹ, châu Phi. Ông gặp những câu chuyện, những cuộc đời. Có thể là những ngôi làng bị bỏ hoang ở Alaska, những kẻ đào vàng một thời, những con người chạy trốn vào rừng sâu, săn thú để sống.

Khi ta sống một mình, giữa tám tỉ người hoặc hơn trên thế giới, thì ai cũng cô đơn và bị cô lập cả. Để tự chủ hơn, một số người vẽ ra một vòng tròn, chui vào đó ngồi, tìm cách cô lập chính mình trước, cũng là cô lập cái thế giới ngoài kia. Một cách sống mới rất tuyệt nếu họ tìm thấy sự tự tại trong đó. Khi đọc “Suối nguồn” tôi bị ảnh hưởng bởi cách sống “đừng bao giờ để mình bị phụ thuộc vào ai quá nhiều, nếu đủ nhiều nên dứt ra, bởi nhiều quá khi bị bỏ rơi sẽ không sống nổi” và “cách trả thù cuộc đời tốt nhất chính là hành hạ bản thân mình”. Ở sách của Jamel, tôi thấy vài con người biệt lập có cách suy nghĩ thú vị như thế. Chắc chắn không phải là Jamel, người luôn lăn lóc trên đường để tìm thấy bản ngã của mình và của thế giới.

Thú vị thật nhưng tôi đọc xong 20 trang thì lăn ra ngủ. Trong cơn mơ tôi cứ vang vọng “Khúc Thụy du”, dù trên đời này chẳng ai nợ ai cái gì. Có lẽ do bị Dương, cô bạn chủ nhà của tôi ở Lausanne đầu độc các đêm trước, hoặc do cái thứ nhạc rất Trung Quốc đang vang lên từ trong xe.

“Nhạc Trung Quốc sao?”, tôi bật dậy khỏi giấc mơ.

“Không, tao nghĩ là nhạc Việt”, chú lái xe quay lại.

“Tôi người Việt mà, không phải đâu”.

“VẬY CÓ LẼ NHẠC NHẬT”, MÁI ĐẦU MUỐI TIÊU NHÚN VAI.

“Cuốn sách này hay thật đấy”, tôi nói vọng lên. Quả thật tôi thấy nó tuyệt cú mèo. Cách viết văn hay tuyệt (hoa mỹ mà đủ dễ hiểu cho đứa cà tàng tiếng Pháp) và cả ý nghĩa độc đáo. Chú lái xe chẳng có động thái gì đồng tình. “Làm bộ”, tôi nghĩ chú ta phải mê mết tác giả lắm

mới có một đồng sách như thế ấy chứ. Tôi ngó lơ ra ngoài cửa sổ, quăng tâm thức lên một khối mây nào đó, mãi mê với những ý nghĩ không đâu.

Ở trạm dừng tiếp theo, chúng tôi lại xuống, lại uống cà phê. Ba chị gái lại chuyện trò sôi nổi. Tôi chịu, vì tôi chẳng giỏi tiếng Pháp. Chú lái xe với thứ tiếng Anh như dân Mỹ, quay sang hỏi chuyện. Chúng tôi nói vài câu xã giao.

“Chú làm gì ở Lausanne vậy?”.

“Tôi tới trình diễn ảnh của mình. Tôi làm nhiếp ảnh mà”.

“Ôi, tuyệt hảo. Mái đầu muối tiêu lại nhún vai rồi quay sang tiếp chuyện ba chị gái.

Rong ruổi trên xe, chụp ảnh, trình diễn, cách chú ấy pha cà phê, rửa cốc, đổ xăng, bơm lốp, cả mái đầu muối tiêu và cái cổ sẹo thật sự làm tôi ngất ngây. Nếu Francesca ở Bari bị gục đổ trước một chàng nhiếp ảnh trong *Những cây cầu ở quận Madison* thì ở đây cũng có con nhóc vằn a ở Paris bị cảm phục một lão làng nhiếp ảnh.

“Có ảnh con trai tôi trong bức ảnh ở Syrie đấy. Thịnh thoảng tôi cũng mang nó đi du lịch cùng”, chú ấy khoe khi chúng tôi bắt đầu lại hành trình. “Lúc đó nó lên ba”, chú cười tươi rói.

Tôi ngó vào quyển “Si lointains, si proches”, thằng nhóc mới dễ thương làm sao. Nó đang cảm nhận gió giữa đồng hoa, giống như August Rush đắm chìm trong bản giao hưởng thiên nhiên của mình. Tôi ngó lên nửa khuôn mặt người lái xe gân guốc mà thân quen. Trong một bức ảnh về hành trình của Jamel, có bức ảnh ông chụp cùng giáo hoàng, cũng nửa khuôn mặt ấy. Đấy, tôi đủ ngu ngốc để không nhận ra rằng mình đang được người đầu tiên chạy liên lục địa Á Âu chở đi. Con người đã vượt 25.000km dọc nước Mỹ tìm cho ra ý nghĩa của

cuộc sống ở xứ giấc mơ, con người đã vượt 80.000km để uống một tách trà ở Thượng Hải, đã đi qua 186 nước, chạy hơn 280.000km trong cuộc đời, người đó đang lái xe và kể chuyện cho chúng tôi về những chuyến đi.

Tôi nghĩ chắc chú ấy phải thích thú khi thấy khuôn mặt há hốc của tôi qua gương chiếu (lần đầu từ lúc lên xe, mồm há hốc không phải để ngủ). “Bây giờ tôi vẫn chạy, một tháng tôi dành 10 ngày cho du lịch, 20 ngày cho gia đình”. Tôi ngẩn ngơ, người mà tiếng trước còn đang trong sách, còn đang lên giây cót vô hình cho mình, đang ngồi ngay đây. Trời ạ, cuộc đời này thú vị thật. “Tôi thích người đi xe cùng gọi điện cho mình đặt chỗ, tôi có thể nghe giọng nói và biết mình sẽ đi cùng ai”, ngay cả cách suy nghĩ của chú ấy cũng thú vị.

Jamel, những quyển sách, chiếc ô tô cà tàng này nữa làm tôi thấy yêu hơn những chuyến rong ruổi của mình. Tôi thật sự lại muốn đi, đi thêm, đi mãi. Tuổi trẻ phải sống thật giản đơn và vui vẻ. Tôi nhìn ra bên ngoài, nắng quá, mây quá, đẹp quá. Hoa chuông linh lan có lẽ đang tỏa hương giữa độ tháng Năm. Tôi, chú ấy, họ, đều đặt trái tim trên những con đường. Những con đường chạy dọc, chạy ngang, qua núi đồi trơ đá, qua những ngôi làng bé nhỏ, qua những thảo nguyên xanh, qua những rừng cây non mọc. Tôi biết rằng trên đời có một điều luôn luôn đúng “Chỉ có cây đời mãi mãi xanh tươi”. Goethe à, trong cuộc đời đầy hy vọng này, trái tim tôi, xin cứ mãi lăn trên con đường.

“Khi tình đã vội quên, tim lăn trên đường mòn

Trên giọt máu cuồng điên, con chim đứng lặng câm

Khi về trong mùa đông, tay rong rêu muện màng.

Thôi chờ những rặng đông”.

(Trịnh Công Sơn)

Lausanne - Paris, 1/5/2012



Tuyết trên đỉnh Alps (Trượt qua nghèo đói)



Trượt tuyết ở Le mont dore (Trượt qua nghèo đói)



Mùa thu ở Oropa (Thu muộn ở Oropa)



Thung lũng đá Goreme (Goreme của anh cao bồi)



Mùa hoa cải ở Echallens (Bắt đầu từ Echallens)



Thành cổ Mycenna (Đế chế Mycenna)



Đạp xe giữa cánh đồng nho (Những vòng xe phân bột)



Etretat (Con vỏi con voi Etretat)



Thành phố trên lưng chừng trời Gordes (Những ngôi làng bốc cháy)



Thành phố Roussillon (Những ngôi làng bốc cháy)



Tuyết trên đỉnh Taygetos (Mùa đông Peloponese)



Vực đá Galway (Lang thang ở Ireland)



Cung đường Kerry (Lang thang ở Ireland)



Đạp xe ở Port Bessin (Những vòng xe Calvados)



Kênh Canal du Midi ở Toulouse (Mặt trời xin ngủ yên)



Vườn hoa nhà Monet (Hai giờ từ Paris)



Ngồi trên đỉnh Ardèche (Những vòng xe phân bội)



Hoàng hôn ở Zadar (Zadar không chỉ có hoàng hôn)



Nơi cắm trại ở Croatia (Zadar không chỉ có hoàng hôn)



Cinqueterre (Vùng đất bị biển mất)



Chèo thuyền Kayak ở Cassis (Muôn trùng biển ời)



Giant causeway (Viết tiếp câu chuyện người khổng lồ)



Cưỡi lạc đà ở Cairo (Thế giới Hồi giáo Cairo)

MAI THANH NGA

TRÁI TIM TRÊN NHỮNG CON ĐƯỜNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

ĐT: 04.37161518 - 04.37161190, Fax: 04.38294781

Website: **www.nxbvanhoc.com** - **www.nxbvanhoc.vn**

Email: **tonghopvanhoc@vnn.vn**

*** Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh**

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

ĐT: 08.38469858, Fax: 08.38483481

*** Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng**

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0511.3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập: Phạm Thị Thanh Điệp

Thiết kế bìa: Wazza Pink

Trình bày: Nguyễn Nguyễn

Sửa bản in: Thúy Thúy

In 2.000 cuốn, khổ 13,5x20,5 cm, tại Công ty TNHH In Thanh Bình

Địa chỉ: Số 432, đường K2, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số đăng ký KHXB: 713-2017/CXBIPH/27-52/VH ngày 14/03/2017

QĐXB số: 613/QĐ-VH cấp ngày 07/04/2017

Mã ISBN: 978-604-954-557-3

In xong và nộp lưu chiểu năm 2017

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT BẢN VÀ GIÁO DỤC QUẢNG VĂN

Trụ sở chính tại Hà Nội:

Số 31, Ngõ 150 Hoàng Công Chất, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-24) 3797 0609 * Fax: (84-24) 3797 0609

Văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh:

20/2 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 6297 0488 * Fax: (84-28) 6297 0488

Homepage: www.quangvanbooks.com

Email: info@newcenturybooks.com

Wordpress: quangvan.wordpress.com

Facebook: www.facebook.com/QuangVanLeaks

Table of Contents

[Đi bằng đầu](#)

[CHUYỆN CỦA CON ĐƯỜNG](#)

[Bắt đầu từ Echallens](#)

[Hai giờ từ Paris](#)

[Mùa hè Ardèche](#)

[Balazuc - Âm ảnh mặt trời](#)

[Vallons pont d'arc - Sóng ở đáy sông](#)

[Những vòng xe phản bội](#)

[Những nẻo đường Calvados](#)

[Mặt trời xin ngủ yên](#)

[Những ngôi làng bốc cháy](#)

[Lus la croix haute - Tuổi trẻ của chúng ta](#)

[Trượt qua nghèo đói](#)

[Giáng sinh trên con đường rượu vang](#)

[Lang thang ở Ireland](#)

[Những vùng đất hiếm có khó tìm của Ý](#)

[Thu mua ở Oropa](#)

[Sangiovani hay hành trình tìm oải hương](#)

[Mùa đông Peloponese](#)

[Những đền đài bỏ hoang](#)

[Đế chế Mycena](#)

[Zeus đã bỏ Olimpia*](#)

[Mystras - Giấc mơ hoang tàn](#)

[Hành trình đá Thổ Nhĩ Kỳ](#)

[Cappadocia - Trái tim của đá](#)

[Goreme của anh cao bồi](#)

[Pamukkale và anh bù xù](#)

[Những con đường đi lạc](#)

CHUYỆN CỦA BIỂN CẢ

Muôn trùng biển ời

Vùng đất bị biển mất

Có một thiên đường Puglia

Con voi con voi Étretat

Viết tiếp chuyện người khổng lồ

Những hòn đảo nhỏ của thành phố lớn

Zadar - Không chỉ có hoàng hôn

CHUYỆN CỦA BẦU TRỜI

Tình ca nước Ý

Eataly

Mimosa cho những người phụ nữ

Những quý ông Bồ Đào Nha

Istanbul và những phụ nữ đạo Hồi

Belfast - Phía sau những tấm gương

Thế giới Hồi giáo Cairo

Luxor - Những đền đài thời gian

Khi khí cầu bay lên

Những người Ai Cập da đen

Tôi đi chợ

Cuộc sống nơi quảng trường

Trái tim trên những con đường